

webtoan.com
TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
MÔN NGỮ VĂN LỚP 6
TỔNG HỢP KIẾN THỨC HSG NGỮ VĂN 6

I. CÁCH LÀM CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1. Đọc hiểu văn bản là gì?

- Là hoạt động tìm và giải mã ý nghĩa của một văn bản
- Trong đề thi thì đọc hiểu còn được hiểu là câu hỏi, dạng bài tập kiểm tra việc lĩnh hội các phương diện, hình thức, nội dung của văn bản.

2. Cấu trúc của câu hỏi đọc hiểu văn bản

- Bài tập phân đọc hiểu gồm 2 phần
 - * Phần văn bản cần đọc hiểu (Ngữ liệu)
 - + Phong cách ngôn ngữ: Thơ, văn, báo chí, chính luận.....
 - + Xuất xứ: Trong sách giáo khoa Ngữ văn, ngoài sgk
 - + Nội dung: Rất đa dạng và phong phú
 - * Câu hỏi đi kèm
 - + Xác định kiểu văn bản: Phương thức biểu đạt
- Lưu ý cách hỏi: Đề thường hỏi phương thức biểu đạt chính*
- + Thể loại
- + Xác định các yếu tố liên quan đến hình thức của văn bản: Cách dùng từ, đặt câu, biện pháp tu từ, liên kết câu.....
- + Xác định nội dung của văn bản
- + Vận dụng hiểu biết xã hội để nêu suy nghĩ, quan điểm về vấn đề có liên quan.

3. Các yêu cầu làm bài đọc hiểu

- Yêu cầu:
 - + Hình thức: Trả lời ngắn gọn bằng *các câu văn* hoặc *đoạn văn ngắn*
 - + Nội dung: Đầy đủ thông tin, đúng trọng tâm
- Kiến thức, kĩ năng cần có
 - + Kiến thức: Kiến thức của môn Ngữ văn, kiến thức xã hội
 - + Kĩ năng: Giải thích từ ngữ, khái niệm – xác định chủ đề của văn bản – kĩ năng viết các đoạn văn nghị luận ngắn – năng lực cảm thụ (Văn chương nghệ thuật)

NHỮNG CÂU HỎI 3 ĐIỂM THƯỜNG GẶP

1. Xác định phương thức biểu đạt.

- Tự sự: Có nhân vật, có đối thoại, có sự việc, có kết quả
- Nghị luận: Đưa ra quan điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng
- Miêu tả: Sử dụng nhiều những từ ngữ gợi tả giúp người đọc người nghe tưởng tượng ra những hình ảnh, âm thanh....
- Thuyết minh: Cung cấp kiến thức về các bộ môn khoa học, đời sống
- Biểu cảm: thể hiện tình cảm, cảm xúc
- Hành chính:

Lưu ý: Khi ngữ liệu đọc hiểu là thơ - > thì phương thức biểu đạt thường là Biểu cảm

Khi ngữ liệu đọc hiểu là văn xuôi - > Thì thường là Nghị luận

2. Xác định thể thơ

- Phương pháp tìm ta chỉ cần đếm số câu, số chữ là biết được thể thơ

3. Tu từ và tác dụng

1. Gọi tên chính xác biện pháp tu từ
 2. Lấy dẫn chứng cụ thể
 3. Nêu rõ tác dụng
 4. Đánh giá thành công/ tình cảm của tác giả
- * Câu điền về tác dụng:

Biện pháp tu từ này làm cho lời thơ (lời văn) trở nên.....(sinh động, gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh qua đó thể hiện tình cảm..... của tác giả.

VD: Những ngọn đảo long lanh như ngọc giáp...

Biện pháp tu từ ... **so sánh**... này làm cho lời thơ (lời văn) trở nên.....(sinh động, **gợi hình**, gợi cảm, hấp dẫn, ấn tượng, dễ hiểu, cụ thể, có hồn); đồng thời nhấn mạnh **vẻ đẹp** của các quần đảo... qua đó thể hiện tình cảm.. **tự hào**... của tác giả đối với **vẻ đẹp của quê hương đất nước**.

3. Xác định câu chủ đề và cấu trúc đoạn văn:

- Câu chủ đề thường nằm ở đầu và cuối
- Cấu trúc đoạn văn
- + Diễn dịch: Câu chủ đề nằm ở đầu
- + Quy nạp : Câu chủ đề nằm ở cuối văn bản
- + Tổng phân hợp:
- + Song hành
- + Móc xích

4. Xác định nội dung đoạn văn

- Muốn xác định nội dung của văn bản học sinh cần: xem câu chủ đề, xem các từ ngữ trong văn bản được lập đi lập lại trong đoạn văn.

5. Rút ra bài học sâu sắc nhất, nội dung ý nghĩa nhất

- Xem nội dung văn bản nói tới cái gì; muốn truyền đi điều gì?
- Khi rút ra bài học: Các em cần rút ra một hoặc nhiều bài học.
- Thông điệp cần có tầm khái quát
- Khi giải thích thông điệp cần ngắn gọn, không dài dòng
- Câu trả lời gồm:
- + Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em là: (chúng ta cần..., nên..., phải..., đừng...)
- + Đây là thông điệp có ý nghĩa nhất đối với tôi vì nói giúp tôi nhận ra rằng.....; giúp tôi hiểu ra rằng.....
- + Thiết nghĩ thông điệp này không chỉ có ý nghĩa với riêng tôi mà còn hữu ích với tất cả mọi người

6. Em hiểu như thế về lời nói, câu nói nào đó ở trong văn bản.

Cách trả lời đảm bảo 3 ý:

+ Theo tôi, vấn đề đó có ý nghĩa như sau (Hoặc được hiểu như sau...) Trình bày những cách hiểu của mình.

- + Khẳng định vấn đề đó là đúng/ sai
- + Tôi tán thành/ tôi không tán thành

7. Tại sao tác giả lại nói “.....” Hoặc em có đồng tình với lời của tác giả hay không?

Trả lời bằng 3 vì:

- + Vì thứ 1 chúng ta tìm ý trong văn bản xem tác giả nói gì thì chúng ta điền vào
- + Vì thứ 2 là nhận thức của chúng ta
- + Vì thứ 3 là ta lật ngược lại vấn đề

8. Tình cảm của tác giả được thể hiện trong đoạn văn/ đoạn thơ/ bài thơ trên là gì?

+ Yêu mến + Thiết tha + Ngợi ca + Tự hào + Gắn bó

9. Một số dạng khác

+ Từ vựng + Ngữ pháp + Giải nghĩa từ + liên kết + từ láy, từ Hán – Việt + hàm ý + ngôi kể

II. CÁCH LÀM BÀI VĂN CẢM THỤ

Bước 1: Đọc kĩ để xác định nội dung của đoạn thơ, bài thơ để có thể làm phần mở bài.

Bước 2: Chia bài thơ này ra thành mấy phần để giúp ta xác định được từng phần

Bước 3: chỉ rõ biện pháp nghệ thuật tu từ trong từng khổ thơ -> Lấy dẫn chứng cụ thể => Tác dụng của biện pháp tu từ đó.

III. Phần tập làm văn

1. Văn tự sự

- * Kể chuyện tưởng tượng
- Gặp một nhân vật đến từ tương lai

- Nhân hóa để kể chuyện
- * Kể chuyện dựa trên một ý thơ, một bài thơ

2. Văn miêu tả

Phần I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

I. YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC:

1. Phần Tiếng việt.

- Hiểu nghĩa của từ trong một văn cảnh nhất định.
- Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Giá trị biểu đạt của từ láy, hệ thống từ loại, một từ trong một văn cảnh cụ thể.
- Giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ.
- Câu Tiếng việt.

2. Cảm thụ văn học:

- Tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc trong các bài thơ, bài văn (cách bố trí câu thơ, câu văn, hình ảnh thơ, văn, nét riêng, nét độc đáo...)
- Cả bài thơ, đoạn thơ, đoạn trích...

3. Phần tập làm văn.

- Văn kể chuyện: (kể chuyện đời thường, kể chuyện tưởng tượng), chú ý dạng cho tình huống và xây dựng thành câu chuyện.
- Văn miêu tả: Tả người (người thân, người mới quen, nhân vật văn học), tả cảnh (bốn mùa, cảnh vật, cảnh sinh hoạt...)

II. YÊU CẦU HÌNH THỨC TRÌNH BÀY:

- Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp, không được phép sai lỗi chính tả, gạch xóa, tẩy...
- Phần Tiếng việt trình bày theo ý (có thể gạch đầu dòng hoặc xuống hàng ngang bằng).
- Cảm thụ và tập làm văn phải viết thành đoạn, thành bài cho hoàn chỉnh.

Phần II: NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

Chuyên đề 1: TỪ VÀ NGHĨA CỦA TỪ

A. Mục tiêu cần đạt:

- Khái niệm và đặc điểm cấu tạo của từ.
- Hiểu được đặc điểm của từ ghép, từ láy, từ mượn, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Nắm được nghĩa của từ là gì? Các cách giải nghĩa của từ.
- Biết cách dung từ, giải nghĩa được từ trong văn bản cụ thể.
- Viết được câu văn, đoạn văn sử dụng từ hay và đúng.
- Rèn kĩ năng làm bài tập.

B. Nội dung:

I. Từ xét về cấu tạo.

Sơ đồ phân loại từ vựng theo đặc điểm cấu tạo :

Từ

Từ đơn

Từ phức

Từ ghép

Từ láy

Ghép chính phụ

Ghép đẳng lập

Láy hoàn toàn

Láy bộ phận

1. Từ đơn: là những từ được cấu tạo bởi một tiếng. Tiếng tạo thành từ đơn phải có nghĩa.

Ví dụ: bàn, ghế, học,...

2. Từ phức:

2.1. Từ ghép

- Xét về cấu tạo thì từ ghép là từ bao gồm từ hai tiếng trở lên. Xét về mặt ngữ nghĩa thì từ các tiếng cấu tạo nên từ ghép phải tạo thành một từ có nghĩa.

- Từ định nghĩa trên người ta phân từ ghép thành hai loại đó là từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập, khá dễ dàng để phân biệt hai loại từ trên dựa vào cấu tạo và ngữ nghĩa. Người ta phân loại và nêu đặc điểm như sau:

a. Từ ghép chính phụ: Có tiếng chính và tiếng phụ, tiếng chính đứng trước tiếng phụ đứng sau.

- Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa như sau: Từ chính thể hiện vai trò ý nghĩa chính còn từ phụ chỉ đi theo để bổ sung ý nghĩa cho từ chính, phần từ chính thường có ý nghĩa khá rộng còn từ phụ thì có nghĩa hẹp hoặc không có nghĩa

Ví dụ: Bà ngoại (bà là chính, ngoại là phụ); Bút chì (bút là chính, chì là phụ); Xe đạp (Xe là từ chính, đạp là từ phụ)....

b. Từ ghép đẳng lập: Có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa.

- Thông thường các loại từ ghép đẳng lập thì sẽ có ngữ nghĩa rộng hơn từ ghép chính phụ. Cùng tìm hiểu qua một số ví dụ sau:

Ví dụ: quần áo; ăn uống; nhà cửa; cây cỏ; hoa lá...

Tác dụng của từ ghép.

- Người viết hoặc người nói sử dụng viết để diễn tả chính xác các từ ngữ cần được sử dụng trong các câu văn, các lời nói.

- Giúp người nghe, người đọc dễ dàng hiểu ý nghĩa hơn mà không cần phải suy đoán.

2.2. Từ láy

- Từ láy là loại từ được tạo thành từ hai tiếng trở lên. Các tiếng có cấu tạo giống nhau hoặc tương tự nhau về vần, tiếng đứng trước hoặc tiếng đứng sau.

- Trong các tiếng đó có 1 tiếng có nghĩa hoặc tất cả đều không có nghĩa nhưng khi ghép lại thành một từ có nghĩa.

- Dựa vào cấu trúc trùng lặp, cấu tạo giống nhau của các bộ phận thì từ láy thường được phân thành hai loại chính đó là:

- Từ láy toàn bộ
- Từ láy bộ phận

Tác dụng: Từ láy là loại từ đặc biệt có ý nghĩa trong việc nhấn mạnh vẻ đẹp của tự nhiên, con người hoặc sự việc nào đó. Sử dụng từ láy một cách linh hoạt, khoa học **giúp cho sự vật, sự việc được miêu tả trở nên sinh động và gây ấn tượng đối với người đọc, người nghe.**

VD:

- Em luôn luôn đi học đúng giờ: Khẳng định em không bao giờ đi học trễ

- Em là học sinh rất rất thông minh: Khẳng định em thông minh tuyệt đối, không chê vào đâu được

- Cô bé tròn trĩnh: Miêu tả bề ngoài tròn nhưng đẹp của cô bé ấy

- Bầu trời mênh mông: Miêu tả sự rộng lớn, bao la của bầu trời, diễn tả cảm xúc đó qua từ láy.

2.3. Từ tượng thanh: Là từ láy mô phỏng, gọi tả âm thanh trong thực tế: Mô phỏng tiếng người, tiếng của loài vật, tiếng động,... VD: rì rào, thì thầm, ào ào,...

2.4. Từ tượng hình: Là từ láy gọi tả hình ảnh, hình dáng của người, vật; gọi tả màu sắc, mùi vị.

VD:

- Gọi dáng dấp: lênh khênh, lè tè, tập tễnh, ...
- Gọi tả màu sắc: chon chót, sắc sỡ, lấp lánh,...
- Gọi tả mùi vị: thoang thoảng, nồng nàn, ngào ngạt,...

2.3. Cách phân biệt từ ghép và từ láy

Cách 1: Từ láy âm là từ ghép nghĩa

Trong Tiếng Việt đại đa số đều gặp các từ láy âm, vì thế nếu một trong hai từ đó thuộc từ Hán Việt thì đó chính là từ ghép chứ không phải từ láy. Mặc nhiên về mặt hình thức nó có nghĩa hay không có nghĩa đều vậy.

Cách 2: Từ ghép thuần Việt gồm 2 âm tiết khác nhau không thể là từ láy

Ví dụ như máu mủ, che chắn đều là từ ghép thuần Việt. Ngược lại nếu một trong hai từ đó có ý nghĩa thì đó là từ láy âm chẳng hạn như: rõ ràng, lảm nhảm, lạnh lùng

Cách 3: Nếu hai tiếng trong từ có thể đảo trật tự thì đó là từ ghép

Nếu hai tiếng trong từ có thể đảo trật tự thì đó là từ ghép. Các từ sau là từ láy chứ không phải từ ghép bởi lẽ chúng không đảo trật tự từ được:

- mờ mịt / mịt mờ
- thần thờ / thờ thần

BÀI TẬP

Bài 1: Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong đoạn văn sau:

a. Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, lò cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cổ rướn ra, cổ trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió.

b. Một hôm, cô út vừa mang cơm đến chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phạm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

Bài 2: Tìm và chỉ rõ tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các trường hợp sau:

a. Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

b. Quýt nhà ai chín đỏ cây,
Hỡi em đi học hây hây má tròn
Trường em mấy tổ trong thôn
Ríu ra ríu rít chim non đầu mùa.
(Tố Hữu)

Bài 3: Đoạn văn dưới đây có thành công gì nổi bật trong cách dùng từ? Điều đó đã góp phần miêu tả nội dung sinh động như thế nào?

Vai gối kịt, tay vùng vẫy, chân bước thoăn thoắt. Tiếng lợn eng éc, tiếng gà chíp chíp, tiếng vịt cạc cạc, tiếng người nói léo xéo. Thình thoảng lại điểm những tiếng ăng ẳng của con chó bị lôi sau sợi dây xích sắt, mặt buồn rầu, sợ sệt... (Ngô Tất Tố)

Bài tập 4: Phân tích giá trị biểu cảm của từ láy trong đoạn thơ sau:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

Bài tập 5: Phân tích tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn thơ sau:

“Mặt trời càng lên tỏ
Bông lúa chín thêm vàng
Sương treo đầu ngọn gió
Sương lại càng long lanh

Bay vút tận rải xanh,
Chiến chiến cao tiếng hót
Tiếng chim nghe thánh thót,
Văng vẳng khắp cánh đồng
(Thăm lúa – Trần Hữu Thung)

Bài 6: Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ láy và từ ghép. Chỉ ra các từ ghép và từ láy được sử dụng.

Bài Làm:

Bài tham khảo 1:

Khi **mặt trời** vừa rút sau những **đỉnh núi** phía tây, **hoàng hôn** bắt đầu buông xuống. Nắng ngày hè chỉ còn **nhạt nhòa**. **Thành phố** đượm một màu vàng óng. Lúc này đã quá giờ tan tầm, **dòng người** và **xe cộ** vẫn ngược xuôi nhưng đã thưa dần. **Đường phố** bớt **ồn ào**, **nhộn nhịp**. **Con đường** trở nên rộng lớn và **thênh thang** hơn. Giữa đường, ngăn cách dòng xe xuôi ngược là một bờ tường rào khoảng năm mươi phân. Phía trên là hàng rào lan can sắt màu **xanh biếc** chạy dọc theo con đường. Hai bên **vĩa hè**, hàng **cây si** già cổ, cành **sum suê** đang trâm trâm ngấm chiều tà. Những **cây xà cừ** đang **rung rinh** những lá non **xanh mượt**. Các em nhỏ **riu rít** rủ nhau đi chơi sau một ngày **học tập**. Các bà mẹ chuẩn bị đi chợ nấu cơm chiều.

=> Từ láy : nhạt nhòa, ồn ào, nhộn nhịp, sum suê,..

=> Từ ghép: đỉnh núi, dòng người, xe cộ, đường phố,..

Bài tham khảo 2:

Bầu trời buổi sớm thật là trong lành. Ông **mặt trời** đứng dậy vươn vai sau một giấc ngủ dài bắt đầu ngày mới, kéo **cổ xe lửa** ban phát ánh nắng xuống khắp thế gian. Những cô mây dậy sớm để lên núi dạo chơi. Các giọt sương **long lanh** như những viên pha lê quý hiếm, điểm xuyết trên thảm cỏ non. Còn chị gió thì **mải miết** rong chơi và nô đùa cùng hoa lá. Lũ chim cũng đua nhau ca hát để đón chào một ngày mới. Tất cả đã tạo nên một bức tranh **thiên nhiên** thật **tươi đẹp**

=> Từ láy: long lanh

=> Từ ghép: bầu trời, mặt trời, xe lửa,...

Bài tham khảo 3:

Làng em khuất sau lũy tre **xanh ngát**. Sau làng là **cánh đồng** lúa rộng **mênh mông**. Làng em được **bao bọc** bởi màu xanh **trù phú**. **Màu xanh** của sự **ấm no**, màu xanh của sự **kiên cường**. Dù đi đâu xa, nhìn thấy màu xanh **tươi đẹp** ấy, em lại nhớ về làng. Em lại nhớ về nơi mình đã sinh ra và lớn lên trong tiếng **vỗ về** của **cánh đồng** lúa ngát hương thơm, trong tiếng **rì rào** của **lũy tre** đang mùa **trở gió**.

=> Từ láy: mênh mông, vỗ về, rì rào, bao bọc, ...

=> Từ ghép: cánh đồng, tươi đẹp, lũy tre ,...

II. Từ xét về nguồn gốc

1. **Từ thuần việt:** là những từ có nguồn gốc của người Việt

2. **Từ mượn**

+ **Từ Hán – Việt:** Là từ mượn tiếng Hán

+ **Tiếng Ấn – Âu:** Là những từ mượn tiếng Pháp, Anh

III. Từ xét về phạm vi sử dụng

1. **Từ toàn dân:** Là từ được sử dụng rộng rãi trên toàn quốc

2. **Từ địa phương:** Là những từ chỉ được dùng ở một địa phương hoặc một số địa phương nhất định.

Ví dụ :

Từ phổ thông	Từ địa phương (Quảng Nam)
Lợn	Heo
Vùng	Mè
Dứa	Thơm

3. **Biệt ngữ xã hội:** Là những từ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

Ví dụ:

Từ phổ thông	Biệt ngữ xã hội (Học sinh, sinh viên)
--------------	--

Tài liệu	Phao
Điểm 1	Gậy
Điểm 0	Trứng ngỗng

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ

1. Từ nhiều nghĩa: Một từ có thể có nhiều nghĩa, giữa các nghĩa phải có mối quan hệ với nhau.

VD: Chân (bàn, người, gà, trời....)

Đầu (người, súng.....)

2. Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ làm cho từ có nhiều nghĩa.

- Sở dĩ có hiện tượng chuyển nghĩa của từ là vì trong quá trình phát triển của xã hội, nhiều sự vật hiện tượng mới ra đời, ngôn ngữ cũng phải phát triển theo để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Trong quá trình phát triển của ngôn ngữ có hiện tượng tạo thêm nghĩa mới cho từ đã có sẵn để chỉ sự vật, hiện tượng mới. Hiện tượng này gọi là sự chuyển nghĩa tạo nên các từ nhiều nghĩa. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ thể hiện quy luật tiết kiệm trong ngôn ngữ.

- Trong quá trình chuyển biến về nghĩa của từ, nghĩa ban đầu làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác gọi là nghĩa gốc. Các nghĩa được nảy sinh từ nghĩa gốc và có quan hệ với nghĩa gốc là nghĩa chuyển.

3. Phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm

Từ đồng âm là những từ có vỏ ngữ âm giống nhau ngẫu nhiên. Giữa các từ đồng âm không có mối liên hệ nào về nghĩa.

Trong từ nhiều nghĩa, các từ ít nhiều có liên hệ với nghĩa gốc. Cụ thể là giữa nghĩa gốc và các nghĩa chuyển đều có ít nhất một nét nghĩa chung trùng với một nét nghĩa của nghĩa gốc.

Ví dụ 1 :

– Con chào bố mẹ. -> Trường hợp này bố là cha, bố.

– Giết bố cho chó. -> Trường hợp này bố là con bố chết.

=> **bố** là hiện tượng đồng âm.

Ví dụ 2 : – Đầu tôi to và nổi từng tảng, rất bướng. (Tô Hoài)

-> Trường hợp này đầu có nghĩa là bộ phận chủ chốt, ở trên hết hoặc phía trước nhất, có chứa bộ óc của người hay động vật. Đây là nghĩa gốc, từ đó nảy sinh ra các nghĩa khác.

- Các nghĩa của đầu ở trong: đầu bãi, đầu đề, đi đầu, hàng đầu, cứng đầu, mụ đầu,... đều có liên hệ với nghĩa gốc. Đây là từ nhiều nghĩa.

4. Nghĩa trong câu của từ: Nghĩa của từ chỉ được bộc lộ cụ thể khi quan hệ với các từ trong câu.

Ví dụ :

– Trong câu: *Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm đông?* (Tô Hữu)

-> từ mắt có nghĩa là : cơ quan để nhìn của người hay động vật. Đây là nghĩa gốc.

– Trong câu: *Cây mía này mắt thừa lắm.*

-> từ mắt có nghĩa là : chỗ lồi lõm, giống hình con mắt, mang chồi ở thân cây.

– Trong câu: *Mắt na hé mở nhìn trời trong veo.* (Trần Đăng Khoa)

-> từ mắt có nghĩa là : bộ phận giống hình con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả.

Rõ ràng muốn hiểu được nghĩa cụ thể của từ trong câu ta phải liên hệ với các từ khác trong câu và ý chung của câu.

Trong tác phẩm văn học, một từ đôi khi được hiểu theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển, tạo ra những khám phá, những nhận thức bất ngờ, thú vị cho người đọc.

- Đoạn thơ sau đây trong trường ca Nước non ngàn dặm của Tô Hữu là một ví dụ :

Con thuyền rời bến sang Hiên

Xuôi dòng sông Cái, ngược triền sông Bung

Chập chùng thác Lửa, thác Chông Thác Dài,

thác Khó, thác Ông, thác Bà

Thác, bao nhiêu thác cũng qua

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.

-> Hình ảnh thuyền trong đoạn thơ là hình ảnh độc đáo, một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh một con thuyền cụ thể xuôi ngược trên các dòng sông cụ thể. Gặp thác, thuyền biến mất, chỉ còn thác và quyết tâm vượt thác. Lúc đầu còn là những con thác cụ thể, đếm được : thác Lửa, thác Chông,

thác Dải, thác Khó, thác ông, thác Bà. Thác ngày càng nhiều đến nỗi không đếm được thì quyết tâm vượt thác càng cao: *Thác, bao nhiêu thác, cũng qua*

Khi qua khỏi thác ghềnh, chiếc thuyền lại hiện ra nhưng thuyền ở đây không còn là thuyền cụ thể. Do kết hợp với trên đời mà thuyền được chuyển sang tầng ý nghĩa khác : nghĩa hình tượng (con thuyền cách mạng), đã đưa đến một nhận thức mới mẻ, bất ngờ, độc đáo cho người đọc. Từ nhận thức mới mẻ này, người đọc bắt giác cảm thụ được các nghĩa hình tượng khác trước đó trong đoạn thơ.

V. Từ đồng âm: Những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau (khác với từ nhiều nghĩa)

VI. Từ đồng nghĩa: Những từ có âm khác nhau nhưng nghĩa giống nhau.

Có 2 loại :

+ Từ đồng nghĩa hoàn toàn

+ Từ đồng nghĩa không hoàn toàn

Ví dụ : Hy sinh, từ trần, qua đời, mất → chết

* **Chú ý:**

+ Đồng nghĩa hoàn toàn có thể thay thế cho nhau được.

Ví dụ : Sân bay - phi trường

+ Đồng nghĩa không hoàn toàn không thể thay thế cho nhau được.

Ví dụ : hy sinh - bỏ mạng

VII. Từ trái nghĩa : Những từ có nghĩa trái ngược nhau. Chia 2 nhóm :

a. Trái nghĩa lượng phân : Biểu thị hai khái niệm đối lập nhau, loại trừ nhau

Ví dụ : Sống - Chết, Chấn - lễ, Chiến tranh - hoà bình ...

b. Trái nghĩa thang độ: Biểu thị hai khái niệm có tính chất thang độ, khẳng định cái này này, không có nghĩa phủ định cái kia.

Ví dụ : Giá - trẻ, giàu nghèo, Yêu –ghét

VIII. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

a. **Từ ngữ có nghĩa rộng:** Khi phạm vi nghĩa của từ đó bao hàm phạm vi nghĩa của nhiều từ ngữ khác.

b. **Từ ngữ có nghĩa hẹp:** Khi phạm vi nghĩa của từ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác.

c. Một từ ngữ có nghĩa rộng đối với những từ ngữ này, đồng thời có thể có nghĩa hẹp hơn đối với một từ ngữ khác.

Ví dụ : Y phục > Quần, áo > Quần đùi, áo dài, áo sơ mi

IX. Trường từ vựng: Là tập hợp của tất cả những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

Ví dụ:

Tập hợp các từ	Nét nghĩa chung
Bút bi, bút chì, phấn, bút dạ...	Dụng cụ dùng để viết
Lông mi, con ngươi, nhìn, cận thị...	Về mắt

LUYỆN TẬP

1. Các từ sau đây là từ một nghĩa hay nhiều nghĩa, vì sao ?

a) Kim loại, pháp luật, triết học, bồ hòn, khoai tây, rau cải, cá chép, phốt pho, kềm, mía.

b) Võ Thị Sáu, Dốc Miếu, Khe Sanh, Côn Tiên, Trần Phú, Cầu Treo, Cửa Tùng, Hà Nội.

2. Xác định và giải thích nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ mũi trong các câu sau :

a) *Trùng trục như con chó thui*

Chín mắt chín mũi chín đuôi chín đầu. (Ca dao)

b) *Mũi thuyền ta đó, mũi Cà Mau* (Xuân Diệu)

c) *Quân ta chia làm hai mũi tấn công.*

d) *Tôi đã tiêm phòng ba mũi.*

3. Trong đoạn trích sau đây từ đường có những nghĩa nào ? Hãy giải thích nghĩa của các từ đường có trong đoạn thơ :

Nghìn năm nửa lạ nửa quen

Đường xuôi về biển đường lên núi rừng.

Bàn chân đặt lại bàn chân

Tóc xanh rơi mọc mấy tầng cỏ may

Lưới đường chằng chịt trên tay
 Trời ghi định mệnh tháng ngày lao đao
 Từ nơi vầng trán thanh cao
 Buồn vui chi cũng hằn bao nếp đường
 Bây giờ tóc đã thành sương
 Tìm đâu thấy lại nẻo đường tuổi thơ
 Ước mơ chỉ để mà mơ
 Bến bờ cũng chỉ bến bờ xa xăm
 Con đường lên đạo cung trăng
 Xưa là hư ảo nay gần tác gang
 Sao đường ở giữa thế gian
 Người không mở được lối sang với người.
 (Lê Quốc Hán – Lời khấn nguyện)

4. Hãy giải thích nghĩa các từ mặt trong các câu thơ sau của Nguyễn Du. Các nghĩa đó có nghĩa nào là nghĩa gốc hay không ?

- Người quốc sắc kẻ thiên tài,
 Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
- Sương in mặt tuyết pha thân,
 Sen vàng lãng đẵng như gần như xa.
- Làm cho rõ mặt phi thường,
 Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
- Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

5. Hai em học sinh tranh luận với nhau. Một em nói :

- Từ cây chỉ có một nghĩa là chiếc cây thôi.

Một em khác nói:

- Không phải đâu, từ cây còn có nghĩa là chỉ hoạt động cây ruộng. Vậy là từ cây có hai nghĩa cơ.
- Theo em, hai bạn nói đã đúng chưa ? Từ cây còn có nghĩa nào nữa không ?

NGŨ PHÁP - TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN.

1. Danh từ

a) *Định nghĩa*: danh từ là những từ chỉ người, vật, sự việc, hiện tượng, khái niệm,...

Ví dụ: mẹ, học sinh, cây, Tổ quốc, nhân đạo,...

b) *Khả năng kết hợp*: danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước như *những, tất cả, mọi...*; các từ *này, ấy, đó...* ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.

Ví dụ: Tất cả những bông hoa hồng đỏ thắm ấy

c) *Chức vụ của danh từ trong câu*:

- Thường làm chủ ngữ

Ví dụ: **Quê hương** em rất tươi đẹp.

- Khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ *là* đứng trước.

Ví dụ: Học tập tốt là **nhiệm vụ** đầu tiên của học sinh.

2. Động từ

a) *Định nghĩa*: động từ là những từ chỉ hành động, trạng thái của người, vật, sự vật.

Ví dụ: chạy, vui, buồn,...

b) *Khả năng kết hợp*: động từ thường kết hợp với những từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, đừng, chớ...* để tạo thành cụm động từ.

Ví dụ: đang bay về phía cánh đồng

c) *Chức vụ của động từ trong câu*:

- Thường làm vị ngữ.

Ví dụ: Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người.
(Em bé thông minh)

– Trong một số trường hợp, động từ cũng có thể làm chủ ngữ. Khi làm chủ ngữ, động từ mất khả năng kết hợp với các từ *đã, đang, cũng, vẫn, chớ,...*

Ví dụ: Lao động là vinh quang.

3. Tính từ

a) *Định nghĩa*: tính từ là những từ chỉ tính chất, đặc điểm của sự vật, hành động, trạng thái.

Ví dụ: xấu, chua, rộng, tầm thường,...

b) *Khả năng kết hợp*: tính từ có thể kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn,...* để tạo thành cụm tính từ. Khả năng kết hợp với các từ *hãy, đừng, chớ,...* của tính từ rất hạn chế.

c) *Chức vụ của tính từ trong câu*: Làm chủ ngữ, vị ngữ

Ví dụ:

+ Mặt trăng tròn và vàng óng.

+ Ngọt ngào và sâu lắng đã làm nên sự cuốn hút của ca Huế.

– Lưu ý: Tính từ có thể làm vị ngữ trong câu nhưng hạn chế hơn động từ.

4. Số từ:

Khái niệm: Là những từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự.

VD: một, hai, ba, ...thứ nhất, thứ nhì, thứ ba....

5. Đại từ

Khái niệm: là những từ dùng để thay thế cho người, sự vật, hoạt động, tính chất được nói đến hoặc dùng để hỏi. Đại từ không có nghĩa cố định, nghĩa của đại từ phụ thuộc vào nghĩa của từ ngữ mà nó thay thế.

VD: tôi, tao, ta, chúng tôi, chúng tao, mày, mi, chúng mày, nó, hấn chúng nó, họ.....

6. Lượng từ

Khái niệm: là những từ chỉ lượng ít hay nhiều một cách khái quát.

VD: những, các, mọi, mỗi, tất cả, cả, từng....

7. Chỉ từ

Khái niệm: là những từ dùng để chỉ vào sự vật xác định sự vật theo các vị trí không gian thời gian.

VD: này, kia, ấy, nọ...

8. Phó từ

Khái niệm: là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho động từ và tính từ. Phó từ không có khả năng gọi tên các quan hệ về ý nghĩa mà nó bổ sung cho động từ và tính từ.

VD: đã, đang, sẽ, hãy đừng, chớ, từng, mới, sắp, rất, lắm, quá, cực kì....

9. Quan hệ từ

Khái niệm: là những từ dùng nối các bộ phận của câu, các câu, các đoạn với nhau để biểu thị các quan hệ khác nhau giữa chúng.

VD: và, vì...nên..., tuy...nhưng..., càng....càng..., để...thì....

10. Trợ từ

Khái niệm: là các từ chuyên đi kèm các từ ngữ khác để nhấn mạnh hoặc để nêu ý nghĩa đánh giá sự vật, sự việc được các từ ngữ đó biểu thị. Trợ từ không có khả năng làm thành một câu độc lập.

Ví dụ: những, có, chính, đích, ngay,...

11. Thán từ

Khái niệm: là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.

Thán từ gồm 2 loại chính:

- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi,...

- Thán từ gọi đáp: này, ơi, vâng, dạ, ừ....

12. Tình thái từ

Khái niệm: là những từ dùng để tạo các kiểu câu phân loại theo mục đích nói.

VD: Tình thái từ tạo câu nghi vấn: à, ư, hả, chứ, chẳng....

Tình thái từ tạo câu cầu khiến: đi, nào, với....

Tình thái từ tạo câu cảm thán: thay, sao...

II. LUYỆN TẬP

Bài 1. Cho các câu sau:

a) Tôi / không / lợi / qua / sông / thả / điều / như / thẳng / Quý / và / không / đi / ra / đồng / nô đùa / như / thẳng / Sơn / nữa.

b) Trong / chiếc / áo / vải / dù / đen / dài / tôi / cảm thấy / mình / trang trọng / và / đứng đắn.

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

- Xác định từ loại cho các từ trong các câu trên.

- Hãy cho ví dụ về từ loại còn thiếu trong các câu trên.

Trả lời:

* Xác định từ loại:

- Danh từ: sông, điều, thẳng, Quý, Sơn, đồng, chiếc, áo, vải, dù.

- Động từ: lợi, thả, đi, ra, nô đùa, cảm thấy.

- Tính từ: đen, dài, trang trọng, đứng đắn.

- Đại từ: tôi, mình.

- Phó từ: không, nữa,

- Quan hệ từ: qua, và, như.

* Ví dụ về một số từ loại còn thiếu:

- Số từ: hai, ba, thứ hai, thứ ba.

- Lượng từ: những, các, mọi, mỗi.

- Chỉ từ: này, kia, ấy, nọ.

- Trợ từ: chính đích, ngay, là, những, có.

- Tình thái từ: à, ư, hử, hả, thay, sao, nhé.

- Thán từ: ôi, ô hay, dạ, vâng, ời.

Bài 2: Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại danh từ (DT), động từ (ĐT) hay tính từ (TT) ?

a. những, các, một

b. hãy, đã, vừa

c. rất, hơi, quá

/.../ hay /.../ cái (lãng) /.../ đột ngột
/.../ đọc /.../ phục dịch /.../ ông giáo
/.../ lần /.../ làng /.../ phải
/.../ nghĩ ngợi /.../ đập /.../ sung sướng

Trả lời:

Rất hay (TT) một cái (lãng) (DT) rất đột ngột (TT)

Đã đọc (ĐT) đã phục dịch (ĐT) những ông giáo (DT)

Một lần (DT) các làng (DT) rất phải (TT)

Vừa nghĩ ngợi (ĐT) vừa đập (ĐT) quá sung sướng (TT)

CỤM TỪ

I – KIẾN THỨC CƠ BẢN.

1. Cụm danh từ

* **Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một danh từ.

VD: Các hoàng tử phải cỡi giáp xin hàng.

* **Mô hình của cụm danh từ:** Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho danh từ các ý nghĩa về số lượng.

- Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

VD:

Một	chàng đế	thanh niên cường tráng.
Phụ trước	trung tâm	Phụ sau

2. Cụm động từ

* **Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một động từ.

VD: Bé An đang học bài.

* **Mô hình của cụm động từ:** Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa về quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự...

- Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân...

Chưa	tìm	được ngay câu trả lời.
Phụ trước	trung tâm	Phụ sau

3. Cụm tính từ

* **Khái niệm:** là loại tổ hợp từ do tính từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Cụm tính từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình tính từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một tính từ.

VD: Nàng công chúa đẹp như hoa.

* **Mô hình của cụm tính từ:** Gồm có phần trước, phần trung tâm và phần sau.

- Các phụ ngữ ở phần trước biểu thị quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất ...

- Các phụ ngữ ở phần sau biểu thị vị trí, sự so sánh, mức độ....

đang	trẻ	như một thanh niên
Phụ trước	trung tâm	Phụ sau

II. LUYỆN TẬP

Tìm và phân tích các cụm từ có trong đoạn trích sau:

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu đi đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

Trả lời:

* **Cụm danh từ**

Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
những	ý tưởng	ấy
	lần	nào
	hồi	ấy
	ngày	nay
mỗi	lần	
mấy	em	nhỏ
	lần	đầu

	lòng	tôi
--	------	-----

* **Cụm động từ:**

Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
chưa lần nào	ghi	lên giấy
không	biết	ghi
không	nhớ	hết
	thấy	mấy em nhỏ
	núp	dưới nón mẹ
lần đầu đi	đến trường	

* **Cụm tính từ**

Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau
	rụt rè	núp dưới nón mẹ
Lại	tung bừng rộn rã	

ÔN TẬP VỀ THÀNH PHẦN CÂU**I. – KIẾN THỨC CƠ BẢN**

Câu được phân tích ra thành nhiều thành phần, trong đó có những thành phần chính và những thành phần phụ.

1 - Chủ ngữ (CN):

Là một trong hai bộ phận chính của câu. CN nêu người, sự vật được miêu tả, nhận xét. Câu thường có một CN hoặc có thể có nhiều CN đặt kế tiếp nhau. Muốn tìm CN, ta đặt câu hỏi: Ai? Con gì? Cái gì? Việc gì?...

2 - Vị ngữ (VN):

Là một trong hai bộ phận chính của câu. VN chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất, vị trí để miêu tả hoặc nhận xét về người, sự vật được nêu ở CN. Câu thường có một VN hoặc có thể có nhiều VN. Trong câu, VN thường đứng sau CN (song đôi khi, để gây sự chú ý, VN cũng được đảo lên trước CN). Muốn tìm VN, ta đặt câu hỏi: ...làm gì? ...như thế nào?là gì?

3 - Trạng ngữ (TN):

Là bộ phận phụ của câu, có tác dụng thêm nghĩa cho câu. TN bổ sung tình huống cho câu (chỉ thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân, phương tiện,...). Câu có thể có hoặc không có TN. TN thường đứng ở đầu câu và ngăn cách với CN, VN bằng dấu phẩy. Câu có thể có một hoặc nhiều TN. Các TN có thể cùng một ý nghĩa hoặc có nhiều ý nghĩa khác nhau.

II - BÀI TẬP THỰC HÀNH:

Bài 1: Tìm CN, VN và TN của những câu văn sau:

a) Vào một đêm cuối xuân 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ đến nghỉ chân ở một nhà ven đường .

b) Ngoài suối, trên mấy cành cây cao, tiếng chim, tiếng ve cất lên inh ỏi, râm ran.

Bài 2: Tìm CN, VN của các câu sau :

a) Suối chảy róc rách.

- b) Tiếng suối chảy róc rách.
- c) Sóng vỗ loong boong trên mạn thuyền.
- d) Tiếng sóng vỗ loong boong trên mạn thuyền.
- e) Tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng mọi người gọi nhau í ới .
- f) Mưa rơi lộp độp, mọi người gọi nhau í ới .
- g) Con gà to, ngon.
- h) Con gà to ngon.
- i) Những con voi về đích trước tiên hươu vùi chào khán giả.
- j) Những con voi về đích trước tiên, hươu vùi chào khán giả .
- k) Những con chim bông biển trong suốt như thủy tinh lẫn tròn trên những con sóng.
- l) Những con chim bông biển trong suốt như thủy tinh, lẫn tròn trên những con sóng.
- m) Mấy chú dế bị sắc nước, loạng choạng bò ra khỏi tổ .
- n) Mấy chú dế bị sắc nước loạng choạng bò ra khỏi tổ.
- o) Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng.
- p) Sách vở của con là vũ khí. Lớp học của con là chiến trường.

Bài 3: Tìm CN, VN, TN của những câu sau:

- a) Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói, tiếng cười rộn ràng, vui vẻ.

- b) Hoa lá, quả chín, những vật nằm ẩm ướt và con suối chảy thẳm dưới chân đưa nhau toả hương.

- c) Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

Bài 4: Hãy xác định BPSS trong câu b) của BT3 và nói rõ chúng giữ chức vụ gì trong câu.

Bài 5: Chuyển các cặp câu sau thành 1 câu (có BPSS) để cách diễn đạt ngắn gọn hơn.

- Buổi sáng, đường phố đông vui, nhộn nhịp. Buổi chiều, đường phố đông vui, nhộn nhịp.

- Sáng nay, lớp 5A lao động. Sáng nay, lớp 5B lao động.

- Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh đẹp của đất nước.

- Sa Pa là một thắng cảnh đẹp của đất nước.

Bài 6: Gọi tên các bộ phận in đậm trong các câu sau :

- a) Ở Vinh, tôi được nghỉ hè.

- b) Tôi được nghỉ hè ở Vinh.

Bài 7: Đặt câu theo cấu trúc sau :

- a) TN, TN, CN - VN.

- b) TN, CN, CN – VN.

- c) TN, CN - VN, VN.

- d) TN, TN, TN, CN – VN.

- e) TN, TN, CN, CN, - VN, VN.

Bài 8: Chỉ ra chỗ sai của các câu sau rồi sửa lại cho đúng:

- a) Bạn Lan học và ngoan.

- b) Bây giờ ta đi chơi hay là chăm chỉ học?

- c) Cô gái đó vừa xinh vừa học kém.

Bài 9: Với mỗi loại trạng ngữ sau đây, hãy đặt 1 câu: TN chỉ nơi chốn, TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ thời gian, TN chỉ mục đích, TN chỉ phương tiện.

DẤU CÂU

I. – KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Dấu chấm: thường được đặt ở cuối câu trần thuật, báo hiệu kết thúc câu. Ví dụ: Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. (Thép Mới)

2. Dấu chấm hỏi: thường được đặt cuối câu nghi vấn.

Ví dụ: Con có nhận ra con không? (Tạ Duy Anh)

3. Dấu chấm than thường được đặt ở cuối câu cảm thán, câu cầu khiến.

Ví dụ: Ôi yêu biết bao mái trường nơi tôi hằng gắn bó!

4. Dấu phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu (giữa phần phụ của câu với thành phần chính CN và VN; giữa những từ ngữ cùng chức vụ trong câu; giữa từ ngữ với bộ phận chủ thích của nó; giữa các vế của một câu ghép).

Ví dụ:

+ Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật hoa. (Duy Khán). Dấu phẩy trong câu đánh dấu giữa những từ ngữ cùng giữ chức vụ làm chủ ngữ.

+ Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. (Thép Mới). Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa phần phụ trạng ngữ của câu với thành phần chính CN và VN.

5. Lưu ý: Có lúc dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến và đặt các dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong ngoặc đơn và sau một ý hay một từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ đó.

II. – LUYỆN TẬP

Bài tập

1. Trong các đoạn trích sau, dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy dùng để làm gì?

a) Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.

b) Một buổi chiều, tôi ra đứng trước cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn buông xuống.

c) – Bác ơi! Bác chưa ngủ?

Bác có lạnh lắm không?

2. Chỉ ra sự khác nhau của dấu chấm hỏi trong hai ví dụ sau:

a) Tôi biết, cách sống của chúng tôi khác với cách sống của Ngài. Cảnh đẹp nơi thành phố của Ngài làm nhức nhối con mắt người da đỏ. Có lẽ, người da đỏ hoang dã và tăm tối chẳng?

b) Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?

3. Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

Tuy trống đánh liên thanh () ốc thổi vô hồi () tiếng người xao xác gọi nhau sang hộ () nhưng xem chừng ai ai cũng mệt lử cả rồi () Ấy vậy mà trên trời thì vẫn mưa tầm tã trút xuống () dưới sông thì nước cứ cuộn cuộn bốc lên () Than ôi () Sức người khó lòng địch nổi với sức trời () Thế đề không sao cự lại được với thế nước () Lo thay () Nguy thay () Khúc đê này hỏng mất ()

4. Hãy phân tích hiệu quả của việc sử dụng dấu chấm than trong đoạn văn sau:

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

5. Viết một đoạn hội thoại ngắn có sử dụng các loại dấu câu đã học.

ÔN LUYỆN CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

A. Mục tiêu bài học:

- Củng cố kiến thức về phép tu từ đã học
- Mở rộng, nâng cao kiến thức: cấu tạo của các biện pháp tu từ.
- Biết sử dụng các phép tu từ hợp lý, có hiệu quả.
- Phân tích tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ trong văn bản cụ thể.

B. Nội dung:

I. Khái quát: Khi nói và viết, ngoài những cách sử dụng ngôn ngữ thông thường còn có thể sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt gọi là biện pháp tu từ. Biện pháp tu từ là những cách kết hợp ngôn ngữ đặc biệt trong một ngữ cảnh cụ thể nhằm mục đích tạo ra ấn tượng về một hình ảnh, cảm xúc, thái độ... Sử dụng BPTT đúng sẽ tạo nên những giá trị đặc biệt trong biểu đạt và biểu cảm.

* Cách làm bài tập tu từ:

Bước 1: Gọi tên chính xác biện pháp tu từ

Bước 2: Lấy dẫn chứng (VD)

Bước 3: Nêu rõ tác dụng

II. Một số biện pháp tu từ thường gặp:

1. BIỆN PHÁP SO SÁNH

a. Thế nào là so sánh?

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: - *Trong như tiếng hạc bay qua*

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời. (Nguyễn Du)

- *Mở Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất* (Tô Hoài)

b. Cấu tạo của phép so sánh

So sánh là cách công khai đối chiếu các sự vật với nhau, qua đó nhận thức được sự vật một cách dễ dàng cụ thể hơn. Vì vậy một phép so sánh thông thường gồm 3 yếu tố:

(1). Vế A : Đối tượng (là sự vật, hoặc phương diện ...) được so sánh.

(2). Từ so sánh.

(3). Vế B : Sự vật làm chuẩn để so sánh.

Vế A (sự vật được so sánh) (Bắt buộc phải có)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để so sánh) (Bắt buộc phải có)
Mồ hôi	thánh thót	như (như, giống, tựa, khác nào, tựa như, giống như, là, bao nhiêu, ...bấy nhiêu, hơn, kém ...)	mưa ruộng cà

+ Trong 3 yếu tố trên đây yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có mặt. Nếu vắng mặt cả yếu tố (1) thì giữa yếu tố (1) và yếu tố (3) phải có điểm tương đồng quen thuộc. Lúc đó ta có ẩn dụ.

VD: Khi ta nói : *Cô gái đẹp như hoa* là so sánh. Còn khi nói : *Hoa tàn mà lại thêm tươi* (Nguyễn Du) thì hoa ở đây là ẩn dụ.

+ Yếu tố (2) có thể là các từ : như, giống, tựa, khác nào, tựa như, giống như, là, bao nhiêu, ...bấy nhiêu, hơn, kém ... Mỗi yếu tố đảm nhận một sắc thái biểu cảm khác nhau:

- Như có sắc thái giả định

- Là sắc thái khẳng định

- Tựa thể hiện mức độ chưa hoàn hảo,...

+ Trật tự của phép so sánh có khi được thay đổi.

VD: *Như chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng*

Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền.

c. Các kiểu so sánh: Dựa vào mục đích và các từ so sánh người ta chia phép so sánh thành hai kiểu:

Kiểu 1: So sánh ngang bằng

- Phép so sánh ngang bằng thường được thể hiện bởi các từ so sánh sau đây: là, như, y như, tựa như, giống như hoặc cặp đại từ bao nhiêu...bấy nhiêu.

Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể sinh động. Vì thế *phép so sánh thường mang tính chất cường điệu*.

VD: *Cao như núi, dài như sông* (Tố Hữu)

Kiểu 2: So sánh hơn kém

Trong so sánh hơn kém từ so sánh được sử dụng là các từ : hơn, hơn là, kém, kém gì...

VD: - *Ngôi nhà sàn dài hơn cả tiếng chiêng*

Muốn chuyển so sánh hơn kém sang so sánh ngang bằng người ta thêm một trong các từ phủ định: Không, chưa, chẳng... vào trong câu và ngược lại.

VD: *Bóng đá quyền rũ tôi hơn những công thức toán học.*

Bóng đá quyền rũ tôi không hơn những công thức toán học.

d. Tác dụng của so sánh

+ **So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động.** Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung được sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

VD:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. (Ca dao)

+ **So sánh còn giúp cho câu văn hàm súc gọi trí tưởng tượng của ta bay bổng.** Vì thế trong thơ thể hiện nhiều phép so sánh bất ngờ.

VD:

Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh

Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gọi cảm. Yếu tố (3) bị lược bỏ. Người đọc người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh được nhân lên nhiều lần.

Bài tập vận dụng

Bài 1. Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:

Mẹ già như chuối ba hương

Như xôi nếp một, như đường mía lau.

(Ca dao)

Gợi ý:

Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây:

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.

Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: chuối và hương – xôi nếp mật - đường mía lau là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

Bài 2. Tìm và phân tích phép so sánh (theo mô hình của so sánh) trong các câu thơ sau:

a) Ngoài thềm rơi chiếc lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.

(Trần Đăng Khoa)

b) Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con chèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay.

(Đỗ Trung Quân)

Gợi ý:

Chú ý đến các so sánh

a) Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng

b) Quê hương là chùm khế ngọt

Quê hương là đường đi học

Bài 3: Xác định biện pháp nghệ thuật tu từ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong những câu thơ dưới đây.

Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông,

Núi cao biển rộng mênh mông,

Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Bài 4: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh trong việc diễn đạt của các câu văn sau:

a) Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

b) Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa thơ ngây này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước. Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi

c) Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. (Tôi đi học)

d)- Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.(Trong lòng mẹ - Nguyễn Hồng)

Bài 5: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép so sánh

- a) *Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.*
- b) *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*

Bài 6: Hãy sử dụng nghệ thuật so sánh để viết lại đoạn văn sau đây sao cho tạo thành một đoạn văn mới giàu hình ảnh và giàu sức gợi hơn.

- a. Trước sân trường có một cây bàng to lớn. Dưới gốc cây bàng nổi lên nhiều cái u rất to. Cành lá bàng xòe ra rất rộng. Mùa đông lá bàng màu đỏ. Mùa hè, lá bàng màu xanh.
- b. Đêm đã về khuya. Gió bắc thổi hun hút. Cái lạnh bao trùm khắp nơi. Cây cối im lìm trong giá rét. Thỉnh thoảng có tiếng côn trùng rả rích nghe càng thêm náo nức.

2. Nhân hóa:

a. **Khái niệm:** là biện pháp nghệ thuật tu từ dùng để gọi tên các sự vật, giống như cách miêu tả và gọi tên người.

b. **Tác dụng:** giúp cho thế giới sự vật trở nên sống động và gần gũi với con người, qua đó làm cho văn bản trở nên hấp dẫn hơn đối với người đọc, người nghe.

c. **Các cách nhân hóa**

+ Dùng những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm tính chất, trạng thái của người dùng cho vật

VD: *Tre chống lại quân thù, Tre xung phong vào xe tăng đại bác, Tre giữ làng giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.*

+ Trò chuyện với vật như trò chuyện với người.

VD: *Cho tôi đi làm mưa với, chị gió ơi chị gió ơi*

VD: *Trâu ơi ta bảo trâu này*

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

+ Gọi tên sự vật như gọi tên người

VD: *Ông mặt trời, chị mây.....*

d. **Bài tập minh họa:** Xác định biện pháp nghệ thuật tu từ trong các trường hợp sau và nêu rõ tác dụng:

VD1: *“Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu!”*

-> Các từ “anh hùng”, “hi sinh” vốn chỉ dùng cho người, nay được dùng để ca ngợi cây tre. Đây là phép nhân hoá, tác giả Thép Mới đã biến cây tre - vật vô tri vô giác thành một vật mang tính cách giống như con người, làm cho hình ảnh cây tre trở nên sinh động, gợi cảm. Nhưng ở đây, thông qua hình ảnh cây tre tác giả muốn ca ngợi những phẩm chất cao quý của người Việt Nam, thì đó lại là phép ẩn dụ. Đây chính là biện pháp ẩn dụ nhân hoá.

VD2: Bài cao dao: *“Trâu ơi, ta bảo trâu này*

Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta

Cấy cày vốn nghiệp nông gia

Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công

Bao giờ cây lúa còn bông

Thời còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn. »

-> Ở bài ca dao này, nhờ có phép nhân hoá mà người ta có thể tâm tình, trò chuyện, giải bày tình cảm với loài vật, với các vật vô tri, vô giác như là người bạn thân thiết, gần gũi. Ở đây con trâu đã được nhân hoá thành một nhân vật trong bài ca dao, biết trò chuyện, biết nghe lời, biết suy nghĩ. Qua cách xưng hô, qua cuộc trò chuyện, ta thấy người nông dân đã ngầm coi con trâu là người bạn để tâm tình, chia sẻ.

VD3 : Tác phẩm **« Dế mèn phiêu lưu ký »** - tác giả Tô Hoài, phép nhân hoá đã làm cho một con vật nhỏ bé, bình dị - con dế mèn - trở thành một « chú bé người » rất sinh động, có những thói quen sinh hoạt, có nhiều trò đại dốt, có những nếp nghĩ và tính cách như một cậu bé trai hiếu động, tinh nghịch. Nhưng nhờ phép ẩn dụ mà nhân vật Dế Mèn trở nên có ý nghĩa hơn. Qua hình ảnh Dế Mèn, Tô Hoài ngầm nói đến một lớp người trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ : tuổi trẻ thì nông nổi, mắc nhiều sai lầm, nhưng khi trưởng thành thì đầy nhiệt huyết, mơ ước về một tương lai tốt đẹp, và quyết tâm phấn đấu thực hiện ước

mơ đó. Dế Mèn như một thanh niên đã giác ngộ lí tưởng sống : sống đẹp, sống có ích, biết đấu tranh vì cuộc sống tốt đẹp của cả nhân loại. Tác phẩm còn phản ánh một thời kì lịch sử trước những năm 40 của thế kỉ XX, khi phong trào đấu tranh dân chủ đòi hoà bình đang lên cao, những thanh niên yêu nước tìm đến tổ chức Mặt trận dân chủ Đông Dương để đấu tranh chống chủ nghĩa Phát-xít, đòi chấm dứt chiến tranh.

3. Ẩn dụ:

a. Khái niệm: Gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng.

b. Tác dụng: giúp cho sự diễn đạt thêm ấn tượng (gợi hình, gợi cảm) hàm xúc hơn. Bộc lộ cảm xúc của tác giả đối với đối tượng trong câu văn, câu thơ đó

* Lưu ý: Nếu như trong phép câu tạo của so sánh với các đặc điểm và các vế như:

Về A	phương diện, đặc điểm	từ	vế B
(vế được so sánh)	so sánh	so sánh	(sự vật so sánh)
Cô giáo em	hiền	như	cô Tấm

Thì trong phép ẩn dụ ta lại thấy rằng nó sẽ không xuất hiện đầy đủ như trên, nó không xuất hiện về A (vế A bị ẩn đi), không có phương diện, đặc điểm so sánh, không có từ so sánh. Muốn biết vế bị ẩn đi là gì, ta cần tìm hiểu xem vế B có đặc điểm gì để từ đó cảm nhận rõ hơn hàm xúc hơn vế A đã được ẩn đi.

c. Phân loại:

+ Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.

VD:

Người Cha mái tóc bạc

(Minh Huệ)

Lấy hình tượng Người Cha để gọi tên Bác Hồ.

+ Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.

VD:

Về thăm quê Bác làng Sen

Có hàng râm bụt thấp lên lửa hồng.

(Nguyễn Đức Mậu)

Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực tác giả tưởng như những ngọn đèn “thấp lên lửa hồng”.

+ Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.

VD: Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tròn và dài được làm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B. Về thăm nhà Bác làng Sen

Có hàng râm bụt thấp lên lửa hồng

Từ “thấp” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ sự nở hoa của hàng râm bụt. Hình ảnh “thấp lửa” như muốn làm sáng vùng không gian còn “nở hoa” cũng làm sáng cả khu vườn. Ở đây tác giả nhìn thấy đặc điểm tương đồng giữa hình ảnh nở hoa của cây và hình ảnh thấp lửa của người bởi cả hai đối tượng trên đều làm sáng hơn vùng không gian xung quanh nó. Qua đó ta nhận ra cả hai đặc điểm này có chung cách thức.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.

VD:

Môi được nghe giọng hồn dịu ngọt

Huế giải phóng nhanh mà anh lại muộn về.

(Tố Hữu)

Hay:

Đã nghe rét mướt luồn trong gió

Đã vắng người sang những chuyến đò

(Xuân Diệu)

d. Tác dụng của ẩn dụ

Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là mặt biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau. (thuyền – biển, mạn - đào, thuyền – bến, biển – bờ) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu

hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc người nghe.

VD :

Trong câu : *Người Cha mái tóc bạc* nếu thay *Bác Hồ mái tóc bạc* thì tính biểu cảm sẽ mất đi.

e. Bài tập minh họa:

VD1: Đề thể hiện hình tượng Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, văn học có nhiều cách nói ẩn dụ:

*Người cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm*

(Minh Huệ - Đêm nay Bác không ngủ)

hoặc: *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ*

(Viễn Phương - Viếng lăng Bác)

Ở cách nói đầu, từ những quan sát về hành động, thái độ của Bác trong một đêm chiến dịch giữa rừng Việt Bắc, nhà thơ Minh Huệ đã thốt lên những lời nói cảm động về người: “Người Cha mái tóc bạc”. Cách nói này đã thể hiện được lòng biết ơn, lòng kính yêu sâu sắc của nhà thơ đối với Bác và hơn thế nữa đã góp phần gọi tả một cách sinh động tình cảm, sự chăm sóc ân cần của Bác đối với các chiến sĩ. Bác không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại, mà còn là một người cha già gần gũi, tận tụy lo lắng cho giấc ngủ đêm đông của những đứa con. Từ “Người cha” đã xoá đi khoảng cách giữa một vị lãnh tụ với quần chúng khiến hình ảnh Bác càng trở nên gần gũi hơn, thân thương hơn.

Ở cách nói sau, tác giả 2 lần nói đến từ “mặt trời”. nếu như từ “mặt trời” của câu thơ thứ nhất được dùng với nghĩa gốc chỉ mặt trời thật đang toả sáng trên bầu trời, thì “mặt trời” ở câu thơ thứ hai là ẩn dụ để biểu thị cho sự cao đẹp, vĩnh hằng, sự toả sáng từ con người Bác. Bác đang yên nghỉ trong lăng nhưng Bác mãi mãi là ánh sáng kì diệu luôn toả sáng chói lọi và rực rỡ. Sự so sánh lí thú và độc đáo của nhà thơ Viễn Phương xuất phát từ liên tưởng tương đồng về sự toả sáng của hai mặt trời: mặt trời tự nhiên và mặt trời Bác.

VD2: Trong bài thơ “**Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ**” của Nguyễn Khoa Điềm có viết:

“Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

***Mặt trời** của mẹ con nằm trên lưng”*

Tác giả Nguyễn Khoa Điềm đã 2 lần sử dụng từ “mặt trời”. Nếu như “mặt trời” ở câu thơ thứ nhất là chỉ mặt trời của thiên nhiên đang toả rạng ánh nắng khắp núi rừng, đem lại sự sống cho muôn loài trên trái đất, thì “mặt trời” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh ẩn dụ để chỉ đứa con yêu dấu đang nằm trong điệu trên lưng mẹ. Cách nói ẩn dụ này cho thấy, đứa con có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người mẹ dân tộc Tà Ôi, Đứa con trở thành niềm vui, niềm hạnh phúc, là cuộc sống của mẹ, là niềm động viên an ủi để người mẹ vượt qua những khó khăn vất vả, lao động xây dựng cuộc sống ấm no, xây dựng bản làng.

Lưu ý:

- Phân biệt ẩn dụ tu từ và ẩn dụ từ vựng:

+ AD tu từ: có tính lâm thời, tính cá thể, phải đặt trong từng văn cảnh cụ thể để khám phá ý nghĩa.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ. (Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

-> “Mặt trời” (2) là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ.

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng (Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ – Nguyễn Khoa Điềm)

-> “Mặt trời” (2) là hình ảnh ẩn dụ chỉ em bé Cu Tà.

+ AD từ vựng: cách nói quen thuộc, phổ biến, không có (ít có) giá trị tu từ: *cổ chai, mũi đất, tay ghế, tay bí, tay bầu,...*

4. Hoán dụ:

a. *Khái niệm:* Gọi tên sự vật này bằng tên gọi khác dựa trên mối quan hệ gần gũi

b. *Tác dụng:* Giúp cho việc diễn đạt trở nên sống động, giàu sức gợi hơn đồng thời hàm súc hơn

c. *Các kiểu hoán dụ:*

+ Lấy cái bộ phận thay thế cho toàn thể

VD: Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

Bàn tay chính là hình ảnh chỉ người lao động. Bàn tay chỉ là một bộ phận, còn người lao động chính là chính thể (Lấy bàn tay để chỉ cả con người)

+ Lấy vật chứa để thay cho vật bị chứa

VD: Nông thôn cùng với thị thành đứng lên

Hình ảnh nông thôn và thị thành là hai không gian sống được dùng để gọi cho những người sống ở trong không gian đó. Mỗi quan hệ ở đây là mối quan hệ của vật chứa và vật bị chứa.

+ Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật

VD: Áo nâu liền với áo xanh

Hình ảnh áo nâu và áo xanh là chỉ hai đối tượng người công nhân và người nông dân và hình ảnh “áo nâu” và “áo xanh” là hình ảnh lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật

+ Lấy cái cụ thể để thay thế cho cái trừu tượng

VD: Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Một cây chỉ số ít chỉ sự chia rẽ, đơn độc

ba cây chỉ số nhiều, nói lên sự đông đảo, đoàn kết

-> Một và ba là cái cụ thể để gọi cái trừu tượng đó là sự chia rẽ đơn độc hay là đoàn kết

5. Điệp ngữ:

a. Khái niệm.

- Điệp ngữ là nhắc đi nhắc lại một từ, một ngữ trong câu văn, đoạn văn, câu thơ, đoạn thơ...

- Điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý vừa tạo cho câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ giàu âm điệu, giọng văn trở nên tha thiết, nhịp nhàng hoặc hào hùng mạnh mẽ.

Ví dụ:

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm ngát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa

b. Các loại điệp ngữ:

+ Điệp ngữ cách quãng.

+ Điệp ngữ nối tiếp.

+ Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

* Lưu ý: Điệp ngữ khác với cách nói, cách viết lặp do nghèo nàn về vốn từ, do không nắm chắc cú pháp nên nói và viết lặp, đó là một trong những lỗi cơ bản về câu.

6. Chơi chữ:

a. Khái niệm.

- Chơi chữ là cách vận dụng ngữ âm, ngữ nghĩa của từ để tạo ra những cách hiểu bất ngờ, thú vị.

b. Một số kiểu chơi chữ thường gặp:

* Dùng từ gần nghĩa, đồng nghĩa để chơi chữ...

Nửa đêm, giờ tí, canh ba

Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi

* Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già

Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.

* Dùng lối nói lái:

Mang theo một cái phong bì

Trong đựng cái gì, đựng cái đầu tiên.

Hay: Con gái là cái bòn...

* Dùng từ đồng âm:

Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng **lợi** chăng?

Thầy bói xem quẻ nói rằng

Lợi thì có **lợi** nhưng rằng không còn!

Hoặc:

Hỡi cô cắt cỏ bên sông

Có muốn ăn nhãn thì **lông** sang đây (Ca dao)

- Từ tên một loại nhãn nổi tiếng ngon, ngọt, mát bổ (*nhãn lông*) thế mà chàng trai lém lỉnh nọ đã khéo léo vận dụng để trêu chọc cô bạn gái rằng hãy chạy tể sang đây (*lông sang sông!*) anh mới cho ăn nhãn... Ca dao xưa hóm thật!

- Các lối chơi chữ: Văn thơ trào phúng, ca dao, chèo cổ (vai hề) thường sử dụng nhiều lối chơi chữ rất độc đáo.

7. Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, qui mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

VD: Lỗ mũi mười tám gánh lông

Chồng khen chồng bảo râu rồng trời cho.

8 Nói giảm, nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

II. BÀI TẬP

Bước 1: Chỉ rõ, gọi tên chính xác biện pháp nghệ thuật tu từ.

Bước 2: Nói rõ tác dụng

Bước 3: Đánh giá tài năng của tác giả

Bài 1: Xác định biện pháp tu từ trong các ví dụ dưới đây? Gạch chân dưới các hình ảnh tu từ.

a. Lúa đã chen vai đứng cả dãy. (Trần Đăng)

b. Việt Nam là một cái vườn đẹp, trên đó nở rất nhiều hoa, ra rất nhiều trái.

Tây Bắc cũng là một cái vườn hoa, trong ấy mỗi dân tộc của mấy mươi dân tộc ít người là một giống hoa đượm nhiều màu sắc. (Nguyễn Tuân)

c. Súng vẫn thức vui mới giành một nửa

Nên băng khuâng sương biếc nhớ người đi. (Tố Hữu)

d. Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu (Ca dao)

Bài 2: Viết một đoạn văn ngắn từ 8 -12 câu tả cảnh đẹp một đêm trăng, qua đó diễn tả tình yêu quê hương. Đoạn văn có sử dụng từ láy, tính từ chỉ màu sắc và biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá.

Đoạn văn mẫu:

Đêm rằm, ánh trăng trải khắp mái nhà, vườn cây, ngõ xóm. trăng tròn vành *vành*, lơ lửng trên bầu trời xanh. Trăng *lung linh*, sáng ngời chày tràn trên sân, *ánh trăng vạch từng kẽ lá tìm những quả hồng chín mọng trong vườn*. Gió *thu thì thảo, vuốt ve, mơn man hàng cây, ngọn cỏ*. Trăng *đuổi nhau loạt soạt, loạt soạt trên bờ rào ruối*. Dải *ngân hà như dòng sữa vắt ngang bầu trời*. Những vì sao sáng *lấp lánh*. Ngồi ngắm trăng sao, chị em tôi khẽ hát: “Thằng Cuội ngồi gốc cây đa”. Bao nhiêu kỉ niệm tuổi thơ ùa dậy trong lòng. Tiếng chuông chùa *ngân nga*, tiếng dế kêu *rả rích*, tiếng lá reo *xào xạc* ... Cái âm thanh thân thuộc ấy giữa đêm trăng rằm sáng tỏ làm cho tôi *bồi hồi* khôn kể. Quê hương, tôi yêu biết mấy những đêm trăng đồng quê.

III. Bài tập về nhà:

Câu 1: Chỉ rõ các hình ảnh so sánh và nhân hoá trong các ví dụ sau:

a. Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

(Chinh Phụ Ngâm)

b. Tôi đưa tay ôm nước vào lòng

Sông mở nước ôm tôi vào dạ.

(Nhớ con sông quê hương- Tế Hanh)

c. Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

(Tổ Hữu)

d. *Quanh quẽ đường quê thừa vắng khách*

Con đò gối bãi suốt ngày ngời.

(Bến đò xuân đầu Trại - Nguyễn Trãi)

Câu 2: Xác định các biện pháp tu từ và nêu tác dụng của chúng trong đoạn văn sau:

“Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở trắng xóa. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau, để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đoàn kéo nhau lặng lẽ bay đi”.

(Lao xao - Duy Khán)

* Gợi ý:

- So sánh: Thơm như mùi mít chín.

- Nhân hoá: ong bướm mà biết đánh lộn nhau đuổi, hiền lành, bỏ chỗ, rù nhau.

- Hoán dụ: Cả làng thơm.

-> Làm cho đoạn văn miêu tả thêm gợi hình, sinh động, càng gần gũi thân thương với con người hơn.

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn có sử dụng phép so sánh và nhân hóa (đề tài tự chọn).

Chuyên đề 2: CẢM THỤ VĂN HỌC

I. Thế nào là cảm thụ văn học?

- Cảm thụ văn học (CTVH) là sự cảm nhận những giá trị nổi bật, những điều sâu sắc, tế nhị và đẹp đẽ của văn học thể hiện trong tác phẩm (trong cuốn truyện, bài văn, bài thơ,...) hay một bộ phận của tác phẩm (đoạn văn, đoạn thơ,...) thậm chí là một từ ngữ có giá trị trong câu văn, câu thơ.

- Khi đọc (hoặc nghe) một câu chuyện, một bài thơ, ta không những hiểu mà còn phải xúc cảm, tưởng tượng và thật sự gần gũi, “nhập thân” với những gì đã đọc. Đọc có suy ngẫm, tưởng tượng và rung động thật sự sẽ giúp ta CTVH tốt.

- Để có được năng lực CTVH sâu sắc và tinh tế, cần có sự say mê, hứng thú khi tiếp xúc với thơ văn; chịu khó tích lũy vốn hiểu biết về thực tế cuộc sống và văn học, nắm vững kiến thức cơ bản về Tiếng Việt phục vụ cho CTVH; kiên trì rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn về CTVH.

II. Một vài điều lưu ý khi cảm thụ:

- Các biện pháp tu từ thường dùng trong thơ văn: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, nói giảm, nói tránh, nói quá, điệp ngữ, tương phản, chơi chữ, câu hỏi tu từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, liệt kê...

- Cần chú ý cách ngắt nhịp, cách gieo vần, giọng điệu, thể thơ, những từ ngữ gợi cảm, những động từ mạnh, những từ ngữ màu sắc, âm thanh, những từ ngữ biểu hiện tâm hồn tinh tế của tác giả...

- Nếu cảm thụ thơ trung đại cần chú ý thêm một số biện pháp nghệ thuật cổ: bút pháp tả cảnh ngụ tình, lấy thiên nhiên làm chuẩn mực để quy định vẻ đẹp của con người, gợi nhiều hơn tả, hình ảnh mang tính ước lệ tượng trưng, sử dụng điển cố, điển tích, lấy động để tả tĩnh, từ Hán Việt, so sánh giữa phần nguyên âm chữ Hán với bản dịch thơ...

III. Kỹ năng viết một đoạn văn về CTVH:

Để làm được một bài tập về CTVH đạt kết quả tốt, cần thực hiện đầy đủ các bước sau:

1. Bước 1:

- Đọc kĩ đề bài, nắm được yêu cầu của đề.

- Đọc kỹ đoạn văn, thơ mà đề cho bài hiểu khái quát nội dung và NT chính của đoạn, bài.

2. Bước 2:

- Đoạn thơ, văn ấy có cần phân ý không nếu có: Phân làm mấy ý? Đặt tiêu đề từng ý.

- Tìm dấu hiệu NT cảm từng ý, gọi tên các biện pháp NT qua các dấu hiệu.

3. Bước 3:

- Lập dàn ý đoạn văn hoặc bài văn.

- Ở mỗi dấu hiệu NT: nêu rõ tên của biện pháp nghệ thuật, ở hình ảnh nào, tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy với việc biểu đạt nội dung của đoạn văn, đoạn thơ. Dự kiến nêu cảm nghĩ, liên tưởng, đánh giá theo hiểu biết của em (vd: hay, đẹp độc đáo, khéo léo, đặc sắc...).

+ **Lưu ý:**

- Khi phát hiện phép so sánh, cần chỉ rõ tác giả đã so sánh sự vật nào với sự vật nào, phân tích đặc điểm của sự vật dùng so sánh để chỉ ra đặc điểm của sự vật được so sánh.
- Với phép nhân hoá, cần chỉ rõ sự vật nào được nhân hoá, nhờ từ ngữ nào, qua đó đặc điểm của sự vật được nhân hoá hiện lên như thế nào.
- Trong ẩn dụ, cần xác định được sự vật đang được nói tới trong văn cảnh được dùng để chỉ cho sự vật nào, từ đặc điểm của sự vật đang có mặt ta tìm ra đặc điểm của sự vật mà người viết muốn nói tới.
- Trong hoán dụ, cần chỉ rõ đâu là hình ảnh hoán dụ hình ảnh đó dùng để gọi thay cho sự vật, hiện tượng nào, dùng hoán dụ như vậy thì nội dung diễn đạt có gì đáng chú ý.

Bước 4 : Viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

Đoạn văn cần đạt các nội dung sau:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, xuất xứ của đoạn văn, đoạn thơ, trích dẫn lại (nếu có thể).
- Phân tích nghệ thuật dùng từ, đặt câu của tác giả.
- Phân tích các biện pháp nghệ thuật tu từ được sử dụng (biện pháp tu từ gì ? ở hình ảnh nào ? giá trị biểu đạt của mỗi phép tu từ đó).
- Chốt lại điểm sáng về nghệ thuật, cái hay, cái đẹp, giá trị nội dung mà nghệ thuật đó đem lại cho cả đoạn văn.

Ta có thể trình bày đoạn CTVH theo 2 cách sau:

- **Cách 1:** Ta mở đầu bằng một câu khái quát (như nêu ý chính của một đoạn thơ (đoạn văn) trong bài tập đọc). Những câu tiếp theo là những câu diễn giải nhằm làm sáng tỏ ý mà câu khái quát (câu mở đoạn) đã nêu ra. Trong quá trình diễn giải, ta kết hợp nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn).

- **Cách 2:** Ta mở đầu bằng cách trả lời thẳng vào câu hỏi chính (Nêu các tín hiệu, các biện pháp nghệ thuật góp phần nhiều nhất tạo nên cái hay, cái đẹp của đoạn thơ (đoạn văn). Sau đó diễn giải cái hay, cái đẹp về nội dung. Cuối cùng kết thúc là một câu khái quát, tóm lại những điều đã diễn giải ở trên (như kiểu nêu ý chính của đoạn thơ (đoạn văn) trong bài tập đọc).

Lưu ý: Đoạn văn CTVH cần được diễn đạt một cách hồn nhiên, trong sáng và bộc lộ cảm xúc; cần tránh hết mức mắc các lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu; tránh diễn đạt dài dòng về nội dung đoạn thơ (đoạn văn).

1. Bài số 1: Mở đầu bài thơ “Nhớ con sông quê hương” nhà thơ Tế Hanh viết:

“Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong soi tóc những hàng tre

Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè

Toả nắng xuống dòng sông lấp lánh.

Em hãy phân tích cái hay cái đẹp và em cảm nhận được từ bốn câu thơ.

*** Hướng dẫn.**

- Bước 1:

- Nội dung đoạn thơ: Giới thiệu con sông quê hương và tình cảm của tác giả với con sông.

- NT đoạn: Nhân hóa, so sánh, từ gọi tả.

* Bước 2: Đoạn thơ chia làm 2 ý nhỏ.

- ý 1: Hai câu đầu: Giới thiệu con sông quê hương.

- NT cần khai thác:

+ Từ gọi cảm: “xanh biếc”.

+ ĐT “có”.

+ ẩn dụ: Nước gương trong

+ Nhân hoá: Soi tóc những hàng tre.

- ý 2: Hai câu cuối: Tình cảm của nhà thơ với con sông quê hương.

Điểm sáng NT:

+ So sánh khẳng định: “Tâm hồn tôi... trưa hè”

+ Hình ảnh: Buổi trưa hè.

+ ĐT “tỏa” rất gợi hình

+ Từ láy “lấp lánh” rất gợi hình.

* Bước 3:

Dàn ý đoạn:

ý 1: Hai câu đầu nhà thơ giới thiệu con sông quê.

- Động từ “có” vừa giới thiệu con sông quê vừa kín đáo bộc lộ niềm tự hào.

- Tính từ gợi tả màu sắc “xanh biếc” có khả năng khái quát cảnh sông trong ấn tượng ban đầu. Xanh biếc là màu xanh đậm, đẹp, hơi ánh lên dưới nền trời.

- Mặt nước sông trong như gương (ẩn dụ), những hàng tre hai bên bờ như những cô gái nghiêng mình soi tóc trên mặt nước sông trong như gương.

- Ngay phút ban đầu giới thiệu con sông quê hương xinh đẹp, dịu dàng, thơ mộng, nhà thơ đã kín đáo bộc lộ tình cảm tự hào yêu mến con sông.

ý 2: Tình cảm nhà thơ với con sông quê.

+ NT so sánh: 1 khái niệm trừu tượng (tâm hồn tôi) với 1 khái niệm cụ thể (1 buổi trưa hè) làm rõ nét tình cảm nhà thơ với con sông quê.

- Buổi trưa hè “nhiệt độ cao, nóng bỏng đã cụ thể hóa tình cảm của nhà thơ. Từ so sánh khẳng định “là” khẳng định “tâm hồn tôi” và “buổi trưa hè” có sự hòa nhập thành một.

+ Động từ “tỏa” gợi tình cảm yêu mến của nhà thơ lan tỏa khắp sông, bao trọn dòng sông.

- Nhờ tình cảm yêu mến nồng nhiệt ấy mà con sông quê hơng như đẹp lên dưới ánh mặt trời:

Dòng sông “lấp lánh” từ láy “lấp lánh” khiến dòng sông lúc sáng, lúc tối thay đổi như dát bạc như trong truyện cổ tích.

* **Bước 4: Viết thành đoạn văn hoàn chỉnh.**

Trong bốn câu mở đầu bài thơ “Nhớ con sông quê hương”, nhà thơ Tế Hanh đã giới thiệu với chúng ta con sông quê hương của mình và tình cảm của ông đối với con sông quê hương. Ngay từ hai câu đầu đoạn hình ảnh sông đã hiện ra với một màu “xanh biếc”. Tính từ gợi tả “xanh biếc” giúp ta hình dung mặt nước sông xanh đậm, đẹp, hơi ánh lên dưới mặt trời do vầng “giếc” trong “biếc” gợi ánh sáng. Động từ “có” vừa giới thiệu con sông quê lại vừa kín đáo bộc lộ cảm xúc tự hào của người viết. Từ bao quát chung nhà thơ (giới) tả chi tiết cụ thể con sông và hai bên bờ: “Nước gương trong soi tóc những hàng tre. Với sự kết hợp khéo léo nghệ thuật nhân hóa những hàng tre hai bờ sông như những cô gái đang soi tóc trên mặt sông, cùng nghệ thuật ẩn dụ vì nước sông như mặt gương làm cho con sông quê hiện lên xinh đẹp, hiền hòa gần gũi biết bao. Trước một dòng sông quê như thế, làm sao mà không yêu, không nhớ được. Để bộc lộ tình cảm của mình, Tế Hanh đã dùng NT so sánh khẳng định: “Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè ? Tâm hồn là một khái niệm trừu tượng được so sánh với “buổi trưa hè” – một khái niệm cụ thể với nhiệt độ cao nóng bỏng, cho ta cảm nhận tình cảm nồng cháy của nhà thơ với con sông quê. Tình cảm đó “tỏa” xuống dòng sông khiến dòng sông trở nên “lấp lánh” đẹp diệu kỳ như trong cổ tích. Tình yêu của Tế Hanh đã làm cho con sông quê đẹp, sức sống lên biết bao nhiêu.

Bài số 2:

Em có cảm nhận gì khi đọc 4 câu thơ trích trong bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến” của nhà thơ “Nhí”:

“Trăng ơi... từ đâu đến ?

Hay từ một sân chơi

Trăng bay như quả bóng

Đưa nào đá lên trời”.

* **Bước 1:**

- Nội dung: viết về trăng

- N.thuật: Nhân hóa, so sánh.

* **Bước 2:**

- Không cần phân ý.

- Dấu hiệu NT:

+ Câu 1: Nhân hóa: gọi trăng – trăng ơi; hỏi trăng: từ đâu đến ? – Trò chuyện với trăng như với người bạn.

+ Ba câu sau: tự trả lời.

- Đưa ra một giả thiết: hay từ một sân chơi.

- So sánh: “Trăng bay như quả bóng “được ai đó đá lên trời”.

- Cách xưng hô: “đứa nào” (thú vị, ngộ nghĩnh).

* **Bước 3:** Lập dàn ý

- NT nhân hóa có 2 tác dụng:

+ Thứ nhất: vì trăng quá đẹp nên tác giả muốn gọi, hỏi từ đâu đến (có sự quan tâm tìm hiểu).

+ Thứ hai: Biến trăng từ nơi cao xanh xa xôi trở nên gần gũi như người bạn.

- Ba câu sau: đưa ra giả thiết tự lí giải cho câu hỏi trên, giả thiết là 1 điểm sáng NT vô cùng độc đáo mà chỉ có 1 thân đồng thơ kết hợp với 1 câu thủ bóng đá “nhí” mười tuổi sáng tạo được.

- So sánh: trăng bay như quả bóng: hợp lí và hay.

- Dùng từ “đứa nào” chứ không phải “bạn nào”: thú vị, ngộ nghĩnh, tự nhiên.

* **Bước 4:** Viết thành đoạn văn.

Ai chẳng yêu trăng. Nhưng mỗi người yêu một kiểu khác nhau. Nhà thơ mười tuổi Trần Đăng Khoa cũng quá yêu trăng. Cả một bài thơ năm chữ gồm 6 khổ thơ với 6 lần điệp khúc: “Trăng ơi... từ đâu đến” vang lên thiết tha. Đây là khúc ba của giai điệu:

“Trăng ơi... từ đâu đến ?

Hay từ một sân chơi”

Trăng bay như quả bóng

Đứa nào đá lên trời”

Vì trăng rất đẹp nên nhà thơ gọi trăng và hỏi trăng từ đâu đến. NT nhân hóa đã biến trăng thành người bạn gần gũi thân thiết với nhà thơ để nhà thơ trò chuyện. Sự liên tưởng thần kỳ của nghệ sĩ tí hon đã nảy sinh giả thiết thú vị:

“ Hay từ một sân chơi

Trăng bay như quả bóng

Đứa nào đá lên trời”

NT so sánh độc đáo: “Trăng bay như quả bóng” thật hợp lí và hay, nhưng điều thú vị còn ở chỗ: “Trăng bay” từ một sân chơi và thú vị hơn nữa lại do “đứa nào đá lên trời”. Nếu câu thơ là “Bạn nào đá lên trời” Thì ý thơ có phần cứng nhắc, kém ngộ nghĩnh. Tuy là “đứa nào” đầy nhưng vẫn không thô mà lại rất ngộ nghĩnh và tự nhiên.

Một hình ảnh so sánh như thế, từ ngữ tự nhiên thú vị như thế phải sinh ra từ một thân đồng “thơ kết hợp với một câu thủ nhí” mười tuổi của 1 sân chơi thực thụ.

III. Luyện tập:

Bài 1: Em hãy phân tích ngắn gọn cái hay, cái đẹp của hai câu thơ sau :

Dưới trăng quỳên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông

Gợi ý:

- “ Quỳên” là con chim cuốc

Hai câu thơ tả cảnh gì? (cảnh đầu mùa hè)

● Có hình ảnh tu từ nào ? (quỳên gọi hè? lửa lựu?)

Yêu cầu : Nêu được các phép tu từ nhân hoá “quỳên đã gọi hè” và ẩn dụ “ lửa lựu lập loè”, đồng thời cảm nhận được nét đặc sắc của bức tranh vào hè ở đồng quê Miền Bắc.

Bài2. Chỉ rõ hình ảnh nhân hoá và giá trị của phép tu từ trong khổ thơ sau:

Trong bài Mưa của Trần Đăng Khoa có đoạn:

“Ông trời

Mặc áo giáp đen

Ra trận

Muôn nghìn cây mía

Múa giương

Kiến

Hành quân

Đầy đường

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp của đoạn thơ trên?

***Nội dung:**

- Đoạn thơ tả thiên nhiên trước cơn mưa. (mưa rào mùa hạ ở đồng bằng Bắc bộ nước ta). Nghệ thuật nhân hoá được sử dụng rộng rãi.

- Những hình ảnh nhân hoá tạo nên cảnh tượng một cuộc chiến trận với khí thế mạnh mẽ khẩn trương mà ông trời là một vị tướng dũng mãnh, muôn nghìn cây mía và đàn kiến là đoàn binh đông đảo đầy khí thế. (Ông trờiđầy đường).

- Đoạn thơ cho ta thấy trí tưởng tượng kì diệu của nhà thơ nhí Trần Đăng Khoa.

* Hình thức: Biết trình bày những điều cảm nhận được bằng đoạn văn mạch lạc, chặt chẽ.

Bài 3. Viết đoạn văn tả trận mưa rào có sử dụng phép nhân hoá dựa vào bài thơ “ Mưa” – Trần Đăng Khoa và sự hiểu biết trong thực tế.

Bài 4. Cho đoạn thơ sau :

“Sáng hè đẹp lắm, em ơi !

Đầu non cỏ lục, mặt trời vừa lên

Da trời xanh ngắt thần tiên

Đỏ au đường lớn mang tên Bác Hồ

Trường Sơn mây núi lơ xô,

Quân đi, sóng lượn nhấp nhô bụi hồng.”

(Nước non nghìn dặm-Tô Hữu)

a. Tìm các tính từ chỉ màu sắc và nêu tác dụng của những từ ấy trong đoạn thơ?

b. Tìm các từ láy và giải nghĩa các từ láy ấy?

c. “Sóng lượn” là hình ảnh gì? Tác dụng của nó?

Gợi ý :

+ Nội dung : Cảm xúc say mê, tự hào của nhà thơ trước cảnh sắc của con đường chiến lược Trường Sơn và cảnh tượng hào hùng của đoàn quân ra trận đánh Mỹ.

Bài 5. Bài thơ “ Cảnh khuya” của Hồ Chủ Tịch sáng tác năm 1947 tại chiến khu Việt Bắc có câu viết:

“ Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Nghệ thuật so sánh trong câu thơ trên có gì đặc biệt? Hãy phân tích?

Bài 6. Cho đoạn thơ sau :

“Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh

Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây

ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh

Sưởi ấm lòng chiến sĩ giữa ngàn cây”

(Nhớ – Nguyễn Đình Thi)

a. Tác giả sử dụng phép tu từ gì ?

b. Phân tích tác dụng của phép tu từ đó ?

* **Củng cố :**

- Muốn cảm thụ được cái hay, cái đẹp của văn chương cần phát hiện, phân tích và bình giá được các hình ảnh nghệ thuật .

- Cần bám sát ngôn từ và có những liên tưởng phù hợp .

** **Hướng dẫn về nhà :**

Bài tập 1 : Cho đoạn thơ sau :

“Bên ruộng lúa xanh non

Những chị lúa phất phơ bím tóc

Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học

Đàn cò trắng

Khiêng nằng

Qua sông

Cô gió chần mây trên đồng

Bác mặt trời đạp xe qua đỉnh núi

Có vẻ vui tươi

Nhìn chúng em nhẩn nhó cười”

(Em kể chuyện này – Trần Đăng Khoa)

a. Đoạn thơ dùng phương thức biểu đạt nào?

b. Tác giả sử dụng phép tu từ nào là chính? Hãy phân tác hiệu quả biểu đạt của nó.

Gợi ý.

- PTBD: miêu tả.

- Nhân hóa.

- Chú ý các chi tiết: phát phơ bím tóc, tre thì “ bá vai nhau thì thầm đứng học” -> gợi tả cảnh như thế nào? (có gió không? Cách tả ra sao?)

Nhịp thơ ngắt ra sao- khi miêu tả cò ? (3/2/2) tạo nhịp nhàng như những chú cò ấy đang chăm chỉ làm việc nhịp nhàng.

Hình ảnh mặt trời được tả qua chi tiết nào? Cái hay ở đây là gì?

Bài tập 2 : Viết đoạn văn ngắn có phép so sánh và nhân hoá.

IV. Một số bài tập về CTVH:

Bài tập 1: Trong bài thơ “*Con cò*”, nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.

*Đáp án tham khảo:

Tình Mẫu tử - Tình mẹ con, xưa nay vẫn được coi là thứ tình cảm thiêng liêng nhất. “*Con dù lớn vẫn là con của mẹ / Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.*” Chỉ bằng 2 câu thơ ngắn (gói gọn trong 16 tiếng), nhà thơ Chế Lan Viên đã giúp ta hiểu rõ hơn sự cao cả của tình mẹ. Vâng, con dù đã lớn, đã trưởng thành nhưng con mãi mãi “*vẫn là con của mẹ*”. Tình thương yêu của mẹ dành cho con vẫn luôn tràn đầy, không bao giờ vơi cạn. Và dù có “*đi hết đời*” (sống trọn cả cuộc đời) thì tình thương của mẹ với con vẫn còn sống mãi, “*vẫn theo con*” để quan tâm, lo lắng, giúp đỡ con, dẫn đường chỉ lối và tiếp cho con thêm sức mạnh, giúp con chống chọi và vượt qua mọi thử thách của cuộc đời. Thế mới biết, tình mẹ bao la như biển Thái Bình...Thế mới biết, tình mẹ dành cho con thật là to lớn, thật là vĩ đại. Có thể nói, đó là một tình yêu thương mãnh liệt, vô bờ bến, một tình yêu thương bất tử, trường tồn mãi mãi cùng thời gian.

Bài tập 2: Trong bài thơ: “*Vàm Cỏ Đông*”, nhà thơ Hoài Vũ có viết:

Đây con sông như dòng sữa mẹ

Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây

Và ấm áp như lòng người mẹ

Chờ tình thương trang trải đêm ngày.

Đọc đoạn thơ trên, em cảm nhận được vẻ đẹp đáng quý của dòng sông quê hương như thế nào?

Đáp án tham khảo:

Xưa nay, dòng sông luôn gắn bó mật thiết với mỗi đồng quê. Sông đưa nước về đồng, nó làm “*xanh ruộng lúa, vườn cây*”. Nhờ có dòng sông mà bãi lúa, nương dâu tràn đầy sức sống. Vì vậy, dòng sông được ví như “*dòng sữa mẹ*” nuôi dưỡng các con khôn lớn. Cũng như tấm lòng người mẹ tràn đầy yêu thương, dòng sông lúc nào cũng “*ấm áp*” đầy nước, ngày đêm sẽ chia tình tình yêu thương (dòng nước mát lạnh) cho những cánh đồng. Tình yêu cao cả và vẻ đẹp ấm áp tình người đó càng làm cho ta thêm yêu quý và gắn bó với dòng sông quê hương.

Bài tập 3: Trong bài “*Mùa thu mới*”, nhà thơ Tố Hữu viết:

Yêu biết mấy, những dòng sông bát ngát

Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non

Yêu biết mấy, những con đường ca hát

Qua công trường mới dựng mái nhà son!

Theo em, khổ thơ trên đã bộc lộ cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp nào trên đất nước của chúng ta?

*Đáp án tham khảo:

Bằng cách sử dụng điệp ngữ “*Yêu biết mấy*”, tác giả muốn nhấn mạnh tình yêu của mình với những vẻ đẹp quê hương đất nước. Đó chính là tình yêu với vẻ đẹp của “*những dòng sông bát ngát*” đang chảy “*giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non*”. Đó chính là tình yêu với vẻ đẹp của những con đường rộn rã tiếng

cười, tiếng hát chạy qua những công trường đang xây lên những ngôi nhà mới. Qua đó, tác giả muốn bộc lộ niềm xúc động của mình trước sự thay da đổi thịt, sự trù phú của cảnh sắc quê hương và niềm vui trước cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người.

Bài tập 4: Cho đoạn thơ:

Quê hương là cánh diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng

Quê hương là con đò nhỏ

Êm đềm khua nước ven sông.

(*Quê hương*- Đỗ Trung Quân)

Đọc đoạn thơ trên, em thấy được ý nghĩ và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

Đáp án tham khảo:

Vâng, nói đến quê hương là nói đến những gì gần gũi, thân quen nhất. Quê hương chính là mảnh đất nuôi dưỡng ta từ thuở ấu thơ và cũng là nơi để lại những dấu ấn đẹp đẽ nhất trong tâm hồn ta. Đối với nhà thơ Đỗ Trung Quân, quê hương không chỉ là cha, là mẹ, là họ hàng làng xóm, mà quê hương còn là những “cánh diều biếc” từng in đậm dấu ấn tuổi thơ đẹp đẽ của tác giả trên những cánh đồng, là “con đò nhỏ” khua nước ven sông với âm thanh nhẹ nhàng, êm đềm mà lắng đọng. Có thể nói, những sự vật đơn sơ, giản dị trên quê hương luôn có sự gắn bó mật thiết với nhà thơ và đã trở thành những kỉ niệm không thể nào quên. Nghĩ về quê hương, hướng về quê hương, hướng về cội nguồn với những hình ảnh thân quen, gần gũi, với một tâm hồn mộc mạc và giản dị như vậy chứng tỏ tình cảm của nhà thơ đối với quê hương thật là đẹp đẽ và sâu sắc.

Bài tập 5: Trong bài thơ “*Tiếng ru*”, nhà thơ Tố Hữu có viết:

Một ngôi sao chẳng sáng đêm

Một thân lúa chín chẳng lên mùa vàng

Một người đâu phải nhân gian?

Sống chẳng một đốm lửa tàn mà thôi !

Từ cách diễn đạt giàu hình ảnh trong đoạn thơ trên, em hiểu được nhà thơ muốn nói với chúng ta điều gì?

**Đáp án tham khảo:*

Ở đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng cách diễn đạt mang tính chất tương phản giữa các hình ảnh: Một “*ngôi sao*” với một màn đêm (một ngôi sao thì chỉ có ánh sáng yếu ớt, không làm sáng được cả màn đêm); “*Một thân lúa chín*” với “*mùa vàng*” (một bông lúa thì thật nhỏ bé, không thể làm nên cả một vụ mùa bội thu); “*Một người*” với cả “*nhân gian*” (một người lẻ loi thì không thể tạo nên cả cõi đời, nơi cả loài người sinh sống, vì vậy, nếu có tồn tại thì cũng chỉ như một đốm lửa nhỏ nhoi sắp tàn lụi). Qua cách diễn đạt giàu hình ảnh trên, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc một triết lí sâu sắc: Con người chỉ thực sự trở nên hữu ích khi biết sống trong mối quan hệ gắn bó đoàn kết với tập thể, với cộng đồng. Nếu sống mà tách rời khỏi tập thể, cộng đồng, chỉ nghĩ đến riêng mình và sống cho riêng mình thì cuộc sống đó trở nên vô vị, chẳng có ý nghĩa gì cả.

Bài tập 6:

BÓNG MÂY

Hôm nay trời nắng như nung

Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày

Ước gì em hoá đám mây

Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm

(Thanh Hào)

Đọc bài thơ trên, em thấy được những nét gì đẹp đẽ về tình cảm của người con đối với mẹ?

**Đáp án tham khảo:*

Qua bài thơ “*Bóng mây*”, tác giả Thanh Hào đã khắc hoạ hình ảnh một người mẹ thật lam lũ, thật vất vả. Mẹ phải “*phơi lưng*” đi cấy cả ngày dưới bầu trời “*nắng như nung*” (cái nắng nóng như có lửa nung). Thấu hiểu được nỗi vất vả của mẹ, người con thầm ước mình hoá thành mây để suốt ngày che mát cho mẹ. Quả thật, một bóng mây xuất hiện giữa một bầu trời nắng nóng vô cùng có giá trị với một người mẹ đang

phải phơi nắng để làm việc ngoài đồng. Điều ước nhỏ nhoi mà thật là ý nghĩa, thật là cảm động. Nó thể hiện một tình yêu thương vừa sâu sắc lại vừa cụ thể, vừa thiết thực của người con đối với mẹ.

Bài tập 7: Kết thúc bài “**Tre Việt Nam**”, nhà thơ Nguyễn Duy viết:

Mai sau,

Mai sau,

Mai sau,

Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

Em hãy cho biết, những câu thơ trên nhằm khẳng định điều gì ? Cách diễn đạt của nhà thơ có gì độc đáo, góp phần khẳng định điều đó?

**Đáp án tham khảo:*

Những câu thơ trong phần kết của bài “**Tre Việt Nam**” nhằm khẳng định một màu xanh vĩnh cửu của tre Việt Nam, qua đó khẳng định sức sống bất diệt của con người Việt Nam, truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

Bằng cách thay đổi cách ngắt nhịp và ngắt dòng (*Mai sau/ Mai sau/ Mai sau/*), với biện pháp sử dụng điệp ngữ “**Mai sau**”, tác giả đã khiến cho người đọc có cảm giác như thời gian và không gian được mở ra vô tận, khiến cho ý thơ âm vang, bay bổng và đem đến cho người đọc những liên tưởng phong phú. Với việc sử dụng từ “**xanh**” 3 lần trong dòng thơ với những sự kết hợp khác nhau (**xanh** tre, **xanh** màu, tre **xanh**), tác giả đã tạo ra những nét nghĩa đa dạng, phong phú và khẳng định sự trường tồn của màu sắc, của sức sống của tre cũng như của dân tộc Việt Nam.

Bài tập 8: Trong bài “**Tre Việt Nam**” của nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

Bão bùng thân bọc lấy thân

Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm

Thương nhau tre chẳng ở riêng

Lũy thành từ đó mà nên hơi người.

Hãy nêu lên vẻ đẹp của đoạn thơ trên?

**Đáp án tham khảo:*

Cây tre là một loài cây gắn bó mật thiết với đời sống của con người Việt Nam. Tre không chỉ có sức sống mạnh mẽ mà còn có thói quen sống thành lũy, thành hàng. Họ hàng nhà tre luôn sống bao bọc, che chở, quấn quýt quây quần bên nhau. Bằng cách sử dụng biện pháp nhân hoá thông qua các từ “**ôm**”, “**niú**”, “**thương nhau**”,..., nhà thơ Nguyễn Duy không chỉ giúp ta hiểu rõ phẩm chất tốt đẹp của cây tre Việt Nam, mà qua đó còn giúp ta hiểu hơn những phẩm chất, những truyền thống cao đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Bài tập 9: Trong bài “**Về thăm nhà Bác**”, nhà thơ Nguyễn Đức Mậu viết:

Ngôi nhà thuở Bác thiếu thời

Nghiêng nghiêng mái lợp bao đời nắng mưa

Chiếc giường tre quá đơn sơ

Võng gai ru mát những trưa nắng hè.

Em hãy cho biết: Đoạn thơ trên giúp ta cảm nhận được điều gì đẹp đẽ, thân thương?

**Đáp án tham khảo:*

Đoạn thơ đã giúp ta cảm nhận được sự đơn sơ, giản dị của ngôi nhà Bác Hồ đã sống thuở niên thiếu. Cũng như bao ngôi nhà khác của các làng quê Việt Nam, ngôi nhà của Bác cũng “**ngiêng nghiêng mái lợp**” (Mái được lợp bằng lá), cũng dãi nắng dầm mưa, cũng mộc mạc với chiếc giường tre, chiếc “**võng gai ru mát những trưa nắng hè**”. Song trong ngôi nhà đó, Bác Hồ đã được lớn lên trong tình cảm yêu thương tràn đầy của gia đình. Có thể nói, ngôi nhà đơn sơ mà đầy tình yêu thương đó chính là chiếc nôi ấm áp nuôi dưỡng tâm hồn, nuôi dưỡng tuổi thơ của Bác. Chính ngôi nhà đó đã góp phần tạo nên con người Bác, một vị lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la.

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Bài 1. Trong bài “Tiếng hát mùa gặt”, nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

Gió nâng tiếng hát chói chang

Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.

Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Nhờ biện pháp đó, em cảm nhận được nội dung, ý nghĩa gì đẹp đẽ ?

Bài 2. Cảm nhận của em về nghệ thuật so sánh trong câu ca dao sau :

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Bài 3. Trong bài thơ “ Quê hương”, nhà thơ Đỗ Trung Quân có viết

Quê hương là bàn tay mẹ

Dịu dàng hái lá mồng tơi

Bát canh ngọt ngào tỏa khói

Sau chiều tan học mưa rơi.

Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của nó.

Bài 4. Chỉ rõ biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

“ *Lúc vui biển hát, lúc buồn biển lặng, lúc suy nghĩ biển mơ mộng , dịu hiền. Biển như người khổng lồ, nóng nảy, quái dị, gọi sấm, gọi chớp. Biển như trẻ con, nũng nịu dỗ dành, khi đùa khi khóc.*”

Bài 5. Trong đoạn thơ sau, tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Hãy nêu hiệu quả diễn đạt của biện pháp nghệ thuật ấy.

Mầm non mắt lim dim

Cố nhìn qua kẽ lá

Thấy mây bay hời hả

Thấy lát phát mưa phùn.

(Mầm non – Võ Quảng)

Bài 6. Trong đoạn thơ sau, tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ? Em hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay.

(Quê hương – Đỗ Trung Quân)

Bài 7. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài ca dao sau và nêu tác dụng biểu đạt của nó.

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhiều vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. (Ca dao)

Bài 8. Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau

Tre xanh

Xanh tự bao giờ

Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh.

Thân gầy guộc, lá mong manh,

Mà sao nên lũy nên thành tre ơi ?

Ở đâu tre cũng xanh tươi

Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu !

(Tre Việt Nam – Nguyễn Duy)

Bài 9. Hãy chỉ rõ biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

Ông trời

Mặc áo giáp đen ra trận

Muôn nghìn cây mía

Múa gươm

Kiến

Hành quân

Đầy đường. (Mưa – Trần Đăng Khoa)

Bài 10: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau sau:

"Mùa hè nắng ở nhà ta

Mùa đông nắng đi đâu mất

Nắng vào quả cam nắng ngọt
 Trong suốt mùa đông vườn em
 Nắng lặn vào trong mùi thơm
 Cả trăm ngàn bông hoa cúc..."

(Trích Mùa đông nắng ở đâu - Xuân Quỳnh)

Gợi ý bài 10:

Phần	Đáp án	Điểm
	Yêu cầu: Học sinh viết thành đoạn văn hoàn chỉnh (có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn). Nội dung đoạn nêu được cái hay của các hình thức nghệ thuật và vẻ đẹp của nội dung ý nghĩa mà tác giả gửi gắm trong đoạn thơ.	
	Cụ thể HS cần nêu được những ý chính như sau:	
Mở	- Giới thiệu xuất xứ đoạn thơ: Đoạn thơ trích từ bài thơ "Mùa đông nắng ở đâu" của nhà thơ Xuân Quỳnh. Đoạn thơ là những lý giải thật đáng yêu về nắng mùa đông.	0,25
Thân	- Hai câu đầu đoạn thơ nêu hình ảnh của nắng và một sự thắc mắc về nắng "Mùa đông nắng đi đâu mất". Để rồi những câu thơ sau chính là sự lý giải cho thắc mắc đó. Tác giả đã dùng điệp ngữ "nắng" cùng biện pháp nhân hóa "nắng vào", "nắng lặn" làm cho hình ảnh nắng trở lên thật sống động, có hồn giống như con người. - Cái hay của đoạn thơ chính là ở hình ảnh ẩn dụ "nắng ngọt", "nắng lặn" vào trong mùi thơm". Ẩn dụ đó đã diễn tả thật tinh tế vẻ đẹp và sức hấp dẫn đáng yêu của nắng mùa đông. Cái nắng ấm áp của đông cũng đủ làm cho hoa kết trái ngọt, hương thơm, tạo nên một bức tranh thiên nhiên ngày đông không hề lạnh lẽo. Màu sắc rực rỡ của "trăm ngàn bông hoa cúc", hương vị ngọt thơm của trái chín trong vườn được tạo nên là nhờ nắng...	0,75
Kết	- Với giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, biện pháp điệp từ, nhân hóa, ẩn dụ... tác giả gửi gắm tới người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu nắng mùa đông....	0,25

LUYỆN TẬP THỰC HÀNH

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn thơ sau:

Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu
 Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy
 Bọn bèo tùm tùm năm tùm bảy
 Bầy chim non bơi lội trên sông
 Tôi giờ tay ôm nước vào lòng
 Sông mở nước ôm tôi vào dạ

(Tế Hanh- nhớ con sông quê hương)

Viết đoạn văn từ 10 câu trở lên, nói lên nhận xét của em về nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Từ tượng hình, tượng thanh: ríu rít, chập chờn
- Hình ảnh: bờ tre, mặt nước, dòng sông, tùm năm, tùm bảy, bầy chim non....
- Nghệ thuật: ẩn dụ: Bầy chim non bơi lội trên sông
 nhân hóa: Sông mở nước ôm tôi vào dạ

=> Nhà thơ cảm nhận được một sự giao hòa thắm kín giữa mình và con sông, tạo thành một kỉ niệm sâu sắc.

VIẾT ĐOẠN VĂN:.....

ĐỀ BÀI

Cho đoạn thơ:
*Mùa hạ đi rồi em ở đây,
 Con ve kêu nát cả thân gầy.
 Sông Hương như mới vừa say khướt,
 Tỉnh lại trôi về trong gió mây.*
 (Chia tay mùa hạ- Nguyễn Thị Kim Chi)

Chỉ ra các biện pháp tu từ đã học. Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ ấy?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Chỉ ra được các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ

- Biện pháp nói quá: Con ve kêu nát cả thân gầy.

- Phép so sánh, nhân hóa: Sông Hương như người say rượu, biết tỉnh, biết say, biết đi về trong gió mây.

b.Yêu cầu: Nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ trong khổ thơ:

ĐỀ BÀI

Phân tích giá trị biểu cảm của các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

*Trong làn nắng ửng, khói mơ tan
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
 Sột soạt gió treêu tà áo biếc
 Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.*
 (Mùa xuân chín - Hàn Mặc Tử)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Đoạn thơ trích trong bài “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử đã vẽ ra trước mắt ta một bức tranh xuân với các hình ảnh không gian rộng tràn ngập sắc màu tươi tắn: Nắng, khói mơ, mái tranh, giàn thiên lí.

- Hình ảnh “nắng ửng”: nắng có màu tươi mơn mơn như trái cây vừa chín. Đó cũng là tín hiệu của mùa xuân, xua đi “khói mơ”, đánh thức chồi búp ngọt ngào trên tàn đông lạnh giá.

- “Lấm tấm” là từ láy tượng hình: miêu tả những sự vật nhỏ, hình chấm, rải rác trên bề mặt -> tái hiện vẻ đẹp của những giọt nắng rải qua vòm lá, in trên mái nhà tranh.

- “Sột soạt” là từ láy tượng thanh: gọi âm thanh của những sự vật nhỏ, khô va chạm vào nhau phát ra tiếng động -> Âm thanh mùa xuân sống động.

- Dấu chấm ngắt đôi câu thơ, hình ảnh nhân hoá “gió treêu tà áo biếc”, ẩn dụ “tà áo biếc” chỉ cái dáng xanh mềm mại của giàn thiên lý-> những cảm nhận lắng đọng về sự chuyển động đầy sức sống của mùa xuân.

=> Đoạn thơ đã gợi vẻ đẹp giản dị của một buổi mai ấm áp, bình yên của mùa xuân nơi làng quê VN, làm toát lên tâm tình của thi nhân .

-> **VIẾT ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Trên đường ta đi đánh giặc
 Ta về Nam hay ta lên Bắc,
 Ở đâu
 Cũng gặp
 Những ngọn đèn dầu
 Chong mắt
 Đêm thâu
 Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt
 Như những tâm hồn không bao giờ biết tắt...
 Soi cho ta đi*

*Đánh trận trường kỳ
 Đền ta thấp niềm vui theo dõi
 Đền ta thấp những lời kêu gọi.
 Đi nhanh đi nhanh
 Chiến trường đã giục
 Đầy núi đầy sông
 Đền ta đã mọc.
 Trong gió trong mưa
 Ngọn đèn đứng gác
 Cho thắng lợi, nối theo nhau
 Đang hành quân đi lên phía trước.*

(Trích **Ngọn đèn đứng gác, Chính Hữu,**In trong tập thơ **Đầu súng trăng treo**, Nhà xuất bản Văn học năm 1972)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.
- Xác định thể thơ của đoạn thơ trên. Kể tên một bài thơ khác đã học cũng được viết theo thể thơ này
- Chỉ ra các biện pháp tu từ và phân tích giá trị biểu cảm của chúng trong đoạn thơ. Em suy nghĩ gì về hình ảnh “*Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt/ Như những tâm hồn không bao giờ biết tắt*”?

ĐỀ BÀI**Cảm nhận của em về khổ thơ sau:**

“ Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa
 Một buổi trưa nắng dài bãi cát
 Gió lồng xôn xao, sóng biển đung đưa
 Mát rượi lòng ta , ngân nga tiếng hát”
 (*Tổ Hữu- Mẹ Tom*)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- 2 câu thơ đầu là lời giới thiệu về không gian , thời gian (một buổi trưa miền Trung đầy nắng và gió biển), sự mênh mông của kỉ niệm xưa được trải ra trong sự mênh mông của không gian miền Duyên Hải ngập nắng, lồng gió biển khơi.

- 2 câu thơ cuối không chỉ có nắng, có gió mà còn âm vang một tấm lòng- tấm lòng nao nức xôn xao của người con trở về quê mẹ - nơi đã nuôi mình.

cách ngắt nhịp 3/4 (2 câu đầu) ; 4/4(2 câu cuối) kết hợp các từ láy *xôn xao , ngân nga , đung đưa* -> tạo nhịp bồi hồi như những con sóng

- Cách gieo vần linh hoạt “*xưa- đưa*”, “*cát-hát*” tạo nên sự hài hòa giữa thiên nhiên và lòng người.

-> Tình yêu quê hương, lòng biết ơn chân thành của Người con nuôi - người chiến sĩ Cách mạng với mẹ Tom.

-> **VIẾT ĐOẠN VĂN**

ĐỀ BÀI

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao.*

(Trích **Trong lời mẹ hát**, Trương Nam Hương)

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
 Còn những bí và bầu thì lớn xuống
 Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
 Rỏ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi.*

(Trích **Mẹ và quả**, Nguyễn Khoa Điềm)

Đọc hai đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

- Làm rõ hiệu quả nghệ thuật của phép nhân hóa được sử dụng trong câu thơ: *Thời gian chạy qua tóc mẹ*.
- Chỉ ra và phân tích hiệu quả của nghệ thuật tương phản trong hai đoạn thơ trên?
Hai đoạn thơ có những điểm gặp gỡ gì?

ĐỀ BÀI

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dai Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đây là khát vọng. Tôi đã giữa cô suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!” Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh điều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, Tiếng Việt 4, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh điều?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ.

Câu 4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hình ảnh cánh điều? Trả lời trong khoảng 3 đến 5 dòng.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả

Câu 2: Chi tiết tả cánh điều:

- Mềm mại như cánh bướm
- Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng.
- Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Câu 3: Biện pháp tu từ: So sánh. Giúp diễn tả hình ảnh bầu trời đẹp mềm mại, mịn màng tựa như một thảm nhung.

Câu 4: **Câu chủ đề:** Thông qua hình ảnh cánh điều tác giả muốn nói đến khát vọng của cuộc sống: "Hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!” Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

- Để sống một cuộc đời có ý nghĩa, con người không thể thiếu đi những khát vọng, lý tưởng sống cho riêng mình.
 - Khát vọng sống như cánh điều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời chúng ta.
 - Khác với tham vọng, khát vọng chính là mong muốn hướng tới những điều lớn lao, tốt đẹp với sự thôi thúc mãnh liệt đến từ sâu thẳm trái tim con người.
 - Nó đem đến một mục đích sống cao đẹp, trở thành động lực giúp ta vượt qua khó khăn trên đường đời.
 - Đồng thời, nó cũng nâng ta lên khỏi những cái tầm thường, vươn tới cái cao cả, thuần khiết hơn, trở thành nền tảng quan trọng để có thể kiến tạo nên lợi ích cho gia đình và xã hội.
- => Nói tóm lại, tất cả chúng ta, trong đó có tôi, hãy xây dựng cho mình một khát vọng cao cả và nỗ lực hết sức để biến nó thành hiện thực. Bởi nếu cuộc đời này là bầu trời rộng lớn, khát vọng chính là đôi cánh giúp ta có thể bay xa.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Tìm và nêu rõ hiệu quả của phép tu từ trong hai câu thơ:

“Tóc bà trắng tựa mây bông
Chuyện bà như giếng cạn xong lại đầy.”

(“ Bà em” – Nguyễn Thụy Kha)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

*** Yêu cầu về hình thức:**

- HS viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, câu.

*** Yêu cầu về nội dung:**

- Chỉ ra được phép tu từ so sánh và hình ảnh so sánh:

(Nếu chỉ gọi tên phép so sánh mà không chỉ ra được hình ảnh so sánh:

- Hiệu quả của phép tu từ so sánh:)

+ Mái tóc trắng của bà được so sánh với hình ảnh đám “mây bông” trên trời gợi hình ảnh người bà tuổi đã cao, mái tóc bạc trắng, mái tóc ấy tạo nên vẻ đẹp hiền từ, cao quý và đáng kính trọng...

+ Chuyện của bà kể (cho cháu nghe) được so sánh với hình ảnh cái giếng thân thuộc ở làng quê Việt Nam cứ cạn xong lại đầy, ý nói: “kho” chuyện của bà rất nhiều, không bao giờ hết, đó là những câu chuyện dành kể cho cháu nghe với tình yêu thương không bao giờ vơi cạn...

- Tác dụng chung:

Nhà thơ vận dụng hai hình ảnh so sánh đặc sắc -> Hình ảnh người bà hiền từ, cao quý, đáng trân trọng -> tình yêu thương, sự kính trọng và lòng biết ơn bà sâu sắc của người cháu.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

QUÁN HÀNG PHÙ THỦY <i>Một phù thủy</i> <i>Mở quán hàng nho nhỏ</i> <i>Mời vào đây</i> <i>Ai muốn mua gì cũng có!</i> <i>Tôi là khách đầu tiên</i> <i>Từ bên trong</i>	<i>Phù thủy lộ ra nhìn:</i> <i>Anh muốn gì ?</i> <i>Tôi muốn mua tình yêu,</i> <i>Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn...</i> <i>Hàng chúng tôi chỉ bán cây non</i> <i>Còn quả chín, anh phải trồng, không bán!</i> (K. Badjadjo Pradip - Thái Bá Tân dịch)
---	--

Câu 1. Bài thơ trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Câu nói “Mời vào đây - Ai muốn mua gì cũng có!” cho thấy điều gì ở phù thủy?

Câu 3. Mong muốn của vị khách “Tôi muốn mua tình yêu - Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn” cho thấy vị khách là con người như thế nào?

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài không? Vì sao?

Câu 5: Đó là quan điểm đúng đắn, hướng con người tạo nên những giá trị tinh thần tốt đẹp trong cuộc sống. Từ nội dung của bài thơ *Quán hàng phù thủy* ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Làm thế nào để có hạnh phúc?*

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1. Bài thơ trên có sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

Bài thơ trên có sự kết hợp những phương thức biểu cảm và tự sự.

Câu 2. Câu nói “Mời vào đây - Ai muốn mua gì cũng có!” cho thấy điều gì ở phù thủy?

Câu nói: “Mời vào đây - Ai muốn mua gì cũng có!” cho thấy phù thủy có quyền năng vô hạn, có thể đáp ứng được tất cả các nhu cầu, mong muốn của “khách hàng”.

Câu 3. Mong muốn của vị khách “Tôi muốn mua tình yêu - Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn” cho thấy vị khách là con người như thế nào?

Mong muốn của vị khách “Tôi muốn mua tình yêu - Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn...” cho thấy vị khách là người đang khao khát có được những điều tốt đẹp nhất trên đời. Đặt trong tình huống này, đó cũng là người khôn ngoan và hóm hỉnh, mong muốn mà vị khách đưa ra là phép thử khả năng của phù thủy.

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài không? Vì sao?

Hai câu cuối bài “Hàng chúng tôi chỉ bán cây non - Còn quả chín, anh phải trồng. Không bán!” nói đến quan điểm: Tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn - như những quả chín mà quán hàng phù thủy lại chỉ bán cây non. Muốn có được những quả chín đó “khách hàng” phải có thời gian, công sức để trồng. Người có quyền năng vô hạn như phù thủy cũng không tạo nên được những giá trị tốt đẹp ấy.

Câu 5: Đó là quan điểm đúng đắn, hướng con người tạo nên những giá trị tinh thần tốt đẹp trong cuộc sống. Từ nội dung của bài thơ *Quán hàng phù thủy* ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Làm thế nào để có hạnh phúc?*

1. Giải thích:

- Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một nhu cầu nào đó trong cuộc sống.

- Ý kiến bàn đến con đường đi tìm hạnh phúc của con người trong cuộc sống, bởi hạnh phúc không có sẵn, không tự nhiên đến với mỗi người.

2. Bàn luận:

- Mỗi người cần hiểu hết giá trị của hạnh phúc: Hạnh phúc mang lại cho con người cuộc sống ý nghĩa, cho con người cảm giác vui vẻ, động lực vượt qua khó khăn...

- Để tìm được hạnh phúc, mỗi người phải biết xác định mục tiêu, lí tưởng, phải cố gắng, nỗ lực đạt được điều mình mong muốn.

- Hạnh phúc có được là khi chúng ta đem lại niềm vui cho người khác.

- Phê phán thực trạng con người chỉ biết kiếm tìm hạnh phúc khi được thỏa mãn về điều kiện vật chất

3. Bài học rút ra:

- Phải biết giá trị của hạnh phúc để luôn kiếm tìm nó trong cuộc sống.

- Biết đem niềm vui và hạnh phúc đến cho mọi người để hạnh phúc được lan tỏa.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Hãy phân tích biện pháp tu từ trong đoạn trích sau?

“Nhớ Người những sáng tinh sương

Ung dung yên ngựa trên đường suối reo

Nhớ chân Người bước lên đèo

Người đi rừng núi trông theo bóng Người”

(Tổ Hữu-Việt Bắc)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Biện pháp nhân hoá: “Người đi rừng núi trông theo bóng Người”-> Nói lên tấm lòng yêu mến của nhân dân Việt Bắc đối với Bác Hồ (Rừng núi ở đây không chỉ là rừng núi thiên nhiên Việt Bắc, mà còn là đồng bào Việt Bắc. Rừng núi tượng trưng cho người dân Việt Bắc).

-Diệp từ “nhớ” ở câu thứ nhất và câu thứ ba để nói rõ hơn tấm lòng nhớ mong Bác (nhớ mong tha thiết, khôn nguôi) đối với Bác.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Cô ơi !

Cô không phải người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt thóc, nhưng cô dạy con biết quý bát cơm chan chứa mồ hôi. Cô không phải người công nhân kĩ sư kiến thiết mọi nơi, nhưng cô xây cho đời một tương lai phía trước.

Cha mẹ là người cho con cuộc sống, bạn bè là những chỗ dựa niềm tin, thử thách rồi những thất bại đã cho con trưởng thành hơn thì chính cô là người dạy con vượt qua khó khăn vấp ngã trên đường đời.

Chính cô là người nâng niu, uốn nắn cho con từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ đáng đi. Con lớn dần trong vòng tay yêu thương của cô mà không hay rằng năm học đã sắp kết thúc. Con sắp phải xa cô thật rồi sao? Con chỉ muốn mãi là cô trò nhỏ được cắp sách vở đến trường, ngày ngày được nghe cô giảng bài.

Nhưng con phải đi để còn nhường chỗ cho thế hệ các em học sinh mới. Đây cũng là lúc con vận dụng những bài học về cuộc đời của cô ở ngôi trường khác, to lớn hơn trường mình.

(Trích Thư gửi cô ngày tri ân, <http://giaoducthoidai.vn>, 3-6-2014)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính.

Câu 2: Chứa một phép tu từ và cho biết giá trị biểu đạt của phép tu từ đó?

Câu 3: Chiravà nêu ý nghĩa của một thành ngữxuất hiện trong phần trích.

Câu 4: Nội dung của văn bản.

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu:

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn*

Con không được cười giễu họ Dù họ hôi hám úa tàn. Nhà mình sát đường, họ đến Con cho thì có là bao Con không bao giờ được hỏi Quê hương họ ở nơi nào.	Con phải rắn dạy nó đi Nếu không thì con đem bán. Mình tạm gọi là no ấm Ai biết cơ trời vẫn xoay Lòng tốt gửi vào thiên hạ Biết đâu nuôi bổ sau này. (Trần Nhuận Minh – Dạy con)
--	---

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ?
Câu 2: Cho biết thái độ của người cha trong bài thơ qua cách nói với con: *Con không được, con không bao giờ được, con phải?*
Câu 3: Tìm ít nhất 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ? Vì sao tác giả lại dùng từ “hành khát” mà không dùng từ “người ăn mày” trong câu thơ đầu?
Câu 4: Theo em người cha muốn dạy con điều gì?

ĐỀ BÀI

Trong bài thơ « *Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà* », nhà thơ Quang Huy đã miêu tả một đêm trăng vừa tĩnh mịch vừa sinh động trên công trường sông Đà như sau :

*Lúc ấy
Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ
Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ
Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.*

Em thích nhất hình ảnh nào trong khổ thơ trên ? Vì sao ?

HƯỚNG DẪN

Học sinh có thể lựa chọn hình ảnh:

*Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp lánh sông Đà.*

- Đây là hình ảnh mang ý nghĩa về sự gắn bó, hòa quyện thật đẹp để giữa con người với thiên nhiên, giữa ánh trăng và dòng sông.
- Tiếng đàn ngân nga lan tỏa trong đêm trăng như lay động cả mặt nước sông Đà, làm cho dòng sông nhuốm đầy bóng trăng ấy trở nên lấp lánh, lung linh.
- Lòng người như đang đắm chìm trong khung cảnh trữ tình, trầm lắng.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Trong bài “*Bài ca về trái đất*”, nhà thơ Định Hải có viết:

*Trái đất này là của chúng mình
Quả bóng xanh bay giữa trời xanh
Bồ câu ơi, cánh chim gù thương mến
Hải âu ơi, cánh chim vờn sang biển
Cùng bay nào, cho trái đất quay!
Cùng bay nào, cho trái đất quay!*

Đoạn thơ trên giúp em cảm nhận được những điều gì về trái đất thân yêu?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Cảm nhận về trái đất thân yêu:

- Trái đất là tài sản vô giá của tất cả mọi người.
- Trái đất được so sánh với hình ảnh quả bóng xanh bay giữa trời xanh cho thấy vẻ đẹp của sự bình yên, của niềm vui trong sáng, hồn nhiên.
- Trái đất hoà bình luôn âm áp tiếng chim gù (hình ảnh chim bồ câu thường dùng làm biểu tượng của hoà bình).
- Trái đất đẹp và nên thơ với hình ảnh cánh chim hải âu bay chập chờn trên sóng biển.

Từ đó nhà thơ khơi gợi ở mỗi chúng ta mong muốn và ý thức gìn giữ hòa bình trên trái đất thương yêu.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Kết thúc bài thơ *Tiếng vọng*, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều viết:

*Đêm đêm tôi vừa chớp mắt
Cánh cửa lại rung lên tiếng đập cánh
Những quả trứng lại lăn vào giấc ngủ
Tiếng lẫn như đá lở trên ngàn.*

Đoạn thơ cho thấy những âm thanh và hình ảnh nào đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí tác giả?
Vì sao như vậy?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Đoạn thơ cho ta thấy những âm thanh và hình ảnh đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí tác giả: tiếng đập cánh của con chim sẽ nhỏ như cầu mong sự giúp đỡ trong đêm con bão về gần sáng; những quả trứng trong tổ không có chim mẹ ấp ủ sẽ mãi mãi không nở thành chim non được.

- Những hình ảnh đó làm nên tiếng vọng “khủng khiếp” trong giấc ngủ và trở thành nỗi băn khoăn, day dứt khôn nguôi trong tâm hồn tác giả.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Trong bài *Mùa thảo quả*, nhà văn Ma Văn Kháng tả hương thơm trong thảo quả như sau:

Gió tây lướt thướt ba qua rừng, quyến hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lung, thơm nồng vào những thôn xóm Chin San. Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm. Người đi rừng thảo quả về, hương thơm đậm ủ ấp trong từng nếp áo, nếp khăn.

Hãy nêu nhận xét về cách dùng từ, đặt câu nhằm nhấn mạnh hương thơm của thảo quả chín trong đoạn văn trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Tác giả đã lặp lại liên tiếp 3 lần từ “thơm” (điệp từ), dùng các từ thơm nồng, thơm đậm để nhấn mạnh hương thơm của thảo quả chín.

- Câu đầu của đoạn văn tuy dài nhưng được ngắt thành nhiều cụm từ diễn tả cơn gió mien man không dứt mang hương thơm của thảo quả chín trong rừng bay đi xa rộng.

- Ba câu ngắn tiếp nhấn mạnh, tạo ấn tượng về hương thơm của thảo quả chín như lan toả, thấm đượm vào tất cả thiên nhiên, đất trời. Hương thảo quả chín còn ủ ấp trong từng nếp áo, nếp khăn của người đi từ rừng về, thơm mãi với thời gian.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Trong bài *Mặt trời xanh của tôi*, nhà thơ Nguyễn Viết Bình viết:

*Rừng cọ ơi! Rừng cọ!
Lá đẹp, lá ngời ngời
Tôi yêu thương vẫn gọi
Mặt trời xanh của tôi.*

Theo em, khổ thơ trên đã bộc lộ tình cảm của tác giả đối với quê hương như thế nào?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Khổ thơ bộc lộ tình cảm thiết tha yêu quý của tác giả đối với rừng cọ của quê hương.

- Tác giả trò chuyện với rừng cọ như trò chuyện với người thân (“Rừng cọ ơi! Rừng cọ!”), tả những chiếc lá cọ vừa đẹp vừa ngời ngời sức sống. Hình ảnh “Mặt trời xanh của tôi” ở câu thơ cuối không chỉ nói lên sự liên tưởng, so sánh chính xác của tác giả (lá cọ xòe những cánh nhỏ dài trông xa như “mặt trời” tỏa chiếu những “tia nắng xanh”) mà còn bộc lộ rõ tình cảm yêu mến và tự hào của tác giả về rừng cọ của quê hương.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Kết bài *Hành trình của bầy ong*, nhà thơ Nguyễn Đức Mậu có viết:

Bầy ong giữ hộ cho người

Những loài hoa đã tàn phai tháng ngày.

Qua hai dòng thơ trên, em hiểu công việc của bầy ong có ý nghĩa gì đẹp đẽ?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Qua hai dòng thơ, ta thấy công việc của bầy ong có ý nghĩa thật đẹp đẽ bởi đó là công việc có ích.
 - Bầy ong rong ruổi khắp nơi để tìm hoa, hút nhụy, mang về làm thành những giọt mật thơm ngon. Những giọt mật ong được làm nên bởi sự kết tinh từ hương thơm vị ngọt của những loài hoa. Do vậy, dù hoa đã tàn phai theo thời gian nhưng ta vẫn cảm thấy những mùa hoa được “giữ lại” trong hương thơm, vị ngọt của mật ong. Có thể nói: bầy ong đã giữ gìn được vẻ đẹp của thiên nhiên để ban tặng con người, làm cho cuộc sống của con người thêm hạnh phúc.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Trong bà *Cô Tấm của mẹ*, nhà thơ Lê Hồng Thiện có viết:

Bao nhiêu công việc lặng thầm

Bàn tay của bé đỡ đàn mẹ cha

Bé học giỏi, bé nét na

Bé là cô Tấm, bé là con ngoan.

Đoạn thơ trên giúp em thấy được những điều gì đẹp đẽ ở cô bé đáng yêu?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Đoạn thơ cho thấy những điều đẹp đẽ ở cô bé đáng yêu: âm thầm, lặng lẽ làm nhiều công việc đỡ đàn cho cha mẹ, học hành giỏi giang, cư xử tốt với mọi người (tính nét tốt).
 - Cô bé là xứng đáng là cô Tấm trong gia đình, là con ngoan của cha mẹ, luôn đem đến niềm vui, hạnh phúc cho mọi người.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Mùa thu, vạt hoa cúc dại cũng nở bung hai bên đường. Những bông hoa cúc xinh dịu dàng, lung linh như từng hạt tia nắng nhỏ. Thảm cỏ may thì tím biếc nôn nao. Hoa cỏ may quần quýt từng bước chân, theo tận vào lớp học. Tiếng đọc bài ngân nga vang ra ngoài cửa lớp, khiến chú chim sâu đang nghiêng chiếc đầu nhỏ xinh tìm sâu trong kẽ lá cũng lịch rích hót theo. Giọt nắng sớm mai như vô tình đậu lên trang vở mới, bừng sáng lung linh những ước mơ.”

(Theo Huỳnh Thị Thu Hương)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.
- Chỉ ra phó từ trong câu văn “Mùa thu, vạt hoa cúc dại cũng nở bung hai bên đường.” và cho biết ý nghĩa của phó từ vừa tìm được.
- Xác định thành phần câu và nêu cấu tạo của vị ngữ cho câu văn sau:
 “Mùa thu, vạt hoa cúc dại cũng nở bung hai bên đường.”
- Xác định các từ láy được sử dụng trong đoạn văn trên.

ĐỀ BÀI

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Bàn tay yêu thương

Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thăm nghĩ: “Rồi các em sẽ lại vẽ những gói quà, những li kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh...”. Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh tên Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy tính biểu tượng này. Một em phán đoán: “Đó là bàn tay của bác nông dân”. Một em khác cự lại: “Bàn tay thon thả thế này hẳn là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật”... Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Đắc-gờ-lốt cười ngượng ngịu: “Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!”

Cô giáo ngán ngơ. Cô thường nhớ những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dặt Đắc-gờ-lốt ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ

lâu lâu vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hoá ra với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương”.

(Trích *Quả tặng cuộc sống*, dẫn theo Ngữ văn 6, tập một)

Câu 1: Giải nghĩa từ “biểu tượng”.

Đặt một câu có sử dụng từ này ở bộ phận vị ngữ.

Câu 2: Trong câu chuyện trên, nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả như thế nào? Bức tranh Đắc-gờ-lốt vẽ có gì khác lạ so với tranh của các bạn?

Câu 3: Vì sao bức tranh ấy lại được coi là “một biểu tượng của tình yêu thương”?

Câu 4: “*Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hoá ra với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương*”.

Còn em từ câu chuyện trên, em hiểu ra điều gì? Em thấy mình cần phải làm gì khi gặp những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh bất hạnh trong cuộc sống?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1: - Giải nghĩa “biểu tượng”: là hình ảnh sáng tạo nghệ thuật mang ý nghĩa tượng trưng.

- Đặt câu đúng với yêu cầu

Ví dụ: *Chim bồ câu là biểu tượng của hoà bình.*

Câu 2: - Nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả qua các chi tiết: *là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo.*

- Các bạn em vẽ những gói quà, li kem hoặc những món đồ chơi mà các bạn yêu thích, còn bức tranh em vẽ là một bàn tay. Đó là một bức tranh rất khác lạ gây tò mò cho cả lớp.

Câu 3: HS có thể viết thành đoạn hoặc thể hiện riêng từng ý, có thể có nhiều cảm nhận nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

Bức tranh được coi là biểu tượng của tình yêu thương vì:

- Bức tranh vẽ điều mà Đắc-gờ-lốt yêu thích nhất: bàn tay cô giáo;
- Bức tranh bày tỏ lòng biết ơn, tình yêu thương của Đắc-gờ-lốt tới cô giáo;
- Bức tranh thể hiện tình cảm, sự dịu dàng yêu thương của cô giáo dành cho học sinh của mình.

Câu 4:

- HS tự do thể hiện điều ý nghĩa mà mình cảm nhận được từ câu chuyện
- Việc cần làm với những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh khó khăn là không kì thị, xa lánh; luôn cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ họ....

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thân nhiên, không thương tiếc, không do dự vãn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến gần một ngọn cỏ xanh mềm mại. (Khái Hưng)

- a. Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn văn.
- b. Xác định các cụm danh từ có trong câu văn: *Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến gần một ngọn cỏ xanh mềm mại.*
- c. Qua việc miêu tả chiếc lá nhà văn muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì của cuộc sống con người?
- d. Chỉ rõ và phân tích tác dụng của biện pháp so sánh trong đoạn văn trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- a. Xác định đúng nội dung của đoạn văn: Sự lia cảnh đẹp, nên thơ của từng chiếc lá
- b. Các cụm danh từ: *một bông hoa thơm, một ngọn cỏ xanh mềm mại.*

c. Qua việc miêu tả chiếc lá nhà văn muốn gửi đến chúng ta thông điệp của cuộc sống con người về: Sự sống và cái chết.

d. *Chỉ ra phép so sánh

- Có chiếc **tựa** mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất **như** cho xong chuyện ... vẫn vơ.
- Có chiếc lá **như** con chim bị lao đảo mấy vòng trên không...
- Có chiếc lá nhẹ nhàng ... như thăm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại : cả một thời quá khứ dài đằng dặc của chiếc lá **không bằng** một vài giây bay lượn.
- Có chiếc lá **như** sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi **như** gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành.

* Tác dụng:

- Giúp người đọc hình dung những chiếc lá rụng một cách cụ thể , sinh động.
- Từ đó thể hiện sự tinh tế của tác giả khi miêu tả mỗi chiếc lá rơi đều khác nhau và bộc lộ những suy nghĩ sâu sắc của tác giả về sự sống, sinh tồn và cái chết

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Hãy trình bày cảm nhận của em về cái hay của phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ dưới đây:

*“Mây không bao giờ lớn được
Suốt ngày làm nũng mẹ Trời
Sáng ra mặc đồ xanh biếc
Trưa thay áo trắng tinh khôi”*

(Nguyễn Lâm Thắng – Mây trẻ con)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- HS phát hiện và gọi tên đúng biện pháp tu từ nhân hóa.
- Chỉ ra được hình ảnh nhân hóa: Hình ảnh "Mây" và một số từ ngữ tiêu biểu có tác dụng nhân hóa: *không bao giờ lớn được, làm nũng, mặc đồ xanh biếc, thay áo trắng tinh khôi.*
- Chỉ rõ tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa:
- * Biện pháp tu từ nhân hóa khiến hình ảnh những đám mây hiện lên ấn tượng với nét ngộ nghĩnh, xinh đẹp:

- Những đám mây trở nên sống động, có hồn, giống như một em bé: bé bỏng, nũng nịu, hồn nhiên... Tuy còn nhỏ nhưng Mây rất điệu, thích mặc quần áo đẹp, những tấm áo ấy được thay đổi liên tục khiến Mây biến hóa bất ngờ, mỗi lần lại mang một sắc màu lung linh, rực rỡ.

- Xuất phát từ thực tế: màu mây trời luôn thay đổi theo các thời điểm trong ngày, phụ thuộc vào lượng mây trên bầu trời nhiều hay ít và tác động của ánh sáng mặt trời chiếu rọi. Tác giả đã liên tưởng, đã nhân hóa hình ảnh đám mây giống như một em bé xúng xính trong những bộ quần áo mới...

* Những đám mây vốn là ảnh quen thuộc trong cuộc sống, nhưng nhờ biện pháp nhân hóa, tác giả giúp người đọc cảm nhận được những đám mây đầy màu sắc, vừa xinh đẹp vừa duyên dáng, đáng yêu như một con người.

* Biện pháp nhân hóa thể hiện cái nhìn, sự quan sát vô cùng tinh tế, tài tình của nhà thơ về cảnh vật và ta cũng thấy được tâm hồn yêu thiên nhiên của nhà thơ.

-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

ĐỀ BÀI

Trong khổ thơ sau, tại sao tác giả không dùng từ “lao xao”, “rì rào” mà lại viết “Gió lộng xôn xao”. Em hãy lí giải?

*Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa
Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát.*

(Mẹ Tom - Tố Hữu)

ĐỀ BÀI

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

MẸ ỚM

Cánh màn khép lỏng cả ngày
 Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa
 Nắng mưa từ những ngày xưa
 Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.
 Khấp người đau buốt, nóng ran
 Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm
 Người cho trứng, người cho cam
 Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.
 Sáng nay trời đổ mưa rào
 Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
 Cả đời đi gió đi sương
 Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.
 Mẹ vui con có quần gì
 Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca
 Rồi con diễn kịch giữa nhà
 Một mình con sắm cả ba vai chèo.
 Vì con, mẹ khổ đủ điều
 Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
 Con mong mẹ khỏe dần dần
 Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.
 Rồi ra đọc sách, cấy cày
 Mẹ là đất nước, tháng ngày của con ...
 (Trần Đăng Khoa)

Câu 1: (1.0điểm) Xác định phương thức biểu đạt trong văn bản trên?

Câu 2: (1.0điểm) “Nắng mưa từ những ngày xưa
 Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan”

Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ trên?

Câu 3: (2.0điểm) Tác dụng của biện pháp tu từ thể hiện trong hai câu thơ trên.

Câu 4: (2.0 điểm) Tình cảm của tác giả đối với mẹ thể hiện như thế nào trong bài thơ?

Câu 5: Từ nội dung trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 15 dòng) trình bày cảm nghĩ về mẹ của em

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1: - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp biểu cảm.

Câu 2: - Biện pháp tu từ ẩn dụ.

Câu 3: - Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ qua từ “lặn” trong câu thơ thứ hai.

Hs viết một đoạn văn có thể nêu các ý kiến khác nhau nhưng phải làm rõ được nét đặc sắc NT dùng từ “lặn” trong câu thơ với nội dung cơ bản như sau:

- Với việc sử dụng từ “lặn”, câu thơ thể hiện được sự gian lao vất vả của người mẹ trong cuộc sống.
- Thấy được nỗi gian truân, cực nhọc của đời mẹ không thể thay đổi, bù đắp ... (nếu thay các từ *ngắm, thắm*, ... chỉ nổi vất vả chỉ thoáng qua, có thể tan biến đi ...)

- Qua đó thêm yêu quý, kính trọng người mẹ hơn.

Câu 4 Tình cảm của tác giả đối với mẹ trong bài thơ:

- Tác giả đã bộc lộ tình cảm của một người con với mẹ - một tình cảm rất hồn nhiên của tuổi niên thiếu.

- Thấu hiểu nỗi vất vả cực nhọc của mẹ trong cuộc sống lam lũ mà em đã từng chứng kiến và cảm nhận.

- Nhìn những nếp nhăn hằn trên khuôn mặt mẹ, nhà thơ cảm động và thấy vô cùng biết ơn mẹ, đó cũng chính là tình cảm của mỗi chúng ta khi nghĩ về mẹ: Con yêu mẹ nhất trên đời, con yêu mẹ như yêu đất nước và mẹ cũng chính là Tổ quốc của riêng con!

Trong cuộc sống lao động cực nhọc, mẹ đã từng trải qua và vượt lên tất cả để vì cuộc sống và vì tương lai tốt đẹp của các con.

Câu 5: Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Giới thiệu khái quát về mẹ.
- Biểu cảm cụ thể về mẹ: ngoại hình, tính tình, tài năng (nét tiêu biểu) -> yêu, quý, khâm phục.
- Vai trò của mẹ đối với mình (quan trọng thế nào, nếu có, nếu không).
- Khẳng định tình cảm yêu quý của mình về mẹ.

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Cho đoạn thơ:

*Dòng sông mới điệu làm sao
Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha
Trưa về trời rộng bao la
Áo xanh sông mặc như là mới may
Trời chiều thơ thẩn áng mây
Cài lên màu áo hây hây ráng vàng
Rèm thêu trước ngực vàng trắng
Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên*

(Nguyễn Trọng Tạo)

a. Dòng sông ở bài thơ trên được miêu tả theo trình tự nào? Theo em, trình tự miêu tả ấy có tác dụng như thế nào?

b. Dựa vào đoạn thơ, em hãy viết một đoạn văn khoảng 10 dòng miêu tả hình ảnh dòng sông theo trí tưởng tượng của em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

* Về đẹp của dòng sông được thay đổi theo trình tự của thời gian:

- + Hình ảnh dòng sông khoác lên mình một màu lụa đào khi ánh mặt trời lên.
- + Trưa về, bầu trời cao, trong xanh, dòng sông lại được thay áo mới với một màu xanh trong tươi mát.
- + Những áng mây ráng vàng của buổi chiều tà lại điểm thêm cho chiếc áo của dòng sông một màu hoa sắc sỡ.

+ Buổi tối, dòng sông như lung linh kỳ diệu nhất bởi dòng sông được cài lên ngực một bông hoa của vàng trắng lung linh tỏa sáng cùng với muôn vàn vì sao lấp lánh trên bầu trời chiếu dội xuống dòng sông...

-> **VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....**

ĐỀ BÀI

Làm được điều gì đó

Tôi đang dạo bộ trên bãi biển khi hoàng hôn buông xuống. Biển đông người nhưng tôi lại chú ý đến một cậu bé cứ liên tục cúi xuống nhặt những thứ gì lên và ném xuống. Tiến lại gần hơn, tôi chú ý thấy cậu bé đang nhặt những con sao biển bị thủy triều đánh giạt vào bờ và ném chúng trở lại với đại dương.

- *Cháu đang làm gì vậy? – Tôi làm quen.*
- *Những con sao biển này sắp chết vì thiếu nước. Cháu phải giúp chúng. – Cậu bé trả lời.*
- *Cháu có thấy là mình đang mất thời gian không. Có hàng ngàn con sao biển như vậy. Cháu không thể nào giúp được tất cả chúng. Rồi chúng cũng sẽ phải chết thôi.*

Cậu bé tiếp tục nhặt một con sao biển khác và nhìn tôi mỉm cười trả lời:

- *Cháu biết chứ. Nhưng cháu nghĩ cháu có thể làm được điều gì đó chứ. Ít nhất cháu đã cứu được những con sao biển này.*

(Theo Hạt giống tâm hồn – Từ những điều bình dị, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh)

Suy nghĩ của em về hành động của cậu bé trong câu chuyện trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Về hình thức:

- Bố cục bài viết rõ ràng, kết cấu mạch lạc, ngắn gọn.
- Văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...

Về nội dung: Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài.

1. Hành động giúp đỡ những con sao biển để chúng trở về với biển cả của cậu bé là hành động nhỏ nhất, bình thường chẳng mấy ai quan tâm, để ý nhưng lại là hành động mang nhiều ý nghĩa:
- Góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên. - Thể hiện nét đẹp nhân cách của con người: Không thờ ơ, lạnh lùng, vô cảm trước sự vật, sự việc hiện tượng diễn ra xung quanh mình, đồng thời biết chia sẻ, giúp đỡ vật hoặc người khi gặp hoạn nạn, khó khăn.
2. Hành động của cậu bé trong câu chuyện đã cho ta bài học sâu sắc, thấm thía về những kỹ năng sống cần có ở mỗi con người:
- Biết yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống. - Có thói quen làm những việc tốt, những việc có ích dù đó là việc làm nhỏ.
3. Phê phán những hành động thiếu trách nhiệm với thiên nhiên và môi trường sống cũng như lối sống thờ ơ, vô cảm... trước sự vật, sự việc hiện tượng diễn ra xung quanh mình.
-> VIẾT THÀNH ĐOẠN VĂN.....

Chuyên đề 3: VĂN BẢN VÀ TẠO LẬP VĂN BẢN

A. Mục tiêu bài học:

- Củng cố kiến thức về văn bản và cách tạo lập văn bản, các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn.
- Biết cách tạo lập đoạn văn có sử dụng các phép liên kết thích hợp.
- Phân tích tác dụng của việc sử dụng các phép liên kết trong văn bản cụ thể.

B. Nội dung:

I. Thế nào là văn bản ?

- **Văn bản** là một phương tiện để ghi nhận, lưu giữ và truyền đạt các thông tin, quyết định từ chủ thể này sang chủ thể khác bằng một ký hiệu hay ngôn ngữ nhất định nào đó. Hay nói khác đi, văn bản là một dạng sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ được thể hiện ở dạng viết trên một chất liệu nào đó (giấy, bia đá...); gồm tập hợp các câu có tính trọn vẹn về nội dung, hoàn chỉnh về hình thức, có tính liên kết chặt chẽ và hướng tới một mục tiêu giao tiếp nhất định.

- Văn bản bao gồm các tài liệu, tư liệu, giấy tờ có giá trị pháp lý nhất định, được sử dụng trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế... như: các văn bản pháp luật, các công văn, tài liệu, giấy tờ

II. Các bước tạo lập văn bản: Khi có nhu cầu tạo lập văn bản, phải tiến hành theo các bước sau:

1) Định hướng tạo lập văn bản;

Đây là khâu quan trọng, có ý nghĩa tiên quyết đối với việc tạo lập một văn bản. Để định hướng cho quá trình tạo lập văn bản, cần phải xác định các vấn đề xoay quanh những câu hỏi sau:

- Viết cho ai? Câu hỏi này giúp cho người tạo lập VB xác định được đối tượng giao tiếp cần hướng tới.
- Viết để làm gì? Câu hỏi này giúp cho người tạo lập văn bản xác định được mục đích của việc tạo lập văn bản, chủ đề cần hướng tới.
- Viết về cái gì? Câu hỏi này giúp cho người tạo lập văn bản xác định được đề tài, nội dung cụ thể của VB.
- Viết như thế nào? Câu hỏi này giúp cho người tạo lập văn bản xác định được cách thức tạo lập, các phương tiện biểu đạt gắn với nội dung cụ thể đã được định hình, hình thức ngôn ngữ để biểu đạt nội dung ấy một cách hiệu quả nhất.

2) Tìm ý và sắp xếp thành dàn ý theo bố cục rõ ràng, hợp lý đáp ứng những yêu cầu định hướng trên.

Từ những nội dung đã xác định được trong bước định hướng, đến đây, người tạo lập văn bản tiến hành thiết lập hệ thống các ý, sắp xếp chúng theo bố cục hợp lý, đảm bảo liên kết nội dung, mạch lạc văn bản.

3) Viết thành văn bản hoàn chỉnh.

Đây là khâu trực tiếp cho ra “sản phẩm”. Người tạo lập văn bản dùng lời văn của mình diễn đạt các ý thành câu, đoạn, phần hoàn chỉnh. Ở bước này, các phương tiện liên kết hình thức được huy động để triển khai chủ đề, thể hiện liên kết nội dung, đảm bảo mạch lạc cho văn bản. Việc viết thành văn bản cần đạt được tất cả các yêu cầu: đúng chính tả, đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác, sát bố cục, có tính liên kết, mạch lạc, kể chuyện hấp dẫn, lời văn trong sáng.

4) **Kiểm tra lại văn bản:** Đây là khâu cuối cùng của quá trình tạo lập văn bản. “Sản phẩm” phải được kiểm tra lại, điều chỉnh những nội dung, cách diễn đạt chưa hợp lí, sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, viết đoạn, chuyển ý, ...

III. Đoạn văn và cách trình bày đoạn văn:

1. Đoạn văn và câu chủ đề.

a. Đoạn văn là gì?

- Là một phần của văn bản được tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng. Đoạn văn thường diễn đạt tương đối hoàn chỉnh một ý hoặc một nội dung nào đó.

- Ý chính của đoạn văn là ý bao trùm, ý chung mà tất cả các câu trong đoạn đều tập trung thể hiện.

b. Câu chủ đề.

- Câu chủ đề của đoạn văn là câu nêu lên ý chính, ý khái quát của cả đoạn. Câu chủ đề thường có cấu tạo tương đối ngắn gọn, đầy đủ thành phần chứa nhiều từ ngữ có nội dung khái quát, có thể là câu khẳng định, phủ định hoặc nghi vấn, câu chủ đề có thể đứng ở đầu, ở cuối hoặc cả hai vị trí này trong đoạn văn.

2. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn.

2.1. **Đoạn văn diễn dịch** (Có câu chủ đề): Đoạn diễn dịch là đoạn văn trong đó câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát **đứng ở đầu đoạn**, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề. Các câu triển khai được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, có thể kèm theo nhận xét, đánh giá và bộc lộ cảm nhận của người viết.

VD1: *Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phoir trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thắm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến môn trón một ngọn cỏ xanh mềm mại.*

VD2: *“Có đọc văn thơ mới biết trăng là một cái gì đẹp và quý lắm. Trăng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Trăng là cái đĩa bạc như tấm thảm lung da trời. Trăng toả sáng xuống trần gian. Trăng tuôn suối mát để những hồn khao khát ngụp lặn”.* (Nam Cao)

2.2. **Đoạn văn qui nạp** (Có câu chủ đề): Đoạn qui nạp là đoạn văn được trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát, từ ý luận cứ cụ thể đến ý kết luận bao trùm. Theo cách trình bày này, câu chủ đề nằm ở vị trí **cuối đoạn**. Ở vị trí này, câu chủ đề không làm nhiệm vụ định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn mà lại làm nhiệm vụ khép lại nội dung cho đoạn ấy. Các câu trên được trình bày bằng các thao tác lập luận, minh họa, cảm nhận và rút ra nhận xét đánh giá chung.

VD: *Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau... Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. **Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.*** (Trần Thanh Thảo)

2.3. **Đoạn tổng – phân – hợp** (Có câu chủ đề ở đầu và cuối đoạn văn): Đoạn tổng – phân – hợp là đoạn văn phối hợp diễn dịch với qui nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo triển khai cụ thể ý khái quát. Câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng. Những câu triển khai ý được thực hiện bằng các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá hoặc nêu suy nghĩ... để từ đó đề xuất nhận định đối với chủ đề, tổng hợp, khẳng định, nâng cao vấn đề.

VD: *Thế đấy, biển luôn luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thắm, biển cũng xanh thắm, như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt, nặng nề. Trời ảm ảm đông gió, biển đục ngầu giận dữ... **Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc dăm chiêu, gắt gỏng.*** (Vũ Tú Nam)

2.4. Đoạn văn song hành (Không có câu chủ đề): Đây là đoạn văn có các câu triển khai nội dung song song nhau, không nội dung nào bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn nêu một khía cạnh của chủ đề đoạn văn, làm rõ cho nội dung đoạn văn.

VD: Trong tập “*Nhật kí trong tù*” (Hồ Chí Minh), có những bài phác họa sơ sài mà chân thực đậm đà, càng tìm hiểu càng thú vị như đang chiêm ngưỡng một bức tranh cổ điển. Có những bài cảnh lồng lộng sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức tranh sơn mài thâm trầm, sâu sắc. (Lê Thị Tú An)

VD: “Mặt trời nhô lên cao dần, gió bắt đầu mạnh. Gió lên, nước biển càng giữ khoảng mệnh mông âm ỉ, càng lan rộng mãi vào. Bãi Vẹt đã ngập lưng lưng. Biển cả như muốn nuốt tươi con đò mỏng manh như con cá mập đớp con cá chim nhỏ bé”. (Chu Văn)

VD: Nếu Thuý Vân có vẻ đẹp phúc hậu, đoạn trang thì trái lại Thuý Kiều lại mang một vẻ đẹp “sắc sảo, mặn mà”. Nếu Thuý Vân có sắc đẹp kiêu diễm với khuôn mặt đầy đặn như trăng tròn, miệng cười tươi như hoa, tiếng nói trong như ngọc thì Thuý Kiều lại có sắc đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành” với đôi mắt trong như nước mùa thu, đôi lông mày đẹp như dáng núi mùa xuân.

2.5. Đoạn văn móc xích: Đoạn văn có kết cấu móc xích là đoạn văn mà các ý gôi đầu, đan xen nhau và thể hiện cụ thể bằng việc lặp lại một vài từ ngữ đã có ở câu trước vào câu sau. Đoạn móc xích có thể có hoặc không có câu chủ đề.

VD: Đọc thơ Nguyễn Trãi, nhiều người đọc khó mà biết có đúng là thơ Nguyễn Trãi không. Đúng là thơ Nguyễn Trãi rồi thì cũng không phải là dễ hiểu đúng. Lại có khi chữ hiểu đúng, câu hiểu đúng mà toàn bài không hiểu. Không hiểu vì không biết chắc bài thơ bài thơ được viết ra lúc nào trong cuộc đời nhiều nổi chìm của Nguyễn Trãi. Cũng một bài thơ nếu viết năm 1420 thì có một ý nghĩa, nếu viết năm 1430 thì nghĩa khác hẳn. (Hoài Thanh)

2.6. Đoạn văn so sánh: Đoạn văn so sánh có sự đối chiếu để thấy cái giống nhau hoặc khác nhau giữa các đối tượng, các vấn đề,... để từ đó thấy được chân lí của luận điểm hoặc làm nổi bật luận điểm trong đoạn văn. Có hai kiểu so sánh khi viết đoạn văn là: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

a. So sánh tương đồng: Đoạn văn có sự so sánh tương tự nhau dựa trên một ý tưởng.

VD1: Ngày trước ông cha ta có câu “*Có công mài sắt có ngày nên kim*”. Cụ Nguyễn Bá Học, một nho sĩ đầu thế kỉ XX cũng viết: “*Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông*”. Sau này vào những năm bốn mươi giữa bóng tối ngục tù của Tưởng Giới Thạch, nhà thơ Hồ Chí Minh cũng đề cập tới tinh kiên nhẫn, chấp nhận gian lao qua bài thơ “*Nghe tiếng giã gạo*”, trong đó có câu: “*Gian nan rèn luyện mới thành công*”. Câu thơ thể hiện phẩm chất tốt đẹp, ý chí của Hồ Chí Minh đồng thời còn là châm ngôn rèn luyện cho mỗi chúng ta. (Lê Bá Hân)

VD2: Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. (Hồ Chí Minh)

b) So sánh tương phản

So sánh tương phản là đối chiếu các mặt trái ngược nhau để làm nổi bật luận điểm.

VD1: Để bênh vực cho sự xuất hiện của Thơ mới, diễn đạt những tình cảm mới mang màu sắc riêng của thời đại, Lưu Trọng Lư viết: Các cụ ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng Ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi..., cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...

VD2: Trong cuộc sống không thiếu những người cho rằng cần học tập để thành tài, có tri thức hơn người khác mà không hề nghĩ tới việc rèn luyện đạo đức, lễ nghĩa, vốn là giá trị cao quý nhất trong các giá trị của loài người. Những người luôn hợm mình, tự cao tự đại, nhiều khi trở thành những kẻ có hại cho xã hội. Đối với những người ấy, chúng ta cần giúp họ hiểu rõ lời dạy của người xưa: “**Tiên học lễ, hậu học văn**” (Nguyễn Quang Ninh)

2.7. Đoạn văn có kết cấu đòn bẩy, bắc cầu: Đoạn văn kết cấu đòn bẩy, bắc cầu là đoạn văn mở đầu nêu một nhận định, dẫn một câu chuyện hoặc một đoạn thơ văn, những dẫn chứng gần giống hoặc trái với ý tưởng (Chủ đề của đoạn) tạo thành điểm tựa, làm cơ sở để phân tích sâu sắc ý tưởng đề ra.

VD: “*Quen biết khắp thiên hạ, hiểu được mình có mấy người*”. Bình thường chúng ta hay than vãn không tìm được người bạn hiểu được mình. Quả đúng như vậy, tri âm khó tìm, cuộc đời có thể có được người hiểu mình, thì không còn gì đáng tiếc! Nhưng, kết bạn không chỉ là việc của riêng đơn phương một người, mà tâm ý của cả hai phải hiểu rõ nhau, nếu chỉ một phía có tâm, một bên vô tâm thì sẽ khó thành bạn bè được. Một bên nghèo hèn, một bên giàu có, tình bạn cũng có cơ hội trải nghiệm đôi no. Kết giao bạn bè, có thể cùng chung hoạn nạn, sinh tử không sợ mới có thể thấy rõ chân tình, mới đáng để ca tụng.

(Hoài Thanh)

2.8. Nêu phản đề: Nêu phản đề là nêu ra một luận điểm giả định và phát triển nó cho đến tận cùng để chứng tỏ đó là luận điểm sai và từ đó mà khẳng định luận điểm của mình. Đây là cách lật ngược vấn đề để xem xét.

VD: Giả sử, nếu không có Thơ mới thì sau Cách mạng tháng Tám, tình hình thơ ca sẽ ra thế nào? Chắc chắn là từ các thể thơ cũ, bát cú, tuyệt cú, cổ phong mà nhảy vọt lên để sớm có được những thành tựu như của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu... trong kháng chiến lần thứ nhất, là chuyện khó quan niệm nổi. Lịch sử là sợi dây chuyền mà mỗi khâu trong đó đều có vai trò trong quá trình phát triển.

(Lê Đình Kì)

2.9. Vấn đáp: Vấn đáp là nêu câu hỏi rồi trả lời hoặc để người đọc tự trả lời.

VD: Những câu thơ này của Nguyễn Du:

Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một và bông lau

thì có quan hệ gì với “đạo đức”? Câu thơ tưởng như chẳng dính líu gì đến đạo đức cả. Nó không dạy cho người ta phải làm việc này thiện, việc kia thiện. Nhưng một câu thơ như thế làm cho người ta nhìn thấy cảnh mà động lòng thương, nó cho ta thấy ngọn “gió hiu hiu thổi” và cảm thấy đằng sau đó còn có cái gì nữa. Con người đã giàu lòng thông cảm như thế, đã động lòng được với từng ngọn cỏ, lá cây, thì làm sao mà không động lòng thương những nỗi khổ của con người được? (Nguyễn Đình Thi)

IV. Liên kết câu và liên kết đoạn văn.

1. Liên kết câu: Là sự kết nối ý nghĩa giữa câu với câu, giữa câu với toàn văn bản. Các câu liên kết với nhau phải có nội dung cùng hướng về những sự việc chung cần nói đến. Những từ, tổ hợp từ được dùng để thực hiện liên kết câu được gọi là những phương tiện liên kết. Sử dụng phương tiện liên kết cùng loại để liên kết câu gọi là các phép liên kết.

- **Liên kết về nội dung:** Là quan hệ giữa đề tài và quan hệ lô gic giữa câu với câu và giữa câu với đoạn văn.

- **Liên kết về mặt hình thức:** là việc sử dụng các từ ngữ cụ thể có tác dụng liên kết giữa câu với câu, câu với đoạn văn.

2. Các phép liên kết:

a. Phép lặp: Phép lặp là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau.

Phép lặp, ngoài khả năng kết nối các bộ phận hữu quan của văn bản lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng...

+ **Lặp ngữ âm:** Lặp ngữ âm là hiện tượng hiệp vần và cắt nhịp đều đặn các câu trong văn bản. Vai trò của lặp ngữ âm rất hiển nhiên trong thơ. Có trường hợp văn bản tồn tại chủ yếu bằng liên kết vần nhịp, không có liên kết ở mặt ý nghĩa. (văn được in thẳng)

Ví dụ: Đòn gánh / có mẫu

Củ ấu / có sừng

Bánh chưng / có lá

Con cá / có vây

Ông thầy / có sách

Đào ngạch / có dao

Thợ rào / có búa...

(Ngoài lặp vần nhịp, ở đây cũng còn có hiện tượng lặp cú pháp "a có b". Sự liên kết giữa những câu cụ thể với nhau thường được thực hiện cùng một lúc bằng nhiều phương tiện liên kết, và những phương tiện liên kết này có thể thuộc về những phép liên kết khác nhau. Khi chúng ta xem xét một phương tiện liên kết nào đó, hoặc một phép liên kết nào đó, là chúng ta tạm thời bỏ qua những phương tiện liên kết khác có thể đang có mặt).

+ **Lặp từ ngữ:** Lặp từ ngữ nhắc lại những từ ngữ nhất định ở những phần không quá xa nhau trong văn bản nhằm tạo ra tính liên kết giữa những phần ấy với nhau.

Ví dụ: *Buổi sáng, Bé dậy sớm ngồi học bài. Dậy sớm học bài là một thói quen tốt. Nhưng phải cố gắng lắm mới có được thói quen ấy. Rét ghê. Thế mà Bé vùng dậy, chui ra được khỏi cái chăn ấm. Bé ngồi học bài.*

+ **Lặp cú pháp:** Lặp cú pháp là dùng nhiều lần một kiểu cấu tạo cú pháp nào đó (có thể nguyên vẹn hoặc biến đổi chút ít) nhằm tạo ra tính liên kết ở những phần văn bản chứa chúng. Lặp những cấu tạo cú pháp đơn giản và ngắn gọn để gây hiệu quả và nhịp điệu, nhờ đó gia tăng được tính liên kết (X. ví dụ về bài đồng dao trên kia)

Ví dụ 1: *Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!*

b. Phép thế: Phép thế là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng. Có 2 loại phương tiện dùng trong phép thế là thay thế bằng từ ngữ đồng nghĩa và thế bằng đại từ. Dùng phép thế không chỉ có tác dụng tránh lặp đơn điệu, mà còn có tác dụng tu từ nếu chọn được những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp dùng.

+ **Thế đồng nghĩa:** Thế đồng nghĩa bao gồm việc dùng từ đồng nghĩa, cách nói vòng (nói khác đi), cách miêu tả thích hợp với từ ngữ được thay thế.

Ví dụ: *Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm...* (Nguyễn Đình Thi)

+ **Thế đại từ:** Thế đại từ là dùng những đại từ (nhân xưng, phiếm định, chỉ định) để thay cho một từ ngữ, một câu, hay một ý gồm nhiều câu v. v... nhằm tạo ra tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng.

VD1: *Rõ ràng Trống Chọi của chúng ta đã hết tuổi bé bỏng thơ ngây. Chú chẳng còn phải quần quýt quanh chân mẹ nữa rồi.* (Hải Hồ)

VD2: *Dân tộc ta có một lòng yêu nước nồng nàn. Đó là một truyền thống quý báu của ta* (Hồ Chí Minh)

c. Phép liên tưởng: Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản.

Phép liên tưởng khác phép thế ở chỗ trong phép thế thì dùng những từ khác nhau để chỉ cùng một sự vật; trong phép liên tưởng, đó là những từ ngữ chỉ những sự vật khác nhau có liên quan đến nhau theo lối từ cái này mà nghĩ đến cái kia (liên tưởng).

Sự liên tưởng có thể diễn ra giữa những sự vật cùng chất cũng như giữa những sự vật khác chất.

+ **Liên tưởng cùng chất:**

Ví dụ 1 (liên tưởng theo quan hệ bao hàm):

Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những con sít lông tím, mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những con bói cá mỏ dài lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trùi trùi len lỏi giữa các bụi ven bờ.

Quan hệ bao hàm còn thể hiện rõ trong quan hệ chỉnh thể - bộ phận (cây: lá, cành, quả, rễ...) hoặc trong quan hệ tập hợp - thành viên của tập hợp (quân đội: sĩ quan, binh lính.....)

Ví dụ 2 (liên tưởng đồng loại):

Cóc chết bỏ nhái mò côi,

Châu ngồi châu khóc: Chàng ôi là chàng!

Ênh ương đánh lệnh đã vang!

Tiền đâu mà trả nợ làng ngóe ời!

Ví dụ 3 (liên tưởng về số lượng):

Năm hôm, mười hôm... Rồi nửa tháng, lại một tháng. (Nguyễn Công Hoan)

+ Liên tưởng khác chất:

Ví dụ 1 (liên tưởng theo quan hệ định vị giữa các sự vật):

Nhân dân là bể

Văn nghệ là thuyền (Tổ Hữu)

Ví dụ 2 (liên tưởng theo công dụng - chức năng của vật):

Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn Tháp Bút

Viết thơ lên trời cao (Trần Đăng Khoa)

Ví dụ 3 (liên tưởng theo đặc trưng sự vật):

Mặt trời lên bằng hai con sào thì ông về đến con đường nhỏ rẽ về làng. Không cần phải hỏi thăm nữa cũng nhận ra rằng tre ở trước mặt kia là làng mình rồi. Cái chấm xanh sẫm nhô lên đó là cây đa đầu làng. Càng về đến gần càng trông rõ những quán chợ khăng khiu nắp dưới bóng đa. (Nguyễn Đình Dũng) -> Làng được đặc trưng bằng rằng tre, cây đa, quán chợ

Ví dụ 4 (liên tưởng theo quan hệ nhân - quả, hoặc nói rộng ra: theo phép kéo theo như tuy... nhưng (nghịch nhân quả), nếu... thì (điều kiện/giả thiết - hệ quả).

Đồn địch dưới thấp còn cách xa gần bốn trăm thước đang cháy thật, tre nửa nổ lớp lớp như cả cái thung lũng đang nổ cháy. Khói lửa dày đặc không động dậy bên dưới, mà bốc ngọn mỗi lúc một cao, ngùn ngụt, gió tạt về phía đồi chỉ huy vàng rực, chói lòa trong nắng, hơi nóng bốc lên tận những đỉnh núi bố trí. (Trần Đăng) -> Có khói lửa, hơi nóng là do nổ cháy.

d. Phép nghịch đối: Phép nghịch đối sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau. Những phương tiện liên kết thường gặp dùng trong phép nghịch đối là:

- Từ trái nghĩa
- Từ ngữ phủ định (đi với từ ngữ không bị phủ định)
- Từ ngữ miêu tả (có hình ảnh và ý nghĩa nghịch đối)
- Từ ngữ dùng ước lệ

Ví dụ 1 (dùng từ trái nghĩa):

Gia đình mất hẳn vui. Bà khổ, Liên khổ, mà ngay chính cả y cũng khổ. (Nam Cao)

Ví dụ 2 (dùng từ ngữ phủ định):

Những vấn đề vật chất giải quyết không khó đâu. Bây giờ các đồng chí gặp khó khăn, theo tôi nghĩ, một phần lớn là do không có người quản lí. Có người quản lí rất tận tụy, đồng thời rất kiên trì, thì giải quyết được rất nhiều việc. (Phạm Văn Đồng)

Ví dụ 3 (dùng từ ngữ miêu tả):

Dẫu sao thì tôi vẫn mắc nợ anh ấy một chút lòng tử tế. Gặp lúc cần đến tôi, tôi phải lấy sự tử tế ra mà đối lại. Không lẽ tôi ghê lạnh? Tôi đành xếp tập giấy đang viết dở lại, đi theo anh ấy vậy... (Nam Cao)

Ví dụ 4 (dùng từ ngữ ước lệ):

Biết rất rõ về tôi, địch quyết bắt tôi khuất phục. Nhưng tôi quyết giữ vững lập trường chiến đấu của mình. (Nguyễn Đức Thuận)

e. Phép nối: Phép nối là cách dùng những từ ngữ sẵn mang ý nghĩa chỉ quan hệ (kể cả những từ ngữ chỉ quan hệ cú pháp bên trong câu), và chỉ các quan hệ cú pháp khác trong câu, vào mục đích liên kết các phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau.

+ Nối bằng kết từ:

Kết từ (quan hệ từ, từ nối) là những hư từ quen thuộc dùng để chỉ quan hệ giữa các từ ngữ trong ngữ pháp câu, như và, với, thì, mà, còn, nhưng, vì, nếu, tuy, cho nên... Kết từ cũng được dùng để liên kết trong những cấu tạo ngôn ngữ lớn hơn câu.

Ví dụ 1: Nguyễn Trãi sẽ sống mãi trong trí nhớ và tình cảm của người Việt Nam ta. Và chúng ta phải làm cho tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi rạng rỡ ra ngoài bờ cõi nước ta. (Phạm Văn Đồng)

Ví dụ 2: *Mỗi tháng, y vẫn cho nó dăm hào. Khi sai nó trả tiền giặt hay mua thức gì, còn năm ba xu, một vài hào, y thường cho nốt nó luôn. Nhưng cho rồi, y vẫn thường tiếc ngấm ngấm. Bởi vì những số tiền cho lật vật ấy, gộp lại, trong một tháng, có thể thành đến hàng đồng.* (Nam Cao)

+ Nói bằng kết ngữ:

Kết ngữ là những tổ hợp từ gồm có một kết từ với một đại từ hoặc phụ từ, kiểu như vì vậy, do đó, bởi thế, tuy vậy, nếu vậy, vậy mà, thế thì, với lại, và lại... hoặc những tổ hợp từ có nội dung chỉ quan hệ liên kết kiểu như nghĩa là, trên đây, tiếp theo, nhìn chung, tóm lại, một là, ngược lại...

Ví dụ 1: *Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác, đều dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc.* (Hồ Chí Minh)

Ví dụ 2: *Một hồi còi khàn khàn vang lên. Tiếp theo là những tiếng bước chân bình bịch, những tiếng khua rộn rã: phu nhà máy rượu bia chạy vào làm.* (Nam Cao)

+ Nói bằng trợ từ, phụ từ, tính từ:

Một số trợ từ, phụ từ, tính từ tự thân mang ý nghĩa quan hệ được dùng làm phương tiện liên kết nối các bộ phận trong văn bản, chẳng hạn như cũng, cả, lại, khác...

Ví dụ 1: *Gà lên chuồng từ lúc nãy. Hai bác ngan cũng đã ì ạch về chuồng rồi. Chỉ duy có hai chú ngỗng vẫn tha thẩn đứng giữa sân.* (Tô Hoài)

Ví dụ 2: *Tiếng hát ngừng. Cả tiếng cười.* (Nam Cao)

Ví dụ 3: *Tôi biết trong vụ này anh không phải là thủ phạm. Thủ phạm là người khác cơ.*

+ Nói theo quan hệ chức năng cú pháp (thành phần câu hiểu rộng):

Ví dụ 1 (câu dưới bậc tương đương bổ ngữ của động từ):

Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ. Chức năng và vinh dự của thơ. (Phạm Hồ)

Ví dụ 2 (câu dưới bậc tương đương trạng ngữ của câu):

Sáng hôm sau. Hấn thức dậy trên cái giường nhà hấn. (Nam Cao)

3. Liên kết đoạn văn:

- Là cách liên kết làm cho ý giữa đoạn văn với đoạn văn liền mạch với nhau. Có thể dùng tất cả các phương tiện liên kết câu để liên kết đoạn văn. Ngoài ra còn có thể sử dụng một số phương tiện khác.

- Để liên kết đoạn văn thì các đoạn phải có nội dung phục vụ, hướng vào chủ đề chung của văn bản. Các đoạn văn phải được sắp xếp theo trình tự hợp lý.

*** Một số PT để liên kết:**

a) Dùng các từ ngữ chỉ trình tự, phương diện, sự bổ sung: Trước hết, đầu tiên, thứ nhất; tiếp theo, sau nữa, cuối cùng, một mặt, mặt khác, và lại, hơn nữa.

Bắt đầu là tìm hiểu. Tìm hiểu là phải đặt bài văn vào hoàn cảnh lịch sử của nó.

Sau khâu tìm hiểu là khâu cảm thụ. Hiểu đúng bài văn đã tốt. Hiểu đã bắt đầu thấy nó bay, nhưng chưa đủ.

b) Dùng các từ ngữ có ý nghĩa chỉ sự tổng kết, khái quát: Tóm lại, tổng kết lại, nhìn chung.

Bấy giờ khi Bác viết gì cũng đưa cho một số đồng chí xem lại, chỗ nào khó hiểu thì các đồng chí bảo cho mình sửa chữa.

Nói tóm lại, viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ.

c) Dùng từ ngữ chỉ ý đối lập, tương phản: Trái lại, tuy vậy, thế mà, nhưng....

VD: Văn thơ của Bác là một di sản tinh thần vô giá. Nhiều tác phẩm của Bác thực sự là những công trình bậc thầy. Tuy vậy, chưa bao giờ Bác nghĩ là mình làm thơ.

d) Dùng câu nối để liên kết đoạn văn.

- Câu nối liên kết với phần trước của văn bản: Trên đây, ở trên, trên kia, trước tiên, trở nên, như vậy, như thế + chúng ta đã,...(tóm tắt nội dung đã trình bày)

- Câu nối liên kết với phần sau của văn bản: Tiếp theo, sau đây, dưới đây, nhưng + chúng ta sẽ,...+ (ý tóm tắt nội dung sẽ trình bày)

- Câu nối hướng cả về phần trước và phần sau của văn bản

+ Trên đây, chúng ta đã,..., dưới đây, chúng ta sẽ

+ Ở trên mới chỉ,..., phần tiếp theo chúng ta sẽ xét kỹ

+ Chúng ta đã dành một số....sau đây chúng ta sẽ xem như thế nào?

+ Ngược lên trên là tất cả những....còn phần sau đây sẽ đề cập tới...

V. Luyện tập:

Bài tập 1: Đọc đoạn văn dưới đây và xác định các phép liên kết về mặt hình thức:

"Một ông bố đang đọc tạp chí và cô con gái nhỏ của ông cứ làm ông phân tâm mãi.

Để làm cho cô bé bận rộn, ông xé một trang in bản đồ thế giới ra. Ông ta xé nó ra từng mảnh và yêu cầu cô con gái đi vào phòng và xếp chúng lại thành một bản đồ hoàn chỉnh.

Ông chắc chắn rằng cô bé sẽ mất cả ngày để hoàn tất nó. Nhưng chỉ sau vài phút cô bé đã quay trở lại với tấm bản đồ hoàn hảo

Khi ông bố ngạc nhiên hỏi tại sao cô bé có thể xếp nhanh như vậy, cô bé đáp, "Oh Cha, có một khuôn mặt của một người đàn ông ở phía bên kia của tờ giấycon chỉ việc xếp theo gương mặt đó và sau đó con có được bản đồ hoàn chỉnh!"

(Hành trang cuộc sống - Quà tặng cuộc sống)

Bài tập 2: Viết đoạn văn trong đó có sử dụng các phương tiện liên kết.

1. Chủ đề học tập: Học tập luôn là tài sản quý giá của con người. Vì học tập giúp chúng ta mở mang trí óc, biết được nhiều điều xung quanh chúng ta. Ta có thể học theo nhiều cách ngoài thầy cô, cha mẹ, ta còn nên học tập bạn bè, những người hiểu biết rộng hơn chúng ta để thu nhập được một số lượng lớn kiến thức mà mình chưa có hay chưa từng biết đến. Cuộc đời con người chỉ có một con đường dẫn đến thành công là học tập. Nếu như không học chúng ta sẽ có hiểu biết hạn hẹp, đầu óc sẽ trở nên lú lẫn và từ đó mà ta chẳng thể làm được điều gì cả. Và hãy thử nghĩ xem nếu bạn không học mà tình cờ muốn mua một loại thuốc trong khi bản thân lại không biết chữ thì làm sao bạn có thể mua được nó; bạn không biết tính toán thì sao mua được đồ ăn? Khi không học chúng ta sẽ khó xử như thế đấy vậy nên chúng ta phải học. Học có chất lượng để hiểu biết, để tận hưởng được hết những trải nghiệm quý giá trong cuộc đời.

2. Lòng biết ơn: Biết ơn là một phẩm chất mà con người cần có. Bởi vì ngay từ khi còn rất nhỏ, ta được cha mẹ, ông bà nuôi nấng chăm sóc, khi đi học lại được thầy cô dạy dỗ kiến thức khoa học và cách làm người. Bên cạnh đó bạn bè cho ta sự giúp đỡ chân tình. Để đáp lại tất cả những điều đó, mỗi chúng ta luôn ghi nhớ và phải sống chân tình như mọi người đã đối với ta. Đó chính là lòng biết ơn sâu nặng và cách trả ơn tốt nhất của ta cho mọi người, cho cuộc đời này.

3. Bảo vệ môi trường: Ngày nay môi trường đang bị ô nhiễm nặng nề, mà nguyên nhân chính là do con người. Vì vậy việc bảo vệ môi trường là vô cùng cần thiết, trong đó có việc vệ sinh môi trường. Vệ sinh môi trường là cách giúp môi trường lành mạnh nhờ những việc làm nhỏ mà ý nghĩa. từ việc nhặt một miếng rác bỏ vào thùng rác đến việc làm lớn hơn như xử lý tốt các chất thải, từ việc vận khóa tiết kiệm nước đến cả một vấn đề lớn hơn là tiết kiệm nguồn tài nguyên... Ngay từ bây giờ, chúng ta cũng có thể vệ sinh môi trường bằng nhiều cách đơn giản: vứt rác đúng nơi quy định, vệ sinh tập thể nơi mình đang sinh sống, tiết kiệm nguồn nước... Vệ sinh môi trường có vai trò vô cùng lớn trong việc cân bằng sinh thái, điều hòa khí hậu, ngăn ngừa thiên tai, giúp môi trường đất, nước, không khí thêm trong lành...

4. Về một giấc mơ: Khi chiếc lá ngả màu vàng ứa, làn gió khẽ mơn man đồ mùa xô nghiêng trên vai, khi những con đường se lạnh co rúm mình lại trong màu hoàng hôn tím ngắt, lòng chợt buồn man mác khi nhớ về những điều đã qua nghĩa là thu đã về. Trời thật xanh và nắng thật nhạt nhưng cũng đủ để nhận thấy sự tồn tại của nắng. Sẽ không có gì khoan khoái bằng cảm giác đi trong tiết trời se lạnh, trên con đường dài ngun ngút hai hàng cây và lắng tai nghe tiếng lá vàng xào xạt dưới chân. Thỉnh thoảng lại có cơn gió nhẹ thổi qua nựng nhẹ các cánh hoa cúc vàng bên đường như thầm khen cho vẻ đẹp bình dị của loài hoa có hương thơm rất nhẹ này. Đó là những gì tôi tưởng tượng ra và thường thấy trong các giấc mơ của mình.

5. Quê hương.

Đoạn 1: Quê hương em rất thanh bình và yên tĩnh, có những cánh đồng thẳng cánh cò bay chạy theo những con đường làng quanh co. Những buổi sáng mùa xuân đứng ở đầu làng mà nhìn cánh đồng thì thích thú biết bao! Gió xuân nhẹ thổi sóng lúa nhấp nhô từng đợt đuổi nhau ra xa tít. Một đàn cò trắng đang rộng đôi cánh bay qua, nổi bật trên nền trời xanh thẳm. Đầu làng có con sông nước xanh ngắt, trong lành. Vào những buổi dân làng đi làm cỏ, cánh đồng rộn lên những câu hò, câu hát vang trời. Gần cánh đồng có cây đa to để mọi người ngồi nghỉ sau những buổi lao động mệt nhọc. Mùa lúa chín, trong biển lúa vàng ánh lên

màu đen nhánh của những cái liềm của người dân đi gặt. Rải rác khắp cánh đồng là những chiếc nón trắng của người đi gặt nhắp nhô lên xuống.

-> Những từ đồng nghĩa là: thanh bình và yên tĩnh; xanh thắm và xanh ngắt.

Đoạn 2: “Quê tôi sớm tinh mơ .. tiếng gà gọi cha vác quốc ra đồng ...ai đem nắng đông đầy đôi vai....cháy những giọt mồ hôi.....” Ôi! Quê hương! Tiếng gọi thiêng liêng của người công dân bé nhỏ gọi về nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tôi yêu quê tôi! Yêu những cánh diều vi vu trên bầu trời xanh thắm. Yêu những buổi đi bắt dế, cào cào dưới cánh đồng cỏ. Những đêm trải chiếu ngòi tụ tập ngắm ánh trăng sáng chiếu qua kẽ lá, nghe già làng kể chuyện. Tôi yêu quê tôi! Yêu những tháng ngày đã trôi qua ấy! Nếu mai này, khi tôi đã tiến đến thành công và rời xa quê hương thì tôi vẫn sẽ mãi nhớ đến nó, bởi từ lâu, nó đã là một kỷ niệm đẹp để chiếm gọn một chỗ trong tim tôi!

- Từ trái nghĩa : trên >< dưới

- Từ đồng âm : chiếu

Đoạn 3: Mỗi người đều có một niềm tự hào lớn về quê hương - nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tôi cũng vậy, tôi đam mê, tôi yêu thích những hôm bầu trời trong lành, những cánh diều bay vi vu trong gió, yêu cây đa cổ thụ đầu làng,.... *Yêu nhất là cây đa cổ thụ, ngồi nghe các lão trong làng kể lại thì nó được trồng từ khoảng 100 năm trước.* Vậy nên gốc cây nhiều rễ nhô ra, thân cây sần sùi, màu nâu khô khoắn, những tán lá xanh mướt tràn đầy sức sống vươn rộng ra tận mái đình. Những chú chim như hòa vui cùng xóm làng, chúng vui vẻ vang ca lãnh lót bên tai chào một ngày mới bắt đầu. Dòng sông uốn lượn như một dải lụa hồng xuôi dòng chảy êm ả. Những bông lúa xanh non khoác trên mình những giọt sương, giọt pha lê long lanh, huyền ảo như tô điểm cho một quê hương thanh bình. Thanh bình, yên ả, và đẹp một cách giản dị như vậy, thì ai có thể quên đi được chính quê hương của mình.

6. Tả về mẹ: Trong gia đình, ai cũng thương yêu em hết mực, nhưng me là người gần gũi, chăm sóc em nhiều nhất. Năm nay, me em bốn mươi tuổi. Với thân hình mảnh mai, thon thả đã tôn thêm vẻ đẹp sang trọng của người mẹ hiền từ. Mái tóc đen óng mượt mà dài ngang lưng được mẹ thắt lên gọn gàng. Đôi mắt mẹ đen láy luôn nhìn em với ánh mắt triu mến thương yêu. Khuôn mặt mẹ hình trái xoan với làn da trắng. Đôi môi thắm hồng nằm dưới chiếc mũi cao thanh tú càng nhìn càng thấy đẹp. Khi cười, nhìn mẹ tươi như đóa hoa hồng vừa nở ban mai. Đôi bàn tay mẹ rạm nắng các ngón tay gầy gầy xương xương vì mẹ phải tảo tần để nuôi nấng, diu dặt em từ thưở em vừa lọt lòng. Mẹ làm nghề nông nhưng mẹ may và thêu rất đẹp. Đặc biệt mẹ may bộ đồ trông thật duyên dáng, sang trọng. Ở nhà, mẹ là người đảm nhiệm công việc nội trợ. Mẹ dạy cho em các công việc nhẹ nhàng như: quét nhà, gấp quần áo... Mẹ em là vậy. Me ơi, con yêu mẹ lắm! Mỗi khi được mẹ ôm ấp trong vòng tay ấm áp của mẹ, con thấy mình thật hạnh phúc vì có mẹ. Me ơi! Có mẹ, con thấy sướng vui. Có mẹ, con thấy ấm lòng. Trong trái tim con, mẹ là tất cả, mẹ là cô tiên tuyệt vời nhất trong cuộc đời con. Con luôn yêu thương mẹ và tự hào vì được làm con của mẹ.

7. Về các mùa trong năm.

Đoạn 1: Ôi mùa xuân tôi thấy mọi người, cảnh vật dường như năng động hơn chàn đầy sức sống hơn sau 1 mùa đông lạnh giá, **buồn tẻ**, cảnh vật thiên nhiên bỗng **vui tươi** rực rỡ hơn, cây cối đâm chồi nảy lộc, và không khí nhà nhà người người đi sắm tết, dọn dẹp nhà cửa, nhà nào cũng mở nhạc vui vẻ với không khí gia đình đầm ấm... Mùa hè đến tiếng ve kêu, trưa hè im ả, 1 cơn gió mát khiến người ta cảm thấy sảng khoái hơn trong không khí nóng nực, trẻ em được nghỉ hè vui chơi nhiều hơn, mọi người cũng gần bó với nhau hơn.. Mùa thu... không khí dễ chịu, cái thời tiết se se lạnh với những bông cúc vàng lung linh kì diệu, nhưng buổi trưa mùa thu buồn man mác và có chút cô đơn hời hợt lớn ấy thật là cảm giác khó quên... Mùa đông những cơn gió lạnh bắt đầu ủa về và con người cảm thấy cần nhau hơn, cần hơi ấm của nhau nhiều hơn... gắn kết người ta lại với nhau là mùa mà những tình yêu thăng hoa và được xây đắp... Gọi tên cả bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, mong được sống trong không khí thật sự của bốn mùa ấy, để có được những cảm xúc thật sự cùng với cảnh vật và khí trời. Nếu cuộc đời của mỗi người được đếm bằng năm thì bốn mùa được đếm bằng tháng. Năm tháng trôi qua, bốn mùa vẫn giữ được những vẻ đẹp riêng thật tinh tế, chỉ có những cảm nhận của con người là thay đổi, nhưng ta vẫn yêu, vẫn tha thiết gọi tên bốn mùa yêu thương, bởi lẽ thời tiết vẫn luôn trung thành và gắn với tâm trạng con người.

Đoạn 2: Thế là mùa đông lạnh lẽo đã về! Ngày chưa sáng đã tối, đêm kéo dài lê thê. Bầu trời không còn trong xanh, cao vời vợi với những áng mây trắng, hồng mà thay vào đó một màu trắng đục, có lúc lại âm u, xám xịt như dấu hiệu báo trước của 1 trận mưa. Cái nắng nóng trốn đâu mất, để lại không gian lạnh

lẽo với nhiệt độ trung bình luôn dưới 20 độ, có khi còn dưới 10 độ. Ở những vùng núi cao, nhiệt độ có lúc dưới 0 độ gây ra hiện tượng băng tuyết. Trên cây chỉ còn lơ thơ vài chiếc lá sắt lại vì giá rét. Những cành cây khẳng khiu, trơ trụi tưởng như không còn sức sống qua mùa đông rét buốt. Trong những ngày nắng ấm, chim muông thi nhau ca hát, chao liệng khoe bộ lông sặc sỡ đủ màu sắc, nay trốn biệt đâu hết. Mấy con chim can đảm bay ra khỏi tổ, bộ lông xù ra, dày lên. Mọi người đều giữ ấm cơ thể bằng những chiếc áo dày, to sụ. Những khuôn mặt xinh xắn với cái cổ kiêu ba ngán cũng giấu đi trong những lớp cổ áo, những chiếc khăn và khẩu trang. Ai cũng co ro, cúm rúm, ngại đi chuyển, thay vào đó thường ngồi 1 chỗ hoặc ủ mình trong chăn ấm chỉ để hở khuôn mặt lấy chút dưỡng khí. Đường phố vắng tanh, vắng ngắt. Xe cộ đi lại vội vã hơn, nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm. Mùa đông rất lạnh nhưng không vì thế mà đáng sợ!

8. Buổi chiều quê em: Khi mặt trời vừa rút sau những đỉnh núi phía tây, hoàng hôn bắt đầu buông xuống. Nắng ngày hè chỉ còn nhạt nhòa. Thành phố đượm một màu vàng óng. Lúc này đã quá giờ tan tầm, dòng người và xe cộ vẫn ngược xuôi nhưng đã thưa dần. Đường phố bớt ồn ào, nhộn nhịp. Con đường trở nên rộng lớn và thênh thang hơn. Giữa đường, ngăn cách dòng xe xuôi ngược là một bờ tường rào khoảng năm mươi phân. Phía trên là hàng rào lan can sắt màu xanh biếc chạy dọc theo con đường. Hai bên vỉa hè, hàng cây si già cỗi, cành sum suê đang trầm tư ngắm chiều tà. Những cây xà cừ đang rung rinh những lá non xanh mướt. Các em nhỏ ríu rít rủ nhau đi chơi sau một ngày học tập. Các bà mẹ chuẩn bị đi chợ nấu cơm chiều.

Bài tập 3: Đoạn văn tổng – phân - hợp, nội dung nói về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.

"Lòng biết ơn là cơ sở của đạo làm người(1). Hiện nay trên khắp đất nước ta đang dấy lên phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, liệt sĩ, những bà mẹ anh hùng, những gia đình có công với cách mạng(2). Đảng và nhà nước cùng toàn dân thực hiện sự quan tâm, chăm sóc các đối tượng chính sách(3). Thương binh được học nghề, được trợ vốn làm ăn, các gia đình liệt sĩ, các bà mẹ VN anh hùng được tặng nhà tình nghĩa, được các cơ quan đoàn thể phụng dưỡng, chăm sóc tận tình...(4). Rồi những cuộc hành quân về chiến trường xưa tìm hài cốt đồng đội, những nghĩa trang liệt sĩ với đài tưởng niệm ghi công sự dũng cảm, uy nghiêm, luôn nhắc nhở mọi người, mọi thế hệ hãy nhớ ơn các liệt sĩ đã hy sinh anh dũng vì độc lập, tự do...(5). Không thể nào kể hết những biểu hiện sinh động, phong phú của đạo lí uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta (6). Đạo lí này là nền tảng vững vàng để xây dựng 1 xã hội thực sự tốt đẹp.(7)

Mô hình đoạn văn: Đoạn văn gồm 7 câu.

- Câu đầu (tổng): Nêu lên nhận định khái quát về đạo lí làm người, đó là lòng biết ơn
- Năm câu tiếp(phân): Phân tích để chứng minh biểu hiện của đạo lí uống nước nhớ nguồn
- Câu cuối (hợp): Khẳng định vai trò uống nước nhớ nguồn đối với việc xây dựng xã hội.

Chuyên đề 5: VĂN TỰ SỰ

I. Mục tiêu bài học:

- Củng cố kiến thức về văn tự sự.
- Hiểu rõ các đặc trưng của văn tự sự.
- Rèn các kĩ năng kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự và cách làm từng kiểu bài cụ thể. Trọng tâm là kể chuyện sáng tạo.

II. Nội dung:

A. PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

1. Khái niệm

a. Khái niệm: Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề bày tỏ thái độ khen, chê.

b. Sự việc và nhân vật trong văn tự sự: Sự việc trong văn tự sự được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả,... Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt. Nhân vật trong văn tự sự là người thực hiện các sự việc và là người được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản. Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm,...

c. Lời văn đoạn văn tự sự: Văn tự sự chủ yếu là kể người và kể việc. Khi kể người thì có thể giới thiệu họ tên, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, ý nghĩa của nhân vật. Khi kể việc, thì kể các hành động, việc làm, kết quả và sự thay đổi do các hành động đem lại. Mỗi đoạn văn thường có một ý chính, diễn đạt thành một câu gọi là câu chủ đề. Các câu khác giải thích cho ý chính, làm cho ý chính nổi hẳn lên.

d. Ngôi kể trong văn tự sự

Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện. Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể linh hoạt, tự do kể những gì diễn ra với nhân vật. Khi tự xưng là “tôi”, kể theo ngôi thứ nhất, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, suy nghĩ, cảm xúc của mình. Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị, người kể có thể lựa chọn ngôi kể thích hợp. Người kể xưng “tôi” trong tác phẩm không nhất thiết phải là chính tác giả.

2. Các dạng bài tự sự

a. Kể chuyện đời thường: Là kể những câu chuyện hằng ngày từng trải qua, từng gặp với những người quen hay lạ nhưng để lại ấn tượng, cảm xúc nhất định nào đó. Yêu cầu của kể chuyện đời thường là nhân vật và sự việc cần phải hết sức chân thực, không nên bịa đặt thêm thắt tùy ý.

b. Kể chuyện tưởng tượng: Là kể những chuyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế, nhưng có một ý nghĩa nào đó. Chuyện tưởng tượng được kể ra một phần dựa vào những điều có thật, rồi tưởng tượng thêm cho thú vị, làm cho ý nghĩa câu chuyện nổi bật, sinh động.

Bao gồm: Kể chuyện tưởng tượng về số phận và tâm tính một sự vật; Kể chuyện đã biết theo một kết cục mới; Kể một chuyện cũ theo ngôi kể mới.

3. Yêu cầu của một bài văn tự sự

a. Kể chuyện đời thường

- Biết sắp xếp sự việc theo một trình tự nhằm làm nổi bật ý nghĩa câu chuyện.
- Trình bày bài văn theo một bố cục mạch lạc 3 phần.
- Tuỳ theo yêu cầu đối tượng kể để lựa chọn tình huống và sắp xếp sự việc có ý nghĩa.

b. Kể chuyện tưởng tượng

- Biết xây dựng cốt truyện tạo tình huống tưởng tượng hợp lí.
- Câu chuyện tưởng tượng phải có ý nghĩa và bố cục rõ ràng. (Theo kết cấu 3 phần của bài tự sự)

4. Cách làm một bài văn tự sự

Tuỳ theo từng dạng bài tự sự để có cách trình bày dàn ý và viết bài cho phù hợp.

a. Kể chuyện theo cốt truyện có sẵn

- Yêu cầu cốt truyện không thay đổi.
- Chú ý phần sáng tạo trong mở bài và kết luận.
- Diễn đạt sự việc bằng lời văn cho linh hoạt, trong sáng.

b. Kể chuyện đời thường

- Hình dung trình tự sự việc cho xác thực, phù hợp với thực tế.
- Sắp xếp sự việc theo thứ tự nhằm nổi bật ý nghĩa câu chuyện.
- Lựa chọn ngôi kể cho đúng yêu cầu của bài văn.

c. Kể chuyện tưởng tượng

- Các dạng tự sự tưởng tượng ở lớp 6:
 - + Thay đổi hay thêm phần kết của một câu chuyện dân gian.
 - + Hình dung gặp gỡ các nhân vật trong truyện cổ dân gian.
 - + Tưởng tượng gặp gỡ những người thân trong giấc mơ...
- Cách làm:
 - + Xác định được đối tượng cần kể là sự việc hay con người.
 - + Xây dựng tình huống xuất hiện sự việc hay nhân vật đó.
 - + Tưởng tượng các sự việc, hoạt động của nhân vật có thể xảy ra trong không gian cụ thể.

5. Các bước làm bài văn tự sự

Bước 1: Tìm hiểu đề, tìm ý:

- Tìm hiểu đề văn: Tìm hiểu kĩ lời văn của đề để nắm vững yêu cầu của đề bài.

– Xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của Đề bài: nhân vật, sự việc, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của câu chuyện.

– Sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.

Bước 2: lập dàn ý một bài văn tự sự

Mở bài:

- Giới thiệu hoàn cảnh, tình huống phát sinh câu chuyện.
- Giới thiệu nhân vật (nhân vật chính – nhân vật phụ).
- Giới thiệu sự việc.

Thân bài: Diễn biến các sự việc.

- Sự việc mở đầu câu chuyện.
- + Tình tiết 1:
- + Tình tiết 2:
- + Tình tiết n...
- Sự việc thắt nút (sự việc cao trào).
- + Tình tiết 1:
- + Tình tiết 2:
- + Tình tiết n...
- Sự việc kết thúc câu chuyện:
- + Tình tiết 1:
- + Tình tiết 2:
- + Tình tiết n...

Kết luận:

- Kết thúc, khép lại câu chuyện.
- Nêu ý nghĩa câu chuyện.
- Nêu cảm nghĩ chung.

Lưu ý: Khi triển khai làm bài văn tự sự học sinh có thể vận dụng một cách linh hoạt các dạng khác nhau tùy thuộc vào cách kể chuyện, nội dung câu chuyện và yêu cầu của các dạng đề khác nhau.

6. Tham khảo một số dàn ý

1) Đề bài: Một đêm trăng sáng, bà kể chuyện đời xưa cho mọi người trong gia đình nghe. Em hãy kể lại một kỷ niệm về đêm hôm đó.

(Kiểu bài Kể chuyện đời thường)

Mở bài: (Giới thiệu nhân vật và hoàn cảnh).

- Một đêm trăng tuyệt diệu.
- Không khí gia đình em (tôi) thật đầm ấm.

Thân bài: (Phát triển câu chuyện).

- Sau bữa cơm chiều, mọi người trong gia đình ngồi nghỉ ngơi và uống nước. Bà nằm võng nhai trầu.
- Bà nội đó chị em tôi ai ngồi trên mặt trăng? Chị em đoán mỗi người một khác, bà nội trả lời đó là chú Cuội.

- Bà nội kể chuyện chú Cuội trên cung trăng.
- Ba tôi chăm chú nghe quên cả hút thuốc, mẹ ngồi bên im lặng.
- Câu chuyện hấp dẫn và cuốn hút.
- Câu chuyện kết thúc, chị em tôi nhìn lên mặt trăng thấy hình chú Cuội hiện rõ trên đó.

Kết luận: (Khép lại sự việc).

- Trăng sáng soi vào chiếc võng bà nằm, trông bà như một bà tiên cổ tích.
- Tôi mong sao bà mãi không già để kể cho chúng tôi những câu chuyện hay như vậy.

2) Đề bài: Em hãy kể lại lời tâm sự của một cái giường bị bỏ đi.

Mở bài: Cái giường tự giới thiệu về thân phận của mình.

Thân bài: Diễn biến sự việc:

- Niềm tự hào của cái giường khi ở cửa hàng.

- Niềm kiêu hãnh của cái giường trên đường về nhà.
- Cái giường bắt đầu cuộc sống mới.
- Cái giường gắn bó và phục vụ cuộc sống của con người.
- Tâm sự đau buồn của cái giường lúc bị ruồng bỏ.

Kết bài: Ước nguyện cuối cùng của cái giường.

3) Đề bài: Em hãy viết đoạn kết mới cho truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

Mở bài: Giới thiệu sự việc và nhân vật.

Là nữ hoàng được một thời gian, mẹ vợ lại bắt ông lão phải đi gắp cá vàng

Thân bài: Diễn biến các sự việc.

- Ông lão ra biển rẽ sóng đi vào biển cả.
- Ông lão trở thành khách quý của Long vương.
- Mẹ vợ chờ mãi không thấy chồng về, mẹ đi tìm ông lão.
- Ông lão đánh cá muốn trở về nhà.

Kết luận: Kết thúc câu chuyện.

Ông lão trở về nhà hạnh phúc với người vợ nghèo năm xưa.

KỂ CHUYỆN TƯỜNG TƯỢNG

I. – Củng cố và mở rộng kiến thức

1. Trong phân loại các thể tự sự, không có loại gọi là “truyện tường tượng”. Tuy nhiên, đối với học sinh lớp 6, khi người viết mới tập viết, thì “truyện tường tượng” nhằm phân biệt với “truyện đời thường”. Truyện tường tượng dùng trí tưởng tượng để xây dựng những sự việc, những nhân vật mà đời sống thực tế không xảy ra (ví dụ các truyện có yếu tố thần tiên, ma quỷ, phù phép hoặc các chuyện về tương lai có tính chất dự cảm, khả năng xảy ra không nhiều (ví dụ, các truyện khoa học viễn tưởng). Nhưng câu chuyện lại nhằm nói lên một ý nghĩa nào đó, tức là sự thực ở phần bản chất, chứ không phải các sự việc và nhân vật.

2. Sự việc, nhân vật tường tượng, nói nôm na là “bịa đặt”, nhưng bịa phải như thật, phải có cái “lí” của nó. Nghĩa là kinh nghiệm cuộc sống cho thấy, tuy bịa nhưng là điều có thể xảy ra. Đối với những yếu tố như thần tiên, ma quỷ, phù phép,... hay chuyện về các con vật, tuy không thể có thực nhưng vẫn phải có lô-gíc hợp lí. Dế Mèn phiêu lưu kí là chuyện về con dế cùng thế giới các loài vật sống ở nước và đồng cỏ, chúng đi lại, nói năng như con người, là hình ảnh phản chiếu cuộc sống con người, với các vấn đề của con người; tuy nhiên, dế vẫn phải là dế (làm tổ dưới đất, ăn cỏ ươn, uống sương đọng...), châu chấu vẫn phải là châu chấu (sống ở đồng cỏ, di cư và chết hàng loạt về mùa đông,...), v.v...

II. – LUYỆN TẬP

Bài tập

1. Đọc lại truyện Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Sự tích Hồ Gươm, thống kê các tình tiết hoang đường (tường tượng, kì ảo). Hình ảnh Rùa Vàng (Thần Kim Quy) xuất hiện ở cả truyện An Dương Vương và Sự tích Hồ Gươm nói lên điều gì?

2. Đọc trích đoạn sau và cho biết: những đứa trẻ thích nghe chuyện ma quỷ, thần tiên có phải do tin ma quỷ, thần tiên có thật? Nếu không phải, tại sao chúng thích nghe?

Tôi rất thích bác Phó Uyển. Bác là một người kể chuyện tài tình.

Chuyện của bác toàn chuyện ma. Nghe quen tôi chẳng sợ gì cả. Bác dặn tôi: “Hễ đi trong làng mà thấy trợn trợn thì nắm chặt hai bàn tay lại, ngón cái quay vào giữa lòng bàn tay, tự nhiên mạnh dạn ngay”. Hồi đó tôi có biết đường làng ban đêm thế nào đâu, nhưng đi vào vườn sau nhà khi mới chập, tối, tôi nắm chặt tay, quả thấy hết sợ.

Bây giờ ở thành phố, chúng ta có đèn điện, ban đêm sáng như ban ngày. Con cháu chúng ta lại được đi đây đi đó, không ru rú trong nhà như chúng ta thuở xưa. Các em được xem nhiều thứ, nhìn thấy nhiều việc, nhiều cảnh, nghe nhiều điều mà thời xưa chúng ta không thể nào biết được.

Bây giờ, các em có nghe truyện cổ tích thì cũng không phải như tôi nghe bà tôi kể thời xưa, thời còn nhiều bóng tối xung quanh con người và trong đầu óc con người.

(Theo Vũ Ngọc Phan, Những năm tháng ấy)

3. Những chi tiết nào trong câu chuyện sau đây tuy rằng bịa nhưng vẫn hợp lí? Chi tiết nào bịa không hợp lí?

KHỈ VÀ RỪA

Một hôm, Khỉ mời tất cả bạn bè đến nhà chơi. Rùa cũng đến.

Khỉ nói lời chúc mừng rồi mời các bạn ngồi vào bàn tiệc. Chúng ăn uống thoải thích, hết chạm cốc lại gặp thật rất là ồn ào.

Rùa loay hoay mãi không sao leo lên được ghế ngồi, nó liền nhờ Khỉ giúp. Khỉ nhìn Rùa cười giễu cợt:

– Ha! Ha! Ai bảo chân cậu ngắn thế?

Rùa tủi thân, không nói gì, nhịn đói bỏ về.

Một hôm, Rùa cũng mời tất cả các bạn đến dự tiệc. Khỉ ta cũng có mặt.

Thịt rượu đã bày lên bàn. Đợi các bạn ngồi vào bàn xong, Rùa nói vài lời rồi tuyên bố tiệc rượu bắt đầu. Rùa đến bên Khỉ, nắm ngửa tay Khỉ, nói:

– Thưa, anh, xin lỗi, tay anh bẩn quá! Ăn uống thế này thì thật mất vệ sinh, mời anh ra rửa tay đã.

Khỉ vội đi rửa, nhưng tay vẫn đen. Nó tìm giẻ lau, nhưng lau thế nào thì tay nó vẫn đen thui. Nó hỏi Rùa phải làm thế nào. Rùa cười to:

– Ha! Ha! Ai bảo tay anh đen thế?

Lúc ấy Khỉ mới nhớ đến việc hôm trước. Nó xấu hổ, chuồn thẳng.

GỢI Ý

3. Khi con vật mà hành động hoàn toàn như người thì không là con vật nữa. Hãy tìm những chi tiết đó.

B. CÁC DẠNG ĐỀ CỤ THỂ**ĐỀ BÀI**

Một người có hai chiếc bình lớn để chuyển nước. Một chiếc bình bị nứt nên khi gánh từ giếng về, nước trong bình chỉ còn một nửa. Chiếc bình lành rất tự hào về sự hoàn hảo của mình, còn chiếc bình nứt luôn thấy dằn vặt, cắn rứt vì không hoàn thành nhiệm vụ.

Một ngày nọ, chiếc bình nứt nói với người chủ: ...

Em hãy tưởng tượng và viết tiếp câu chuyện trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài: Giới thiệu tình huống, nhân vật theo đề bài.

b. Thân bài:

***Cách 1:**

- Bình nứt tâm sự chân thành với ông chủ về khiếm khuyết của mình, tự trách mình vì trong suốt thời gian qua không giúp ích được gì cho ông chủ. Tâm trạng buồn bã, thất vọng về bản thân.
- Rất may mắn nó gặp được ông chủ tốt bụng, biết cảm thông chia sẻ, biết cổ vũ để nó cố gắng.
- Ông chủ mở một cuộc thi giữa chiếc bình lành và chiếc bình nứt.
- Diễn biến cuộc thi và kết quả cuộc thi: bình nứt luôn cần mẫn, nỗ lực cố gắng vươn lên và chiến thắng, bình lành quá tự tin về bản thân nên chủ quan kiêu ngạo và thất bại.

*** Cách 2:**

- Bình nứt tâm sự chân thành với ông chủ về khiếm khuyết của mình, tự trách mình vì trong suốt thời gian qua không giúp ích được gì cho ông chủ. Tâm trạng buồn bã, thất vọng về bản thân.
- Ông chủ tốt bụng, có mắt tinh tế và óc sáng tạo đã biết cách chuyển hạn chế của bình nứt thành thế mạnh bằng cách gieo hạt giống hoa bên vệ đường hằng ngày bình nứt vẫn qua. (Hoặc ông chủ trồng hoa trên chính chiếc bình nứt).
- Ngày qua ngày, tháng qua tháng... những cây hoa mọc lên, đón nắng mai, khi trời rồi kết nụ, nở hoa làm đẹp cho con đường, làm đẹp cho ngôi nhà.
- > Bình nứt yêu đời, tự tin, luôn nỗ lực vươn lên, nhận ra vẻ đẹp, ý nghĩa của cuộc sống.
- Còn chiếc bình lành luôn tự tin về bản thân, coi mình hoàn hảo, không nỗ lực vươn lên, không can trọng. Một ngày kia gặp tình huống không may bị nứt, mẻ, xấu xí,...sống buông xuôi, bất lực, thu mình.

c. Kết bài:

Nêu kết thúc truyện hoặc bài học rút ra: Mỗi người chúng ta đều có những hạn chế riêng, hãy luôn nỗ lực vươn lên, hoàn thiện bản thân để cuộc sống tốt đẹp hơn.

ĐỀ BÀI

Suốt đêm mưa to, gió lớn. Sáng ra, tổ chim chót vót trên cây cao, chim mẹ khẽ giữ lông cánh cho khô rồi nhẹ nhàng nhích ra ngoài. Tia nắng ấm áp vừa vắn rơi xuống chỗ chú chim non đang ngái ngủ, lông cánh hầu như vẫn khô nguyên. Chim mẹ mệt mỏi nhưng lòng ngập tràn hạnh phúc. Ấu yêm nhìn chim con, chim mẹ nhớ lại....”

Từ đoạn văn trên, em hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đã xảy ra với hai mẹ con chú chim trong một đêm mưa gió.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

***Mở truyện:** dùng đúng ngữ liệu đã cho trong đề (nếu là mở truyện khác thì không cho điểm)

***Thân truyện:**

- Cảnh mưa to, gió lớn trong đêm: bầu trời đen kịt, mưa như trút nước, gió lớn quật từng cơn, sấm chớp dữ dội...

- Sự mong manh của tổ chim chót vót trên cành cây cao; nỗi lo lắng của chim mẹ, sự sợ hãi của chim con...(tập trung kể về hành động, tâm trạng của chim mẹ trong hoàn cảnh nguy hiểm này)

- Những nguy hiểm xảy ra với tổ chim trong đêm mưa gió...; sự chống đỡ, bảo vệ chim con của chim mẹ...(tập trung kể về hành động, tâm trạng của chim mẹ trong việc bảo vệ chim con)

- Nguy hiểm qua đi, chim con ngủ yên trong lòng mẹ, lông cánh vẫn khô nguyên. Chim mẹ mệt mỏi nhưng thấy hạnh phúc...

***Kết truyện:** Nêu cảm nghĩ về tình mẫu tử thiêng liêng qua câu chuyện trên

ĐỀ BÀI

Quê em có một dòng sông chảy quanh cánh đồng làng. Trước đây sông trong xanh vơi vơi tưới mát cho đồng quê, nhưng giờ đây dòng sông đã bị ô nhiễm, nước sông không còn trong xanh nữa... Có một lần em đã được nghe dòng sông tâm sự về nỗi lòng của sông. Em hãy kể lại câu chuyện ấy.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài.

- Giới thiệu tình huống em được nghe lời tâm sự của dòng sông và cảm nghĩ chung về tâm sự ấy (chẳng hạn em cùng bố ra sông đánh cá, hoặc em đi thả diều cùng bạn...)

2. Thân bài.

***Xây dựng tình huống:** em đi đến dòng sông bỗng nghe tiếng khóc thầm tức lẫn trong tiếng gió, hỏi ra em biết tiếng khóc đó là của dòng sông. Sông nức nở kể cho em nghe về nỗi lòng mình

***Sông buồn bã kể về thực trạng ô nhiễm của mình**

- Mặt sông rác nổi lênh bênh, nước sông đục ngầu bốc mùi hôi thối, bờ sông lở loét....

- Cảm xúc đau đớn, ngột ngạt, uất ức...

***Sông kiêu hãnh kể về những cống hiến của nó cho con người**

- Đem phù sa bồi đắp cho cánh đồng quê hương.

- Đem nước tưới cho những cánh đồng thêm màu mỡ.

- Tạo ra mạng lưới giao thông đường thủy quan trọng.

- Cung cấp thực phẩm.

- Cùng dân tộc Việt Nam đánh giặc.

- Góp phần cân bằng môi trường (khi thời tiết quá nóng sông bốc hơi nước làm dịu mát bầu không khí)

- Tạo nguồn cảm hứng cho thơ ca, nhạc, họa...

***Những uất ức của sông khi bị con người gây ô nhiễm cho mình**

- Một số người đã vì lợi ích cá nhân mà triệt phá rừng đầu nguồn làm nước dồn về quá nhanh, gây lũ lụt.

- Những hành vi thiếu ý thức của con người: đổ rác thải bừa bãi, xả thải chưa qua xử lý xuống sông làm nguồn nước bị ô nhiễm, dùng thuốc nổ đánh bắt cá...

***Nỗi buồn của sông khi bị ô nhiễm**

- không còn xinh đẹp, khỏe mạnh để phục vụ con người, các loài thủy sinh trốn biệt đi nơi khác, con người cũng xa lánh vì không chịu được mùi hôi thối...

***Mong ước của dòng sông**

- Con người hãy hiểu, thấy được vai trò công sức của dòng sông trong cuộc sống con người.

- Hãy yêu quý bảo vệ dòng sông và môi trường thiên nhiên bởi bảo vệ môi trường là bảo vệ chính cuộc sống của loài người.

3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và rút ra bài học cho bản thân.

ĐỀ BÀI

Trong khu vườn nhỏ bé, một bông hoa hồng nhung vừa hé nở. Nó đẹp rực rỡ, lộng lẫy và kiêu sa. Những cô bướm xinh đẹp bay lượn xung quanh, những loài hoa khác trầm trồ khen ngợi. Bên dưới gốc hoa hồng nhung, một khóm hoa dại cũng vừa chớm nở. Và tại đây, một câu chuyện giữa hoa hồng nhung và khóm hoa dại đã diễn ra....

Em hãy tưởng tượng và kể lại.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở đầu:

- Giới thiệu, miêu tả khung cảnh vườn hoa.
- Sự xuất hiện của hoa hồng nhung (miêu tả hình ảnh hoa hồng nhung rực rỡ, lộng lẫy, kiêu sa...), khóm hoa dại (nhỏ nhoi...)

2. Nội dung chính: Kể diễn biến câu chuyện giữa hoa hồng nhung và khóm hoa dại

- Không áp đặt cứng nhắc một nội dung cụ thể nào, do đây là dạng đề mở nên để HS xây dựng, miễn là hợp lí, có ý nghĩa, thể hiện được sự sáng tạo của HS.
- Truyện nên có kịch tính, có biến cố. Câu chuyện của hoa hồng nhung và khóm hoa dại có thể xoay quanh về cuộc sống, ý thích, ước mơ, về những người chủ đáng mến... Những chi tiết được kể phải phù hợp với hai loài hoa này trong thực tế.
- Có thể làm nổi bật bài học về lẽ sống: coi trọng đức tính nỗ lực, phấn đấu, đương đầu với thử thách, dũng cảm trải nghiệm, trân trọng hạnh phúc mà mình đang có...

3. Kết thúc câu chuyện: Tình huống kết thúc phải hợp lí với diễn biến nội dung câu chuyện trước đó và phải có ý nghĩa, gửi gắm thông điệp của mình.

ĐỀ BÀI

Một buổi sáng, em đến trường sớm để tưới nước cho bồn hoa trước cửa lớp. Một cây hoa đang ử rũ vì bị ai đó làm gãy cành, rụng hết cánh hoa, hay toàn thân khô héo. Em nghe như nó thủ thỉ kể với em về chuyện đó....

Hãy kể lại câu chuyện bất hạnh của cây hoa.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Lý do đến trường sớm: chăm sóc bồn hoa của lớp.
- Em thấy một cây hoa ử rũ, gãy cành... đến xem cụ thể, nghe hoa kể...
- Em có thể chọn các tình huống mà cây hoa bị hại: do con người (cậu học trò đá bóng, chạy nhảy lung tung, nô nghịch đùa đẩy... Do mưa, nắng, bão gió... Hay do sâu bọ đục gốc, cắn rễ...)
- Vết thương ảnh hưởng đến cây hoa, làm nó đau đớn, khổ sở,....
- Em ra sức chăm sóc cây hoa...kết quả: cây hoa dần phục hồi, tươi đẹp trở lại (hoặc cây hoa bị xâm hại quá nặng nó đã không qua khỏi)
- Suy nghĩ của bản thân

ĐỀ BÀI

*“Kìa chú là chú ếch con có hai là hai mắt tròn
Chú ngồi học bài một mình bên hồ bom kề vườn xoan
Bao nhiêu cô cá trê non cùng bao nhiêu chú cá rô ron
Tung tăng chiếc vẩy son nhịp theo tiếng ếch vang giòn !*

*Kìa chú là ếch con bé ngoan là ngoan nhất nhà
Chú học thuộc bài xong rồi chú hát thi cùng hạc mi
Bao nhiêu chú chim ri cùng bao cô cá rô phi
Nghe tiếng hát mê ly cùng vui thích chí cười khì ! ”*

Dựa vào nội dung bài thơ “Chú ếch con” của Phan Nhân, em hãy tưởng tượng và xây dựng một câu chuyện về thế giới các loài vật (có sử dụng yếu tố miêu tả).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu chung về nhân vật, sự việc...

VD: Trong một khu vườn xoan rợp bóng, bên cạnh đó là một hồ sen rộng mênh mông, ở đó có một thế giới kì diệu của ếch con và các loài vật...

2/ Thân bài:

***Hoàn cảnh:** Vừa mới sáng sớm thôi, những hạt sương đêm vẫn còn đọng trên thân cỏ non mềm, những giọt sương khác còn ngủ quên trên lá sen...Bầy chim chưa kịp thức giấc...

*Nhân vật:

Chú ếch:

- Một chú ếch con, có đôi mắt tròn, đáng yêu...
- Ếch con nhà ta đã thức dậy từ bao giờ...Chú tự rửa mặt, tập thể dục, soi gương, chải đầu, nhảy tót lên cạnh hồ bom kề vườn xoan ngồi học bài.

- Chú đánh vắn “o, a”. Giọng chú vang xa đánh thức muôn vật.

*Cảnh vật:

- Mặt hồ nước hiền lành, êm ả, đôi chút gợn sóng lăn tăn khi gió thổi.
- Mặt trời tỉnh dậy chiếu những tia nắng đầu tiên làm nước trong hồ lấp lánh, sáng lên lạ thường.
- Những chiếc lá sen choãi mình ra khoe khuôn mặt tròn trịa, mịn màng.
- Những nụ sen hồng cứ lấp ló, nửa như muốn khoe khuôn mặt hồng tươi, láu lỉnh, nửa như tình nghịch muốn trốn ánh mặt trời...

- Dưới hồ sen, thế giới các loài cá, tôm bưng tỉnh giấc:

+Các cô cá trê non vừa ngủ dậy đã tung tăng bơi lội, dạo một vòng bằng một vũ điệu uốn dẻo quen thuộc.

+Góc kia, bao chú cá rô ron...dù vẫn còn ngái ngủ nhưng cũng đã kịp bắt nhịp ngay với nhịp điệu sôi động của cuộc sống, tung tang chiếc vây son tập thể dục.

+Cô cá rô phi phần khích cười đến rách cả miệng khi thấy bọn trẻ vui vẻ nói cười.

+Mấy bác ếch già ngồi chễm chệ trên gốc cây ven bờ uống nước trà ngắm ngời điều gì đó.

+Các chị tôm, tép ơi ới gọi nhau đi chợ...

***Tinh hướng:** Nhịp sống như ngưng lại khi nghe tiếng ếch con học bài, tất cả đều im lặng, lắng nghe.

- Những chú cá rô ron mắt tròn, mắt dẹt.

- Những cô cá trê non đứng im, nghiêng tai lắng nghe.

-Mấy cô rô phi được dịp nhắc nhở các con mình: “Sắp thi học kì rồi đấy nhé, các con cần phải học tập bạn ếch kia kìa. Bạn ấy là chú ếch con ngoan nhất đấy. Mới sáng sớm đã chăm chỉ học bài. Thật là đáng khen.”

- Lũ cá nhỏ im thít ra chiều lắng nghe.

- Cả bọn nhao lên mặt nước, đem theo ánh mắt ngưỡng mộ, cùng cất tiếng “o, a” học bài cùng tiếng ếch vang giòn.

- Cụ ếch già gật gù khen ngợi ếch con.

- Ếch con khoái lắm càng cao giọng đọc to hơn làm vang động cả khu vườn “o, a, o, a...”

- Trên những cành cây:

+ Những bé họa mi cũng muốn thi đua cùng bạn ếch nên cũng chăm chỉ luyện thanh. Những âm thanh ngọt lịm rung lên làm cả khu vườn tràn đầy năng lượng.

+ Bao chú chim ríu rít hết ngợi khen giọng ca vàng của làng ca hát lại trầm trồ trước giọng đọc bài to, rõ của ếch con.

- Trên miệng hồ bom:

+ Học bài xong, ếch con hứng chí lại vui vẻ hát cùng họa mi.

- Dưới hồ nước: Nghe tiếng hát mê ly, tất cả đều thích chí cười khi vui vẻ.

3/ Kết bài:

Kể kết cục của sự việc.

VD: Trên khu vườn, dưới hồ nước, loài vật vui mừng như mở hội. Một buổi sớm thật vui vẻ.

ĐỀ BÀI

Vào trong phòng triển lãm ở Vườn Quốc gia Cúc Phương (huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình), em sẽ thấy trên tường có một ô cửa bằng gỗ gắn tấm biển ghi dòng chữ “**Kẻ thù của rừng xanh**”, mở cánh cửa ra là một tấm gương soi chính hình ảnh của con người.

Từ chi tiết trên, em hãy viết lời tâm sự của Rừng Xanh.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

* **Mở bài:** Rừng Xanh tự giới thiệu bản thân hoặc tình huống nảy sinh câu chuyện.

* **Thân bài:** Diễn biến câu chuyện là tâm sự của Rừng và Gửi lời mong muốn tới con người.

+ Rừng Xanh kể về nguồn gốc của mình: Sinh ra khi trái đất còn hoang vu, thừa muôn loài sống với nhau chan hòa, gắn bó....

+ Tự hào vì đã góp phần điều hòa khí hậu, cung cấp sự sống cho con người. Sẵn sàng cho con người bao lâm sản: gỗ, dược liệu, thú, chim quý... Là nơi du lịch giúp con người nghỉ ngơi thư giãn ...

+ Đau đớn khi bị tàn phá không thương tiếc, những cánh rừng bị chặt phá, đốt làm nương rẫy ...làm Rừng Xanh sắp chết, mình thương tích...

+ Kẻ thù của Rừng Xanh là chính con người vô ý thức không biết trân trọng điều quý giá mà tạo hóa ban tặng, không biết khai thác Rừng Xanh có kế hoạch, không biết bảo vệ rừng.

* **Kết bài:** Mong muốn của Rừng Xanh: Con người hãy trồng cây gây rừng, không chặt phá bừa bãi, nghiêm trị lâm tặc, không làm cho Rừng Xanh bị tổn thương.

ĐỀ BÀI

Tưởng tượng em được vào thế giới cổ tích kì diệu. Ở đó, em gặp chàng dũng sĩ Thạch Sanh và chàng tặng cho em cây đàn thần. Với cây đàn thần trong tay, em đã làm được nhiều việc có ích cho cuộc sống. Hãy kể lại câu chuyện cổ tích của riêng em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1- Mở bài : Giới thiệu nhân vật, sự việc (giới thiệu tình huống gặp gỡ)

2-Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện:

- Cuộc gặp gỡ, trò chuyện với Thạch Sanh (tạo được điểm nhấn cho nhân vật về hình dáng, lời nói, hành động)

- Tâm trạng vui mừng khi được Thạch Sanh tặng cây đàn thần.

- Những việc làm có ích khi dùng cây đàn thần: Giúp người khó khăn, hoạn nạn; đẩy lùi thiên tai, dịch bệnh; đánh đuổi cái xấu, cái ác; mang đến những điều may mắn, tốt lành...

- Cảm xúc của em mỗi khi làm được việc có ích.

3- Kết bài:

- Kết thúc câu chuyện.

- Mong muốn những điều tốt đẹp sẽ đến với những người hiền lành, thật thà, tốt bụng.

ĐỀ BÀI

Trong mơ, em được gặp gỡ rất nhiều nhân vật trong những câu chuyện cổ tích đã học. Hãy kể và tả lại một nhân vật mà em cho là ấn tượng nhất trong thế giới huyền diệu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Giới thiệu thời gian, không gian gặp gỡ.

- Diễn biến của cuộc gặp gỡ:

+ Miêu tả được chân dung của nhân vật cổ tích (nhân vật phải được bộc lộ tính cách thông qua các hoạt động ngôn ngữ và diễn biến tâm trạng.)

+ Xây dựng được những chi tiết, hình ảnh đẹp và thật sự ấn tượng trong cuộc gặp gỡ.

+ Bộc lộ tình cảm, suy nghĩ về nhân vật.

- Nêu ấn tượng về nhân vật.

ĐỀ BÀI

Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã có những ngày tháng phiêu lưu đầy mạo hiểm nhưng cũng hết sức thú vị. Tuy vậy, bài học đường đời đầu tiên sau sự việc xảy ra với Dế Choắt vẫn ám ảnh Dế Mèn.

Em hãy đóng vai nhân vật Dế Mèn, tưởng tượng và kể lại cuộc nói chuyện của Dế Mèn và Dế Choắt

nhân một ngày Dế Mèn đến thăm mộ Dế Choắt.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

A. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: thời gian, khung cảnh, các nhân vật tham gia.
(Học sinh có thể sáng tạo ra một tình huống để giới thiệu về câu chuyện được kể)

B. Thân bài:

Đây là một đề văn mở yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức về văn tự sự để chuyển vai kể một câu chuyện theo tưởng tượng vì thế nên sự sáng tạo của học sinh trong việc vận dụng kiến thức đã học với việc liên hệ thực tế vô cùng quan trọng. Dế Choắt tuy là một nhân vật chính trong cuộc nói chuyện tuy nhiên là một nhân vật không còn tồn tại. Học sinh có thể sáng tạo thêm các nhân vật khác cùng tham gia vào câu chuyện cho sinh động, hấp dẫn...

- Kể lại cuộc nói chuyện giữa Dế Mèn và Dế Choắt kết hợp việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên xung quanh qua đó bộc lộ cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của Dế Mèn:

- Dế Mèn nhắc lại chuyện cũ đã gây ra với Dế Choắt: bài học đường đời đầu tiên đầy ăn năn, hối hận.

- Dế Mèn kể cho Dế Choắt nghe những tháng ngày phiêu lưu mạo hiểm với những chiến tích và những thất bại của mình cùng những người bạn khác.

- Tâm sự về những dự định trong tương lai của Dế Mèn và những lời hứa hẹn với Dế Choắt.

Khuyến khích những bài làm của học sinh giàu tính sáng tạo, có thể kể một câu chuyện cụ thể, sinh động, ấn tượng, giàu ý nghĩa.

C. Kết bài: Tình cảm, lời nhắn nhủ của Dế Mèn:

- Bài học về sự gắn bó, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

- Kêu gọi niềm đam mê nhiệt huyết của tuổi trẻ khám phá cuộc sống, khám phá thế giới xung quanh.

ĐỀ BÀI

Trong thiên nhiên, có những sự biến đổi thật kỳ diệu: *mùa đông, lá bàng chuyển sang màu đỏ rồi rụng hết; sang xuân, chỉ chít những mầm non nhú lên, tràn trề nhựa sống.*

Em hãy tưởng tượng và viết thành một câu chuyện có các nhân vật: Cây Bàng, Đất Mẹ, Lão già Mùa Đông, Nàng tiên Mùa Xuân để gợi tả điều kỳ diệu ấy của thiên nhiên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a) Mở bài

- Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.

- Giới thiệu (khái quát) các nhân vật trong câu chuyện.

b) Thân bài

Số lượng nhân vật chỉ cần đúng theo gợi ý của đề (Cây Bàng, Đất Mẹ, Lão già Mùa Đông, Nàng tiên Mùa Xuân).

+ Các nhân vật phải được đặt trong tình huống cụ thể với sự dẫn dắt câu chuyện: từ mùa đông chuyển sang mùa xuân, cây cối như được tiếp thêm sức sống mới...

+ Kết hợp vừa kể chuyện, vừa miêu tả các nhân vật, khung cảnh:

- Cây Bàng về mùa đông: trơ trụi, gầy guộc, run rẩy, cầu cứu Đất Mẹ.

- Đất Mẹ đầm ấm, dịu dàng động viên Cây Bàng dũng cảm chờ đợi Mùa Xuân và dồn chất cho cây.

- Lão già Mùa Đông: già nua, xấu xí, cáu kỉnh...

- Nàng tiên Mùa Xuân: trẻ trung, tươi đẹp, dịu dàng...

+ Thông qua câu chuyện (có thể có mâu thuẫn, lời thoại...), làm rõ sự tương phản giữa một bên là sự biến đổi kì diệu của thiên nhiên, của sự sống (Cây Bàng, Đất Mẹ, Mùa Xuân) và một bên là sự khắc nghiệt, lạnh lẽo (Mùa Đông)...

c) Kết bài

- Khẳng định lại sự biến đổi kì diệu của thiên nhiên ...

- Có thể phát biểu cảm xúc, suy nghĩ của em về mùa xuân, về thiên nhiên...

ĐỀ BÀI

Sau đây là các nhân vật chính, những chi tiết cơ bản, tình huống của một câu chuyện:

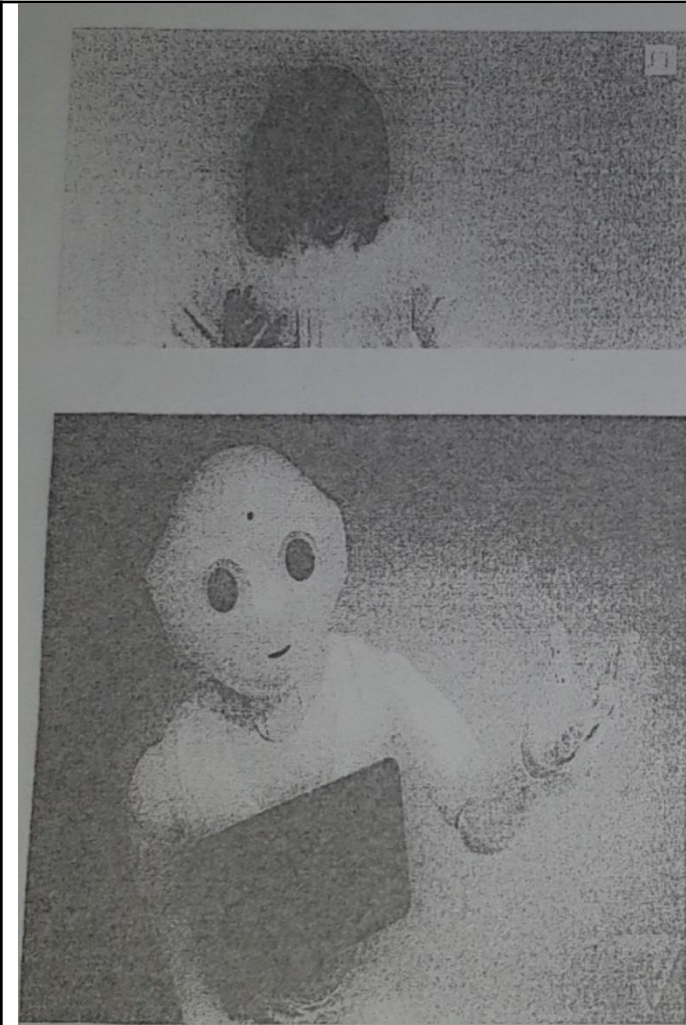
Một cô bé đi xe đạp vào chợ mua rau. Cô dừng trước hàng rau và hỏi mua. Bà cụ bán rau khen cô bé xinh. Cô bé tỏ thái độ khó chịu và trả tiền. Bà cụ đưa lại tiền thừa, cô bé này ngúng nguẩy ngẩng đầu rồi đạp xe đi.

Em hãy căn cứ vào các yếu tố trên để kể thành một câu chuyện hoàn chỉnh (theo ngôi kể thứ nhất). Từ câu chuyện trên em rút ra bài học gì?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Đây là kiểu bài *tự sự sáng tạo*. Học sinh dựa vào các dữ kiện đã cho để xây dựng thành một câu chuyện hợp lí. Các yếu tố đã cho khá đầy đủ về nhân vật, tình tiết. Các em phải tưởng tượng: miêu tả, bổ sung chi tiết, liên kết các sự kiện lại để tạo thành một câu chuyện hoàn chỉnh. Học sinh có thể có các cách kể khác nhau nhưng phải làm nổi bật được nội dung theo hướng: Nhân vật “tôi” - người kể - chứng kiến, ghi lại câu chuyện xảy ra giữa bà cụ bán rau và cô gái đi xe đạp. Ở đây muốn phê phán thái độ khinh người, thiếu lễ độ của cô gái. Từ câu chuyện này các em rút ra cho mình bài học về ứng xử trong giao tiếp: *Phê phán thói vô lễ, lạnh lùng, coi thường người khác; biết thông cảm với hoàn cảnh và tôn trọng người trên; phải lịch sự trong giao tiếp.*

ĐỀ BÀI



Chúng ta đang bước vào cuộc sống với công nghệ máy móc tự động hóa cao. Một trong những điển hình tiêu biểu của khoa học công nghệ là phát minh ra người máy (robot). Từ phòng thí nghiệm cho đến các nhà máy, nhà hàng, bệnh viện,... rất nhiều robot đang hiện hữu trong cuộc sống hàng ngày. Dưới đây là hai ví dụ tiêu biểu:

“Cô người máy Chihira Aico - Nhật Bản trông sống động như thật với làn da silicon mịn màng. Cô gái robot này hiện đang làm nhân viên lễ tân mitsukoshi, cửa hàng bách hóa lâu đời nhất của Nhật Bản. Với nụ cười thường trực trên môi Chihira Aico không bao giờ tỏ vẻ chán nản khi chào đón khách hàng tới cửa hiệu.”

“Chú robot Pepper có chiều cao 140 cm và được trang bị các bánh xe với khung thân hình màu trắng, có một màn hình gắn trên ngực và có đầu tròn. Mặc dù phát âm vẫn còn đôi chút rời rạc và các bước di chuyển chưa thật dứt khoát, nhưng người máy Pepper có thể nhận biết giọng nói của con người với 20 ngôn ngữ khác nhau, cũng như phân biệt được giọng nói của nam giới, nữ giới và trẻ nhỏ. Robot chịu trách nhiệm tiếp đón người bệnh là trẻ em và người già nhà tại 2 Bệnh viện lớn là Estend và Liege của nước Bỉ”

Em hãy tưởng tượng mình được đến nơi làm việc một trong hai người máy đáng yêu này và viết bài văn miêu tả lại hình ảnh của người máy và không

khí nơi làm việc của họ?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài: giới thiệu chung về người máy và hoàn cảnh mình được gặp một trong hai người máy.

2. Thân bài:

- Lý do em được đến nơi làm việc của một trong hai người máy.
- Tả không gian nơi làm việc của người máy: nơi cửa hàng (nếu viết về cô người máy Chihira Aico hoặc nơi đón tiếp bệnh nhân Bệnh viện (nếu viết về robot pepper)

- + Tên cửa hàng bách hóa/ bệnh viện
- + Miêu tả không gian, không khí nơi làm việc.

- **Tả khái quát về người máy:** Học sinh giới thiệu khái quát về người máy cái theo sự hiểu biết của mình, có thể theo hướng sau:

+ Người máy robot: là sản phẩm khoa học công nghệ của ngành công nghiệp tự động hóa.

+ Người máy được mô phỏng có hình dáng giống với con người, có thể hiểu và nói được nhiều ngôn ngữ khác nhau, sau làm được nhiều công việc như con người khi chẳng hạn như bán hàng, đón tiếp bệnh nhân... có người máy còn được công nhận quyền công dân.

- **Tả chi tiết:**

+ Hình dáng, hành động, cách người máy giao tiếp với mọi người khi làm việc:

cụ thể:

+ Chiều cao, khuôn mặt, tóc, cách ăn mặc,...

+ Hành động, cử chỉ cách giao tiếp:

.) Nếu tả Chihira Aicô: tự di chuyển, luôn niềm nở, tươi cười chào khách hàng...

.) Nếu tả Pepper: cử chỉ còn gượng gạo chưa tự nhiên, bước đi chưa dứt khoát nhưng có thể nhận biết được giọng nói con người, khi tiếp đón bệnh nhân là trẻ em và người già.... đặc biệt người máy Chihira Aicô / Pepper luôn hiểu được và hướng dẫn tận tình khách hàng/ bệnh nhân.

.) Cô người máy Chihira Aico - Nhật Bản trông sống động như thật với làn da silicon mịn màng. Cô gái robot này hiện đang làm nhân viên lễ tân Mitsukoshi, cửa hàng bách hóa lâu đời nhất của Nhật Bản. Với nụ cười thường trực trên môi Chihira Aico không bao giờ tỏ vẻ chán nản khi chào đón khách hàng tới cửa hiệu.

.) Chú robot Pepper có chiều cao 140 cm và được trang bị các bánh xe với khung thân hình màu trắng, có một màn hình gắn trên ngực và có đầu tròn. Mặc dù phát âm vẫn còn đôi chút rời rạc và các bước di chuyển chưa thật dứt khoát, nhưng người máy Pepper có thể nhận biết giọng nói của con người với 20 ngôn ngữ khác nhau, cũng như phân biệt được giọng nói của nam giới nữ giới và trẻ nhỏ. Robot chịu trách nhiệm tiếp đón người bệnh là trẻ em và người già nhà tại Bệnh viện.

- **Sự giao tiếp hoặc tình cảm thái độ của mọi người với người máy**

+ Khách hàng/ Bệnh nhân đều coi người máy Chihira Aico/ Pepper đều được coi là những nhân viên thực sự

+ Khách hàng/ Bệnh nhân rất tin tưởng, ảnh tự nguyện xếp hàng để được phục vụ

+ Khách hàng/ Bệnh nhân ai cũng cảm thấy hài lòng và khi ra về họ không quên gửi lời chào, lời cảm ơn.

- **Cảm xúc sự giao tiếp của em với người máy.**

+ Em rất ngưỡng mộ cô (chú) người máy Chihira Aico/ Pepper.

+ Cảm xúc của em khi được nói chuyện với người máy lần đầu tiên. (học sinh tạo tình huống để giao tiếp với người máy)

+ Em yêu quý và mong muốn được nói chuyện với người máy Chihira Aico/ pepper và có ước mơ sau này có thể chế tạo được những người máy tuyệt vời như vậy ở Việt Nam.

3. Kết bài: Cảm nghĩ về người máy, cái suy nghĩ về sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, mong ước của bản thân...

ĐỀ BÀI

Em hãy là nàng tiên Mùa Xuân để kể về thiên nhiên và con người mỗi khi Tết đến, xuân về.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

*** Mở bài:**

- Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc (hóa thân thành nàng tiên Mùa xuân để kể về thiên nhiên và con người dịp Tết đến, xuân về).

*** Thân bài:**

- Mùa xuân mang lại vẻ đẹp, khơi dậy sức sống cho thiên nhiên, đất trời:

+ Mùa xuân đến, tiết trời ấm áp hơn, bầu trời trong sáng hơn, mặc dù, thỉnh thoảng, trong mưa xuân vẫn có cả cái lạnh lạnh của mùa đông mang lại.

+ Cảm nhận được sự sống đang sinh sôi, nảy nở của hạt mầm, nhìn thấy sự vươn dậy của lộc non, chồi biếc, nhìn thấy sắc màu rực rỡ của những cành đào, những bông hoa ngày Tết và cảm nhận được cái ngào ngạt của hương xuân.

- Mùa xuân mang lại niềm vui cho con người:

- + Cảm thấy rất vui mỗi dịp Tết đến vì được tận mắt chứng kiến biết bao niềm vui, niềm hạnh phúc của con người: gia đình đoàn tụ, sum họp sau một năm tất bật, rộn ràng với công việc làm ăn, với cuộc sống.
- + Cảm thấy vui hơn khi biết rằng mình đã khơi dậy sức sống trong lòng người, làm cho con người thêm yêu cảnh vật, làm cho tâm hồn con người trong sáng hơn, ấm áp hơn.
- + Mùa xuân còn biết gieo vào lòng người mơ ước về một tương lai tươi sáng, một ngày mai tốt đẹp.

* Kết bài:

- Tình cảm của Mùa xuân với thiên nhiên và con người

ĐỀ BÀI

Sau những ngày mùa đông lạnh lẽo, âm u, mùa xuân tươi đẹp đã về trên quê hương em. Mùa xuân du ngoạn khắp nơi: dòng sông, cánh đồng, làng mạc... hãy đóng vai mình là Mùa Xuân để kể và tả lại chuyến du ngoạn đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài.

- Giới thiệu chung về nhân vật mùa Xuân “tôi” và sự việc (câu chuyện của Mùa Xuân du ngoạn khắp nơi: dòng sông, cánh đồng, làng mạc).

2. Thân bài.

- * Mùa xuân tự giới thiệu về mình.
- Sự thay đổi của thiên nhiên, đất trời, mây, gió, nắng, cây cối, hoa lá, chim chóc..
- Niềm vui của con người khi chào đón năm mới: sự sum vầy, đoàn tụ, những cuộc du xuân...
- * Mùa xuân kể và tả về cuộc du ngoạn khắp nơi, được chiêm ngưỡng những cảnh nước non kì thú như: dòng sông, cánh đồng, làng mạc....
- Mùa xuân tả về những cảnh quan trên con đường du ngoạn..
- + Kể lại một cuộc gặp gỡ bất ngờ thú vị mà Mùa Xuân ấn tượng nhất.
- * Mùa xuân rút ra bài học bổ ích nhất sau chuyến đi. (về tình bạn, tình yêu quê hương đất nước, tinh thần đoàn kết, sự sẻ chia, cống hiến..)

3. Kết bài.

- Cảm nghĩ của Mùa Xuân sau mỗi chuyến du ngoạn.
- Mong ước được đi du ngoạn khắp nơi để có những trải nghiệm phong phú..

ĐỀ BÀI

Chiến thắng được Thần Nước, Sơn Tinh hết sức tự hào, ngạo nghễ còn Thủy Tinh thì hậm hực nuôi chí báo thù. Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Em hãy tưởng tượng và kể lại.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

- Giới thiệu bối cảnh câu chuyện, giới thiệu nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh nhiều năm về sau.

b. Thân bài:

- * **Về phía Sơn Tinh:** Sau nhiều lần chiến thắng, nhiều năm sau cũng không thấy Thủy Tinh động tĩnh gì nên Sơn Tinh sinh ra chủ quan, kiêu ngạo.
- Sơn Tinh chỉ say sưa với chiến thắng huy hoàng trong quá khứ mà quên đi hiện tại. Lúc nào Sơn Tinh cũng có thái độ tự hào ngạo nghễ, coi thường Thủy Tinh, cho rằng Thủy Tinh quá sợ mình mà không dám cất quân nữa.
- Việc quân lơ lửng, quân đội không được rèn luyện thường xuyên nên ý thức kỉ luật cũng không nghiêm.
- Hàng ngày, Sơn Tinh chỉ ham thích những thú vui tầm thường như chơi gà, đánh cờ...
- Không chịu khó rèn luyện, sức khỏe của Sơn Tinh đã giảm sút rất nhiều. Thân hình trở nên to béo, nặng nề, không còn linh hoạt như trước.
- * **Còn về phía Thủy Tinh:**
- Sau bao lần xuất quân nhưng đều bị thua, Thủy Tinh rất tức giận và hậm hực, âm thầm nuôi chí báo thù.

- Thủy Tinh âm thầm củng cố lực lượng, chuẩn bị binh khí chờ cơ hội. Hàng ngày, quân đội của Thủy Tinh đều tích cực tập luyện.

- Lực lượng quân đội ngày càng đông, quân số và ý chí ngày càng tăng cao.

- Thủy Tinh quyết tâm đánh thắng Sơn Tinh và giành lại Mị Nương.

* **Cuộc bão thù diễn ra:** Thủy Tinh tấn công bất ngờ, sức mạnh như vũ bão; Sơn Tinh ở vào tình thế bị động, không thể chống đỡ nổi đành ngồi chờ chết.

- Rồi điều bất ngờ xảy ra: Một viên tướng của Sơn Tinh đã dẫn quân đến ứng phó kịp thời, giải vây cho Sơn Tinh. (*Trước kia, viên tướng này khuyên can Sơn Tinh nhiều lần nhưng Sơn Tinh không nghe và bị đuổi đi. Vào rừng sâu, viên tướng tập hợp quân lại và hàng ngày đều tập luyện...*)

- Sơn Tinh thoát chết nhưng bị tổn thất nặng nề.

c. Kết bài: Từ đó, Sơn Tinh đã rút ra bài học cho mình: không dám lơ là việc quân việc nước, luôn cảnh giác và chăm chỉ tập luyện hàng ngày.

- HS có thể liên hệ và rút ra bài học cho bản thân và cho mọi người

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn thơ sau:

“Mầm non vừa nghe thấy

Vội bật chiếc vỏ rơi

Nó đứng dậy giữa trời

Khoác áo màu xanh biếc.”

(*“Mầm non”* - Võ Quảng)

Dựa vào ý đoạn thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy nhập vai là mầm non kể lại cuộc đời mình khi bị một số bạn học sinh cố tình giẫm đạp lên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài: Mầm non giới thiệu về bản thân và hoàn cảnh.

2. Thân bài:

(**Dựa vào ý thơ trên:** *Mầm non như một con người, nó biết lắng nghe những rung động của cuộc sống vui tươi. Nó mang trong mình sức sống căng tràn. Và nó lớn lên yêu đời, lạc quan, đường hoàng (nó đứng dậy giữa trời).*)

- Mầm non kể lí do bị một số bạn học sinh giẫm đạp? Tình huống như thế nào?

- Lời kể của mầm non về lợi ích của mình đối với môi trường sống, con người.

- Tâm trạng đau đớn, xót xa khi mầm non bị thương và oán trách những hành vi nhẫn tâm phá hoại môi trường, hủy hoại cây xanh của một số học sinh.

- Lời nhắc nhở và mong muốn của mầm non với một số bạn học sinh nói trên và con người nói chung.

3. Kết bài: Rút ra bài học cho bản thân và mọi người về ý thức trồng, chăm sóc cây xanh, bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp

ĐỀ BÀI

Giữa bộn bề của cuộc sống hiện đại, ta vẫn thấy lấp lánh tỏa sáng những câu chuyện đẹp về tình người, tình đời.

Hãy kể lại một câu chuyện sâu sắc, xúc động về *tình người* mà em từng trải qua hoặc chứng kiến trong cuộc sống

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: thời gian, không gian, cảnh vật...

- Diễn biến câu chuyện: Hành động, cử chỉ, lời nói, tâm trạng của các nhân vật khi làm việc tốt, khi thể hiện tấm lòng yêu thương với người xung quanh

- Kết thúc và ý nghĩa của câu chuyện. Cảm xúc, tâm trạng của người đón nhận hành động yêu thương mà người khác đã trao tặng...

- (Học sinh có thể xây dựng thêm các chi tiết, sự việc phụ, lời thoại của nhân vật để tạo thêm hấp dẫn)

ĐỀ BÀI

Tưởng tượng cuộc thi của các loài hoa và trong vai một loài hoa, em hãy kể lại cuộc thi đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I- Mở bài:

- Loài hoa tự giới thiệu về mình: Tôi là hoa (hồng, cúc, hướng dương...). Tôi đến từ...
- Lí do đến với cuộc thi này... cảm xúc chung khi đến với hội thi...

II- Thân bài:

1- Kể về không khí hội thi:

- Các thành viên tham gia: Tham gia cuộc thi năm nay có rất nhiều loài hoa, họ là đại diện tiêu biểu nhất của mỗi họ, mỗi tộc hoa như: hồng nhung, cúc vàng, hoa violet, hoa lay ơn, hoa thược dược hay hoa cẩm chướng, huệ trắng.... Họ đều là những ứng cử viên sáng giá, tiềm năng nhất của cuộc thi ngày hôm nay, không chỉ ở sự rực rỡ, đậm thắm của sắc hoa mà còn ở sức sống căng tràn, dạt dào mà họ mang lại cho cuộc thi nữa. Những ứng cử viên của cuộc thi cùng nhau trình diễn, khoe sắc làm cho hội thi thực sự bùng nổ, mọi người ai cũng vui vẻ, mong chờ...

- Các cổ động viên: Bên ngoài là rất nhiều cổ động viên hò reo hưởng ứng. Những người thân của chúng tôi luôn theo dõi mọi hoạt động, cổ vũ nhiệt tình không chỉ cho thí sinh của họ mình mà còn ủng hộ cho tất cả các thí sinh khác nữa. Họ chính là động lực để tôi cũng như tất cả các thí sinh khác thể hiện hết mình trong cuộc thi...

- Các thành viên ban giám khảo: ...

- Loài hoa dẫn chương trình: ...

2- Diễn biến hội thi: Cuộc thi bắt đầu:

- Loài hoa dẫn chương trình giới thiệu danh sách dự thi...

- Các loài hoa lần lượt lên sân khấu biểu diễn: giới thiệu về bản thân, lí do tham gia tham gia và tự nhận xét về những ưu điểm của bản thân cũng như họ hàng của mình ...

- Các phần thi: Sắc đẹp... tài năng...

- Ban giám khảo nhận xét: loài hoa rực rỡ nhất... loài hoa có màn biểu diễn ứng xử xuất sắc nhất...

- Khán giả hò reo, vỗ tay tán thưởng....

3. Kết thúc cuộc thi:

- Giám khảo công bố kết quả cuộc thi: danh hiệu hoa hậu thuộc về loài hoa...

- Lễ đăng quang

III. Kết bài:

- Tôi (loài hoa kể chuyện) bộc lộ cảm xúc về cuộc thi...

- Những suy nghĩ, mong ước của “tôi” được gọi ra từ cuộc thi này...

ĐỀ BÀI

Có một lần, Thủy Tinh gặp được Mị Nương, chàng có cơ hội để thanh minh chuyện cũ và việc năm nào cũng trả thù Sơn Tinh. Dựa vào truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Ngữ văn 6, tập 1), em hãy thay lời Thủy Tinh kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Thủy Tinh giới thiệu câu chuyện sẽ kể

II. Thân bài: Kể lại cụt một cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa Thủy Tinh và Mị Nương:

- Hoàn cảnh của cuộc gặp gỡ, miêu tả hình ảnh Mị Nương.

- Thủy Tinh kể cho Mị Nương nghe diễn biến câu chuyện (Có lời đối thoại giữa hai nhân vật xen vào câu chuyện kể của Thủy Tinh với mục đích tạo điều kiện cho Thủy Tinh thanh minh về mình,...): Màn thử tài; thách cưới của vua Hùng; cuộc giao tranh giữa hai vị thần và chuyện hàng năm Thủy Tinh vẫn đánh Sơn Tinh (có thể liên hệ đến việc tàn phá rừng và môi trường sống của con người hiện nay).

- Tả nét mặt, cử chỉ của Mị Nương sau khi nghe câu chuyện của Thủy Tinh và tâm trạng của Thủy Tinh; có thể gọi đến lời trò chuyện của Mị Nương và Thủy Tinh nhằm hướng tới cuộc sống tốt đẹp, hạn chế thiên tai lũ lụt cho nhân dân.

III. Kết bài: kết thúc cuộc gặp gỡ ấn tượng của Thủy Tinh

ĐỀ BÀI

Đóng vai hạt mầm kể về ngày đầu tiên được nảy mầm lên mặt đất vào một ngày đẹp trời.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: -Hạt mầm giới thiệu về mình: nguồn gốc, địa điểm...

II. Thân bài:

-Tâm trạng của hạt mầm khi chuẩn bị lên mặt đất: hồi hộp, chờ đợi, lo lắng...

-Khi lên khỏi mặt đất:

+Khung cảnh hiện lên trước mắt hạt mầm (vào ngày đẹp trời) ...

+Sự việc mà hạt mầm chứng kiến

+Suy nghĩ của hạt mầm về những gì đang diễn ra trước mắt, về ý nghĩa cuộc sống...

III. Kết bài: Mong ước của hạt mầm khi sống trên mặt đất...

ĐỀ BÀI

Đọc đoạn văn sau và hóa thân thành hạt mưa mùa xuân kể chuyện đời mình: "*Mưa mùa xuân xôn xao phơi phới. Những hạt mưa bé nhòe nhòe rơi mà như nhả nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất... Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những hạt mưa ấm áp trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã đem lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*"

(Nguyễn Thị Thu Trang, *Tiếng mưa*)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Giới thiệu về mùa xuân, hóa thân thành những hạt mưa bé nhỏ, ngây thơ, trong sáng, vô tư, hồn nhiên, ...

II. Thân bài:

- Mùa đông, ẩn mình trong những đám mây...

- Xuân về, theo gió ấm và những luồng không khí ấm áp bay đi khắp nơi, tiếp sức cho mặt đất, cỏ cây hoa lá,...

- Mặt đất đang kiệt sức cần khô, cây cối trơ trụi, khẳng khiu, cảnh xám xịt, sông suối khô cạn tro đáy... bắt đầu biến đổi khi mưa xuống. (Miêu tả cụ thể).

- Hóa thân vào màu xanh, vào hoa lá, vào sông suối, đất đai để bắt đầu một cuộc đời mới đầy ý nghĩa.

- Xúc động, tự hào...

- Gửi lời nhắn nhủ với cây trái, với những bạn mưa mùa xuân của những mùa sau...

III. Kết bài: mong ước được cống hiến cho thiên nhiên và con người...

ĐỀ BÀI

Mùa xuân, trăm hoa đua nở, bạn Ong chăm chỉ đi kiếm mật hoa làm đẹp cho đời. Trên hành trình đi tìm mật, bạn Ong đã có rất nhiều cuộc gặp gỡ thú vị... Đóng vai người chứng kiến, em hãy kể lại hành trình đó của bạn Ong.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: - Giới thiệu được nhân vật và cuộc hành trình.

II. Thân bài: - Kể được về công việc của bạn Ong.

- Kể được về cuộc gặp gỡ của Ong với các nhân vật khác (xây dựng được tình huống truyện, chuỗi sự việc; xây dựng được lời thoại của các nhân vật; cảm xúc, suy nghĩ... của các nhân vật...)

(Chẳng hạn: Cuộc gặp gỡ, trò chuyện với loại bướm chỉ biết rong chơi, lêu lổng, ích kỉ...)

+ Cuộc gặp gỡ với các loài hoa lặng lẽ tỏa hương và đẹp cho đời và ban mật ngọt...

Trong các cuộc trò chuyện HS có thể tưởng tượng ra công việc của các loài hoa, các loài vật trên hành trình đi tìm mật, để rút ra được bài học và ý nghĩa của lao động, sự hi sinh để làm đẹp cho đời, cho cuộc sống này...

III. Kết bài: - Nêu được ý nghĩa truyện hoặc bài học được gửi gắm từ truyện...

ĐỀ BÀI

Trong gia đình, mẹ luôn là người yêu thương và gần gũi với em nhất. Những lần nhìn thấy mẹ khóc đều gắn với những kỷ niệm vui buồn trong kí ức thời thơ ấu của em.

Từ những ấn tượng sâu sắc đó, em hãy *tự kể* câu chuyện về **giọt nước mắt của mẹ**.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Giới thiệu được khái quát hoàn cảnh xuất hiện, những nhân vật chính liên quan đến câu chuyện về giọt nước mắt của mẹ.

II. Thân bài: Giọt nước mắt của mẹ xuất hiện trong hoàn cảnh (tình huống cụ thể như:

+ Khi đau buồn

+ Khi quá vui mừng và xúc động

- Lí giải về hoàn cảnh khiến mẹ rơi nước mắt

- + khi thương xót muốn chia sẻ với một ai đó
- + Khi mẹ gặp chuyện đau buồn
- + Khi mẹ bị hiểu lầm, không được cảm thông chia sẻ.
- + Khi mình làm được một điều gì đó khiến mẹ tự hào, hạnh phúc.
- + Khi mình làm điều gì đó khiến mẹ lo lắng, buồn, giận
- Diễn biến câu chuyện: (kể và miêu tả tỉ mỉ hình ảnh của mẹ với những giọt nước mắt trong tình huống đó) :

- + Khi đó những cử chỉ, hành động, cảm xúc của mẹ như thế nào?
- + Bản thân em và những người chứng kiến có hành động, thái độ, cảm xúc gì?
- + Những giọt nước mắt ấy của mẹ có khơi dậy hay làm thức tỉnh điều gì không?
- + Em đã và sẽ phải làm gì sau khi chứng kiến những giọt nước mắt ấy của mẹ.

III. Kết bài: Khái quát lại câu chuyện mà em vừa kể

- Gửi gắm đến cho người đọc một lời nhắn nhủ hoặc một thông điệp nào đó qua câu chuyện (về tình cảm gia đình, tình mẫu tử thiêng liêng....)

PHƯƠNG PHÁP LÀM VĂN MIÊU TẢ

A. Đặc điểm của văn miêu tả

1. Văn miêu tả là gì?

Văn miêu tả là loại văn giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh.. làm cho đối tượng miêu tả như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Hoặc cũng có thể hiểu văn miêu tả chính là tái tạo lại hình ảnh của đối tượng thông qua những cảm nhận chủ quan, thông qua những năng lực quan sát, liên tưởng so sánh...

2. Những năng lực cần có khi làm văn miêu tả

– Quan sát: nhìn nhận, xem xét sự vật. Kỹ năng này thường bị học sinh bỏ qua nên khi làm bài các em thiếu vốn sống thực tế, bài văn nghèo về nội dung ý nghĩa, thiếu sức thuyết phục. Phải thấy những nét chính, thấy những đặc điểm riêng để tìm ra được những góc ngách của sự vật, vấn đề. Nhiều khi không cần liệt kê đầy đủ sự việc mà chỉ cần ghi lại những nét đặc sắc mà mình cảm nhận được, như một câu nói, nét mặt lộ ra được tính nết một người, hoặc một tiếng động, một ánh đèn, một trạng thái tư tưởng, ...

Nói như Tô Hoài, ... từ chỗ tìm bối cảnh trong la liệt hiện tượng quanh mình mà phát hiện ra bản chất và quy luật hiện tượng chính, tránh lối phỏng đoán sai lầm, công thức, đơn giản và loá mắt không tách bạch được đâu là chủ yếu, thứ yếu. (Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả, NXB Giáo dục, 2000)

– Nhận xét liên tưởng hình dung về sự vật đặt trong tương quan các sự vật xung quanh. Vai trò của trí tưởng tượng là rất lớn. Nó không chỉ là yếu tố tạo nên sự phong phú cho các hình ảnh trong bức tranh miêu tả mà còn giúp cho HS tìm được những từ ngữ và biện pháp nghệ thuật phù hợp để bài văn tả hấp dẫn hơn.

– Ví von so sánh: Thể hiện sự liên tưởng độc đáo riêng của người viết hình dung, cảm nhận về sự vật, hiện tượng miêu tả. Chất lượng của bài miêu tả là “nói ít gợi nhiều”, chi tiết đưa ra không cần nhiều nhưng phải gợi được cảm giác mãnh liệt nhất, những hình ảnh sinh động hiện lên trước mắt người đọc, khiến họ nhìn rất rõ và rất có ấn tượng. Có thể so sánh vật với vật, cảnh với cảnh, so sánh vật với con người, so sánh theo hướng thu nhỏ lại, so sánh theo hướng phóng đại lên, so sánh theo hướng cụ thể hoặc trừu tượng hoá.

B. Các dạng văn miêu tả

1. Tả cảnh

Tả cảnh là gọi tả những bức tranh về thiên nhiên hay cảnh sinh hoạt gợi ra trước mắt người đọc về đặc điểm từng nét riêng của cảnh.

Yêu cầu:

- Xác định đối tượng miêu tả: Cảnh nào? Ở đâu? Vào thời điểm nào?
- Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.
- Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

Bố cục bài văn tả cảnh:

- Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.
- Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự nhất định, có thể ở một số trường hợp sau:
 - + Từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại).
 - + Không gian từ trong tới ngoài (hoặc ngược lại).

+ Không gian từ trên xuống dưới (hoặc ngược lại).

- Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả dòng sông và rừng đước Năm Căn: Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lúa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ,... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi)

2. Tả người: Tả người là gọi tả về các nét ngoại hình, tính cách, tư thế, hành động, lời nói,... của nhân vật được miêu tả.

Phân biệt đối tượng miêu tả theo yêu cầu:

– Tả chân dung nhân vật (cần tả nhiều về ngoại hình, tính nết...)
– Tả người trong tư thế làm việc (tả người trong hành động: chú ý các chi tiết thể hiện cử chỉ, trạng thái cảm xúc).

Cách miêu tả:

– Mở bài: Giới thiệu người được tả (chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó).

– Thân bài:

+ Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác, nghề nghiệp...

+ Tả chi tiết: ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói,... (chú ý: tả người trong công việc cần quan sát tinh tế, tả các động tác của từng bộ phận: khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt..)

Ví dụ: Đoạn văn miêu tả hình ảnh dựng Hương Thư lái thuyền vượt thác: Dựng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

(Võ Quảng)

+ Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: qua tả các chi tiết, người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người viết đối với đối tượng đó.

– Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

3. Miêu tả sáng tạo

* Đối tượng miêu tả thường xuất hiện trong hình dung tưởng tượng có thể bắt nguồn từ một cơ sở thực tế nào đó.

* Đối tượng: Người hay cảnh vật.

* Yêu cầu khi miêu tả:

– Tả cảnh phải bám vào một số nét thực của đời sống. Ví dụ khi tả một phiên chợ, trong tưởng tượng của em cần dựa trên những đặc điểm thường xảy ra của cảnh đó làm cơ sở tưởng tượng như: không khí của buổi chợ, số lượng người với những lứa tuổi, tầng lớp nào? Chợ diễn ra ở địa điểm nào?

Thời tiết khí hậu ra sao?... Những cơ sở đó là thực tế để tưởng tượng theo ý định của mình.

– Tả người trong tưởng tượng: Nhân vật thường là những người có đặc điểm khác biệt với người thường như các nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong cổ tích hay một người anh hùng trong truyền thuyết... Cần dựa vào đặc điểm có tính bản chất để tưởng tượng những nét ngoại hình cho phù hợp, tạo sự hấp dẫn.

Lưu ý: Dù miêu tả theo cách nào và đối tượng nào thì cũng cần chú ý vận dụng lối ví von so sánh để bài văn miêu tả có nét độc đáo mang tính cá nhân rõ rệt.

C. Cách làm một bài văn miêu tả

1. Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất. Muốn làm văn tả cảnh, người viết cần phải:

– Xác định được đối tượng miêu tả.
– Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.
– Trình bày những điểm quan sát được theo một thứ tự.

2. Bố cục của một bài văn tả cảnh thường có ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.
- Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự.
- Kết bài: Thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật được miêu tả.

3. Cần chú ý chi tiết khi miêu tả. Ví dụ:

a. Về cảnh mùa đông, có thể nêu những đặc điểm sau:

- Bầu trời âm u, nhiều mây.
- Gió lạnh, mưa phùn.
- Cây cối rụng lá trơ cành

b. Về khuôn mặt mẹ có thể chú ý tới các đặc điểm:

- Hình dáng khuôn mặt (tròn, trái xoan..)
- Tóc ôm khuôn mặt (hoặc được búi lên).
- Đôi mắt, má, miệng.
- Nước da, vẻ mặt (hiền hậu, tươi tắn..)

c. Tả một cụ già:

- râu, tóc trắng, da mồi.
- Cặp mắt tinh anh (hoặc lơ đãng).
- Dáng vẻ nhanh nhẹn (hoặc chậm chạp).
- Giọng nói trầm ấm...

d. Tả cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo, cử chỉ âu yếm, ân cần, đôi mắt lấp lánh đầy khích lệ...

4. Chú ý thứ tự khi miêu tả:

Ví dụ:

a. Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn:

– Có thể theo thời gian: từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc giờ học: Trông vào lớp. Cô giáo (thầy giáo) cho chép đề. Các bạn bắt tay vào làm bài. Kết thúc buổi làm bài, thu, nộp bài cho thầy, cô...

– Có thể theo trình tự quan sát: từ gần đến xa hoặc ngược lại; hoặc theo không gian: bên ngoài lớp; trên bảng, cô (thầy) ngồi trên bàn giáo viên; các bạn trong lớp bắt tay vào làm bài...

b. Tả sân trường giờ ra chơi:

– Miêu tả theo không gian:

+ Từ xa tới gần

+ Miêu tả theo thời gian: trước, trong và sau khi ra chơi.

– Miêu tả theo thứ tự thời gian:

+ Sân trường vắng lặng trong giờ học.

+ Hiệu lệnh trống ra chơi, mọi người ùa ra.

+ Có tốp chơi đá cầu, nhảy dây, đá bóng, có tốp chỉ đứng xem, hoặc tranh cãi nhau về điều gì đó...

+ Có thể tả màu sắc quần áo, những tiếng cười nói, hò reo,...

– Miêu tả kết hợp cả không gian và thời gian: Trước hết, cần chọn trật tự miêu tả. Sau đó chọn cảnh sân trường giờ ra chơi để viết thành đoạn văn.

Chú ý miêu tả các chi tiết như: bầu trời, mở đầu giờ ra chơi như thế nào, ở mỗi khoảng sân các hoạt động vui chơi ra sao...

5. Rèn luyện về cách diễn đạt trong văn miêu tả

a. Cách dùng từ ngữ, hình ảnh:

Việc lựa chọn từ ngữ trong văn miêu tả là yêu cầu quan trọng, đòi hỏi phải được đặt ra một cách nghiêm túc. Muốn làm tốt yêu cầu này thì người viết văn miêu tả trước hết phải có một vốn từ phong phú. Vấn đề tích lũy vốn từ cần được tiến hành thường xuyên và dưới nhiều hình thức: thông qua các giờ học văn – Tiếng việt trong nhà trường; thông qua giao tiếp hàng ngày, thông qua quá trình đọc sách, đọc tài liệu tham khảo liên quan tới văn miêu tả... Tất nhiên, có vốn từ phong phú chưa hẳn là đã thành công mà điều quan trọng là người viết bài phải có sự lựa chọn tinh tường, sao cho giữ một hệ thống các đồng nghĩa, gần nghĩa, có thể lấy ra một vài từ phù hợp, chính xác nhất. Điều cần chú ý là phải luôn có thói quen tìm được từ gợi hình, biểu cảm và phải chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng, với văn cảnh. Muốn làm nổi bật hình ảnh của đối tượng thì chú ý nhiều tới hệ thống từ tượng hình (Tả màu sắc, hình dạng, trạng thái...);

muốn làm nổi bật không khí của cảnh thì dùng hệ thống của từ tượng thanh (mô phỏng các tiếng động). Bài văn miêu tả thiếu đi các từ ngữ có sức tạo hình, gợi cảm thì chắc chắn sẽ không thể hay. Nhưng cũng cần kiến thức được rằng nếu dùng các từ ngữ hình ảnh tùy tiện hoặc khuôn sáo, bắt chước một cách lộ liễu thì cách miêu tả cũng không có sức thuyết phục. Vì thế khi làm văn miêu tả cần sử dụng từ ngữ, lựa chọn hình ảnh sao cho phù hợp

Ví như:

- *Tả cảnh sóng biển có nhiều từ ngữ gợi hình, gợi thanh:* cuộn cuộn, nhấp nhô, lăn lăn, rì rầm, rì rào, lô nhô, ì oạp ... Nhưng không phải tả sóng lúc nào cũng dùng được các từ ấy. Ta phải xác định các từ ngữ phù hợp trong từng hoàn cảnh. Ví dụ như sóng biển lúc trời động thì phải dùng từ cuộn cuộn; tả tiếng sóng biển vỗ vào bờ đá thì phải dùng từ ì oạp; tả tiếng sóng biển vọng lại trong đêm mà nghe xa thì phải dùng từ rì rầm...

- *Tả cây cối cũng có nhiều từ ngữ chỉ màu xanh khác nhau:* xanh um, xanh rì, xanh non, xanh mơn mớn; xanh tươi, xanh tốt, xanh rờn... nhưng khi đi vào thực tế, mỗi loại cây đều có một màu xanh riêng, không thể lẫn lộn: cây rau cải trong vườn hay cây lúa đang thì con gái thì phải là xanh mơn mớn, xanh rờn; cây cối trong rừng rậm rạp thì phải là xanh rì, xanh tốt, xanh um...

- *Ngay cả âm thanh tiếng mưa rào cũng có sự phân biệt rất rõ:* mưa giáo đầu thì lẹt đẹt, mưa trên mái tôn thì rào rào, mưa đập vào phen cửa thì đồm đồm; mưa đập vào tàu lá chuối thì lung bùng; mưa từ mái tranh giọt đổ xuống sân thì ồ ồ...

- *Còn từ ngữ tả dáng đi của con người cũng vô cùng phong phú, đa dạng:* em bé tập đi thì lẫm chẫm, cậu bé tinh nghịch thì có dáng đi nhún nhảy, vừa đi vừa nhảy chân sáo; cụ già thì lom khom; người đang đau chân thì đi khập khà khập khiễng; có cô gái trẻ thì yếu điệu thướt tha; người vất vả thì dáng đi hấp tấp, lặt đặt, sấp ngửa, chân nam đá chân xiêu...

- *Bên cạnh việc lựa chọn từ ngữ, vấn đề tạo hình ảnh trong văn miêu tả cũng không kém phần quan trọng:* Có thể thấy câu văn miêu tả giàu hình ảnh bao nhiêu thì sức gợi cảm của nó sẽ lớn bấy nhiêu. Việc tạo hình ảnh cho câu văn miêu tả có thể thực hiện bằng nhiều cách: hoặc bằng từ ngữ tượng hình, tượng thanh (gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo núc ních, bước đi lặc lè, lặc lè); hoặc bằng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nhân hóa (“Lá mía sắc như lưỡi gươm, xanh đậm”, “lũ trẻ đùa nào đùa nấy da cứ đen bóng như bôi nhọ mỡ”, “Dòng sông thay chiếc áo màu xanh hằng ngày bằng dải lụa đào”)

b. Cách đặt câu, dựng đoạn trong văn miêu tả:

* *Cách đặt câu trong văn:* Cũng như văn tự sự, cách đặt câu trong văn miêu tả đòi hỏi người viết phải linh hoạt và công phu. Có thể là câu dài với đầy đủ các thành phần chính phụ, có nhiều tầng ý nối tiếp nhau. Cũng có thể là những câu ngắn (câu đặc biệt hoặc câu tỉnh lược). Vấn đề đặt ra ở đây là phải biết chọn kiểu câu phù hợp với hoàn cảnh, với tình huống, nội dung miêu tả, và cả với cảm xúc của người miêu tả nữa.

Một số kiểu câu thường gặp như:

- Kiểu câu dài, nhiều tầng ý, nhiều vế nối nhau thường phù hợp với việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên êm đềm, yên ả, hoặc những hoạt động diễn ra nhẹ nhàng, liên tiếp nối nhau; hoặc khi cảm xúc của con người đang dâng trào, tuôn chảy...

- Kiểu câu ngắn (câu đặc biệt, câu tỉnh lược) với các dấu câu (dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu chấm lửng...) thường dùng để diễn tả những cảm xúc mạnh, những hoạt động nặng, diễn ra nhanh gọn liên tục; những tình huống bất ngờ...

- Kiểu câu có sử dụng phép tu từ đảo ngữ : thường dùng trong những trường hợp cần nhấn mạnh một đặc điểm, một trạng thái nào đó của đối tượng được miêu tả.

Tuy nhiên khi làm bài cần sử dụng linh hoạt các kiểu câu phù hợp với đối tượng và đề bài.

Ví dụ :

- *Tả cảnh đồng quê yên ả thanh bình:* cánh đồng trải ra xa tít tắp, mênh mông với sóng lúa lăn tăn gọn nhẹ, đuổi nhau chạy dài đến tận chân trời. (Câu dài)

- *Tả ánh trăng khuya:* Trời đã về khuya, ánh trăng dường như càng sáng hơn, vàng vạc giữa vòm cao mênh mông, lặng lẽ tỏa ánh sáng dịu dàng và tinh khiết xuống mặt đất, huyền ảo và đẹp lạ kì. (Câu dài)

- *Tả em bé đang tập đi:* Cu Tí đang chập chững tập đi. Hai bàn chân bầm xuống. Hai tay dang ra để giữ thăng bằng. Một bước. Hai bước. “Uych”. Cu Tí khóc òa lên vì bị ngã. Mẹ vội đỡ Tí dậy, thom một cái

vào đôi má trắng hồng. Tí ta nhoẻn cười, nước mắt vẫn đọng trên mí. Hai bàn chân lại bấm xuống. Hai tay lại dang ra. Một bước... Hai bước... Năm bước... Mười bước... Tiếng vỗ tay cổ vũ của mọi người làm cho cu Tí càng phấn khởi. (Một loạt câu ngắn)

- *Tả hoa phượng*: Trên cành cây, lác đác xuất hiện những bông hoa phượng đầu mùa. (Câu đảo ngữ)

Lưu ý: khi làm văn miêu tả là phải biết dùng đan xen các kiểu câu khác nhau. Có câu dài xen câu ngắn. Có câu bình thường xen câu đặc biệt. Như vậy mới tạo được sự phong phú, đa dạng cho cách diễn đạt.

**Cách dựng đoạn trong văn miêu tả*: Ngoài việc đặt câu, cách dựng và liên kết giữa các đoạn trong một bài văn miêu tả là yếu tố quan trọng. Thông thường, khi làm văn, học sinh chia bài thành ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. Do đó, ứng với ba phần thường là ba đoạn văn. Mở bài và kết luận ngắn, thân bài thì dài. Dù nội dung bài văn nghèo nàn hay phong phú, dù dung lượng bài văn dài hay ngắn, dù đối tượng miêu tả ít hay nhiều, phần thân bài cũng chỉ có một đoạn. Vì vậy có thể khắc phục hạn chế này bằng cách:

- Xác định những ý cần triển khai trong bài văn miêu tả để chia thân bài thành các đoạn văn tương ứng. Có nhiều cách để chia đoạn trong bài văn tả:

+ Chia đoạn theo trình tự thời gian: Người làm bài đặt đối tượng miêu tả vào các khoảng thời gian khác nhau. Trong một năm thì theo bốn mùa xuân – hạ – thu – đông (tả cây cối, cảnh vật); trong một ngày thì có sáng – trưa – chiều – tối (tả cảnh vật, thời tiết); trong quá trình thì có bắt đầu- diễn biến- kết thúc (tả cảnh sinh hoạt), khi nhỏ – khi lớn – về già (tả con người), ...

+ Chia đoạn theo trình tự không gian: Người làm bài quan sát đối tượng miêu tả ở nhiều góc độ và từ nhiều hướng khác nhau: từ xa nhìn lại, từ ngoài nhìn vào, từ trong nhìn ra, từ trên nhìn xuống, từ dưới nhìn lên, nhìn bên trái, nhìn bên phải, nhìn phía trước, nhìn phía sau, nhìn toàn cảnh, nhìn chi tiết...

+ Chia đoạn theo đặc điểm tính cách của đối tượng được miêu tả: mỗi đặc điểm tính chất có thể được tách ra để miêu tả trong một đoạn văn độc lập. Ví như tả người nói chung có thể chia thành hai ý (hình dáng, tính tình)...

+ Chia đoạn theo số lượng đối tượng được miêu tả: có thể sử dụng cách chia đoạn này cho kiểu bài tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh sinh hoạt, tả thế giới loài vật, đồ vật... Ví như tả cảnh thiên nhiên thì có: bầu trời – mặt đất; cảnh trong vườn – ngoài đồng; cảnh biển cả – cảnh núi rừng... Hoặc tả không khí giờ học thì có: công việc của thầy cô giáo, công việc của học sinh, ... Tả đàn gia súc, gia cầm của gia đình thì có: bầy gà, đàn vịt, lũ trâu bò – mấy con lợn...

- Sau đó tiến hành triển khai ý trong từng đoạn. Việc này đòi hỏi người viết phải có khả năng mở rộng ý, phát triển hình ảnh miêu tả một cách phong phú và hợp lí. Thông thường có thể mở rộng ý theo một số hướng sau:

+ Liên tưởng, so sánh đối tượng đang miêu tả với đối tượng khác. Hoặc đặt đối tượng đang miêu tả trong các bước quan hệ với những đối tượng xung quanh.

+ Đi vào miêu tả thật tỉ mỉ, thật chi tiết từng đường nét, hình dáng, đặc điểm của đối tượng.

+ Đan xen vào những câu văn tả là những câu văn nêu cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét.

+ Kết hợp miêu tả đặc điểm với những lời giới thiệu về giá trị, về công dụng của đối tượng được miêu tả

Ví dụ: Khi làm bài văn tả cây cối trong vườn vào một thời điểm cụ thể, ta có thể chia thân bài thành một số đoạn ứng với một số đối tượng miêu tả như sau :

Đoạn một : tả một cây cối có đặc điểm tiêu biểu và gây ấn tượng nhất trong vườn (Lớn nhất, đặt ở vị trí quan trọng nhất). Khi tả phải giới thiệu được vị trí, miêu tả, hình dáng, đặc điểm của thân, lá, rễ, hoa, quả,..., tầm quan trọng của nó đối với các cây cối khác trong vườn, hoặc đối với con người. Có trường hợp nêu lên lai lịch của nó (Ai trồng? Trồng lúc nào? Người trồng và thời điểm trồng có ý nghĩa như thế nào đối với chủ nhân của khu vườn?).

Đoạn hai: Tả loại cây hoa cho hương: Liệt kê một số loài hoa (hoa nhài, hoa hồng,...). Đồng thời miêu tả cụ thể vị trí, hình dáng đặc điểm, cấu tạo của từng loại cây(thân, lá, hoa, hương vị...)

Đoạn ba : Tả loài cây cho quả: Liệt kê một số loại cây tiêu biểu (cam, bưởi, na, ổi...). Sau đó tập trung miêu tả vị trí, quy trình ra hoa kết trái, cấu tạo, công dụng... của từng loài cây.

***Lưu ý**: là trong quá trình tả, có thể đặt các đối tượng được tả trên trong mối quan hệ với nắng, với gió, với chim chóc, ong bướm, với con người...để tả toàn cảnh khu vườn hiện lên sống động và đẹp hơn.

c. Cách mở đầu và cách kết luận cho một bài văn miêu tả:

Mô hình bố cục của một bài văn miêu tả thông thường gồm ba phần rõ rệt:

- Mở bài : giới thiệu đối tượng cần miêu tả (Đối tượng là gì? Có quan hệ như thế nào đối với người miêu tả ? Hoàn cảnh tiếp xúc gặp gỡ với đối tượng ấy có gì đặc biệt?)
- Thân bài : Lần lượt dừng lại hình ảnh hoặc khung cảnh được miêu tả với những nét đặc điểm chung – riêng
- Kết luận : Nêu cảm nghĩ về đối tượng miêu tả

Cách mở bài

**Trực tiếp:* Giới thiệu đối tượng và kết bài bằng cách nêu cảm nghĩ của người viết.

Ví dụ 1: Khi tả một cây ăn quả:

Mở bài: Trong vườn bà em trồng rất nhiều thứ quả như cam, ổi, xoài... Nhưng em thích nhất là cây bưởi đào.

Kết luận: Em rất yêu quý khu vườn (yêu cây bưởi đào). Hoặc em muốn được chăm sóc cho khu vườn ngày càng tươi tốt (Chăm sóc cây bưởi đào để nó tiếp tục đơm hoa kết trái ở những mùa sau).

Ví dụ 2: Đối với đề văn “Tả một người bạn thân”, cách mở bài và kết luận cũng lặp theo khuôn hệt như ví dụ 1 :

Mở bài: Em có nhiều người bạn, bạn nào em cũng quý mến. Nhưng có lẽ thân thiết và gần gũi nhất vẫn là bạn X.

Kết luận: Em và X rất thân thiết, gắn bó với nhau. Chúng em tự hứa với lòng mình rằng, dù cho hoàn cảnh và điều kiện cuộc sống có thay đổi như thế nào thì tình bạn ấy vẫn không bao giờ phai nhạt.

** Gián tiếp:*

- Có thể mở bài bằng một lời thông báo ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề (*Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi – Thạch Lam*)

- Cũng có thể mở bài bằng lời giới thiệu tình huống để đối tượng miêu tả xuất hiện. Cách mở này thường dài dòng (Ví như tả một người công nhân làm đường: *Cái Thư, bạn tôi lạ lắm kia! Hễ cứ ngồi với nhau là nó chẳng lần nào là nó không mở đầu bằng câu: “Mẹ tớ, ấy biết không, là công nhân sửa đường đấy. Năm nào mẹ tớ cũng được bầu là lao động tiên tiến. Tổ mẹ tớ và đường giỏi nhất công ti. Nếu ấy được xem mẹ tớ làm việc, ấy phải thích mê đi. Này nhé!...”*).

Một buổi sáng, chúng tôi được đi ô tô đến chỗ mẹ Thư làm việc ...)

Cách kết bài

- Có thể kết thúc bằng một câu miêu tả

Ví dụ: *Đêm đã khuya, vầng trăng càng sáng, vầng vặc trên vòm cao mênh mông như đang thao thức cùng trời đêm*

Hay: Cánh đồng lúa rập rờn, rập rờn trong gió. Hương thơm dịu dịu tỏa ra lan xa. Lan xa ...

- Có thể kết thúc bằng một lời mở hoặc để lửng ý cho người đọc tự cảm nhận.

Ví dụ: *Khi tả cảnh hoàng hôn trên sông Hương, tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường đã kết thúc bài theo kiểu này: “Huế thức dậy trong nhịp chuyển động mới đi vào cuộc sống ban đầu của nó*

- Hoặc cũng có thể kết thúc bằng một vài lời tâm tình trực tiếp với đối tượng được miêu tả

Ví dụ: *Kết bài cho bài văn miêu tả mùa xuân: “Cảm ơn mùa xuân, cảm ơn những điều kì diệu mà trời đất đã ban tặng cho thiên nhiên và con người”.*

Ví dụ: *Kết bài cho bài văn tả hình ảnh người mẹ: “Con yêu mẹ rất nhiều! Mẹ ơi!”*

CÁC DẠNG ĐỀ CỤ THỂ ĐỀ BÀI

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, tự từng không man mác,
Mây bay, trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.*

*Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.
Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,*

Những hương đào, hương lý dậy miên man.

(Anh Thơ, *Đêm trăng xuân*)

Em hãy viết bài văn miêu tả dựa theo ý đoạn thơ trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

a. Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng miêu tả: Cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân.
- Ấn tượng khái quát về cảnh.

b. Thân bài: (Dựa vào ý đoạn thơ) .

- Tả khái quát: Một vài nét nổi bật của khung cảnh làng quê trong đêm mùa xuân trước khi trăng lên.
 - + Đêm xuống nhanh, sương mù buông toả, lạnh gió, se lạnh.
 - + Ngoài đồng vắng vẻ, trong làng nhà nhà lên đèn, mọi vật nhòa đi trong bóng tối mênh mang.
 - + Trên bầu trời những đám mây đuổi nhau giữa tầng không.
- Tả chi tiết: Miêu tả cụ thể cảnh làng quê trong đêm mùa xuân theo trình tự thời gian: Khi trăng bắt đầu lên, khi trăng lên cao, trăng về khuya...qua những hình ảnh nổi bật của cảnh như:
 - + Bầu trời, ánh trăng, mây... với những đặc điểm nổi bật về màu sắc, hình dáng, chuyển động.
 - + Vườn cây trong đêm mùa xuân hương hoa ngát ngào toả hương.
 - + Rặng tre lướt theo chiều gió tạo lên cung đàn, khúc nhạc đồng quê.
 - + Làng xóm yên tĩnh chìm trong giấc ngủ say.
 - + Có thể miêu tả một số hình ảnh khác của làng quê như: Ngoài cánh đồng làng, dòng sông, hồ nước...với những vẻ đẹp riêng trong đêm trăng mùa xuân.

c. Kết bài: Tình cảm, suy nghĩ của em về khung cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân đẹp, yên tĩnh: Yêu quý, gắn bó để lại bao cảm xúc khó quên.

ĐỀ BÀI

<i>Đàn chim se se Hót trên cánh đồng Bạn ơi biết không Hè về rồi đó.</i> <i>Chiều nay bạn gió Mang nồm về đây Ôi mới đẹp thay! Phượng hồng mở mắt</i>	<i>Dòng sông trong vắt Trườn lên bãi xa Một chuyến đò qua Mang theo lũ bướm</i> <i>Cánh diều bay lượn Thênh thang lúa đồng Bạn ơi thích không? Hè về rồi đó!</i> <i>(Hè về - Nguyễn Lâm Thắng)</i>
---	---

Từ nội dung bài thơ trên, em hãy **miêu tả vẻ đẹp của mùa hè** trên quê hương em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài:

- Giới thiệu chung về mùa hè về trên quê hương em

II. Thân bài: Tả cảnh mùa hè

(Dựa vào nội dung bài thơ và tên bài thơ tập trung miêu tả cảnh hè về quê hương em)

*Tả bao quát mùa hè về.

- Bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9
- Bầu trời cao xanh, mây trắng xốp như bông
- Phượng nở báo hiệu mùa hè đến.
- Ve kêu rộn rã
- Nắng chói chang trùm lên cảnh vật.

*Tả chi tiết về mùa hè.

- Con người:

- + Học sinh nghỉ hè, nô đùa vui nhộn nơi đường làng, góc phố....
- + Mọi người tập thể dục lúc sáng sớm tại nơi công cộng

- Tả cảnh buổi sáng mùa hè.

- + Sáng sớm, gió thổi mát rượi. Ai cũng muốn hít căng lồng ngực mùi hương của hoa cỏ, gió mát lành...
- + Mặt trời lên từ rất sớm, những tia nắng đã chiếu xuống khắp mặt đất, nhảy nhót tinh nghịch trên những tán cây bàng, cây phượng....
- + Dòng sông hiền hoà, gió từ mặt sông thổi lên mát rượi...
- + Cây cối dường như được hồi sinh qua một đêm nên lại tươi xanh.
- + Những chú chim hót ríu rần
- + Những chú ve kêu rộn rã

- Tả cảnh buổi trưa hè

- + Trời nắng gắt hơn lúc sáng. Khắp không gian vàng rực màu nắng. Cánh đồng lúa ngả màu vàng chín, sóng lúa xô vờn đuôi nhau...
- + Cái nắng rất chói chang và oi bức. Người đi đường vội vã như chạy trốn.
- + Cây cối đang đứng hiên ngang dưới nắng
- + Những chú ve dường như thấy mệt vì trưa hè oi nóng. Chùm hoa phượng như rực rỡ chói chang hơn, tựa như đang thấp lửa trên cây.

- Tả cảnh buổi chiều hè.

- + Mặt trời dần tắt, nắng bớt dần
- + Thời tiết bắt đầu dịu lại
- + Nhưng chú chim nhảy nhót chuyện càn
- + Mọi người tụ tập hóng gió phía đầu làng, bên hồ nước, nơi công viên, tán lá cây xanh chuyện trò...
- + Trên đường làng, ngoài bãi đất rộng, trên cánh đồng, nhưng đứa trẻ chơi trò chơi vui vẻ. Nhưng cánh diều sáo vi vu chao liệng trên bầu trời cao.

3/Kết bài: Nêu cảm nghĩ của e về mùa hè. Mùa hè mang lại sức sống mới, những niềm vui cho tâm hồn.

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về mùa hè

ĐỀ BÀI

Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc của đồng quê... (Thép Mới, Cây tre Việt Nam)

Hãy tả lại buổi trưa ấy theo tưởng tượng của em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

A. Mở bài: Giới thiệu được thời gian, không gian của cảnh và đối tượng miêu tả: Buổi trưa hè yên tĩnh trong khúc nhạc đồng quê.

B. Thân bài:

- Tả khái quát: Một vài nét nổi bật của khung cảnh buổi trưa hè ở đồng quê: Yên tĩnh, Gió nồm nam nhẹ thổi, rặng tre xạc xào trong gió, diều sáo vi vu lưng trời...

- Tả chi tiết: (Miêu tả theo một trình tự nhất định.)

+ Trung tâm bức tranh đồng quê là lũy tre làng (HS biết tưởng tượng để miêu tả được vẻ đẹp của lũy tre làng, của đồng quê về màu sắc, hình dáng, chuyển động... và tả cảnh trong thế “động” gió nồm nam đã làm cho khóm tre làng rung lên khúc nhạc của đồng quê hoà cùng tiếng sáo diều réo rắt trên không trung... Gợi khung cảnh đồng quê yên tĩnh, thanh bình.)

+ Miêu tả một số hình ảnh khác của cảnh: Dưới bóng tre trâu nằm nhai cỏ, trẻ con đùa nghịch, ngoài cánh đồng làng phía xa sóng lúa từng đợt cuộn lên theo gió đưa mùi hương lúa chín vào làng, trong vườn cây trái vào mùa quả chín, âm thanh tiếng ve, tu hú râm ran...

C. Kết bài: Tình cảm, suy nghĩ của em về khung cảnh trưa hè ở đồng quê yên ả, thanh bình: Yêu quý, gắn bó để lại bao cảm xúc khó quên.

ĐỀ BÀI

Miêu tả cảnh lũy tre làng em vào một ngày giông bão.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

A. Mở bài:

Giới thiệu lũy tre làng...

B. Thân bài:

- *Cảnh lũy tre làng trước khi có giông bão*: Trời xanh trong, gió nhẹ, lũy tre rì rào ca hát... (2 điểm)
 - *Cảnh lũy tre làng trong giông bão*: (6điểm) Cần tập trung miêu tả những hình ảnh, màu sắc và âm thanh chủ đạo như:

+ Hình ảnh: Thân tre lắc lư, ngọn tre vút cong, những cành tre đan vào nhau chống chọi với cơn bão tố.

+ Âm thanh: Sấm chớp, gió rít, nước chảy, mưa...

+ Một số cây khác gây cảnh, đồ đạc, riêng lũy tre vẫn kiên cường tựa vào nhau vững chắc như một bức tường thành. (cần kết hợp tả cảnh chung và riêng).

- *Cảnh lũy tre sau cơn mưa*: Con người tiếp tục làm việc, mọi vật như đổi thay, riêng lũy tre có một sự thay đổi kỳ diệu, tươi mới, màu sắc như xanh hơn, những búp măng như cao hơn, lũy tre lại rì rào như ca hát... (2 điểm)

C. kết bài: Cảm nhận của em....

ĐỀ BÀI

Sân trường của em vào buổi sáng mùa xuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**a, Mở bài:**

Giới thiệu trường em. Khung cảnh xuân ở khắp nơi nói chung và trường em nói riêng. (Tả khi đi học sớm trực nhật)

b, Thân bài:

* Tả 1 chút về cảnh vật xung quanh:

+ Bầu trời trong xanh

+ Cô cậu mây bông bồng bênh như những que kẹo bông đang chơi đùa với gió.

+ Ông mặt trời vàng rực chiếu những tia nắng vàng ấm áp, mượt mà xuống mặt đất.

* Tả bao quát:

- Từ xa trong trường giống đứa bé khổng lồ đang nằm dài trên đất như cố lưu giữ giấc ngủ.

* Gần gũi, tả chi tiết:

- Chỉ có lác đác vài bạn đến lớp sớm để trực nhật

- Vừa đến gần cánh cổng trường em đã cảm thấy trong lòng vui rạo rạo vì hôm nay là ngày đầu tiên sau kì nghỉ Tết dài em đi học trở lại

- Vẫn là cánh cổng xanh ấy nhưng sao hôm nay em thấy đáng yêu đến thế. Cánh cổng như người bảo vệ dang tay đón em đến lớp, nghiêm khắc với những bạn đi muộn

- Vào trường cây cối đều đâm chồi, nảy lộc, những chồi non như những ngọn lửa tí xíu màu xanh

- Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới

- Khu vườn hoa ở giữa sân trường thu hút đầy ong bướm

- Một lúc sau, các bạn đã lũ lượt đến.

+ Ai gặp nhau cũng chúc năm mới vui vẻ, hạnh phúc,...

+ Những bao lì xì không đáng giá nhưng là món quà lớn về tình bạn

- Chim kéo đến hót vang

* Trong lớp:

+ Bàn ghế ngay ngắn, sạch sẽ hơn mọi ngày

+ Ảnh Bác Hồ nhìn bác tươi cười hơn mọi hôm

c, Kết bài:

Trông vào lớp - một năm mới bắt đầu

ĐỀ BÀI

*Em có nghe tiếng xuân về gõ cửa
 Mang nồng nàn theo gió đón mùa sang
 Tiếng bầy chim đang riu rít gọi đàn
 Từng nhành lá mướt non màu áo mới*

Em có nghe xuân về vui phơi phới
 Bao nụ cười tươi mới rạng trên môi
 Khắp không gian rộn rã như gọi mời
 Phở náo nức dòng người như trẩy hội

(Nguyễn Hưng, *Tiếng xuân về*)

Dựa vào ý bài thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy viết thành một bài văn miêu tả: **Buổi sáng mùa xuân.**

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài:Giới thiệu chung về cảm nhận của bản thân về buổi sáng mùa xuân trên quê hương.

2.Thân bài:

(*Dựa vào ý bài thơ và tên bài thơ để tập trung miêu tả cảnh* buổi sáng mùa xuân trên quê hương.).

*** Cảnh vật mùa xuân**

- Bầu trời trong xanh: cao hơn, rộng hơn sau những ngày đông âm u, lạnh giá.
- Những đám mây xanh vắt bay lượn trên bầu trời.
- Không khí: ấm áp
- Mưa xuân: lất phất, dịu dàng/ (Hoặc: Nắng xuân: ấm áp chiếu xuống vạn vật như muốn đánh thức tất cả...)

- Gió xuân: nhẹ nhẹ, mơn man,...

*** Tả bao quát mùa xuân**

- Nhìn đâu đâu cũng thấy phần khởi và tươi vui
- Con đường trải dài sắc xuân
- Không gian như chìm đắm trong hương xuân

*** Tả chi tiết mùa xuân**

- Con người ai cũng vui vẻ, phần khởi, tràn đầy ước mơ, hi vọng,...
- Ai ai cũng ra đường với tâm trạng mừng vui
- Cây cối đua nhau nở rộ
- Chim chóc ríu rít kêu
- Khắp nơi đều rộn rang sắc xuân
- Những cô cậu nhỏ háo hức được mặc đồ mới
- Những người lao động sẽ có một kì nghỉ dài

3. Kết bài: Nhận xét và cảm nghĩ về bức tranh buổi sáng mùa xuân trên quê hương.

ĐỀ BÀI

Ngày khai giảng là ngày đánh dấu một năm học mới bắt đầu. Đã trải qua nhiều lần khai giảng, nhưng ngày khai giảng của năm học lớp 6 đánh dấu năm học đầu tiên em được học tập ở ngôi trường Trung học cơ sở. Em hãy tả lại quang cảnh ngày khai giảng đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài:Giới thiệu chung quang cảnh buổi lễ khai giảng: Thời gian, địa điểm, thời tiết và không khí buổi khai giảng....

II. Thân bài:

1. Tả bao quát:

- Cảnh sân trường trước lúc tập trung học sinh ồn ào, náo nhiệt
- Hình ảnh các lớp nhanh chóng ổn định nề nếp và vị trí của lớp mình (nghiêm túc, hàng ngũ ngay ngắn, chỉnh tề)

2. Tả chi tiết:

a. Tả con người trong lễ khai giảng:

- Mở đầu chương trình khai giảng là màn chào đón học sinh lớp 6.(Với những lá cờ đỏ sao vàng nhỏ nhắn trên tay diễu hành qua khán đài, những ánh mắt, khuôn mặt ngây thơ, ngập ngừng, ngỡ ngàng, e sợ)
- Các học sinh đàn anh đàn chị thể hiện sự trưởng thành.
- Các thầy cô giáo chủ nhiệm chỉ đạo từng lớp của mình đầy nhiệt tình, yêu thương và trách nhiệm.

b. Tả hoạt động trong buổi lễ khai giảng

- Đội trống đã chuẩn bị sẵn sàng
- Những tiết mục văn nghệ đặc sắc chào mừng năm học mới (tiết mục nào để lại ấn tượng trong em)
- Hình ảnh thầy hiệu trưởng đánh hồi trống chào mừng năm học mới đầy khí thế.

c. Tả khung cảnh trong buổi lễ khai giảng

- Khung cảnh thiên nhiên:

- + Bầu trời trong xanh, những tia nắng xuyên qua từng kẽ lá
- + Những cơn gió heo may mùa thu mang đến sự thoải mái và dễ chịu cho mọi người.
- + Cây cối trên sân trường vẫn xanh tốt, xum xuê như ngày hè, vẫn tỏa cành lá che mát cho lũ chúng em.

- Âm thanh:

- + Chim hót kêu vang khắp nơi
- + Tiếng nhạc, tiếng hát với những ca từ ngày tựu trường làm nao lòng bao thế hệ học sinh.

III. Kết bài: Nêu cảm nhận của em về buổi lễ khai giảng

ĐỀ BÀI

“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng”.

Dựa vào văn bản “Cô Tô” của nhà văn Nguyễn Tuân, bằng trí tưởng tượng em hãy tả lại cảnh bình minh trên biển Cô Tô.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Giới thiệu chung về cảnh bình minh trên biển Cô Tô.

II. Thân bài: Tả khung cảnh thiên nhiên lúc bình minh trên biển Cô Tô theo một trình tự hợp lí:

- Tả khung cảnh chung.
- Tả cụ thể cảnh bình minh trên biển:

+ **Hình ảnh mặt trời** (miêu tả sự vận động của mặt trời từ khi xuất hiện rạng đông đến khi mặt trời chiếu ánh nắng xuống).

+ **Hình ảnh mặt biển** (vận dụng phương pháp miêu tả từ gần đến xa hoặc ngược lại; hoặc miêu tả từ chi tiết đến khái quát hoặc ngược lại để làm nổi bật các hình ảnh: gió, con sóng, con tàu, những cánh chim,

- Hình ảnh con người khi bình minh lên.

III. Kết bài: Cảm nhận, thái độ của bản thân về vùng biển nơi này: yêu mến, gắn bó với vẻ đẹp thiên nhiên, Tổ quốc, ...

ĐỀ BÀI

Quê hương em đang ngày càng tươi đẹp, hãy miêu tả buổi sáng mùa xuân trên quê hương em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu buổi sáng mùa xuân đẹp trên quê hương.

II. Thân bài:

* **Cảnh bầu trời:** Cao, trong xanh, đám mây trắng bồng bênh trôi; ông mặt trời bắt đầu xuất hiện chiếu những tia nắng ấm áp xuống trần gian

* **Cảnh mặt đất:** hình ảnh quê hương trong một buổi sáng mùa xuân hiện lên thật đẹp.....

- **Cánh đồng:** Rộng bát ngát, mát mắt với màu xanh của lúa, của cỏ non; những giọt sương đọng trên lá lúa, trên cỏ non như những hạt kim cương lấp lánh sắc màu dưới ánh ban mai; không khí trong lành, ấm áp thoang thoảng hương hoa cỏ dại...thánh thót trên các cành cây là tiếng chim hót chào đón nàng xuân duyên dáng đã trở lại...

- **Dòng sông:** Dòng sông còn mơ màng trong tấm màn sương mờ ảo.

+ Sông bừng tỉnh giấc khi được những tia nắng tinh nghịch đánh thức.

+ Làn nước trong xanh như tấm gương khổng lồ, cánh lục bình xanh biếc... Vài chú cá con nghịch ngợm tung mình lên cao rồi đánh tồm xuống mặt sông thật vui mắt, tiếng lanh canh của bác thuyền chài đi cắt mẻ cá tôm sớm làm cho cảnh dòng sông quê em càng trở nên sinh động. Cây cối hai bên bờ xanh mượt đã đua theo làn gió, đùa vui với nắng sớm...

(Hoặc học sinh có thể tả về núi, ao hồ ...)

- **Con đường:** tấp nập, tiếng người gọi nhau đi chợ hoặc ra đồng thăm lúa... tiếng bíp bíp của những phương tiện giao thông hiện đại có việc phải di chuyển sớm...

- **Khu vườn nhà em:** khu vườn đẹp. Ông mặt trời đã lên cao, nắng chan hòa và trải rộng khắp khu vườn. Chồi non trên các cành cây cao đua nhau hé mắt ngọc uống nắng xuân cho mau lớn, tiếng chim chuyền cành lảnh lót khắp khu vườn. Thược dược, hồng nhung, cúc vạn thọ... đua nhau bung nở. Rau xà lách xanh mướt, su hào căng tròn, bắp cải chắc nịch, cải chíp bụ bẫm, cải ngồng vàng rộm... làm khu vườn thật bắt mắt và đầy sức sống; đàn gà con theo mẹ bắt đầu đi tìm mồi, chú mèo mướp cuộn tròn một góc sân tắm nắng; chú cún con ve vẩy cái đuôi lằng xằng đuổi theo những chú bướm đủ màu... thật tuyệt diệu biết bao!

III. Kết bài: Cảm xúc của em (Được ngắm cảnh trong một buổi sáng mùa 0,5 xuân đẹp trời, em càng thêm yêu và gắn bó với quê hương...)

ĐỀ BÀI

Một buổi tối, sau khi đã học bài xong, em bước ra sân, hít thở không khí trong lành của màn đêm yên tĩnh. Hãy tả lại khung cảnh quanh em lúc đó.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh và đối tượng miêu tả: khung cảnh màn đêm yên tĩnh.

II. Thân bài:

*Lúc bước ra sân: bao quát không gian

- Màn đêm thăm thẳm, vàng trắng tròn nho nhỏ. Khu vườn tràn ngập ánh trăng, bóng cây...

- Gió thổi, lá cây xào xạc rung động, mùi hương trái chín lan toả ngào ngạt. Tiếng côn trùng rả rích kêu...

*Ngồi lặng ngắm cảnh vật xung quanh:

- Gió thổi nhẹ, tiếng lá xào xạc nghe rõ hơn. Không gian mát mẻ, trong lành...

- Các nhà trong xóm: ánh điện sáng trưng, tiếng cười nói vui vẻ, tiếng ru êm đềm ngọt ngào...

- Ánh trăng cang về khuya cang lung linh soi sáng không gian, cảnh vật.

*Lúc bước vào nhà:

- Qua khung cửa sổ: vàng trắng tròn, ánh trăng huyền ảo, tiếng chim đêm khắc khoải trong kẽ lá. Tất cả dần đi vào tĩnh lặng.

III. Kết bài: Cảm nghĩ về đối tượng miêu tả. Liên hệ với tình yêu thiên nhiên, quê hương.

ĐỀ BÀI

Em hãy tả lại một đêm trăng mà em ấn tượng nhất.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

1. Mở bài: Giới thiệu về đêm trăng, khái quát về vẻ đẹp của đêm trăng.

2. Thân bài:

- Trời vừa tối:

+ Bóng đêm bao trùm cảnh vật.

+ Những ngôi nhà đã lên đèn.

+ Trăng từ từ lên cao.

- Trời tối hẳn.

+ Không gian trong vắt.

+ Cảnh vật trang nghiêm chờ trăng lên đỉnh trời.

- Trong đêm.

+ Trăng càng lên cao, càng sáng.

+ Lá xanh ngời.

+ Nước ao lóng lánh, cá đớp bóng trăng, gợn sóng phản chiếu ánh sáng.

+ Tiếng côn trùng vui sướng ca ngợi trăng và sau đó im bất mại mê ngắm trăng.

- Đêm khuya.

+ Trăng lung linh huyền ảo.

+ Mùi thơm của hoa nhài, hoa quỳnh...

+ Mọi vật sống động gây nhiều ảo giác.

+ Trăng vuốt tóc em như tình thương của mẹ, trăng nhẹ nhàng êm ái như ru em vào giấc ngủ say.

3. Kết bài.

- Nêu cảm nghĩ của em về đêm trăng.
- Tình cảm của em đối với thiên nhiên, càng thêm yêu quê hương, đất nước.
- Ước mơ của em trong tương lai.

ĐỀ BÀI

Dựa vào ý thơ sau: “ *Trời trong biếc không qua mây gọn trắng
Gió nồm nam lộng thổi cánh điều xa
Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua*”

(Anh Thơ)

Hãy miêu tả bức tranh thiên nhiên buổi trưa hè ở làng quê Việt Nam từ những rung cảm riêng của tâm hồn em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**I. Mở bài :**

- Giới thiệu về bức tranh buổi trưa hè : ở đâu ? có điểm gì đặc sắc ?
- Ấn tượng ban đầu của em về bức tranh : đó là một bức tranh đẹp , thanh bình ...

II. Thân bài :**Miêu tả theo trình tự sau**

* **Tả khái quát** : Bức tranh thiên nhiên buổi trưa hè, bầu trời xanh , dải mây trắng, ánh nắng vàng, hoa lựu đỏ, vài chú bướm bay lượn.....

* **Tả chi tiết** : (Có thể miêu tả theo trình tự không gian : Từ cao xuống thấp, từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể)

- Bầu trời cao vời vợi, trong xanh, một màu xanh biếc ánh lên vẻ tươi sáng trong trẻo.
- Những dải mây trắng đang nhẹ lướt trên nền trời xanh cao bao la
- Ánh nắng trưa hè chói chang gay gắt, nắng như đổ lửa rải khắp không gian .
- Trong cái nắng đổ lửa ấy, từng cơn gió nồm nam xuất hiện mang theo cái mát mơn man của gió biển làm dịu đi cái nắng trưa hè.
- Từng rặng tre đầu làng đu đưa theo gió vài cánh điều bay cao , tiếng sáo điều vi vu, khoan nhặt, phá vỡ cái yên tĩnh của buổi trưa hè nhìn cánh điều chao nghiêng trong nắng thấy vui mắt.
- Trong vườn, hoa trái bước vào độ chín, mùi thơm thoang thoảng bay khắp không gian (tả một vài loài cây tiêu biểu)
- Đẹp nhất vẫn là chùm hoa lựu màu hoa đỏ như những đốm lửa hồng cháy rực cả một góc vườn.
- Tô điểm cho khu vườn thêm sống động là lũ bướm vàng đang mải mê bay đi tìm hoa hút mật. Tất cả làm cho khu vườn bừng lên sức sống.
- > Cảnh làng quê vào buổi trưa hè thật đẹp độc đáo với những hình ảnh bình dị, quen thuộc, gắn bó với mỗi người dân, tạo nên cái hồn riêng của quê hương.

III. Kết bài : Tình cảm, suy nghĩ của em về cảnh làng quê vào buổi trưa hè :Yêu quý, gắn bó, để lại bao cảm xúc khó quên....

ĐỀ BÀI

Mùa thu về, đất trời như khoác lên mình chiếc áo mới. Hãy tả lại vẻ đẹp của đất trời khi vào thu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. MB: Giới thiệu cảnh đất trời vào thu. Cảm xúc khi mùa thu tới

II. TB: 1. Tả bao quát cảnh:

- Không gian: như rộng hơn
- Tiết trời: mát mẻ, se se lạnh, dễ chịu

2. Tả cụ thể:

a. Trong vườn:

- Sương sớm bao trùm cảnh vật

- Nắng nhẹ rơi, sương tan
- Bầu trời xanh trong ,cao vời vợi
- Gió mát dịu
- Mấy đóa hồng nhung còn e ấp chưa muốn nở
- Cây hồng lúc lỉu quả chín đỏ như những chiếc đèn lồng

b. Ngoài đường:

- Hương hoa sữa nở sớm nồng nàn khu phố
- Gánh hàng hoa kiu kịt, hoa cúc vàng tươi như nụ cười cô thôn nữ
- Các em bé đến trường trong niềm vui hân hoan của ngày khai trường rộn rã
- Nắng hanh hao, vàng như rót mật

III. KB: Cảm xúc về mùa thu, sự kì diệu của thiên nhiên tạo vật.

CHỦ ĐỀ ĐỌC HIỂU: CHỦ ĐỀ TÌNH BẠN **VIẾT: kể lại một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc**

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Rèn kỹ năng làm phân đọc – hiểu theo chủ đề: Tình bạn và kỹ năng viết bài văn kể lại một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc (một lần vui vẻ, một chuyến đi có ý nghĩa, một lần em giúp đỡ người khác...)

2. Năng lực:

Năng lực chung: Hợp tác và giao tiếp, tự chủ và tự lực

Năng lực đặc thù:

- Đọc – hiểu ngữ liệu ngoài chương trình SGK và kỹ năng trình bày các câu hỏi
- Sử dụng Tiếng Việt viết đoạn văn, bài văn thể hiện suy nghĩ của bản thân về các vấn đề gợi ra từ ngữ liệu và đoạn trích

- Tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Có ý thức học hỏi, học tập bộ môn.

II. Tiến trình ôn tập

8 BÍ QUYẾT HỌC GIỎI VĂN

Môn văn thường bị coi là môn khó nhằn đối với rất nhiều học sinh, cần đến những đầu óc đầy trí tưởng tượng, ngôn từ sắc bén... Vì thế mà nó trở thành nỗi sợ mỗi khi thầy cô yêu cầu viết một bài văn miêu tả, tự sự hay biểu cảm... Thế nhưng mà nếu như bạn biết cách để “nạp” nó vào một cách tự nhiên thì bạn sẽ thấy môn Văn đáng để yêu biết bao chứ không hề đáng sợ như thế.

1. Luôn giữ thái độ tích cực

Hãy bỏ qua mọi khó khăn khi học văn bằng một thái độ tích cực. Đừng thấy ai cũng bảo học văn chán lắm, học văn không kích thích trí tuệ như toán mà bạn phải biết tìm cái hay cái đẹp của môn văn để thấy rằng văn cũng có những nét riêng như toán để ta yêu, ta thích.

2. Luyện đọc nhanh tất cả các văn bản: sách giáo khoa, sách tham khảo, báo chí, vở ghi...

Cấu trúc văn bản: 20% từ khóa + 80% từ thừa (từ đưa đẩy, dẫn dắt)

Kết hợp tai nghe mắt thấy, đầu suy nghĩ tay viết, đọc theo các từ khóa, các cụm từ, các nhan đề để lướt nhanh các trang sách.

Trong quá trình đọc cần gạch dưới từ khóa, chú thích câu hỏi, bình luận bên lề cuốn sách. Từ đó hiểu chủ đề, các ý, các điểm sáng, ngôn từ. Khi đã có những hình dung cơ bản bạn sẽ thấy thấu hiểu vấn đề hơn rất nhiều.

3. Sử dụng sơ đồ tư duy

Nói mạng

Vẽ mô hình biểu tượng

Lập bảng so sánh cột dọc, cột ngang để phân biệt, nhấn mạnh những điểm của đối tượng.

Nền dùng bút màu đa dạng cho bảng thêm sinh động, bắt mắt, não thường lưu những gì ta học được bằng hình ảnh nhanh hơn là lâu hơn rất nhiều. Vì thế một sơ đồ vẽ khoa học, đẹp mắt và còn nhiều màu sắc chắc chắn sẽ rất thú vị.

4. Thói quen học tập

Mang đầy đủ tài liệu sách vở đến lớp (chuẩn bị từ tối hôm trước để chủ động vào sáng hôm sau)

Thực hiện các bước học tập như: soạn - nghe - thảo luận - ghi chép - ôn bài; vui vẻ, hào hứng đón chờ bài kiểm tra; muốn thành công và có niềm tin.

Luôn có sự chuẩn bị bài trước sẽ giúp bạn tiếp thu hiệu quả hơn và nhanh hơn, sau đó bạn có thể tìm hiểu thêm những vấn đề liên quan không có trong sách theo cách mà bạn thấy là thích thú nhất.

5. Học theo đặc điểm riêng từng phần

Đọc - hiểu văn bản: Đọc nhanh, gạch dưới từ khóa để: phát hiện => giải mã => bình giá => suy luận

Tiếng việt: Nắm vững khái niệm => vận dụng giải bài tập => Đọc văn, viết văn

Làm văn: Đọc kĩ đề => tìm ý, dàn ý => vận dụng các kĩ năng để làm bài

6. Thực hiện lời dạy của Bác: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến":

Nắm vững những kiến thức và kĩ năng cơ bản để linh hoạt giải các bài tập. Một kiến thức nền tảng tốt sẽ khiến bạn tự tin hơn rất nhiều khi gặp các dạng bài nâng cao và bạn cũng có thể dễ dàng hiểu chúng hơn.

7. Rèn thói quen tự kiểm tra, đánh giá và sửa lỗi sau khi làm bài

Đọc lại đề, đọc kĩ lời phê, sửa lỗi kịp thời, không được tự ái, bi quan

Lập bảng theo dõi bài làm để tự rút kinh nghiệm

Tham khảo bài viết điểm cao của lớp để học tập

Biết sai và tự sửa sai là một điều rất tốt trong học tập. Nếu như bạn luôn muốn giấu đi lỗi của mình hoặc không muốn nhận lỗi sai thì bạn chẳng thể nào tiến bộ lên được.

8. Mở mang kiến thức bằng cách đọc sách báo, trên mạng, giao lưu với xã hội

Các kiến thức trong sách, trên mạng và từ những người xung quanh luôn đem lại cho bạn hiểu biết nhiều hơn và đôi khi nó rất có ích cho bài làm văn của bạn. Bạn có được những dẫn chứng liên hệ thực tế hay bạn hiểu vấn đề sâu sắc hơn từ cuộc sống hàng ngày. Nếu chỉ đơn giản biết những gì trong sách giáo khoa thì bài viết của bạn chẳng bao giờ sâu sắc được.

A. Kiến thức cơ bản:

1. Những trải nghiệm đáng nhớ là **những sự kiện, sự việc mà chúng ta đã từng trải qua và có những ấn tượng khó quên về nó**, những kỉ niệm không nhất thiết phải là những câu chuyện vui, những lời khen ngợi mà đôi khi nó còn là những câu chuyện buồn, những sự cố không may xảy ra trong cuộc sống của chúng ta.

2. Các yêu cầu cần thiết với bài viết kể về trải nghiệm:

- Trước hết yếu tố đầu tiên tạo nên cảm hứng viết là ở đề bài giàu sức khơi gợi, có độ mở để các con được lựa chọn sự việc theo ý thích của mình để kể. Từ “trải nghiệm” khác với “kỉ niệm” là ở sự nhấn mạnh đến các hoạt động khám phá thiên nhiên, cuộc sống, con người và kể cả bản thân để rút ra được kĩ năng, bài học về cuộc sống để trưởng thành hơn một cách chủ động và tích cực. Từ “trải nghiệm” nghe hợp với xu thế hiện đại với hình thức học trải nghiệm, kết hợp nhận thức lý thuyết và học vận dụng thực tế. Cũng phù hợp với tâm lý lứa tuổi, với sự tò mò, năng động của các con. Vì vậy kể về trải nghiệm của mình thì chắc chắn học sinh sẽ hào hứng khi được bộc lộ về bản thân hơn.

- Thứ hai, HS kể về một sự việc mình đã trải qua nên cảm xúc rất thực, rất riêng và cả rất mới mẻ. Kể ở ngôi thứ nhất với cách cảm nhận, suy nghĩ của bản thân học sinh nên không thể rập khuôn, sáo rỗng như bài văn mẫu được.

- Thứ ba, học sinh biết vận dụng các phương thức biểu đạt khác bên cạnh tự sự như miêu tả, biểu cảm, nghị luận hoặc vận dụng vốn kiến thức văn học như ca dao, tục ngữ, thành ngữ, thơ hay những câu danh ngôn, bài hát... làm cho lời văn linh hoạt.

- Thứ tư, các con có thực tế để viết. Những trải nghiệm từ nhiều năm trước cũng là một nội dung để thể hiện trong bài làm của mình. Thực tế càng mới mẻ thì cảm xúc càng nóng hổi, càng dễ viết. Có thể đó là những trải nghiệm từ khi vào trường cấp 2: từ buổi khai giảng online hay những tiết học trực tuyến vui hấp dẫn, từ buổi lễ sơ kết học kì I hay chương trình “Chào xuân 2022”, từ không khí đón tết của gia đình hay chuyến đi về quê, từ hoạt động nhóm sôi nổi hay việc phải đối diện và vượt qua Covid (khi trở thành F0)...hoặc một tình huống ứng xử, có ý nghĩa giáo dục trong gia đình... Khi chọn sự việc để kể, các con chú ý đọc kĩ đề và làm đúng phạm vi giới hạn (trải nghiệm trong dịp tết, trong đợt dịch Covid, trong năm học lớp 6 ...)

- Thứ năm, chính là ở cách miêu tả diễn biến tâm lý của bản thân người viết, trước, trong và sau khi sự việc diễn ra, cách để nhận ra bài học, rút ra kinh nghiệm.

Bài viết hay là ở việc chọn sự việc độc đáo, là ở cách kể sinh động hấp dẫn với tình huống bất ngờ, có khi là cách kể nhẹ nhàng bình dị nhưng ý nghĩa sâu xa thấm thía. Mỗi bài viết là một tác phẩm thực sự của các con. Nếu các con tôn trọng nghệ thuật, các con yêu quý bản thân mình thì sẽ viết nên những rung cảm đích thực từ trong tâm hồn mình chứ không chấp nhận sự sao chép, sự bắt chước một cách máy móc, sáo rỗng. Giáo viên khi đọc những bài viết chân thực đó sẽ rất vui vì dù cho đôi chỗ ngây ngô, đôi chỗ sai sót nhưng cô sẽ hiểu được học trò nhiều hơn, sẽ cảm thông và yêu thương, quan tâm được nhiều hơn. Trải nghiệm là cách để nuôi dưỡng tâm hồn văn chương, còn gọi tên cảm xúc trong từng bài viết là cách để hiểu mình, hiểu người, để trưởng thành. Không có bất cứ một khuôn mẫu nào cho sự sáng tạo nghệ thuật.

ĐỀ I:

I. Đọc – hiểu

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi.

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất...Bên góc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi trông thành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới.

Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sau được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thể mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được. Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình nhím dựng lên nhọn hoắt.

Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may. [...]

(“Trích Những chiếc áo ấm, Võ Quảng)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

Câu 2. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì? Hành động của Nhím nói lên điều gì?

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 4: Xác định CN -VN trong câu sau: Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Chủ ngữ có phải là cụm danh từ không? Nếu có, hãy xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ của cụm danh từ đó.

Câu 5. Từ đoạn văn trên, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

Câu 6. Viết đoạn văn (12 đến 15 dòng) nêu vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

II. Làm văn:

Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng nhất.

* Gợi ý:

I. Đọc – hiểu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

+ Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

+ Ngôi kể: ngôi thứ ba (tác giả giấu mình và mượn tên nhân vật xưng tôi).

—> phương thức biểu đạt chính của đoạn văn chính là tự sự. Vì trong bài Tự kể về một sự việc và giải quyết.

Câu 2. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì? Hành động của Nhím nói lên điều gì?

—> khi thỏ bị rơi chiếc áo xuống nước, Nhím đã nhặt chiếc que khều..... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quần lên người Thỏ. Nhím đã chủ động lấy kim trên người mình may tấm vải của thỏ thành chiếc áo để thỏ không bị rét giữa mùa đông.

+ Hành động của Nhím nói lên:

- sẵn sàng giúp đỡ người khi gặp hoạn nạn.
- có tình thương người và tấm lòng nhân hậu.

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

—> nói lên tình bạn bè thân thiết. Tấm lòng giúp người hoạn nạn khi khó khăn. Nhím là một người vô cùng tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Thỏ có Nhím làm bạn chính là tình bạn đáng quý.

Câu 4: Xác định CN -VN trong câu sau: Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Chủ ngữ có phải là cụm danh từ không? Nếu có, hãy xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ của cụm danh từ đó.

+ Chủ ngữ: Những cành cây

+ Vị ngữ: khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật.

— Trong câu trên:

+ Chủ ngữ là cụm danh từ. Những cành cây.

- nói lên nhiều danh từ công lại thành cụm danh từ.

Xác định:

— Danh từ trung tâm: cành cây.

— Danh từ phụ trước: những.

Câu 5. Từ đoạn văn trên, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

- Nhận thức: Em nhận thấy, cao ngạo, tự cao, tự đại coi thường người khác là một tính xấu, cần phải loại bỏ.

- Hành động:

+ Trong cuộc sống, không được kiêu căng, tự phụ, coi thường người khác;

...

+ Từ đoạn văn trên em cảm thấy rất ngưỡng mộ Tình Bạn của thỏ và nhím. Đó chính thực là một tình bạn. Sẵn sàng giúp đỡ cho, chia sẻ khó khăn, chia sẻ vui buồn, chia sẻ hoạn nạn. Từ đó em cảm thấy chân quý tình cảm bạn bè hơn. Muốn giữ gìn tình bạn thật bền lâu.

Câu 6. Viết đoạn văn (12 đến 15 dòng) nêu vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

GV hướng dẫn

- Đảm bảo thể thức, dung lượng của đoạn văn.

- Xác định đúng nội dung chủ yếu của đoạn văn: vai trò của tình bạn trong cuộc sống.

Gợi ý dàn bài:

- Mở đoạn: Dẫn dắt được vấn đề: vai trò của tình bạn trong đời sống.

- Thân đoạn: Tình bạn có ý nghĩa rất lớn đối với mỗi con người.

+ Tình bạn mang đến niềm vui, hạnh phúc.

+ Tình bạn khiến cuộc sống trở nên phong phú, tốt đẹp hơn.

+ Tình bạn giúp ta có thêm niềm tin, nghị lực vượt qua những khó khăn, thử thách, giúp con người vươn tới thành công.

+ Có bạn, ta sẽ có người chia sẻ những yêu thương, vui buồn của cuộc sống...

(HS biết lấy một số dẫn chứng trong văn học hay thực tế để làm rõ vai trò của tình bạn.)

- Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề, liên hệ.

Đoạn văn tham khảo:

Tình bạn chính là một góc cuộc sống của mỗi người. Nó giúp chúng ta cảm thấy xung quanh chúng ta có rất nhiều người đang quan tâm chúng ta. Bạn bè giúp ta chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn cùng nhau. Tình bạn còn cho ta sự ấm áp, sự yêu thương lạ kì. Giúp ta trân trọng hơn cuộc sống này. Khi ta hoạn nạn hay khó khăn thì đều có người bên nhau giúp chúng ta. Luôn chia sẻ những khó khăn, hoạn nạn cùng nhau. Sự diệu kỳ của tình bạn sẽ giúp chúng ta có nghị lực hơn trong cuộc sống. Giúp ta mạnh mẽ hơn trong những bước đi đến tương lai của chúng ta. An ủi những lúc chúng ta buồn nhất. Và hơn thế nữa là gắn bó

với chúng ta suốt những năm tháng còn là học sinh. Bạn bè chính là bao kỷ niệm thời tuổi thơ của chúng ta mà mãi mãi sau này chúng ta sẽ không quên được.

II. Làm văn:

a. Về hình thức: Bài văn cần có 3 phần rõ ràng: Mở bài, Thân bài, Kết bài

(Đảm bảo cấu trúc một bài văn tự sự (có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm)

b. Về nội dung:

1. Mở bài:

- Dẫn dắt, giới thiệu câu chuyện

- Ấn tượng của em về câu chuyện đó (nhớ mãi, không quên, day dứt không thôi, mỗi lần nhớ đến vẫn thấy ân hận...)

2. Thân bài:

a. Giới thiệu kỷ niệm về chuyến trải nghiệm

- Xảy ra trong thời gian, không gian nào?

- Nhân vật liên quan đến câu chuyện (hình dáng, tuổi tác, tính cách, cách cư xử của người đó...)

b. Diễn biến của câu chuyện:

- Điểm điểm của câu chuyện

c. Thái độ, tình cảm của nhân vật trong câu chuyện

3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.

Bài tham khảo:

Trong gia đình, người tôi yêu quý nhất chính là ông nội. Tuy rằng hiện tại ông đã không còn nữa, nhưng ông đã dạy cho tôi rất nhiều bài học quý giá để tôi trưởng thành hơn.

Nhà tôi có một khu vườn rất rộng lớn. Khu vườn được ông chăm sóc nên cây cối quanh năm đều xanh tốt. Những cây ăn quả đã cho trái ngọt không biết bao nhiêu mùa. Mỗi buổi sáng, ông thường ra vườn chăm sóc cây cối. Lúc đó, tôi lại chạy theo ông để đòi được tưới tắm cho cây cối trong vườn. Ông còn dạy tôi cách lắng nghe âm thanh của khu vườn nữa. Bạn phải nhắm mắt và cảm nhận từng sự chuyển động để thấy được những điều kỳ diệu. Tiếng gió thổi rì rào qua từng cánh lá. Tiếng chim hót ríu rít vang vọng cả khu vườn. Tiếng trái cây rụng đưa theo nhịp... Không chỉ vậy, ông còn dạy cho tôi về cách chăm sóc các loại cây trong vườn: những loại cây ăn quả như nhãn, ổi, cam; hay những loại cây cảnh như: hoa lan, hoa hồng... Đó là những bài học mà tôi chẳng thể nhớ được hết, nhưng vẫn chăm chú lắng nghe ông nói.

Mỗi lần tưới cây xong xuôi, ông cháu tôi lại mang ghế ra ngồi dưới vườn cây. Ông sẽ kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện hay. Đó không phải là những truyện cổ tích mà bà thường hay kể, mà là chuyện về cuộc sống của chính ông thời xưa. Tôi chăm chú lắng nghe, cảm nhận câu chuyện của ông. Cuộc sống thời xưa vất vả. Mỗi khi ngồi nghe ông kể, nhìn thấy đôi mắt hiền từ của ông dường như đang nhớ lại một thời đã xa.

Qua những câu chuyện của ông, tôi dần lớn lên. Tôi thầm cảm ơn những ngày tháng được sống cùng ông nội. Vì ông đã dạy cho tôi những bài học thật giá trị. Từ tận đáy lòng, tôi cảm thấy yêu thương và kính trọng ông rất nhiều.

ĐỀ BÀI

Phần I: Đọc – hiểu (6.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

SÔNG HƯƠNG

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: màu xanh thẫm của da trời, màu xanh biếc của lá cây, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hàng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm.

(Theo: Đất nước ngàn năm)

Câu 3. Phân tích cấu tạo và cho biết câu văn được in đậm trong phần trích thuộc kiểu câu gì?

Câu 4. Chỉ ra các biện pháp tu từ có trong phần trích và cho biết tác dụng của một biện pháp tu từ đó.

Câu 1 (4.0 điểm)

Trong bài thơ viết về người lính đảo, một nhà thơ đã từng ca ngợi:

Từ biển đảo khơi xa sóng quanh năm rì rào..

Nơi đây anh đứng gác giữa biển trời bao la.

Vì tổ quốc thân yêu đêm ngày anh canh giữ,

Tên anh người chiến sĩ nơi biển đảo Trường Sa.

Dưới mặt trời thiêu đốt chói chang

Anh vẫn hiên ngang dù hiểm nguy đối mặt

Hãy viết một đoạn văn ngắn nói lên hình dung và tình cảm của em về hình ảnh người lính đảo.

Câu 2 (10.0 điểm)

Trong giấc mơ em gặp nhân vật Mã Lương và được tặng lại cây bút thần nhờ đó em làm được nhiều việc có ích . Hãy tưởng tượng và kể lại chuyện đó.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Trang88

		<i>Ngoài ra nếu học sinh phát hiện và nêu tác dụng của phép tu từ liệt kê, điệp ngữ và nêu tác dụng thích hợp giáo viên vẫn cho điểm.</i>	
II		LÀM VĂN	14,0
Câu 1 (4.0 điểm)	*	Về kĩ năng: Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn 6-7 câu, biết trình bày và sắp xếp các ý một cách hợp lý, diễn đạt mạch lạc. Không có sai sót lớn về dùng từ, đặt câu...	0.5
	*	Về kiến thức: Học sinh có thể có nhiều cách trình bày ấn tượng và tình cảm của mình, tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau:	3.5
		* <i>Hình ảnh người lính đảo:</i> (miêu tả, biểu cảm) - Tư thế hiên ngang, sừng sững giữa biển khơi lồng gió. - Tinh thần dũng cảm, can trường cầm chắc tay súng, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ tổ quốc.	2.5
		* <i>Suy nghĩ, tình cảm của em</i> : kính trọng, biết ơn, tự hào, cảm phục trước hình ảnh của họ. Tự hứa sẽ cố gắng học tập để noi gương các anh.	1.0
Câu 2			10,0
	*	Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh viết đúng thể loại văn kể chuyện tưởng tượng kết hợp với miêu tả và biểu cảm, biết trình bày và sắp xếp ý một cách hợp lý. Bố cục bài viết rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Không có sai sót lớn về dùng từ, đặt câu... - Tránh sa vào kể lại câu chuyện	1.0
		Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau:	9.0
		a. Mở bài: Tình huống em được gặp Mã Lương	2.0
		b. Thân bài:	
		+ Kể, tả ngoại hình nhân vật.	2.0
		+ Kể diễn biến cuộc trò chuyện: có đối thoại giữa các nhân vật và em, qua đối thoại với nhân vật có thể bày tỏ được những suy nghĩ của mình về những việc liên quan đến tài năng và em được tặng lại bút thần.	4.0
		c. Kết bài: + Kể những việc làm có ích của em sau khi có bút thần + Những bài học em tâm đắc sau cuộc gặp gỡ và những việc làm có ích của em.	1.0
Tổng điểm toàn bài:			20,0

ĐỀ BÀI**I. Đọc hiểu văn bản: (6 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Đất mọng nước mưa, và khi gió xua tan mây ra, đất ngậy ngất dưới ánh nắng chói lọi và tỏa ra một làn khói lam. Sáng sáng, sương mù dâng lên từ một con ngòi, từ vùng trũng bùn lầy nước đọng. Sương trôi như sóng, lao ra ngoài đồi núi thảo nguyên và ở đó nó tan ra thành một lớp khói lam mịn màng. Và trên những cành lá đâu đâu cũng la liệt những giọt sương nặng nom như những hạt đạn ghém đỏ rực, dè dặt như ngon cỏ. Ngoài thảo nguyên, cỏ bằng mọc cao hơn đầu gối. Lúa vụ đông trái ra đến tận chân trời như một bức tường xanh biếc. Những khoảnh ruộng cát xám tua tủa những ngọn ngô non như muôn ngàn mũi tên. Tới thượng tuần tháng 6, thời tiết đã đẹp đều, trời không gợn một bóng mây, và thảo nguyên nở hoa sau những trận mưa phơi mình ra lộng lẫy dưới ánh nắng. Giờ đây, thảo nguyên nom như một thiếu phụ đang nuôi con bú, xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp lắng dịu, hơi mệt mỏi và rạn rờ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con.”

(Trích “Đất vỡ hoang” - sôlôkhôp)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 3. Trong đoạn trích trên, nhà văn đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào? Nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

Câu 4. bằng trải nghiệm văn học của bản thân, hãy lấy một ví dụ trong Văn Thơ thơ có sử dụng biện pháp tu từ mà em vừa tìm ở trên?.

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
CÂU 1	PHẦN I: ĐỌC HIỂU	6.0
	Câu 1: phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn: Miêu tả	0.5
	Câu 2: Nội dung chính của đoạn văn trên: Vẻ đẹp của thảo nguyên vào mỗi buổi sớm bình minh và sau những trận mưa vào thượng tuần tháng 6.	1.0
	Câu 3: Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, nhân hóa.	0.5
	- Biện pháp so sánh: + Sương trôi như sóng + Những giọt sương lặn non như những hạt đậm rắng đỏ rực. + Lúa vụ đông như bức tường thành xanh biếc + Những ngọn ngô non như muôn ngàn mũi tên + Thảo nguyên như một thiếu phụ đang cho con bú...	1.25
	- Biện pháp nhân hóa: + Đất - ngây ngất dưới ánh nắng + Sương - lao ra ngoài đồi núi Thảo Nguyên + Thảo nguyên - phơi mình lộng lẫy... xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp lắng dịu, hơi mệt mỏi và rạng rỡ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con.	0.75
	Tác dụng của biện pháp nghệ thuật: phép so sánh và nhân hóa làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt; làm cho hình ảnh thiên nhiên thảo nguyên hiện lên cụ thể đẹp đẽ, lung linh, sống động, có tâm hồn sống ảnh và mang đậm hơi thở ấm áp của con người. * Chú ý: Học sinh có thể diễn đạt khác nhưng vẫn đảm bảo đủ ý thì vẫn cho điểm tối đa.	1.0
	Câu 4: Học sinh lấy chính xác một ví dụ trong văn thơ (trong hoặc ngoài chương trình) có sử dụng một trong hai biện pháp so sánh nhân hóa. Nêu ví dụ do học sinh tạo sáng tạo viết ra diễn đạt hay có hình ảnh thì giáo viên có thể linh động cho nửa số điểm.	1.0

ĐỀ BÀI

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi
 Nhà em vẫn tiếng ả ời
 Kêu cà tiếng vồng mẹ ngồi mẹ ru
 Lời ru có gió mùa thu
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
 Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
 Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn và lời bình, NXB Giáo dục, 2002)

Câu 1 (0,5 điểm): Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (1,0 điểm): Từ “Bàn tay” trong câu thơ “Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về” được hiểu theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 3 (2,0 điểm): Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nhân vật ấy muốn bày tỏ tình cảm gì?

Câu 4 (2,5 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm): Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) trả lời câu hỏi: **Tại sao chúng ta phải có lòng hiếu thảo.**

Câu 3 (10.0 điểm): Em hãy là nàng tiên Mùa Xuân để kể về thiên nhiên và con người mỗi khi Tết đến, xuân về.

---- HẾT.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Hướng dẫn cụ thể:

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
CÂU 1	PHẦN I. ĐỌC HIỂU	6.0
	1. Thể thơ: Lục bát	0.5
	2. “Bàn tay” được hiểu theo nghĩa gốc.	1.0
	3. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người con đang bày tỏ tình cảm biết ơn với người mẹ của mình.	2.0
	4. Biện pháp tu từ: + Ẩn dụ: “giấc tròn”: Cách nói ẩn dụ “giấc tròn” không phải chỉ là giấc ngủ của con mà mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất cả tình yêu thương.	1.0
	+ So sánh: “Mẹ là ngọn gió”: Đây là một hình ảnh so sánh đặc sắc về mẹ: “Mẹ là ngọn gió” – ngọn gió mát lành làm dịu êm những vất vả trên đường, ngọn gió bền bỉ theo con suốt cuộc đời. Hình ảnh thơ giản dị nhưng giúp ta thấy được tình thương yêu lớn lao, sự hi sinh thầm lặng, bền bỉ suốt cuộc đời mẹ đối với con.	1.5
PHẦN 2. TẠO LẬP VĂN BẢN		14.0
CÂU 1	Nghị luận về lòng hiếu thảo	4.0
	a. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn: Mở đoạn giới thiệu vấn đề; Thân đoạn làm rõ vấn đề, triển khai được các ý rõ ràng; Kết đoạn khái quát được nội dung.	0.5
	b. Xác định đúng vấn đề: Con người cần có lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.	0.5
	c. HS triển khai vấn đề cụ thể, rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác viết đoạn văn. Có thể trình bày theo định hướng sau:	1.0
	- Hiếu thảo là hành động đối xử tốt với ông bà, cha mẹ, luôn yêu thương họ.	
	- Lòng hiếu thảo là phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi ốm yếu, già cả.	
	* Vì sao chúng ta cần phải có lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?	2.0
	- Ông bà, cha mẹ là người đã sinh ra ta, đã mang lại cuộc sống cho chúng ta. - Họ là những người đã nuôi nấng, chăm sóc và dạy bảo chúng ta nên người. - Sống hiếu thảo với ông bà, cha mẹ là thể hiện sống có trách nhiệm của mỗi người. - Người có lòng hiếu thảo sẽ được mọi người yêu mến và quý trọng. Giá trị của bạn sẽ được nâng cao nếu sống có hiếu thảo. - Lòng hiếu thảo gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, thể hiện tình yêu thương gia đình. - Phê phán những người sống bất hiếu, vô lễ, đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi ông bà, cha mẹ.	
	Em hãy là nàng tiên Mùa Xuân để kể về thiên nhiên và con người mỗi khi Tết đến, xuân về.	10.0
	1, Yêu cầu chung: - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh. - Biết vận dụng kỹ năng tự sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	1.0
	2, Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể làm theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo	

CÂU 2	những nội dung cơ bản sau:	
	* Mở bài: - Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc (hóa thân thành nàng tiên Mùa xuân để kể về thiên nhiên và con người dịp Tết đến, xuân về).	1.0
	* Thân bài:	7.0
	- Mùa xuân mang lại vẻ đẹp, khơi dậy sức sống cho thiên nhiên, đất trời:	3.0
	+ Mùa xuân đến, tiết trời ấm áp hơn, bầu trời trong sáng hơn, mặc dù, thỉnh thoảng, trong mưa xuân vẫn có cả cái lạnh lạnh của mùa đông mang lại.	1.5
	+ Cảm nhận được sự sống đang sinh sôi, nảy nở của hạt mầm, nhìn thấy sự vươn dậy của lộc non, chồi biếc, nhìn thấy sắc màu rực rỡ của những cảnh đào, những bông hoa ngày Tết và cảm nhận được cái ngọt ngào của hương xuân.	1.5
	- Mùa xuân mang lại niềm vui cho con người:	4.0
	+ Cảm thấy rất vui mỗi dịp Tết đến vì được tận mắt chứng kiến biết bao niềm vui, niềm hạnh phúc của con người: gia đình đoàn tụ, sum họp sau một năm tất bật, rộn ràng với công việc làm ăn, với cuộc sống.	1.5
	+ Cảm thấy vui hơn khi biết rằng mình đã khơi dậy sức sống trong lòng người, làm cho con người thêm yêu cảnh vật, làm cho tâm hồn con người trong sáng hơn, ấm áp hơn.	1.5
	+ Mùa xuân còn biết gieo vào lòng người mơ ước về một tương lai tươi sáng, một ngày mai tốt đẹp.	1.0
	* Kết bài: - Tình cảm của Mùa xuân với thiên nhiên và con người	1.0

ĐỀ BÀI

Câu 1: (8,0 điểm) Cảm nhận của em về bài thơ sau của tác giả Lê Hồng Thiện:

Trăng của mỗi người

Mẹ bảo: trăng như lưỡi liềm

Ông rằng trăng tựa con thuyền cong mui

Bà nhìn như hạt cau phơi

Cháu cười: quả chuối vàng tươi ngoài vườn

Bố nhớ khi vượt Trường Sơn

Trăng như cánh võng chập chờn trong mây.

(*Thơ với tuổi học trò* – Tập I NXB Lao Động- Hà Nội, 1993)

Câu 2. (12,0 điểm) Một lần, khi ra thăm vườn rau, vô tình em nghe được cuộc trò chuyện giữa Sầu Rau và Giun Đất. Hãy kể lại câu chuyện đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1	Cảm thụ đoạn thơ	8.0
	1. Yêu cầu về kỹ năng: - HS biết cách viết bài văn cảm thụ ngắn có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc. - Lời văn chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả và diễn đạt.	1.0
	2. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có những cảm nhận khác nhau về bài thơ song cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:	7.0
	* Về nghệ thuật:	1.5
	- Nghệ thuật so sánh đặc sắc: trăng được ví với những hình ảnh rất đời gần gũi: “ như lưỡi liềm”, “ tựa con thuyền cong mui”, “ như hạt cau phơi”, “ quả chuối vàng tươi”, “ như cánh võng chập chờn trong mây”.	1.0
	- Lời thơ giản dị, trong sáng, giọng điệu dí dỏm.	0.5
	* Về nội dung:	5.5

	- Bài thơ là những cảm nhận rất thú vị, độc đáo về trăng: nhà thơ đã mượn lời của từng thành viên trong gia đình để nhìn trăng theo cách liên tưởng riêng bằng tâm lý, lứa tuổi, công việc khác nhau:	
	+ Mẹ là người tay liềm, tay hái quen việc đồng ruộng nên thấy “trăng như lưỡi liềm”.	1.0
	+ Ông quen việc sông nước nên thấy “trăng tựa con thuyền cong mũi”.	1.0
	+ Bà nhìn trăng ra “hạt cau phơi” bởi bà hay ăn trầu.	1.0
	+ Cháu thấy trăng ngon như “quả chuối vàng tươi trong vườn”, cháu thiết thực hơn, vì cái tính háu ăn của con trẻ.	0.75
	+ Bố - chú bộ đội Trường Sơn, vầng trăng trong tâm trí bố lúc ẩn, lúc hiện với bao kỉ niệm trong chiến tranh gian lao nhưng hào hùng, thơ mộng.	0.75
	- Liên tưởng, mở rộng vấn đề Mỗi một sự vật dưới nhiều góc nhìn sẽ cho ra những đánh giá, nhận xét khác nhau. Bởi vậy khi chúng ta nhìn nhận về một con người hay một sự vật nào đó, cũng cần có cái nhìn đa diện để có những đánh giá đúng đắn và toàn diện	0.5
	- Kết luận về nghệ thuật, ý nghĩa, sức lan tỏa của đoạn thơ.	0.5
CÂU 2	Kể chuyện tưởng tượng	12.0
	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh cần viết bài kể chuyện tưởng tượng, có bố cục 3 phần mạch lạc, chặt chẽ, kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm. - Sử dụng linh hoạt các hình thức ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại. - Văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc, biết vận dụng tốt trí tưởng tượng, sáng tạo thêm các chi tiết và ngôi kể phù hợp.	1.0
	b. Yêu cầu về kiến thức: * Học sinh có thể kể nhiều hướng khác nhau. Nhưng cần đảm bảo có các nhân vật như yêu cầu, các chuỗi sự việc liên kết với nhau và theo trình tự hợp lí, câu chuyện phải mang một ý nghĩa, một bài học nào đó.	11.0
	1. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh nghe được câu chuyện giữa Sâu Rau và Giun Đất	1.0
	2. Thân bài	9.0
	- Xây dựng được cuộc trò chuyện của Sâu Rau và Giun Đất thể hiện: + Quan điểm, thái độ và cách sống của từng nhân vật. + Là hai nhân vật đối lập về tính cách và quan điểm: Giun Đất chăm chỉ, hiền lành; Sâu Rau lười biếng, ăn bám, bảo thủ... + Vai trò của từng nhân vật với cuộc sống: Kẻ sống có ích, kẻ phá hoại rau màu...	8.0
	- Kết cục của từng nhân vật hợp lí để toát lên bài học.	1.0
	3. Kết bài: Cảm nghĩ của bản thân: - Bày tỏ thái độ yêu ghét với từng nhân vật - Rút ra bài học: tùy học sinh tự rút ra bài học. (Có thể là : phải chăm chỉ làm việc, không được sống ăn bám thì cuộc sống mới có ý nghĩa.	1.0

ĐỀ BÀI**A.PHẦN I: ĐỌC –HIỂU (6.0 điểm)****Emhãy đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi :**

Dòng sông mới điệu làm sao
 Nâng lên mặc áo lụa đào thướt tha.
 Trưa về trời rộng bao la
 Áo xanh sông mặc như là mới may.
 Chiều chiều thơ thần áng mây
 Cài lên màu áo hây hây ráng vàng.
 Đêm thêu trước ngực vầng trăng
 Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên.

(Trích: *Dòng sông mặc áo*- Nguyễn Trọng Tạo)**Câu 1: (1,0 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là gì?**Câu 2: (2,0 điểm):** Dòng sông ở bài thơ trên được miêu tả theo trình tự nào? Theo em, trình tự miêu tả ấy có tác dụng gì?**Câu 3: (1,0 điểm):** Trong đoạn thơ, tác giả đã dùng biện pháp tu từ từ nào? Chỉ rõ những biện pháp tu từ đó?**Câu 4: (2,0 điểm):** Tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên?**B. PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)****Câu 1. (4,0 điểm).** Dựa vào đoạn thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 đến 20 dòng) miêu tả hình ảnh dòng sông theo trí tưởng tượng của em.**Câu 2. (10 điểm).** Văn bản “ Vượt thác” của nhà văn Võ Quảng cho em thấy vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên trên sông Thu Bồn và vẻ đẹp của người lao động tài hoa. Bằng bài văn miêu tả, em hãy dựng lại bức tranh đó.**HƯỚNG DẪN CHẤM**

Phần	Nội dung kiến thức cần đạt	điểm
Đọc hiểu (6.0)	<i>Học sinh làm cần đảm bảo những yêu cầu sau:</i>	
	Câu 1. Văn bản đã cho được viết theo phương thức biểu đạt chính là miêu tả.	1,0
	Câu 2. Dòng sông được tác giả miêu tả theo trình tự thời gian từ sáng, trưa, chiều đến tối.	0,5
	- Tác dụng: Miêu tả màu sắc dòng sông thay đổi biến hóa mọi thời điểm trong một ngày, đêm, khắc họa được vẻ đẹp, sự điệu đà duyên dáng của dòng sông	1,5
	Câu 3. Đoạn thơ trên đã sử dụng biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh.	
	- Hình ảnh nhân hóa qua các từ ngữ: <i>điệu, mặc áo, thướt tha, áo xanh sông mặc, mới may, thơ thẩn, cài, thêu, ngực...</i>	0.5
	- Hình ảnh so sánh: <i>Áo xanh sông mặc như là mới may</i>	0.5
	Câu 4.	
	- Biện pháp tu từ nhân hóa miêu tả một dòng sông rất đẹp, rất thơ mộng, dòng sông trở nên sống động, có hồn, giống như một người thiếu nữ xinh đẹp, điệu đà, duyên dáng, biết làm đẹp cho mình bằng những tấm áo tuyệt diệu, những tấm áo ấy được thay đổi liên tục khiến dòng sông biến hóa bất ngờ, mỗi lần biến hóa lại mang một sắc màu lung linh, lại là một vẻ đẹp quyến rũ, vừa thực lại vừa như mơ..., một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng khiến người đọc phải say đắm ...	0.5
	- Phép so sánh “Áo xanh sông mặc như là mới may” diễn tả sự thay đổi của dòng sông dưới ánh nắng mặt trời. Đó là một vẻ đẹp mới mẻ tinh khôi.	0.5
	- Dòng sông vốn là ảnh quen thuộc trong cuộc sống, nhưng nhờ biện pháp nhân hóa, so sánh tác giả đã khiến dòng sông trở nên sống động, vừa đẹp vừa quyến rũ, đáng yêu như một con người.	0.5
	- Biện pháp nhân hóa, so sánh thể hiện cái nhìn, sự quan sát vô cùng tinh tế, tài tình của nhà thơ về cảnh vật và ta cũng thấy được tâm hồn yêu thiên nhiên của nhà thơ.	0.5
Tạo lập vb	Câu 1. (4 đ)	
	1. <i>Yêu cầu về kĩ năng:</i> học sinh trình bày đúng thể thức đoạn văn miêu tả có thể kết hợp biểu cảm, tự sự, diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả đảm bảo độ dài khoảng 15 đến 20 dòng.	0.5
	2. <i>Yêu cầu cơ bản về kiến thức:</i> HS viết đoạn văn miêu tả về hình ảnh dòng sông theo trí tưởng tượng của em dựa vào bài thơ <i>Dòng sông mặc áo</i>	3.5
	- HS biết lựa chọn các hình ảnh về dòng sông ở nhiều thời điểm khác nhau (sáng, trưa, chiều, tối)	
	+ Hình ảnh dòng sông khoác lên mình một màu lụa đào khi ánh mặt trời lên.	0.5
	+ Trưa về, bầu trời cao, trong xanh, dòng sông lại được thay áo mới với một màu xanh trong tươi mát.	0.75

	+ Những áng mây ráng vàng của buổi chiều tà lại điểm thêm cho chiếc áo của dòng sông một màu hoa sắc sỡ.	0.75
	+ Buổi tối, dòng sông như lung linh kỳ diệu nhất bởi dòng sông được cài lên ngực một bông hoa của vàng trắng lung linh tỏa sáng cùng với muôn vàn vì sao lấp lánh trên bầu trời chiếu dọi xuống dòng sông...	0.75
	□ Màu sắc dòng sông thay đổi biến hóa mọi thời điểm trong ngày đêm.	0.75
	Câu 2 (10.0đ) 1. Yêu cầu về kĩ năng: HS biết cách làm bài văn miêu tả (tả cảnh thiên nhiên + tả người). Văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc, biết vận dụng tốt các thao tác quan sát, liên tưởng, so sánh... trong quá trình miêu tả. 2. Yêu cầu về kiến thức: HS bám sát văn bản “Vượt thác” để dựng lại một bức tranh về vẻ đẹp phong phú, hùng vĩ của thiên nhiên trên sông Thu Bồn và vẻ đẹp của người lao động tài hoa với những ý cơ bản sau:	1.0
	a. Mở bài: Giới thiệu cảnh dòng sông Thu Bồn và nhân vật dựng Hương Thư trong cuộc vượt thác.	1.0
	b. Thân bài: * Bức tranh thiên nhiên: Cảnh thiên nhiên nơi dòng sông Thu Bồn được trải dài theo hành trình của con thuyền nên có sự biến đổi phong phú: - Quang cảnh đoạn sông ở khu vực đồng bằng: êm đềm, hiền hòa, thơ mộng, thuyền bè tấp nập, hai bên bờ rộng rãi, trù phú với những bãi dâu trải ra bạt ngàn... - Sắp đến đoạn thác ghềnh: vườn tược càng um tùm, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước; núi non - Đoạn sông có nhiều thác dữ: dòng nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. - Vượt qua thác dữ: dòng sông chảy quanh co, những bụi cây to, vùng đồng bằng mênh mông, bằng phẳng.... * Hình ảnh dựng Hương Thư trong cảnh vượt thác: Trên nền thiên nhiên hùng vĩ đó, con người lao động hiện lên với những vẻ đẹp về: + Ngoại hình: Dựng Hương Thư cời trần, như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt nổi cuộn cuộn, hai hàm răng nghiến chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa – vẻ đẹp của con người lao động vùng sông nước khỏe mạnh, cường tráng. + Động tác: co người phóng chiếc sào xuống lòng sông, ghì chặt trên đầu sào, động tác rút sào rập ràng nhanh như cắt. + Tư thế: vững vàng, làm chủ thiên nhiên. + Tính cách: lúc ở nhà nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì. Khi làm việc là người chỉ huy thuyền vượt thác dầy dạn kinh nghiệm, quyết liệt, rắn rỏi.	7.0 0.5 0.75 0.75 0.75 0.75 0.5 1.0 0.75 0.5 0.75
	c. Kết bài: HS trình bày cảm nghĩ của mình về cảnh thiên nhiên và con người qua bức tranh đó.	1.0

ĐỀ BÀI**I. Phần Đọc hiểu (6,0 điểm):****Hãy đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu**

“Sang năm con lên bảy Cha đưa con đến trường Giờ con đang lon ton Khắp sân vườn chạy nhảy Chỉ mình con nghe thấy Tiếng muôn loài với con. Mai rồi con lớn khôn Chim không còn biết nói	Chuyện ngày xưa, ngày xưa Chỉ là chuyện ngày xưa. Đi qua thời ấu thơ Bao điều bay đi mất Chỉ còn trong đời thật Tiếng người nói với con Hạnh phúc khó khăn hơn Mọi điều con đã thấy
--	---

Gió chỉ còn biết thổi Cây chỉ còn là cây Đại bàng chẳng về đây Đậu trên cành khế nữa	Nhưng là con giành lấy Từ hai bàn tay con." ("Sang năm con lên bảy" - Vũ Đình Minh)
---	---

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu nội dung chính bài thơ. (1,0 điểm)
2. Theo em, phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là gì? Lí giải ý kiến của mình? (0,5 điểm)
3. Giải nghĩa từ "đi" trong câu thơ "Đi qua thời ấu thơ". Từ "đi" thuộc loại từ nào? (0,5 điểm)
4. Qua đoạn thơ người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già thời thơ ấu? (1,0 điểm)
5. Cảm nhận sâu sắc của em về bài thơ trên (3,0 điểm)

II. Phần Làm văn (14 điểm):

Câu 1 (4,0 điểm):

Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận, trách nhiệm của con cái với cha mẹ.

Câu 2 (10 điểm):

Cho bài thơ sau:

Em có nghe tiếng xuân về gõ cửa
 Mang nồng nàn theo gió đón mùa sang
 Tiếng bầy chim đang riu rít gọi đàn
 Từng nhành lá mướt non màu áo mới

Em có nghe xuân về vui phơi phới
 Bao nụ cười tươi mới rạng trên môi
 Khắp không gian rộn rã như gọi mời
 Phố náo nức dòng người như chảy hội
 (Nguyễn Hưng, **Tiếng xuân về**)

Dựa vào ý bài thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy viết thành một bài văn miêu tả: **Buổi sáng mùa xuân.**

ĐÁP ÁN

P	Nội dung cần đạt	Điểm
I	ĐỌC - HIỂU	6,0
1	- Thể thơ: năm chữ (ngũ ngôn) - Nội dung: Bài thơ là lời người cha muốn nhắn nhủ với con của mình. Khi con lên bảy tuổi, con sẽ đi học, những truyện cổ tích và thế giới trẻ thơ sẽ nhường bước cho một thế giới mới, nhiều khó khăn nhưng cũng đầy thú vị mà tự con sẽ khám phá.	0,5 0,5
2	- Phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là biểu cảm - Vì bài thơ thể hiện rõ tình cảm của người cha với con.	0,25 0,25
3	- Nghĩa của từ "đi": quãng thời gian trong thời ấu thơ của người con. - Từ "đi" trong câu thơ "Đi qua thời ấu thơ" được hiểu theo nghĩa chuyển. => Từ "đi" là từ nhiều nghĩa.	0,25 0,25
4	Khi lớn lên và từ già thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Con phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình.	1,0
5	Học sinh bày tỏ cảm nhận sâu sắc của mình về bài thơ. Hình thức: đoạn văn. Nội dung: cần hướng tới bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về sự quan tâm, chăm lo của người cha dành cho con khi con bắt đầu đi học. Khi lớn lên và từ già thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Để có được hạnh phúc con phải vất vả khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. Nhưng hạnh phúc của con giành được	3,0

	trong cuộc đời thực sẽ thật sự là của con (do chính công sức lao động và khối óc của con làm ra) sẽ đem đến cho con niềm tự hào kiêu hãnh.	
II	LÀM VĂN	14,0
C1	Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận, trách nhiệm của con cái với cha mẹ.	4,0
	I. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết viết đoạn văn; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp. II. Yêu cầu về kiến thức: Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau: - Khẳng định công lao to lớn của cha mẹ trong việc sinh thành, nuôi dưỡng con cái. - Con cái cần làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành. Khi còn nhỏ, bổn phận của con cái là phải biết vâng lời cha mẹ, chăm chỉ học tập rèn luyện để cha mẹ được vui lòng. Khi con cái dần trưởng thành cũng là lúc cha mẹ ngày càng già yếu đi, đây chính là lúc những người làm con cần làm tròn chữ hiếu của mình, đó là phải phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo cho cha mẹ của mình, có như vậy mới làm tròn chữ hiếu của đạo làm con. - Phê phán những người con không làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ.	1,0 2,0 1,0
C2	Dựa vào ý bài thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy viết thành một bài văn miêu tả: Buổi sáng mùa xuân.	10,0
	Yêu cầu kĩ năng: HS có kĩ năng viết bài miêu tả sáng tạo - Biết xác định đúng vấn đề miêu tả : buổi sáng mùa xuân - Có bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài mạch lạc, văn phong trong sáng, từ ngữ được dùng gợi hình, gợi âm thanh và có sức biểu cảm.	1,0
	Yêu cầu kiến thức: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau song phải biết dựa vào phần gợi dẫn của đề . Sau đây là định hướng các ý cơ bản: 1. Mở bài: Giới thiệu chung về cảm nhận của bản thân về buổi sáng mùa xuân trên quê hương. 2. Thân bài: (Dựa vào ý bài thơ và tên bài thơ để tập trung miêu tả cảnh buổi sáng mùa xuân trên quê hương.). * Cảnh vật mùa xuân - Bầu trời trong xanh: cao hơn, rộng hơn sau những ngày động âm u, lạnh giá. - Những đám mây xanh vắt bay lượn trên bầu trời. - Không khí: ấm áp - Mưa xuân: lất phất, dịu dàng/ (Hoặc: Nắng xuân: ấm áp chiếu xuống vạn vật như muốn đánh thức tất cả...) - Gió xuân: nhẹ nhẹ, mơn man,... * Tả bao quát mùa xuân - Nhìn đâu đâu cũng thấy phần khởi và tươi vui - Con đường trải dài sắc xuân - Không gian như chìm đắm trong hương xuân * Tả chi tiết mùa xuân - Con người ai cũng vui vẻ, phần khởi, tràn đầy ước mơ, hi vọng,... - Ai ai cũng ra đường với tâm trạng mừng vui - Cây cối đua nhau nở rộ - Chim chóc ríu rít kêu - Khắp nơi đều rộn rang sắc xuân - Những cô cậu nhỏ háo hức được mặc đồ mới - Những người lao động sẽ có một kì nghỉ dài 3. Kết bài - Nhận xét và cảm nghĩ về bức tranh buổi sáng mùa xuân trên quê hương.	1,0 2,0 1,0 3,0 1,0

	c. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp: đảm bảo các qui tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa, tiếng việt.	0,5

ĐỀ BÀI**Phần I: Tiếng Việt (4,0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Đất mọng nước mưa ,và khi gió xua tan mây ra, đất ngáy ngất đất dưới ánh nắng chói lọi và tỏa một làn khói lam. Sáng sáng, sương mù dâng lên từ một con ngòi, từ vùng trũng bùn lầy nước đọng. Sương trôi như sóng, lao ra ngoài đồi núi thảo nguyên và ở đó nó tan ra thành một lớp khói xanh lam mịn màng. Và trên những cành lá đầu đầu cũng la liệt những giọt sương nặng nom như những hạt đạn ghém đỏ rực, đề trữu ngọn cỏ . Ngoài thảo nguyên, cỏ băng mọc cao hơn đầu gối . Lúa vụ đông trải ra đến tận chân trời như một bức tường xanh biếc . Những khoảnh ruộng cát xám tua tủa những ngọn ngô non nom như muôn ngàn mũi tên. Tới thượng tuần tháng sáu, thời tiết đã đẹp đều, trời không gợn một bóng mây, và thảo nguyên nở hoa sau những trận gội mưa phơi mình ra lộng lẫy dưới ánh nắng. Giờ đây, thảo nguyên nom như một thiếu phụ đang nuôi con bú, xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp lắng dịu, hơi mệt mỏi và rạn rờ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con .

(Trích “Đất vỡ hoang” –Mikhain Sôlôkhốp)

a. Câu văn: “Những khoảnh ruộng cát xám tua tủa những ngọn ngô non nom như muôn ngàn mũi tên.” có mấy cụm danh từ ? Hãy chỉ ra các cụm danh từ đó?

b. Hãy phát hiện và chỉ ra biện pháp nghệ thuật đặc sắc sắc được nhà văn sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

c. Hãy lấy một ví dụ trong văn chương có sử dụng biện pháp tu từ em vừa phát hiện ở trên?

Phần II: Đọc hiểu văn bản (6,0 điểm)

Đọc phần trích sau đây và trả lời các câu hỏi bên dưới :

Nhà văn Tô Hoài kể lại:

“Một lần kia tôi thăm trường phổ thông số 5 ngoại thành Mát-xcơ-va. Các lớp ngòi nghe kể chuyện Việt Nam Nam đánh đế quốc Mỹ. Tôi hỏi:

-Bạn có quen Đế Mèn không ?

Tất cả cười ầm giơ tay một loạt. Các bạn Mát-xcơ-va gửi tôi một món quà nhỏ mang cho Đế Mèn: cái hộp to, trong đặt chiếc khay nhôm vuông như cái sân gạch, trên có cây chuối, cây tre, quả dưa và tượng bằng nhựa màu đủ mặt Đế Mèn, Đế Trũi bác Xén Tóc, cái Kiến, cô Niềng Niềng, anh Gọng Vó...”

(Tô Hoài, Lời nói đầu truyện Đế Mèn phiêu lưu kí, NXB Hải Phòng 1986)

a. Xác định phương thức biểu đạt trong phần trích trên?

b. Qua phần văn bản trên em thấy tình cảm mà bạn bè quốc tế dành cho tác phẩm Đế Mèn phiêu lưu kí và các nhân vật trong truyện như thế nào? Những câu văn nào thể hiện tình cảm đó?

c. Trong truyện **Đế Mèn phiêu lưu kí** của nhà văn Tô Hoài có chi tiết: khi mắc lỗi với Đế Choắt, Đế Mèn đã đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên. Theo em, Đế Mèn đã rút ra cho mình bài học đường đời đầu tiên là gì?

d. Từ bài học đường đời đầu tiên của Đế Mèn, em rút ra cho bản thân mình bài học ý nghĩa gì trong cuộc sống? Hãy chia sẻ những suy nghĩ của em trong ba đến năm câu văn (có đánh số thứ tự các câu).

Phần III: Làm văn (10,0 điểm)

Thiên nhiên, đất trời có một sự biến đổi thật kỳ diệu theo mùa. Mùa đông cây rụng lá thưa cành, nhưng sang tiết trời mùa xuân ấm áp, cây cối như được hồi sinh, trăm hoa khoe sắc, những chồi non nhú lên mơn mớn, tràn đầy nhựa sống.

Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện thú vị giữa các nhân vật: Ông Già Mùa Đông, Nàng Tiên Mùa Xuân, Cây Phượng già nơi góc phố, Vị Thần Thời Gian để gọi tả điều kì diệu ấy của thiên nhiên vạn vật.

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

Câu	Đáp án	Điểm
-----	--------	------

Phần I: (4,0 đ)	a. Câu văn: “ <i>Những khoảnh ruộng cát xám tua tua những ngọn ngô non nom như muôn ngàn mũi tên.</i> ” có mấy cụm danh từ ? Hãy chỉ ra các cụm danh từ đó? - HS chỉ đúng được 3 cụm danh từ: - Những khoảnh ruộng cát xám - Những ngọn ngô non - Muôn ngàn mũi tên	1,5 0,5 0,5 0,5
	b. Hãy phát hiện và chỉ ra biện pháp nghệ thuật đặc sắc được nhà văn sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó đó? - HS phát hiện và chỉ ra các biện pháp nghệ thuật: + <i>Biện pháp so sánh</i> : sương trôi như sóng, những giọt sương nặng nom như những hạt đạn ghém đỏ rực ;lúa vụ đông như bức tường thành xanh biếc; những ngọn ngô non như muôn ngàn mũi tên; thảo nguyên như một thiếu phụ đang cho con bú . + <i>Biện pháp nhân hóa</i> : đất ngậy ngất dưới ánh nắng; sương lao ra ngoài đồi núi thảo nguyên; thảo nguyên phơi mình lộng lẫy... xinh đẹp lạ thường, một vẻ đẹp lắng dịu, hơi mệt mỏi hồi và rạng rỡ, nụ cười xinh tươi hạnh phúc và trong sáng của tình mẹ con... Chú ý: Học sinh phải chỉ ra cụ thể các hình ảnh nhân hóa, so sánh mới cho điểm. - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật: Phép so sánh, nhân hóa làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, làm cho cảnh thiên nhiên thảo nguyên hiện lên cụ thể, đẹp đẽ, lung linh, sống động, có hồn và mang đậm hơi thở ấm áp của con người. (học sinh có thể diễn đạt khác, nhưng đảm bảo ý vẫn chấp nhận cho điểm tối đa)	1,5 0,5 0,5
	c.Hs lấy chính xác một ví dụ trong văn chương có sử dụng một trong hai biện pháp so sánh hoặc nhân hóa. Ví dụ: <i>Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác.</i>	1,0
Phần II: (6,0 đ)	a. Xác định phương thức biểu đạt trong phần trích trên? - Phương thức biểu đạt: tự sự	1,0
	b. Qua phần văn bản trên em thấy thái độ, tình cảm mà bạn bè quốc tế dành cho tác phẩm <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> và các nhân vật trong truyện như thế nào? Những câu văn nào thể hiện tình cảm đó - Qua phần văn bản trên em thấy thái độ, tình cảm mà bạn bè quốc tế dành cho tác phẩm <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> và các nhân vật trong truyện là <i>sự say mê, thích thú, yêu mến..</i> - Những câu văn thể hiện thái độ tình cảm + <i>Tất cả cười ầm giờ tay một loạt.</i> + <i>Các bạn Mát-xơ-va gửi tôi một món quà nhỏ mang cho Đế Mèn: cái hộp to, trong đặt chiếc khay nhôm vuông như cái sân gạch, trên có cây chuối, cây tre, quả dứa và tượng bằng nhựa màu đủ mặt Đế Mèn, Đế Trũi bác Xén Tóc, cái Kiến, cô Niềng Niềng, anh Gọng Vó...</i>	1,5 0,75 0,75
	c. Đế Mèn rút ra cho mình bài học đường đời đầu tiên: bài học ấy được nói lên qua lời Đế Choắt: Tôi khuyên anh: <i>Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy</i> (Học sinh có thể diễn đạt theo ý mình, không cần trích nguyên văn lời Đế Choắt)	1,5
	d Từ đó em rút ra cho mình bài học ý nghĩa gì trong cuộc sống? Hãy chia sẻ những suy nghĩ của em trong ba đến năm câu văn (có đánh số thứ tự các câu). - <i>Yêu cầu về mặt hình thức</i> : Học sinh viết đúng đủ từ ba đến năm câu văn và có đánh số thứ tự các câu. - <i>Yêu cầu về mặt nội dung</i> : Nêu bài học cuộc sống thiết thực em rút ra được từ câu chuyện của Đế Mèn. Học sinh có thể hướng tới trình bày các ý sau đây:	2,0

	- Trong cuộc sống ta cần phải khiêm nhường tôn trọng và hòa đồng với những người xung quanh. - Không được huênh hoang ngỗ ngược, tự cao tự đại, coi thường người khác. - Phải biết suy nghĩ chín chắn, thấu đáo trước khi hành động. - Không trêu ghẹo, khinh thường những người yếu thế hơn mình; không bày ra những trò nghịch ngợm đại dốt và độc ác ... sẽ làm hại người khác và chuốc vạ cho bản thân. * Cách cho điểm - Trình bày được hai ý trở lên, diễn đạt lưu loát trôi chảy: 1,75- 2 điểm - Đảm bảo yêu cầu về nội dung nhưng diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng: 1,0- 1,5 điểm - Đảm bảo tương đối các câu yêu cầu về nội dung nhưng viết sơ sài, hời hợt, nhiều chỗ diễn đạt lủng củng: 0,25-0,75 điểm - Thiếu hoặc sai hoàn toàn: 0 điểm * Chú ý: Học sinh có thể trình bày các ý theo cách diễn đạt riêng của mình không rập khuôn theo ngôn ngữ của đáp án.	
Phân III: (10,0 đ)	Thiên nhiên, đất trời có một sự biến đổi thật kỳ diệu theo mùa. Mùa đông cây rụng lá thưa cành, nhưng sang tiết trời mùa xuân ấm áp, cây cối như được hồi sinh, trăm hoa khoe sắc, những chồi non nhú lên mon mơn, tràn đầy nhựa sống. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện thú vị giữa các nhân vật: Ông Già Mùa Đông, Nàng Tiên Mùa Xuân, Cây Phượng già nơi góc phố, Vị Thần Thời Gian để gọi tả điều kỳ diệu ấy của thiên nhiên vạn vật.	
	* Yêu cầu cụ thể: 1. Mở bài: - Giới thiệu nhân vật và hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.	1,0
	2. Thân bài: * Học sinh có thể triển khai câu chuyện theo nhiều hướng khác nhau để thể hiện được sự biến đổi kỳ diệu của thiên nhiên và vạn vật theo mùa. * Một số gợi ý: - Tả cảnh mùa đông (với sự xuất hiện của Lão già Mùa Đông) + Lão già Mùa Đông mặc một chiếc áo xám xịt rất đáng sợ. Trông lão gầy gò, già nua, xấu xí và luôn cau kính, nhăn nhó, lúc nào cũng khó chịu với mọi người xung quanh. + Lão xuất hiện mang theo cái rét như cắt da, cắt thịt. Lão gào rú dữ tợn trên những cánh đồng, len lách vào từng đường thôn ngõ xóm, lão leo lên tất cả cây cối trong vườn.... Lão đi đến đâu tàn sát mọi vật không thương tiếc đến đó, khiến cho tất cả đều run rẩy, sợ hãi, không còn sức sống. + Mọi người đều không ưa gì lão già Mùa Đông, xa lánh và không dành thiện cảm cho lão. - Câu chuyện về Cây Phượng già nơi góc phố; Cây Phượng bị lão già mùa đông hành hạ, bẻ từng chiếc lá khiến cành cây trơ trụi, gầy cuộc, run rẩy trong gió lạnh. Nhưng nó không gục ngã mà vẫn kiên cường đứng vững trong gió rét. - Vị Thần Thời Gian xuất hiện, động viên, khích lệ tiếp thêm sức mạnh cho cây. Bởi thế cây càng thêm bản lĩnh vững vàng hơn trong mùa đông băng giá, không chịu khuất phục bởi nghịch cảnh và sự tàn phá ghê gớm của lão già Mùa Đông. Vị Thần Thời Gian khuyên cây hãy dũng cảm và kiên nhẫn chờ đợi. - Rồi Nàng Tiên Mùa Xuân xuất hiện. Nàng mặc một chiếc váy dài trắng muốt tuyệt đẹp. Nàng trẻ trung, xinh đẹp, dịu dàng, mang theo những tia nắng ấm áp xua đi cái lạnh giá của mùa đông. Nàng tiên mùa xuân đến làm cho mọi vật đều vui mừng phấn khởi. Chim chóc hát ca vang lừng; cây cối như được hồi sinh; trăm hoa đua sắc... Cây Phượng già nơi góc phố hân hoan chào đón Nàng Tiên Mùa Xuân. Từ trên thân cây nhú ra rất nhiều những chồi non chi chít, xanh mon mơn, tràn đầy sức sống. - Đất Mẹ dịu dàng cùng với Vị Thần Thời Gian tiếp thêm nhựa sống cho cây.	8,0

	- Cây Phượng cảm ơn Đất Mẹ, cảm ơn Nàng Tiên Mùa Xuân cảm Vị Thần Thời Gian tốt bụng.	
	3. <i>Kết bài</i> - Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của nhân vật - Gửi tới người đọc lời nhắn nhủ ý nghĩa (ví dụ: <i>lời nhắn nhủ về tình yêu đối với thiên nhiên vạn vật; Bài học về ý chí nghị lực vượt qua khó khăn thử thách để để vươn tới những điều tốt đẹp....</i>)	1,0

ĐỀ BÀI**Câu 1. (10,0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới.

Cha lại dắt con đi trên cát mịn

Ánh nắng chảy đầy vai,

Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời.

Con lại trở cánh buồm nói khẽ:

“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,

Để con đi ...”

(Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm*)

a. Phân biệt nghĩa của từ **đi** trong đoạn thơ trên.

b. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ.

c. Em cảm nhận được điều gì trong lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn thơ trên? Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về điều đó.

Câu 2. (10,0 điểm)

Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,

Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.

Gió im vắng, tự từng không man mác,

Mây bay, trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.

Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất

Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.

Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,

Những hương đào, hương lý dậy miên man.

(Anh Thơ, *Đêm trăng xuân*)

Em hãy viết bài văn miêu tả dựa theo ý đoạn thơ trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Yêu cầu	Điểm
	a.- Giải nghĩa từ đi trong đoạn thơ và chỉ ra từ nào dùng với nghĩa gốc, từ nào dùng với nghĩa chuyển. + đi (Cha lại dắt con đi ...) Chỉ hoạt động của người hoặc động vật tự di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác...(dùng theo nghĩa gốc) + đi (Để con đi ...) Chỉ hoạt động của người đến một nơi khác, hoặc tiến đến một mục đích, một kết quả nào đó...không kể bằng cách gì, phương tiện gì. (dùng theo nghĩa chuyển)	2.0

	b.- Biện pháp tu từ sử dụng trong đoạn thơ: + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Ánh nắng chảy đầy vai. - Tác dụng: + Gọi tả sinh động hình ảnh ánh nắng hiện hữu như một thứ chất lỏng thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. Giúp người đọc hình dung cảnh hai cha con dắt nhau đi trên bãi biển vào một buổi sáng đẹp trời với ánh nắng mềm mại, dịu dàng và tràn ngập khắp nơi làm sáng đẹp lên hình ảnh của họ. + Cảm nhận tình cảm cha con ấm áp và niềm vui sướng của người con đi dạo bên cha. + Thấy được sự quan sát, cảm nhận tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đất nước với những cánh buồm tuổi thơ của tác giả.	0.5 0.5 0.5 0.5
	c.- Lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn thơ: <i>“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé, Để con đi ...”</i> - Cảm nhận được: + Một ước mơ rất trong sáng, đẹp để đáng trân trọng và ngợi ca. + Ước mơ đó gắn liền với cánh buồm trắng, với khát vọng đi xa đến những nơi chưa biết, đến những chân trời mới. + Đó là ước mơ của một tâm hồn trẻ thơ, ham hiểu biết muốn khám phá, chinh phục những bí ẩn của thế giới. * Từ những cảm nhận về Ước mơ của cậu bé trong đoạn thơ, trình bày suy nghĩ về: “Ước mơ của con người trong cuộc sống”. Viết dưới hình thức một đoạn văn đảm bảo một số ý sau đây:	1.0 5.0
	- Giải thích: Ước mơ là một thứ gì đó vượt ngoài tầm với, là những mong muốn, khát vọng, là những điều tốt đẹp mà mỗi chúng ta luôn hướng tới và phấn đấu đạt được. - Vai trò, ý nghĩa của ước mơ: + Đường như ai cũng có ước mơ. Gắn với mỗi người là những ước mơ khác nhau: Có những ước mơ vĩ đại, có những ước mơ nhỏ bé, giản dị... + Ước mơ rất quan trọng và cần thiết. Ước mơ giúp ta xác định được mục tiêu trong cuộc đời, chắp cánh cho ta vươn lên, hướng ta tới điều tốt đẹp, là động lực giúp ta vượt qua khó khăn, thử thách, vấp ngã trong cuộc sống. + Ước mơ cao đẹp sẽ khiến con người sống có ý chí, nghị lực, hoài bão và trở thành những con người có ích, cống hiến nhiều cho xã hội. + Với tuổi thơ, ước mơ có tác dụng làm phong phú đời sống tinh thần và nuôi dưỡng những ý nghĩ bay bổng cho các em. - Liên hệ và rút ra bài học : + Cần phải có ước mơ ngay từ khi còn nhỏ và biết cách nuôi dưỡng ước mơ (học tập, rèn luyện...) + Cần trân trọng, nâng niu và chắp cánh cho những ước mơ đẹp (như ước mơ của cậu bé trong đoạn thơ trên) để biến ước mơ thành hiện thực.	
2	*Yêu cầu chung: - Học sinh phải biết dựa vào phần gợi dẫn của đề (Dựa vào ý của đoạn thơ: Cảnh làng quê trong đêm mùa xuân) để sáng tạo, vận dụng kỹ năng làm văn tả cảnh để làm bài đúng theo yêu cầu về nội dung. - Bố cục bài viết chặt chẽ, văn phong trong sáng, từ ngữ được dùng gợi hình, tượng thanh và có sức biểu cảm. a. Mở bài: - Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng miêu tả: Cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân. - Ấn tượng khái quát về cảnh. b. Thân bài: (Dựa vào ý đoạn thơ) . - Tả khái quát: Một vài nét nổi bật của khung cảnh làng quê trong đêm mùa xuân trước khi trăng lên.	1.0 8.0

	+ Đêm xuống nhanh, sương mù buông toả, lặng gió, se lạnh. + Ngoài đồng vắng vẻ, trong làng nhà nhà lên đèn, mọi vật nhòa đi trong bóng tối mênh mang. + Trên bầu trời những đám mây đuổi nhau giữa tầng không. - Tả chi tiết: Miêu tả cụ thể cảnh làng quê trong đêm mùa xuân theo trình tự thời gian: Khi trăng bắt đầu lên, khi trăng lên cao, trăng về khuya...qua những hình ảnh nổi bật của cảnh như: + Bầu trời, ánh trăng, mây... với những đặc điểm nổi bật về màu sắc, hình dáng, chuyển động. + Vườn cây trong đêm mùa xuân hương hoa ngát ngào toả hương. + Rặng tre lướt theo chiều gió tạo lên cung đàn, khúc nhạc đồng quê. + Làng xóm yên tĩnh chìm trong giấc ngủ say. + Có thể miêu tả một số hình ảnh khác của làng quê như: Ngoài cánh đồng làng, dòng sông, hồ nước...với những vẻ đẹp riêng trong đêm trăng mùa xuân.	
	c. Kết bài: Tình cảm, suy nghĩ của em về khung cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân đẹp, yên tĩnh: Yêu quý, gắn bó để lại bao cảm xúc khó quên.	1.0

ĐỀ BÀI**Câu 1 (4,0 điểm)**

Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*“ Quê hương là vàng hoa bí
 Là hồng tím giậu mùng toi
 Là đỏ đôi bờ dâm bụt
 Màu hoa sen trắng tinh khôi
 Quê hương mỗi người chỉ một
 Như là chỉ một mẹ thôi
 Quê hương nếu ai không nhớ... ”*

(Bài học đầu cho con - Đỗ Trung Quân)

Câu 2 (10 điểm) Bằng trí tưởng tượng, hãy kể về cuộc phiêu lưu của những hạt mưa.

ĐÁP ÁN**Phần II. Đáp án và thang điểm**

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (4,0 điểm)	- Xác định biện pháp tu từ: + So sánh: Quê hương là vàng hoa bí, là hồng tím giậu mùng toi, là đỏ đôi bờ dâm bụt... Quê hương mỗi người chỉ một....như là chỉ một mẹ thôi HS có thể nêu thêm: + Điệp cấu trúc: là vàng hoa bí; là hồng tím...; là đỏ	1,5
	- Tác dụng + So sánh: Quê hương được so sánh với hàng loạt các hình ảnh “vàng hoa bí, hồng tím giậu mùng toi, đỏ đôi bờ dâm bụt” ... là những gì gắn bó, gần gũi, thân thuộc đối với mỗi người. + So sánh quê hương với mẹ: <i>Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi</i> Quê hương trong thơ của Đỗ Trung Quân không chỉ là những gì gắn bó, quen thuộc nhất mà còn giống như hình ảnh người mẹ, biểu tượng đẹp đẽ của tình yêu thương, của nguồn sống dạt dào vừa gần gũi nhưng cũng vừa thiêng liêng, quý giá. Đoạn thơ giàu nhạc điệu, cảm xúc, thể hiện những tình cảm chân thành, sâu sắc của nhà thơ đồng thời mang đến cho người đọc những cảm nhận thấm thía về ý nghĩa của quê hương	2,5
Câu 2:	Yêu cầu: - Biết tạo lập một văn bản tự sự - HS biết lựa chọn ngôi kể - Bố cục bài văn rõ ràng, mạch lạc, diễn đạt giàu hình ảnh, ít mắc lỗi chính tả	

(10,0 điểm)	A. Mở bài- Giới thiệu được nhân vật, sự việc, bối cảnh của câu chuyện	
	B. Thân bài - HS tự do sáng tạo các sự việc sao cho các sự việc có liên kết, có trình tự - HS biết sử dụng các yếu tố miêu tả, trí tưởng tượng để kể lại hành trình của những hạt mưa (Bắt đầu cuộc hành trình, những cuộc gặp gỡ với các sự vật, kết thúc cuộc hành trình...)	2,0 6,0
	C. Kết bài- Cảm xúc, ấn tượng, những trải nghiệm từ cuộc phiêu lưu.	2,0

ĐỀ BÀI

Câu 1 (12,0 điểm) Suốt đêm mưa to gió lớn, sáng ra, ở tổ chim trên cành cây cao, có con chim lớn đôi cánh bị ướt sũng, dằng vẽ mỗi mảy, nhưng trên mỏ vẫn giữ chặt miếng mồi. Bên cạnh là những chú chim con lông cánh vẫn khô nguyên, vừa mở bừng đôi mắt đón ánh nắng mặt trời, vừa há miệng đón thức ăn, ăn ngon lành.

- Chuyện gì xảy ra với những chú chim trong đêm qua? Em hãy kể lại câu chuyện.

Câu 2 (8,0 điểm). Hãy trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện sau:

"Một cậu bé mời Mẹ tham dự buổi họp phụ huynh đầu tiên ở trường tiểu học. Điều cậu bé sợ đã thành sự thật, Mẹ cậu bé nhận lời. Đây là lần đầu tiên bạn bè và giáo viên chủ nhiệm gặp Mẹ cậu bé và cậu rất xấu hổ về vẻ bề ngoài của Mẹ mình. Mặc dù cũng là một người phụ nữ đẹp nhưng bà có một vết sẹo lớn che gần toàn bộ mặt bên phải. Cậu bé không bao giờ muốn hỏi Mẹ mình tại sao bị vết sẹo lớn vậy. Vào buổi họp mặt, mọi người có ấn tượng rất đẹp về sự dịu dàng và vẻ đẹp tự nhiên của người mẹ mặc cho vết sẹo đập vào mắt, nhưng cậu bé vẫn xấu hổ và giấu mình vào một góc tránh mặt mọi người. Ở đó, cậu bé nghe được mẹ mình nói chuyện với cô giáo.

"Làm sao chị bị vết sẹo như vậy trên mặt?" Cô giáo hỏi.

Người mẹ trả lời: "Khi con tôi còn bé, nó đang ở trong phòng thì lửa bốc lên. Mọi người đều sợ không dám vào vì ngọn lửa đã bốc lên quá cao, và thế là tôi chạy vào. Khi tôi chạy đến chỗ nó, tôi thấy một xà nhà đang rơi xuống người nó và tôi vội vàng lấy mình che cho nó. Tôi bị ngã xỉu, nhưng thật may mắn là có một anh lính cứu hỏa đã vào và cứu cả hai Mẹ con tôi."

Người Mẹ chạm vào vết sẹo nhăn nhúm trên mặt và nói: "Vết sẹo này không chữa được nữa, nhưng cho tới ngày hôm nay, tôi chưa hề hối tiếc về điều mình đã làm."

Đến đây, cậu bé chạy ra khỏi chỗ nấp của mình về phía Mẹ, nước mắt lưng tròng. Cậu bé ôm lấy Mẹ mình và cảm nhận được sự hy sinh của Mẹ dành cho mình. Cậu bé nắm chặt tay Mẹ suốt cả ngày hôm đó như không muốn rời".

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1		12,0
	A. Về kĩ năng Học sinh biết cách làm bài văn kể chuyện tưởng tượng, tưởng tượng câu chuyện phong phú: văn viết mạch lạc, trong sáng ngôn ngữ diễn đạt giàu cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu.	1,0
	B. Về kiến thức : Học sinh có tưởng tượng nhiều cách khác nhau. Nội dung tưởng tượng phong phú nhưng phải bám sát yêu cầu của dữ liệu đề bài. Có thể tham khảo HD sau.	1,0
	1. Mở bài. Có thể HS giới thiệu được bối cảnh chung dẫn đến hoàn cảnh riêng của đàn chim (Tham khảo: Lão già mùa đông cẩu kính chuẩn bị đến rồi. Vạn vật đều chuẩn bị ngủ đông hoặc đi tránh rét. Mẹ con chim sẽ cũng vậy. Họ bay sẽ bay đến một nơi nào đó có những tia nắng vàng giòn tan chiếu xuống. Sẽ con và mẹ đang bay thì lão già mùa đông đã mang đến những cơn gió lạnh lẽo đến buốt da. Đàn Sẻ con kêu lên: - Mẹ ơi! Chúng con lạnh quá rồi. Sẻ mẹ dỗ dành con: - Cố gắng lên các con yêu, sắp đến rồi! Lũ Sẻ con bắt đầu khóc và rên rĩ kêu:	1,0

	- Nhưng chúng con lạnh lắm rồi! Biết không thể bay đi được nữa, chim mẹ tìm một hốc cây nhỏ rồi dắt con vào đó ngủ qua đêm.) 2. Thân bài. Tưởng tượng những câu chuyện xảy ra với mẹ con đàn chim Chim mẹ ủ ấm, che mưa cho con (thể hiện được những khó khăn nguy hiểm của thời tiết, việc làm, hành động của mẹ tình cảm của mẹ...) (Tham khảo Nửa đêm, đang say giấc, mẹ con chim sẽ bỗng tỉnh dậy vì nghe tiếng gió rít ào ào. Nhìn ra ngoài trời, mẹ con chim sẽ thấy trời tối sầm. Sấm ầm ầm từ đằng xa vọng lại. Trên bầu trời đen ngòm, những tia chớp nhằng nhịt đan chéo vào nhau. Những cơn gió mạnh làm cây cối nghiêng ngả. Chằng mấy chốc, cơn mưa rào trút xuống như thác đổ không biết trên trời có bao nhiêu nước mà đổ xuống lắm thế. Trong hốc cây nhỏ, mẹ con nhà chim sẽ run lẩy bẩy vì rét. Mưa hắt vào gốc cây lạnh buốt. Chim con khóc “tì tì”, nói với mẹ: – Mẹ ơi, chúng con rét quá! Rét quá! Chim mẹ âu yếm dỗ dành con: – Nín đi các con của mẹ, nằm sâu vào hốc cây để mẹ che cho. Rồi chim mẹ xòe đôi cánh bé nhỏ, mỏng manh của mình che cho con, mặc cho mưa phả vào người làm ướt sũng bộ cánh màu nâu bạc vì vất vả. Gió rít làm cho cái cây có hốc nhỏ nơi mẹ con chim sẽ trú nghiêng ngả. Mỗi lần như thế chim mẹ lại suýt rơi xuống đất. Ngoài trời, mưa vẫn rơi, gió vẫn gào thét ghê rợn. Chúng chẳng mấy may thương tình mẹ con chim sẽ đang run rẩy. Nhưng chúng càng điên dại bao nhiêu, tấm lòng chim mẹ thương con lại càng tăng lên bấy nhiêu. Chim mẹ đã làm thế với tất cả tình yêu thương mẫu tử của mình. Trong lòng mẹ, lũ chim con vẫn khô lông và không rét run như chim mẹ. Nghe gió rít mưa rơi ở ngoài chúng nó càng thương mẹ. Cứ nghĩ đến cảnh mẹ nó bị ướt, lạnh mà đàn con trào nước mắt. Không rét mà chúng nó cứ khóc tì tì trong lòng vì thương mẹ. - Gần sáng lũ chim con nhao nhao lên vì đói, trời vẫn mưa to, - Chim mẹ dặn dò các con bay đi kiếm mồi (HS tưởng tượng: chim mẹ mệt mồi vừa bay đi vừa nghĩ đến tình cảnh đói của các con; những nguy hiểm chim mẹ gặp phải trên đường đi kiếm mồi; trời tối không nhìn thấy rõ, mưa gió, không có thức ăn....được sự giúp đỡ của những con vạc đi kiếm ăn đêm, chim mẹ đã mang được mồi về cho lũ con...). - Tưởng tượng về lũ chim con được mẹ cho ăn; cảnh vật sau cơn mưa gió (...biết không thể chinh phục nổi tầm lòng cao cả của chim mẹ, và cũng đã mệt rã rời, gió mưa đành phải rút lui. Những lá cây được nước mưa tắm gội nên xanh bóng. Các bụi cây um tùm thấp lùn nằm bẹp xuống. Dưới đất, lá vàng rụng xuống thành một lớp dày. Lúc này, chim Mẹ đã mệt rã rời. Nó gục xuống lưng con thiếp đi. Mặt trời từ từ nhô lên sau đỉnh núi phía đông. Bầu trời thoáng sáng xanh thẫm. Mọi vật sung sướng đón chào những ánh nắng ấm áp. Cây cối trong khu rừng xào xạc chào mừng ông mặt trời. Khi đã lên cao, ông mặt trời phóng tầm mắt nhìn ra mọi nơi, thấy trong hốc cây có hai mẹ con chim sẽ đang nằm đó. Chim mẹ xơ xác, ướt sũng. Nghĩ đến trận mưa đêm hôm qua, ông mặt trời bồi hồi xúc động. Ông liền tỏa ra tia nắng ấm áp nhất, dịu hiền nhất vào gốc cây. Như có một sức mạnh, mẹ con chim sẽ liền tỉnh dậy. Thấy ánh nắng ấm áp của mặt trời, chim con vui mừng nói với mẹ: – Mẹ ơi! Ra sưởi nắng nào! Một ngày mới bắt đầu rồi! Chim mẹ né mình cho đàn chim con ra sưởi nắng. Chim mẹ cũng gượng dậy bước ra khỏi cây đứng nhìn mọi vật. Chim con bay ra. Nó sung sướng liệng trên bầu trời trong xanh chan hòa ánh nắng vài vòng. Rồi đàn chim con đậu trên cành cao cây bồ đề rìa lông, rìa cánh. Nó cất tiếng hót líu lo chào ông mặt trời rực rỡ. Cuối cùng, một con chim liệng một vòng đậu xuống chạc cây với mẹ, miệng nói:	8,0
--	---	-----

	– Mẹ ơ! Hôm nay là ngày sung sướng nhất của chúng con. Chị Mùa Xuân sắp đến rồi. Vui quá! 3. Kết bài: Tình yêu thương, sự vui sướng, hạnh phúc của chim mẹ. (Chim mẹ âu yếm nhìn con, lòng lâng lâng một niềm vui khó tả. Nó gật đầu sung sướng đến trào nước mắt.)	1,0
Câu 2	A. Về kĩ năng: Học sinh biết cách làm bài văn, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; văn viết mạch lạc, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu. B. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:	8,0
	1. Giới thiệu được câu chuyện và vấn đề nghị luận 2. Phân tích, bàn luận mở rộng vấn đề - Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện, những chi tiết chính của truyện về hai nhân vật người mẹ và người con. - Đánh giá cách nhìn, sự suy nghĩ của con về hình thức bên ngoài của mẹ: với con người và sự vật nói chung: không nên đánh giá ở vẻ bề ngoài mà cần tìm hiểu bản chất, cái sâu xa của chúng, không nên vội vàng đánh giá khi chưa hiểu hết, hiểu toàn diện sự vật đó. - Những suy nghĩ của người con về mẹ có những thay đổi khi em biết vết sẹo của mẹ là vì cứu mình thoát chết... - Tình cảm và đức hy sinh cao đẹp của người mẹ dành cho con: phân tích ý nghĩa hành động của người mẹ khi xông vào lửa để cứu con trai. - Suy nghĩ của con + Biết sống sao cho xứng đáng với tình mẹ. + Cần biết đón nhận, cởi mở với mẹ của mình để tạo điều kiện cho sự thấu hiểu của con. + Biết tôn trọng và khắc ghi công ơn mẹ. 3. Bài học liên hệ, kết thúc vấn đề	1,0 6,0 10

ĐỀ BÀI

Câu 1 (5 điểm): Cảm nhận của em về vẻ đẹp của tiếng hát người mẹ trong đoạn thơ sau:

“Mẹ mang về tiếng hát
 Từ cái bóng cái bang
 Từ cái hoa rất thơm
 Từ cánh cò rất trắng
 Từ vị gừng rất đắng
 Từ vết lấm chưa khô
 Từ đầu nguồn cơn mưa
 Từ bãi sông cát vắng.”

(Chuyện cổ tích về loài người- Xuân Quỳnh)

Câu 2 (5 điểm): Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện sau:

TRÁI TIM NÀO ĐẸP NHẤT?

Một chàng trai đứng giữa thị trấn tuyên bố trái tim mình đẹp nhất vì nó chẳng có tí vết hay rạn nứt nào. Đám đông cho rằng đó là trái tim đẹp nhất. Một cụ già xuất hiện và nói rằng trái tim mình đẹp hơn. Chàng trai và mọi người ngắm trái tim đang đập mạnh mẽ, đầy sẹo lồi chồm, rãnh khuyết,...Anh khẳng định trái tim mình hoàn hảo, còn của cụ chỉ là những mảnh vỡ và nhiều vết cắt. Cụ già nói:

- Mỗi vết cắt trong trái tim tôi tượng trưng cho một người tôi yêu...Tôi lấy một phần trái tim mình trao cho họ, thường họ cũng trao một phần tim của họ để tôi lấp vào. Nhưng những phần tim chẳng hoàn toàn giống nhau: cha mẹ trao cho tôi phần lớn hơn tôi trao cho họ, ngược lại với phần tim của tôi và con cái tôi. Không bằng nhau nên chúng tạo nên những vết sần sùi mà tôi luôn yêu mến. Thỉnh thoảng tôi trao

phần tim của mình nhưng không nhận được gì nên tim có vết khuyết. Dù đau đớn nhưng tôi luôn hy vọng ngày nào đó những rãnh khuyết sẽ được bù đắp...

Những giọt nước mắt lăn dài trên má, chàng trai bước tới, lấy một phần trái tim mình trao cho cụ. Cụ cũng lấy một phần trái tim đầy vết sẹo trao cho chàng trai. Chúng vừa nhưng không hoàn toàn khớp, tạo nên những đường lờm chờm trên trái tim chàng trai. Trái tim anh không còn hoàn hảo nhưng lại đẹp hơn bao giờ hết...

(Phỏng theo *Quà tặng cuộc sống*, báo Tuổi trẻ, NXB Trẻ, 2004)

Câu 3 (10 điểm): Trên đường chúng ta lớn khôn và trưởng thành có biết bao con đường mang nhiều ý nghĩa. Hãy tả lại một con đường đã để lại trong em những cảm nhận sâu sắc nhất

II. Đáp án và thang điểm:

Câu	Nội dung	Điểm
1	- HS phát hiện biện pháp điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, liệt kê - HS cảm nhận được vẻ đẹp trong lời ru, tiếng hát của mẹ. Lời ru của mẹ thật giản dị nhưng vô cùng thiêng liêng, ý nghĩa; chất chứa trong đó vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời, của cuộc sống con người và cả tình yêu bao la của mẹ. Nhờ đó, đứa trẻ có thể cảm nhận đầy đủ về tình mẹ, về thế giới phong phú xung quanh để thêm yêu mẹ, thêm yêu cuộc đời.	1,5 3,5
2	- Hình thức: Là đoạn văn hợp lí (khoảng 10 câu), các câu hướng về chủ đề chung thống nhất và có sự liên kết chặt chẽ.	1
	- Nội dung: Nêu suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện. Cần đảm bảo ý cơ bản sau: + Truyện ngắn gọn thể hiện quan niệm về vẻ đẹp hoàn mĩ của con người, vẻ đẹp ấy không phải là sự đầy đặn, tròn trịa, không tì vết của hình thức mà nó là vẻ đẹp của nội tâm, có thể ẩn giấu sau một hình hài xấu xí. Cái đẹp là sự trao ban tình yêu thương cho người khác, là sự hi sinh. + Truyện cũng đề cập đến sức mạnh của tình yêu thương, tình yêu thương có tác dụng cảm hóa con người, lay động trái tim của con người khiến cho những ai ích kỉ, vô cảm, thờ ơ, lạnh lùng với những người xung quanh cũng trở nên biết yêu thương, biết chia sẻ.	2 2
3	* Yêu cầu: - HS nắm chắc kiến thức và kĩ năng làm bài văn miêu tả. Đối tượng tả là một con đường có ý nghĩa sâu sắc đối với bản thân, có thể là con đường đến trường, con đường về quê, con đường tiễn cha (mẹ) đi công tác, con đường đi du lịch, tham quan... - Kết hợp miêu tả với tự sự, biểu cảm, nêu suy nghĩ. - Bố cục hoàn chỉnh, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi.	
	* Dẫn bài: Học sinh có thể làm theo các ý sau Mở bài: - Giới thiệu con đường định tả - Cảm xúc, suy nghĩ khái quát về con đường.	1
	Thân bài: - Giới thiệu lí do miêu tả. - Miêu tả khái quát con đường - Miêu tả cụ thể cảnh vật trên con đường, kết hợp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ: cảnh vật thiên nhiên, phố xá, hàng quán, người xe qua lại...	8
	Kết bài: - Khẳng định ý nghĩa của con đường đối với bản thân. - Nêu mong ước	1

Câu 2 (10 điểm): Cho câu chuyện sau:

Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn

Mùa xuân đất trời đẹp, Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én đưa ra rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô, Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, trời đất gợi cảm, cỏ hoa vui tươi. Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man, Mèn ta chợt nghĩ bụng, ờ hay việc gì ta gánh hai con Én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quẳng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm, Mèn há mồm ra. Và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Đoàn Công Lê Huy, mục Trò chuyện đầu tuần của báo Hoa học trò)

Hãy viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy cảm nhận cách sống của các nhân vật trong câu chuyện trên?

Gợi ý:

* Về hình thức: Viết đoạn văn khoảng nửa trang giấy. Đảm bảo kết cấu 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. Văn viết trôi chảy...
* Về nội dung: HS có thể đưa ra những cảm nhận khác nhau, về cơ bản có thể hướng đến những cảm nhận sau: - Câu chuyện đưa ra hai lối sống đối lập nhau của hai nhân vật: Dế Mèn và hai con Chim Én: + Chim Én: sống một cách sống chia sẻ, quan tâm, nhân hậu bao dung... Chúng thấy Dế Mèn tội nghiệp, thơ thẩn bên cửa hang và muốn cho Dế Mèn cảm nhận được vẻ đẹp của đất trời, vạn vật cỏ cây khi xuân đến. Xuất phát từ ý nghĩ đó chúng đã đưa ra sáng kiến “ hai con Én nhỏ ngậm đầu ngọn cỏ, còn Dế Mèn ngậm vào giữa”. Theo cách này, Dế Mèn đã được tận hưởng cả bầu trời bao la. + Dế Mèn: lối sống toan tính, ích kỉ, hẹp hòi... Vì nó muốn tận hưởng bầu trời của riêng mình, vì nó tính toán việc gì ta gánh hai con Én này trên vai cho mệt nhỉ nên cuối cùng nó rơi vèo như một cái lá... - Với cốt truyện giản dị, mượn các con vật mà tác giả đã đưa ra bài học ngụ ngôn về cách sống đối lập nhau của các con vật, hay rộng ra chính là hai kiểu người trong xã hội. - Từ đó rút ra bài học của riêng mình.

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu

NHỮNG QUẢ BÓNG BAY

Một cậu bé da đen đang chơi đùa trên bãi cỏ. Phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ tím vàng và có cả màu đen nữa.

Cậu bé nhìn khoải chí, chạy tới chỗ người đàn ông, hỏi nhỏ:

- Chủ ơi, những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ ?

Người đàn ông quay lại, bắt giắc giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má. Ông chỉ lên đám bóng bay lúc này chỉ còn những chấm nhỏ và trả lời cậu bé:

- Những quả bóng màu đen kia cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác, và cháu cũng vậy.

Cậu bé nở nụ cười rạng rỡ cảm ơn người đàn ông.

Màu đen, màu vàng, màu đỏ....cho dù là màu gì thì cũng đều là quả bóng.

(Nguồn Internet)

Câu 1 (1.0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu.

Câu 2 (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về hình ảnh *Những quả bóng bay* trong câu chuyện?

Câu 3 (2.0 điểm): Câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4 (2.0 điểm): Câu chuyện muốn gửi tới chúng ta thông điệp gì ?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm):

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện: *Những quả bóng màu đen kia cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác, và cháu cũng vậy.*

Câu 2 (10.0 điểm): Sau cái chết của Dế Choắt, Dế Mèn đã có những ngày tháng phiêu lưu đầy mạo hiểm nhưng cũng hết sức thú vị. Tuy vậy, bài học đường đời đầu tiên sau sự việc xảy ra với Dế Choắt vẫn ám ảnh Dế Mèn.

Em hãy đóng vai nhân vật Dế Mèn, tưởng tượng và kể lại cuộc nói chuyện của Dế Mèn và Dế Choắt nhân

HƯỚNG DẪN CHẤM**II. Đáp án và thang điểm:**

Câu	Nội dung	ĐIỂM
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		
1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.	1.0
2	<i>Những quả bóng bay</i> trong câu chuyện là hình ảnh ẩn dụ cho những con người trong cuộc sống, mỗi người có đặc điểm, hình thức và phẩm chất, năng lực khác nhau, ai cũng có thể thành công, bay cao và vươn xa, điều đó làm nên sự đa dạng, phong phú, muôn màu của cuộc sống.	1.0
3	Câu trả lời của người đàn ông trong câu chuyện có ý nghĩa: Bạn là quả bóng màu gì không quan trọng. Quan trọng là bạn có những tố chất tốt đẹp của quả bóng để được bay thật cao, thật xa. Giá trị của mỗi cá nhân được nhìn nhận từ bên trong chứ không phải ở những thứ phù phiếm bên ngoài.	2.0
4	Thông điệp mà câu chuyện gửi gắm: <i>Niềm tin vào khả năng, năng lực bên trong của con người.</i>	2.0
Phần II. TẠO LẬP VĂN BẢN		
1	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận.</i>	0.25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i>	0.25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng.</i> Có thể trình bày theo định hướng sau: - Ngoại hình, hình thức chỉ là cái bên ngoài, không thể quyết định được năng lực, phẩm chất bên trong. Con người dù thuộc giống nòi nào, mang đặc điểm, hình dáng ra sao thì đều có trí tuệ và nhân phẩm. Con người phải vượt qua sự khác biệt về xuất thân, giống nòi hay ngoại hình, tin tưởng vào khả năng thực sự bên trong của mình thì mới có thể bay cao, bay xa. Phẩm chất và năng lực mà con người có được mới làm nên thành công thực sự.	1.0
	- Biết vượt lên mặc cảm tự tin về bản thân để chiến thắng được những thử thách trong cuộc sống. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).	1
	- Tuy nhiên, trong cuộc sống này, vẫn có những kẻ lợi dụng sự khác nhau về hình thức để tạo ra khoảng cách, tạo ra sự phân biệt chủng tộc, hoặc tự tin quá mức vào bản thân, trở nên kiêu ngạo, coi thường người khác. Những con người ấy đáng bị lên án, phê phán.	0.5
	- Nhắc nhở chúng ta sự tự tin vào bản thân.	0.5
	d. <i>Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.</i>	0.25
	e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25
2	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự.</i>	0.25
	b. <i>Xác định đúng kiểu loại VB, chọn ngôi kể, lời kể phù hợp.</i>	0.25
	c. <i>Vận dụng kiến thức về văn tự sự để chuyển vai kể một câu chuyện theo tưởng tượng.</i> Thí sinh có thể giải quyết theo hướng sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: thời gian, khung cảnh, các nhân vật tham gia. (Học sinh có thể sáng tạo ra một tình huống để giới thiệu về câu chuyện được kể)	1.

	2. Thân bài: Đây là một đề văn mở, yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức về văn tự sự để chuyển vai kể một câu chuyện theo tưởng tượng vì thế nên sự sáng tạo của học sinh trong việc vận dụng kiến thức đã học với việc liên hệ thực tế vô cùng quan trọng. Đế Choắt tuy là một nhân vật chính trong cuộc nói chuyện tuy nhiên là một nhân vật không còn tồn tại. Học sinh có thể sáng tạo thêm các nhân vật khác cùng tham gia vào câu chuyện cho sinh động, hấp dẫn... - Kể lại cuộc nói chuyện giữa Đế Mèn và Đế Choắt kết hợp việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên xung quanh qua đó bộc lộ cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ của Đế Mèn: - Đế Mèn nhắc lại chuyện cũ đã gây ra với Đế Choắt: bài học đường đời đầu tiên đầy ắp ắp, hối hận. - Đế Mèn kể cho Đế Choắt nghe những tháng ngày phiêu lưu mạo hiểm với những chiến tích và những thất bại của mình cùng những người bạn khác. - Tâm sự về những dự định trong tương lai của Đế Mèn và những lời hứa hẹn với Đế Choắt.	6.0
	3. Kết bài: Tình cảm, lời nhắn nhủ của Đế Mèn: - Bài học về sự gắn bó, yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. - Kêu gọi niềm đam mê nhiệt huyết của tuổi trẻ khám phá cuộc sống, khám phá thế giới xung quanh.	1.5
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, suy nghĩ mới mẻ.	0.25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25

ĐỀ BÀI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm):

Đọc kĩ đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu phía dưới

“... Đi qua thời ấu thơ

Bao điều bay đi mất

Chỉ còn trong đời thật

Tiếng người nói với con

Hạnh phúc khó khăn hơn

Mọi điều con đã thấy

Nhưng là con giành lấy

Từ hai bàn tay con.”

(“Sang năm con lên bảy” - Vũ Đình Minh)

Câu 1 (1.0 điểm): Xác định thể thơ của đoạn thơ trên.

Câu 2 (1.0 điểm): Từ “đi” trong câu thơ “Đi qua thời thơ ấu” được hiểu theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 3 (2.0 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ có trong đoạn thơ mà em thích nhất.

Câu 4 (2.0 điểm): Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già tuổi ấu thơ?

II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm): Từ việc hiểu nội dung đoạn thơ phần đọc hiểu ở trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Em sẽ trả lời cha như thế nào khi có người cha dặn dò mình như thế?

Câu 2 (10.0 điểm):

Đọc đoạn thơ sau:

“Mầm non vừa nghe thấy

Vội bật chiếc vỏ rơi

Nó đứng dậy giữa trời

Khoác áo màu xanh biếc.”

(“Mầm non” - Võ Quảng)

Dựa vào ý đoạn thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy nhập vai là mầm non kể lại cuộc đời mình khi bị một số bạn học sinh cổ tình giẫm đạp lên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	YÊU CẦU	ĐIỂM
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		6.0
1	Thể thơ: Ngũ ngôn (5 chữ).	1.0
2	Từ “đi” trong câu thơ “ <i>Đi qua thời thơ ấu</i> ” được hiểu theo nghĩa chuyển.	1.0
3	- HS chỉ ra được một biện pháp có trong đoạn trích. + Có thể là ẩn dụ: “<i>Đi qua thời ấu thơ/ Bao điều bay đi mất.</i>” <i>Bao điều</i> là ẩn dụ cho sự vô tư, ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên và cả những giận hờn, những đòi hỏi vô lí của tuổi thơ. + Có thể là hoán dụ: “<i>Nhưng là con giành lấy/ Từ hai bàn tay con.</i>” <i>-> Bàn tay</i> là hình ảnh hoán dụ đã thay thế cho công sức, lao động, trí tuệ, khối óc của con người.	0.5
	- Tác dụng: + Giúp con hiểu lời dặn dò khuyên nhủ của người cha một cách cụ thể, sâu sắc hơn. + Làm cho lời dặn dò của người cha thêm gần gũi mà ý nghĩa sâu xa, xuất phát từ lòng yêu thương con sâu nặng. + Cách diễn đạt của người cha có hình ảnh, tinh tế, lắng sâu.	1.5
4	Điều mà người cha muốn nói với con qua đoạn thơ: - Khi lớn lên và từ già thời thơ ấu, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Để có được hạnh phúc, con phải vất vả khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. - Nhưng hạnh phúc của con giành được trong cuộc đời thực sẽ thật sự là của con (do chính công sức lao động và khối óc của con làm ra), sẽ đem đến cho con niềm tự hào, kiêu hãnh.	1.0
PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN		14.0
1		4.0
	a. Đảm bảo thể thức đoạn văn, số dòng quy định	0.5
	b. Xác định đúng nội dung đoạn văn: Trả lời được sự dặn dò khuyên nhủ của người cha.	0.5
	c. Nội dung: Đây là câu hỏi mở, tùy sự lựa chọn câu trả lời của học sinh, miễn là hợp lí. Sau đây là định hướng:	
	- Con cảm nhận và thấu hiểu lời dặn dò khuyên nhủ của người cha, tuy giản dị mà sâu sắc, xuất phát từ lòng yêu thương con sâu nặng.	0.5
	- Vì vậy, con sẽ ghi nhớ suốt đời và thực hiện lời cha ngay từ lúc từ già tuổi ấu thơ và trong từng việc nhỏ nhất hàng ngày.	0.5
	- Con sẽ không còn quá vô tư hồn nhiên, giận hờn vô cớ hay sống dựa dẫm, ỷ lại cha mẹ nữa mà sẽ tự lập.	0.5
	- Con sẽ suy nghĩ và hành động chín chắn hơn, mạnh mẽ hơn để vượt qua những khó khăn, gian nan thử thách bằng bàn tay và khối óc của chính mình để dành lấy niềm hạnh phúc tự mình tạo ra.	0.5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề của câu trả lời.	0.5
	e. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5
2		10.0
	a. Đảm bảo bài văn có cấu trúc 3 phần, văn phong trong sáng, từ ngữ được dùng gọi hình, gọi âm thanh và có sức biểu cảm.	1.0

b. Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau song phải biết dựa vào phần gợi dẫn của đề. Sau đây là định hướng các ý cơ bản:	
b1. Mở bài: Mầm non giới thiệu về bản thân và hoàn cảnh.	1,0
b2. Thân bài: (Dựa vào ý thơ trên: Mầm non như một con người, nó biết lắng nghe những rung động của cuộc sống vui tươi. Nó mang trong mình sức sống căng tràn. Và nó lớn lên yêu đời, lạc quan, đường hoàng (nó đứng đây giữa trời). - Mầm non kể lí do bị một số bạn học sinh giễu đáp ? Tình huống như thế nào ? - Lời kể của mầm non về lợi ích của mình đối với môi trường sống, con người. - Tâm trạng đau đớn, xót xa khi mầm non bị thương và oán trách những hành vi nhảm tâm phá hoại môi trường, hủy hoại cây xanh của một số học sinh. - Lời nhắc nhở và mong muốn của mầm non với một số bạn học sinh nói trên nói riêng và con người nói chung.	
b3. Kết bài: Rút ra bài học cho bản thân và mọi người về ý thức trồng, chăm sóc cây xanh, bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.	1,5
c. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.	1,5
d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	1,5
TỔNG ĐIỂM	20.0

Câu 2: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Và se sẽ bước nhỏ
Mùa thu đến nhà em
Nắng mắc võng qua thềm
Bưởi đánh đu ngoài ngõ”.
(“Mùa thu” - Mai Văn Hải)

* Hình thức: - Viết bài văn ngắn, kiểu bài cảm thụ tác phẩm văn học. - Hình thức trình bày sạch đẹp, bố cục đầy đủ, chặt chẽ, văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi dùng từ, diễn đạt, ngữ pháp...
* Nội dung: Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo những nội dung sau:
Mở bài: - Giới thiệu chung về đoạn thơ: cảm nhận tinh tế của Mai Văn Hải về mùa thu. - Trích dẫn đoạn thơ.
* Thân bài: - Chỉ ra các giá trị nghệ thuật và phân tích tác dụng: + Hai câu đầu: Nghệ thuật nhân hóa kết hợp từ láy “se sẽ” khiến ta cảm nhận mùa thu nhẹ nhàng, ngập ngừng bước đi. Mùa thu đến nhà em một cách nhẹ nhàng, tự nhiên. Câu thơ gợi không khí dịu dàng sâu lắng của mùa thu. + Hai câu sau: Hình ảnh nhân hóa “nắng mắc võng” và “bưởi đánh đu” ta hình dung được sự vật tiêu biểu của mùa thu. Mùa thu như có tâm hồn, có tình cảm gắn bó với con người... + Cảnh thiên nhiên mùa thu đẹp, tinh tế gợi cảm, gần gũi, thanh bình. + Tác giả là người yêu thiên nhiên say đắm, rộng hơn là yêu quê hương đất nước nông thôn.
* Kết bài: - Khẳng định lại vẻ đẹp của mùa thu trong thơ Mai Văn Hải. - Liên hệ về tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước của bản thân.

ĐỀ BÀI:

I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (8,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

“Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

Những ai đã khuất

Những ai bây giờ

Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại

Dặn dò con cháu chuyện mai sau

Hằng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ...”

(Trích *Đất nước*, Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 1 (1,0 điểm). Tìm hai từ Hán Việt trong đoạn thơ trên?

Câu 2 (3,0 điểm). Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “đồng bào”. Lí giải nguồn gốc của từ “đồng bào” từ câu chuyện “*Con Rồng cháu Tiên*” (Ngữ văn 6, tập I)

Câu 3 (4,0 điểm). “Uống nước nhớ nguồn” là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta. Đạo lí ấy vẫn được thể hiện trong đời sống hiện nay như thế nào, em hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng từ 12 đến 15 dòng.

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (12,0 điểm)

Trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, em đoạt giải cao. Phần thưởng bố mẹ dành cho em là một chuyến du lịch thăm thủ đô Hà Nội. Đứng trước Tháp Rùa, nhớ lại *Sự tích Hồ Gươm*, em tưởng tượng mình được gặp và trò chuyện với Rùa Vàng. Hãy ghi lại cuộc gặp gỡ đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN (8 điểm)		
Câu 1	Từ Hán Việt: <i>đoàn tụ</i> , <i>đồng bào</i> (Mỗi từ đúng được 0,5 điểm)	1.0
Câu 2	- Học sinh giải nghĩa từ “ <i>đồng bào</i> ”: cùng một bọc, tức là những người cùng chung một giống nòi, một dân tộc (hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt)	1.0
	- Lí giải từ “ <i>đồng bào</i> ” từ truyện <i>Con Rồng cháu Tiên</i>	
	+ Lạc Long Quân- vị thần miền biển kết duyên cùng Âu Cơ – con gái Thần Nông. Sự đẹp đẽ, tài năng, sức mạnh và tình yêu của họ đã kết tinh trong bọc trứng của Âu Cơ.	1.0
	+ Từ bọc trứng trăm quả của Âu Cơ sinh ra một trăm người con hồng hào đẹp đẽ. Trăm người con này chia nhau theo mẹ, theo cha đến những vùng miền khác nhau lập nghiệp tạo nên các dân tộc khác nhau trên đất nước Việt Nam.	1.0
Câu 3 (4 điểm)	* Yêu cầu về hình thức:	0.5
	- Phần viết có hình thức là một đoạn văn (có hình thức nhiều hơn một đoạn văn trừ 0,5 điểm)	
	- Đảm bảo yêu cầu về lượng (từ 15 đến 20 dòng, ít hoặc nhiều hơn từ 03 dòng trở lên trừ 0,5 điểm)	
	- Chữ viết sạch, rõ, đẹp, không sai chính tả	
	* Yêu cầu về nội dung:	
	<i>Hs có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nếu hợp lý, giám khảo cần trân trọng và vẫn cho điểm tối đa. Dưới đây là một số gợi ý:</i>	
	- Khẳng định nhận định trên là hoàn toàn đúng: Đây là một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc.	1.0
	- Đạo lí này thể hiện sự trân trọng, biết ơn đối với những người đã giúp đỡ mình, với những người có công với dân tộc, đất nước.	1.0
	- Liên hệ bản thân đã thực hiện đạo lí ấy như thế nào và cần phấn đấu để trở thành người có ích cho xã hội.	1.5

II. TẠO LẬP VĂN BẢN		12.0
	* Yêu cầu về hình thức: - Xác định đúng kiểu bài: Văn tự sự - Viết thành bài văn hoàn chỉnh, có bố cục ba phần rõ ràng. - Cần xây dựng được những đối thoại của các nhân vật với lời người kể chuyện - Chữ viết chuẩn chính tả, rõ ràng, dễ đọc.	2.0
	* Yêu cầu về nội dung:	8.0
	- Tạo lập được tình huống gặp gỡ giữa em và Rùa Vàng.	1.0
	- Trong cuộc trò chuyện, học sinh dẫn dắt để Rùa Vàng kể lại những sự việc trong truyện Sự tích Hồ Gươm	
	+ Đức Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm	1.0
	+ Lê Lợi dùng gươm đánh đuổi giặc ngoại xâm	1.0
	+ Lê Lợi hoàn gươm cho Đức Long Quân (<i>Khi kể cần đan xen yếu tố miêu tả, biểu cảm, thêm bớt lời kể nhưng không xa văn bản</i>)	1.0
	- Rùa Vàng nhắc nhở em và mọi người về thực trạng môi trường và những biện pháp nhằm bảo vệ môi trường.	2.0
	* Sáng tạo:	2.0
	- HS có thể tưởng tượng thêm sự việc đảm bảo logic câu chuyện - Có cách kể linh hoạt, đã biết cách kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự - Có cách diễn đạt độc đáo	

ĐỀ BÀI

Câu 1: (5 điểm) Suy nghĩ của em về nội dung mẩu chuyện sau:

“Gia đình nọ rất quý mến ông lão mù nghèo khổ và rách rưới - người hàng tuần vẫn mang rau đến bán cho họ. Một hôm, ông lão khoe: “Không biết ai đã để trước cửa nhà của tôi một thùng quần áo cũ”. Gia đình biết ông lão cũng thiếu thốn nên rất vui: “Chúc mừng ông! Thật là tuyệt!” Ông lão mù nói: “Tuyệt thật! Nhưng tuyệt nhất là vừa đúng lúc tôi biết có một gia đình thực sự cần quần áo đó hơn tôi”

(Phỏng theo Những tấm lòng cao cả)

Câu 2: (12 điểm) Trong mơ em lạc vào thế giới cổ tích kỳ diệu. Ở đó em gặp chàng dũng sỹ Thạch Sanh và chàng đã tặng cho em cây đàn thần. Với cây đàn thần em đã làm được nhiều việc có ích cho cuộc sống. Tưởng tượng và viết lại câu chuyện cổ tích của riêng mình

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1	Học sinh viết đoạn văn nêu được các ý sau:	3.0đ
	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu khái quát nội dung đoạn thơ	0.5
	- Tác giả sử dụng các động từ, tính từ gợi tả để khắc họa đậm nét tư thế hy sinh của Lượm vừa hiện thực, vừa lãng mạn	0.5
	- Lượm ngã xuống trên đồng lúa quê hương, tay nắm chặt bông lúa như muốn níu lấy quê hương, níu lấy tuổi trẻ và sự sống của mình.	0.5
	- Đất quê hương, “lúa thơm mùi sữa” của quê hương như ôm ấp, ru giấc ngủ dài cho Lượm. Linh hồn bé nhỏ và anh hùng ấy đã hóa thân vào quê hương, đất nước	0.5
	- Câu thơ “Lượm ơi, còn không?” được tách thành một khổ thơ riêng như một câu hỏi vừa đau xót, vừa ngỡ ngàng như không muốn tin rằng Lượm đã không còn nữa. Vừa có tác dụng nhấn mạnh, hướng người đọc suy nghĩ về sự còn hay mất của Lượm.	0.5
	- Khẳng định Sự hi sinh của chú bé liên lạc đã trở thành bất tử trong lòng tác giả và mỗi chúng ta.	0.5
2	HS viết đoạn văn hoặc bài văn suy nghĩ về nội dung mẩu chuyện	5.0đ
	Kĩ năng- Trình bày suy nghĩ thành một đoạn văn hoặc bài văn ngắn.	
	- Diễn đạt lưu loát.	1.0
	2, Nội dung	

	Bài viết có thể trình bày theo các cách khác nhau nhưng đại thể nêu được các ý sau:	
	- Đây là câu chuyện cảm động về tình yêu thương, sự quan tâm chia sẻ đối với những người bất hạnh, nghèo khổ. Câu chuyện thể hiện tình thương của gia đình nọ với ông lão mù, nghèo khổ và đặc biệt là tình thương của ông lão với những người khác bất hạnh hơn mình. Đối với ông lão, những bộ quần áo cũ là món quà mà ai đó đã trao tặng cho mình nhưng món quà ấy còn quý giá hơn khi mà ông trao nó cho người khác - những người thực sự cần nó hơn ông. Trong con người nghèo khổ, mù lòa ấy là cả một tấm lòng nhân ái, một tâm hồn trong sáng, cao đẹp. Đối với ông lão, được giúp đỡ người khác như một bất ngờ thú vị của cuộc sống, là niềm vui, niềm hạnh phúc;	1.0
	+ Ngay cả khi phải sống cuộc sống nghèo khổ hay chịu sự bất hạnh thì con người vẫn cần sự quan tâm đến người khác, nhất là những người nghèo khổ, bất hạnh hơn mình.	1.0
	+ Tình thương yêu giữa con người với con người là không phân biệt giàu nghèo giai cấp...	0.5
	Nêu bài học sâu sắc về tình thương:	
	+ Được yêu thương, giúp đỡ người khác là niềm vui, nguồn hạnh phúc, ý nghĩa của sự sống và cách nâng tâm hồn mình lên cao đẹp hơn.	0.5
	+ Đừng bao giờ thờ ơ, vô cảm trước nỗi khổ đau, bất hạnh của người khác và cũng đừng vì nghèo khổ hay bất hạnh mà trở nên hẹp hòi, ích kỷ, sống trái với đạo lý con người: Thương người như thể thương thân.	0.5
	- Xác định thái độ của bản thân: đồng tình với thái độ sống có tình thương và trách nhiệm với mọi người, khích lệ những người biết mở rộng tâm hồn đề yêu thương, giúp đỡ người khác. Phê phán thái độ sống cá nhân, ích kỷ, tầm thường.	0.5
3	Học sinh tưởng tượng và kể được truyện	12.0
	MB - Tạo tình huống dẫn dắt để phát triển câu chuyện	1.0
	TB : Bài văn triển khai các ý sau:	
	Ý 1 : Trong mơ em lạc vào thế giới cổ tích kỳ diệu ở đó em gặp chàng dũng sỹ Thạch Sanh và chàng tặng cho em cây đàn thần	4.0
	- Hoàn cảnh gặp gỡ - Trò chuyện với nhân vật - Hình dáng cử chỉ lời nói của nhân vật - Tâm trạng cảm xúc khi được tặng đàn thần	(1)
	Ý 2 : Với cây đàn thần em đã làm được nhiều việc có ích cho cuộc sống	6.0
	- Giúp đỡ người nghèo - Đồng bào bị thiên tai - Giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn - Giúp đỡ những người bị tật nguyền vì bẩm sinh hay do chất độc da cam - Trừng trị những người độc ác, làm việc phi pháp.... - Ngăn chặn chiến tranh . Tất cả các việc làm đó thành công giống như kết thúc trong truyện cổ tích.	(1)
	KB : Kết thúc cuộc gặp gỡ.	
	- Tâm trạng sự lưu luyến, tiếc nuối - Vui vì làm nhiều chuyện có ích cho cuộc sống	1.0

ĐỀ BÀI

Câu 1.(2,0 điểm): Em hãy xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

Quê hương là con diều biếc

Tuổi thơ con thả trên đồng

Quê hương là con đò nhỏ

Êm đềm khua nước ven sông

(Đỗ Trung Quân, Bài học đầu cho con)

Câu 2.(2.0 điểm)

Bò Câu và Kiến

Kiến đang leo trên cành cây thì sẩy chân rơi xuống suối. Kiến cố hết sức bơi vào bờ. Bò Câu gặp cảnh đó liền động lòng thương, ngâm cọng cỏ thả xuống nước cho Kiến leo lên. Lát sau, một người đi săn giương cung định bắn bò câu. Kiến vội vàng cắn vào gót chân thợ săn. Thợ săn đau điếng, quay cổ lại. Thấy động, bò câu vỗ cánh bay. (Phỏng theo *Ngụ ngôn La-phông-ten*)

Em hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ của mình sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 3. (6,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và hóa thân thành hạt mưa mùa xuân kể chuyện đời mình:

"Mưa mùa xuân xôn xao phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ mềm mại rơi mà như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất... Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những hạt mưa ấm áp trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã đem lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt." (Nguyễn Thị Thu Trang, *Tiếng mưa*)

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
CÂU 1	TIẾNG VIỆT	2.0
	*. Tiêu chí về nội dung:	1.5
	- Chỉ ra được biện pháp tu từ sử dụng trong đoạn thơ: so sánh <i>Quê hương là con diều biếc</i> <i>Quê hương là con đò nhỏ</i>	0.5
	- Phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh + Quê hương gắn liền với những hình ảnh giản dị, gần gũi, nhỏ bé nhưng đẹp đẽ, êm đềm + Đoạn thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc của tác giả.	0.5
	*. Tiêu chí về hình thức:	0.5
	- Viết thành đoạn văn. - Diễn đạt trong sáng, trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...	
CÂU 2	NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	2.0
	*. Tiêu chí về nội dung:	1.5
	Học sinh thể hiện được quan điểm của mình, có lý lẽ thuyết phục. Về cơ bản cần đảm bảo các ý sau:	
	- Cần có tình thương yêu và hành động cụ thể để giúp đỡ người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn	0.75
	- Cần có lòng biết ơn với người đã giúp đỡ mình và có hành động cụ thể để thể hiện lòng biết ơn đó.	0.75
	*. Tiêu chí về hình thức:	0.5
	- Học sinh viết được đoạn văn hoàn chỉnh, chặt chẽ. - Diễn đạt trong sáng, trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt...	
	KỂ CHUYỆN TƯỢNG TƯỢNG	6.0
	1. Tiêu chí về nội dung:	5.0
	a. Mở bài:	0.5
	- <i>Mức tối đa (0,5 điểm):</i> Giới thiệu về mình là hạt mưa mùa xuân... - <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm):</i> Học sinh giới thiệu được mình là hạt mưa mùa xuân, nhưng chưa thật hay, còn mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt. - <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Lạc đề, không đạt yêu cầu, sai cơ bản về kiến thức đưa ra hoặc không có mở bài.	
	b. Thân bài:	4.0
	- <i>Mức tối đa (4,0 điểm):</i> Học sinh biết kể câu chuyện một cách hợp lý, sáng tạo dựa vào đoạn văn; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, văn phong lưu loát, về cơ bản đảm bảo được các ý sau:	

CÂU 3	- Giới thiệu về mùa xuân, hóa thân thành những hạt mưa bé nhỏ, ngây thơ, trong sáng, vô tư, hồn nhiên,...	0.5
	- Mùa đông, ẩn mình trong những đám mây...	0.5
	- Xuân về, theo gió ẩm và những luồng không khí ẩm áp bay đi khắp nơi, tiếp sức cho mặt đất, cỏ cây hoa lá,...	0.5
	- Mặt đất đang kiệt sức cần khô, cây cối trơ trụi, khẳng khiu, cành xám xịt, sông suối khô cạn trơ đáy... bắt đầu biến đổi khi mưa xuống. (Miêu tả cụ thể).	1.0
	- Hóa thân vào màu xanh, vào hoa lá, vào sông suối, đất đai để bắt đầu một cuộc đời mới đầy ý nghĩa.	0.5
	- Xúc động, tự hào...	0.5
	- Gửi lời nhắn nhủ với cây trái, với những bạn mưa mùa xuân của những mùa sau...	0.5
	- <i>Mức chưa tối đa (3,75->0,25):</i> Học sinh kể được diễn biến của câu chuyện một cách sáng tạo nhưng chưa thú vị, hấp dẫn, còn mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu. Căn cứ bài viết cụ thể của học sinh để giám khảo đưa ra các mức điểm phù hợp.	
	c. Kết bài: - <i>Mức tối đa (0,5 điểm):</i> Học sinh nêu được cảm nghĩ về cuộc đời được cống hiến, được hóa thân... - <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm):</i> Kết bài còn sơ sài, chưa biết liên hệ bản thân hoặc còn mắc một số lỗi về diễn đạt, dùng từ, chính tả.	0.5
	2. Tiêu chí về hình thức:	1.0
	a. Hình thức - <i>Mức tối đa (0,5 điểm):</i> Học sinh viết một bài văn với đủ bộ cục ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài; các ý trong phần thân bài được sắp xếp hợp lí, chữ viết rõ ràng, có cảm xúc, sáng tạo trong cách kể chuyện, không mắc lỗi về từ, câu; chuẩn chính tả, diễn đạt lưu loát. - <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm):</i> Học sinh đạt được các yêu cầu trên song chưa thật sáng tạo trong cách kể, lời văn thiếu cảm xúc, còn mắc lỗi về dùng từ, diễn đạt, viết câu, chính tả. - <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Học sinh chưa hoàn thiện bộ cục bài viết hoặc thiếu ý trong bài, sắp xếp chưa khoa học, chưa biết tách đoạn, chữ viết xấu, không rõ ràng, mắc nhiều lỗi chính tả.	0.5
	b. Sáng tạo - <i>Mức tối đa (0,5 điểm):</i> Học sinh đạt được các yêu cầu như có được ý kiến riêng hợp lí mang tính cá nhân về một nội dung cụ thể nào đó trong bài viết; thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt; dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày; sử dụng từ ngữ chọn lọc, biểu cảm. - <i>Mức chưa tối đa (0,25 điểm):</i> Học sinh đạt được 1 đến 2 trong số các yêu cầu trên hoặc học sinh đã cố gắng trong việc thực hiện một số yêu cầu trên nhưng kết quả chưa được tốt. - <i>Mức không đạt (0 điểm):</i> Không tìm thấy sự sáng tạo nào trong bài viết.	0.5

ĐỀ BÀI**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Sáng nay trời đổ mưa rào
 Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
 Cả đời đi gió đi sương
 Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.

Mẹ vui, con có quản gì
 Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca

Rồi con diễn kịch giữa nhà
Một mình con sắm cả ba vai chèo.

Vì con mẹ khổ đủ điều
Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
Con mong mẹ khoẻ dần dần
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.

Rồi ra đọc sách, cấy cày
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...

(Trích Góc sân và khoảng trời, Trần Đăng Khoa, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)

Câu 1. (1,0 điểm): Đoạn trích là lời của ai ? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

Câu 2. (1,5 điểm): Hình ảnh “gió, sương” trong câu thơ “Cả đời đi gió, đi sương” diễn tả ý nghĩa gì ?

Câu 3. (1,5 điểm): Hai câu thơ cuối của đoạn trích sử dụng biện pháp tu từ gì ?

Câu 4. (2,0 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn trích

II. LÀM VĂN (14,0 điểm)

Giữa bộn bề của cuộc sống hiện đại, ta vẫn thấy lấp lánh tỏa sáng những câu chuyện đẹp về tình người, tình đời.

Hãy kể lại một câu chuyện sâu sắc, xúc động về tình người mà em từng trải qua hoặc chứng kiến trong cuộc sống

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		4,0
	1	- Đoạn trích là lời của người con	0,5
		- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5
	2	Hình ảnh “gió sương”: Hình ảnh ẩn dụ diễn tả vất vả, nhọc nhằn, gian khổ của mẹ	1,0
	3	Biện pháp so sánh: Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...	1,0
	4	- Bài thơ diễn tả nỗi niềm suy ngẫm của người con về những nhọc nhằn, lo toan của mẹ. Đồng thời thể hiện tấm lòng yêu thương bao la, sự hi sinh thầm lặng mà cả cuộc đời mẹ dành cho con.	0,5
		- Qua đó gợi nhắc ta phải biết nâng niu tình mẹ, luôn kính trọng, biết ơn mẹ.	0,5
II	LÀM VĂN		14,0
2	Giữa bộn bề của cuộc sống hiện đại, ta vẫn thấy lấp lánh tỏa sáng những câu chuyện đẹp về tình người, tình đời. Hãy kể lại một câu chuyện sâu sắc, xúc động về tình người mà em từng trải qua hoặc chứng kiến trong cuộc sống		10,0
	a.	Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài	0,5
	b.	Xác định được trọng tâm: một câu chuyện xúc động về tình người	0,5
	c.	Triển khai câu chuyện hợp lý, biết kết hợp kể, tả và bộc lộ cảm xúc. Biết đúc kết bài học sâu sắc qua câu chuyện. Sau đây là một số gợi ý: - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện: thời gian, không gian, cảnh vật... - Diễn biến câu chuyện: Hành động, cử chỉ, lời nói, tâm trạng của các nhân vật khi làm việc tốt, khi thể hiện tấm lòng yêu thương với người xung quanh - Kết thúc và ý nghĩa của câu chuyện. Cảm xúc, tâm trạng của người đón nhận hành động yêu thương mà người khác đã trao tặng... (Học sinh có thể xây dựng thêm các chi tiết, sự việc phụ, lời thoại của nhân vật để tạo thêm hấp dẫn)	8,0

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,5
e. Sáng tạo: Có cách kể chuyện sâu sắc, sinh động, diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người kể	0,5

ĐỀ BÀI

I/ ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

CHIỀU XUÂN

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
 Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
 Quán thanh đứng im lìm trong vắng lặng
 Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
 Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ,
 Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ
 Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.
 Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa
 Trong đồng lúa xanh rợn và ướt lặng,
 Lũ cò con cóc cóc vụt bay ra,
 Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
 Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Trong tập **Bức tranh quê**, Anh Thơ, NXB Hội nhà văn, 1995)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2(0,5 điểm).Chép lại ít nhất 04 từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ giúp em nhận rõ cảnh được nói tới là cảnh mùa xuân.

Câu 3 (1,0 điểm). Em hiểu như thế nào về hình ảnh “ cô nàng yếm thắm cúi cuốc cào cỏ ruộng”?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu nhận xét của em về người cha trong câu chuyện trên?

Câu 4(1,0 điểm): Cảnh chiều xuân được tạo bởi ba cảnh, ứng với ba khổ thơ của bài thơ.

Câu 5(1,0 điểm): Dùng ít nhất 04 tính từ (hoặc cụm tính từ) điền vào chỗ trống trong câu văn dưới đây để hoàn chỉnh một lời cảm nhận:

Cảnh chiều xuân dưới ngòi bút của nữ sĩ Anh Thơ rất

II / LÀM VĂN (6,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm). Hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 dòng) miêu tả một vài nét cảnh ở quê hương em mà em ấn tượng nhất. Trong đoạn văn, em có sử dụng ít nhất 02 biện pháp tu từ đã học ở lớp 6. Gạch chân và gọi tên các biện pháp tu từ đó.

Câu 2.(4,0 điểm) Hãy nhập vai Kiều Phương (Truyện **Bức tranh của em gái tôi**, Tạ Duy Anh, Ngữ văn 6, Tập hai, NXB Giáo dục Việt nam, 2016) để kể lại một phần câu chuyện, từ chỗ Kiều Phương “ qua lời giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham dự trại thi vẽ quốc tế” đến hết truyện.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I: ĐỌC – HIỂU		
1	Phương thức biểu đạt : Miêu tả (<i>Chú ý : Chấp nhận cả những bài xác định PTBD : Miêu tả để biểu cảm</i>)	0,5
2	- Ví dụ các từ ngữ/ hình ảnh : <i>Mưa đổ bụi, còm xoan hoa tím rụng, cỏ non tràn biếc cỏ, mấy cánh bướm rập rờn, đồng lúa xanh rợn và ướt lặng</i>	0,5
3	-Hình ảnh “ cô nàng yếm thắm cúi cuốc cào cỏ ruộng” ; Hình ảnh cô thôn nữ trẻ trung, mặc áo yếm màu đỏ đang chăm chỉ làm cỏ trong ruộng lúa. (<i>Chú ý : Học sinh cần giải thích hình ảnh chứ không cần phân tích nghệ thuật</i>)	1,0
4	-Học sinh có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau để chỉ ra ba cảnh trong ba khổ thơ. Sau đây là một gợi ý : 1/ Cảnh chiều xuân trên bến sông. 2/ Cảnh chiều xuân trên đường đê.	1,0

	3/ Cảnh chiều xuân trên đồng lúa.	
5	Học sinh có thể điền những từ khác nhau, <i>miễn sao đó là tính từ (cụm tính từ) và phù hợp với tính chất của cảnh chiều xuân</i> được nói tới trong bài thơ. Sau đây là một số từ có thể điền : thân thuộc, yên bình, yên ả, tĩnh lặng, gợn buồn... (<i>Chú ý:</i> Mỗi từ : 0,25 điểm. Nếu hai từ đồng nghĩa thì chỉ chấp nhận là 01 từ)	1,0
Phần II: TẬP LÀM VĂN		
1	*/ Yêu cầu về hình thức: Viết thành đoạn văn các câu có sự liên kết, đảm bảo độ dài khoảng 15 dòng. Sử dụng và xác định được 02 biện pháp tu từ đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 6. Diễn đạt rõ ràng, chữ viết sạch sẽ không mắc các loại lỗi: chính tả, dùng từ, ngữ pháp. */ Yêu cầu về nội dung: - Miêu tả tập trung vào một (hoặc một số) nét trong cảnh ở quê hương mà mình ấn tượng. Tránh liệt kê trải dài. - Cảnh có thể đẹp hoặc không đẹp. Miễn sao tả chân thực, thể hiện rõ thái độ cảm xúc trong cách miêu tả. (<i>Chú ý :</i> Có những học sinh không xuất phát từ cảnh quê mình để miêu tả mà dựa vào bài thơ trong ĐỌC – HIỂU . Những bài viết này dù có viết tốt cũng không quá 0,5 điểm trong số 1,0 điểm của phần nội dung	1,0
2	1. Yêu cầu về kĩ năng. Biết làm văn tự sự (Kể chuyện sáng tạo dạng thay đổi người kể chuyện dựa trên văn bản có sẵn): Vẫn là kể ở ngôi thứ nhất, nhưng người kể chuyện khác với văn bản gốc. Những sự việc chính vẫn đảm bảo đủ như văn bản gốc nhưng chi tiết phải được nhìn, được cảm nhận để kể phù hợp với góc độ của người kể mới – Nhân vật Kiều Phương. - Có kiến thức vững chắc về văn bản Bức Tranh của em gái tôi của Tạ Duy Anh - Bài văn rõ bố cục. Lời văn có hình ảnh, cảm xúc; diễn đạt lưu loát; không mắc các loại lỗi về chính tả, dùng từ, ngữ pháp và kiến thức. 2. Yêu cầu về kiến thức và cách cho điểm: - Có thể có nhiều cách trình bày những bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản trong hướng dẫn chấm. - Những bài làm có hướng đi khác nhưng phù hợp, thuyết phục vẫn chấp nhận. Đảm bảo cấu trúc của bài tự sự: Có đủ các phần <i>mở bài, thân bài, kết bài</i>; mỗi phần làm đúng nhiệm vụ. Kể đúng đoạn truyện mà đề yêu cầu: Từ chỗ Kiều Phương “qua lời giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham dự trại thi vẽ quốc tế” đến hết truyện. Kể được đầy đủ diễn biến các sự việc chính trong đoạn truyện: Kiều Phương được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế. Kiều Phương trở về với kết quả đạt giải nhất. Kiều Phương cùng bố mẹ và anh trai đi nhận giải. d. Khi kể từng sự việc: Phải phù hợp với điểm nhìn của nhân vật Kiều Phương; có những chi tiết cụ thể bộc lộ sâu được những nét tâm trạng của nhân vật trước những gì mình thấy, mình kể; kết hợp tốt yếu tự sự với chi tiết miêu tả để nâng cao hiệu quả của tự sự. Sau đây chỉ là một vài gợi ý: *Khi được mời tham gia trại vẽ quốc tế: - Vui mừng... - Suy nghĩ về đề tài sẽ tham gia thi vẽ. - Dự định sẽ vẽ anh trai nên hay đề ý những việc anh trai làm. *Khi trở về với kết quả đạt giải nhất - Sung sướng phấn khởi kể những ngày ở trại sáng tác nhưng vẫn giấu bí mật về tác phẩm đạt giải - Bày tỏ tình cảm thân thiết với anh trai - Dù bị anh trai đối xử lạnh nhạt nhưng không để bụng mà vẫn vui vẻ gần gũi anh.	1,0
		0,25
		0,25
		1,0
		0.5
		0.5

	*Khi cùng bố mẹ và anh trai đi nhận giải: - Miêu tả cảnh phòng tranh. Miêu tả bố, mẹ khi xem phòng tranh. Đặc biệt tả thái độ cử chỉ, nét mặt của anh trai khi nhìn thấy bức tranh của mình. - Thăm nói với anh về tình cảm yêu quý của mình dành cho anh.	0,5
	*Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo(ví dụ: Từ ngữ dùng sáng tạo, thứ tự kể sáng tạo...), thể hiện sự am hiểu sâu sắc về nhân vật, tác phẩm gốc và kiểu bài tự sự.	0,5
	*Chính tả, dùng từ, đặt câu: Lưu loát, đúng theo quy tắc Tiếng Việt	0,5

ĐỀ BÀI**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)** Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Ơi con sông ngày nào tôi tắm mát
Gió đu đưa, xào xạc thổi bờ tre
Trời xanh cao soi bóng cả trưa hè
Con cá chép quẫy đuôi khoe sóng nắng.

Sóng dạt dào vỗ xô bờ cát trắng
Bên kia sông thôn nữ tắm nô đùa
Tiếng gõ thuyền đánh cá nhịp nhật thưa
Bác dân chài cũng vừa buông mẻ lưới...

(Trích *Khúc sông quê* của Nguyễn Xuân Trung – nguồn ngày 01/10/2015)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ in đậm. (1,5 điểm)

Câu 4. Đoạn thơ gợi cho em những cảm xúc gì? (1,5 điểm)

PHẦN II. LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1(6 điểm): Ước mơ là những điều tốt đẹp đối với tuổi thơ.

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về điều đó.

Câu 2(10 điểm): Tả dòng sông quê hương em.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)		
1	Biểu cảm	0,5
2	Từ láy: xào xạc, dạt dào	0,5
3	-Biện pháp tu từ : nhân hóa (<i>khoe</i>) - Tác dụng: gợi tả được vẻ đẹp của con cá chép, làm cho hình ảnh con cá trở nên sinh động, có hồn hơn.	0,5 1,0
4	- Đoạn thơ gợi cảm xúc về tình yêu thiên nhiên, yêu dòng sông quê hương, yêu quê hương đất nước...	1,5
PHẦN II. LÀM VĂN (16,0 điểm)		
1	a)HS viết đúng nội dung đoạn văn, đảm bảo số chữ theo qui định.	1,0
	b) Hs có thể triển khai viết theo nhiều cách, sau đây là một hướng gợi ý: - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người khao khát, hướng tới, mong muốn đạt được trong tương lai. Với tuổi thơ, ước mơ lúc nào cũng chứa đầy sự cao đẹp và trong sáng. Nó xuất phát từ sở thích , niềm đam mê nhưng cho dù là kiểu ước mơ nào thì cũng đẹp đẽ và đáng trân trọng . - Với tuổi thơ, ước mơ có tác dụng làm phong phú đời sống tinh thần và nuôi dưỡng những ý nghĩa bay bổng cho các em, có ước mơ giúp các bạn học hành chăm chỉ, rèn luyện tu dưỡng đạo đức tích cực hơn, có kế hoạch, mục tiêu cần đạt được trong cuộc sống; là động lực, là nguồn sống, là điểm tựa để tuổi thơ vươn lên là trạng thái của tâm hồn.	1,5 2,0

	- Cần phải có ước mơ ngay từ nhỏ và biết nuôi dưỡng ước mơ (học tập, rèn luyện...) Cần trân trọng nâng niu và chấp cánh cho những ước mơ đẹp (như ước mơ của cậu bé trên đoạn thơ trên) để biến ước mơ thành hiện thực . (HS có thể trả lời bằng cách khác)	1.5
2	a) Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tả cảnh với đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài	1.0
	b) Xác định đúng đối tượng miêu tả : <i>dòng sông quê hương</i> .	1.0
	c) Triển khai thành bài văn tả cảnh theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; biết sử dụng các từ láy, các biện pháp tu từ, kết hợp các phương thức biểu đạt, ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm, giàu hình ảnh.	1.0
	Hs có thể triển khai theo nhiều cách, sau đây là một hướng gợi ý: - Giới thiệu dòng sông quê hương gắn liền với tuổi thơ	1.0
	- Tả cảnh hai bên bờ sông + Những rặng tre soi bóng dưới dòng sông + Những cánh đồng mênh mông, bát ngát + Những chú trâu đang nhai nhả gặm cỏ + Những thảm cỏ xanh mướt là nơi tụi trẻ con nô đùa	1.0
	- Dòng sông qua các thời điểm + Mùa xuân nước sông trong vắt, dòng sông lững lờ trôi + Mùa hạ nước dâng cao, đục ngầu	2.0
	- Kỉ niệm của bản thân gắn với dòng sông quê + Những buổi cùng bạn bè ra sông tắm mát, mò cua, bắt cá + Ngồi trên lưng trâu thổi sáo cạnh dòng sông + Những lần ngóng mẹ đi chợ từ bên kia bờ sông về	1.0
	- Nêu cảm nghĩ của bản thân: dòng sông quê đã gắn liền với tuổi thơ của em, dòng sông cũng chính là hiện thân cho quê hương	1.0
	d) Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc cảm xúc của người viết.	0.5
	e) Chính tả, dùng từ, đặt câu : đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5

ĐỀ BÀI**PHẦN I (8 điểm)** Có một câu chuyện như sau:*Một chú Lừa sau khi nghe Dế hát liền ngỏ ý muốn theo Dế học hát. Nghe vậy, Dế hỏi:**- Muốn học hát cũng được, nhưng mỗi ngày anh chỉ được uống vài giọt sương thôi!**Thế là chú Lừa làm theo lời Dế, mỗi ngày chỉ uống vài giọt sương. Thế rồi chỉ mấy hôm sau, chú Lừa chết vì đói khát.* (Trích trong **Hạt giống tâm hồn**)

Bày tỏ suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện trên (Trình bày không quá một trang giấy thi)

PHẦN II (12 điểm) Trong bài thơ “*Tiếng gà trưa*”, nhà thơ Xuân Quỳnh viết:*Trên đường hành quân xa**Dừng chân bên xóm nhỏ**Tiếng gà ai nhảy ổ:**“Cục...cục tác cục ta”**Nghe xao động nắng trưa**Nghe bàn chân đỡ mỏi**Nghe gọi về tuổi thơ.*

Dựa vào ý thơ trên, em hãy miêu tả về một thứ âm thanh thân thuộc của mình?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1 (8 đ)	1. Về kĩ năng: (2 điểm) - Viết đúng thể thức của một văn bản ngắn (đoạn văn hoặc bài văn ngắn) và bày tỏ được suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu chuyện. - Bài viết có bố cục rõ ràng, hợp lý, diễn đạt trôi chảy, liên hệ bản thân. Trình bày sạch đẹp, ít sai lỗi về câu, từ, chính tả, diễn đạt.	2,0

Câu 2 (12 đ)	2. Về nội dung: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được yêu cầu sau:	6,0
	* Ý nghĩa câu chuyện - Câu chuyện thông qua hai con vật là chú Lừa và Dế (ẩn dụ) cho chúng ta bài học không nên đua đòi học theo những điều không thuộc sở trường và khả năng của mình. - Nếu vì hứng thú, đua đòi nhất thời mà làm những điều mình hoàn toàn không có khả năng thì hẳn kết quả cũng chỉ như chú Lừa phải đánh đổi cả tính mạng của mình.	2,0
	* Suy nghĩ tại sao không nên đua đòi học theo những điều không thuộc sở trường và khả năng của mình? - Mỗi người có sở thích, năng lực khác nhau,... - Đua đòi theo những điều không thuộc về mình làm mất thời gian, thể hiện không có lập trường, bản lĩnh, nói rộng ra là không có ước mơ, hoài bão,... - Là biểu hiện của lối sống thiếu suy nghĩ,... - Dẫn đến thiếu trách nhiệm, không hiệu quả với những việc mình làm...	2,0
	* Rút ra bài học về cách sống + Nên làm theo những gì thuộc về khả năng của mình. + Đừng làm theo người khác khi mình không có khả năng sở trường về lĩnh vực ấy sẽ chuốc lấy thất bại thảm hại. + Không đồng tình, phê phán với cách sống đua đòi, học và làm theo người khác thì phải suy xét kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định, luôn biết khả năng của mình. + Cần biết năng lực của bản thân để học tập vươn lên, học hỏi hoàn thiện bản thân mình. Xây dựng hoài bão, ước mơ đẹp để theo đuổi...	2,0
	1- Yêu cầu chung: - Bài viết có bố cục rõ ràng, tôn trọng bố cục sáng tạo. Biết tách đoạn hợp lý trong phần thân bài. - Vận dụng tốt kỹ năng viết văn miêu tả như : Xác định đối tượng, trình tự miêu tả, ngôn ngữ, các biện pháp nghệ thuật, năng lực liên tưởng, tưởng tượng. - Lời văn linh hoạt, có cảm xúc. - Nội dung: Miêu tả về một thứ âm thanh (tiếng gà, tiếng trống trường, tiếng gọi, tiếng kèn, tiếng hát, tiếng mẹ ru con...)	3,0
	2- Yêu cầu cụ thể: HS có thể miêu tả theo thứ tự hợp lý, cần có các ý cơ bản sau:	9,0
	a, Mở bài - Giới thiệu về âm thanh quen thuộc: là âm thanh gì, ở đâu ? có điểm gì đặc sắc ? Hoặc giới thiệu tình huống bất gặp âm thanh làm nảy nở cảm xúc để miêu tả đối tượng. - Ấn tượng ban đầu của em về âm thanh đó: Âm thanh quen thuộc, gần gũi với em, với gia đình người thân, quê hương, thôn xóm,...	1,5
	b, Thân bài: Tả theo trình tự hợp lý * Tả, kết hợp hồi tưởng với kỷ niệm gắn với thứ âm thanh ấy... * Tả, kết hợp kể trình tự từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến gần (từ không gian rộng đến từng hạt âm thanh,...) * Bài viết làm nổi bật được tính chất của âm thanh thân thuộc, gắn bó với hoạt động của người miêu tả hoặc những người thân thuộc, làng xóm quê hương, thể hiện được cái nhìn riêng của người miêu tả ở các góc độ, câu văn so sánh, miêu tả, kết hợp với tự sự, bộc lộ cảm xúc. Trong bài văn học sinh cần có những liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo, hợp lý.	6,0
	c, Kết bài Tình cảm, suy nghĩ của người viết về thứ âm thanh	1,5
	*Lưu ý : Ngoài những ý trên, học sinh có thể miêu tả âm thanh một cách sáng tạo dưới hình thức khác (bài thơ, bức thư,...) hoặc có những cách miêu tả riêng, độc đáo cần được trân trọng.	

ĐỀ BÀI

Câu 1: (4,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép so sánh trong bài ca dao sau:

"Trên trời mây trắng như bông,
Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây.
Mây cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thê đội mây về làng ."
(Ngô Văn Phú)

Câu 2: (6,0 điểm).

Đọc thầm câu chuyện sau: "**Câu chuyện về túi khoai tây**" và trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện bằng một bài văn ngắn.

"Vào một buổi học, thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích với mọi người rằng, mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên người đó lên một củ khoai tây rồi cho vào túi nhựa. Chúng tôi thích thú viết tên những người không ưa hay ghét hận rồi cho vào túi. Chỉ một lúc sau, chiếc túi nào của chúng tôi cũng đã căng nặng, đầy khoai tây. Thậm chí có người một túi không chứa hết khoai, phải thêm một túi nhỏ kèm theo.

Sau đó, thầy yêu cầu chúng tôi hãy mang theo bên mình túi khoai tây đó bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào trong thời gian một tuần lễ. Đến lớp thì mang vào chỗ ngồi, về nhà thì mang vào tận giường ngủ, thậm chí khi vui chơi với bạn bè cũng phải đem theo.

Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi đã bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng nề kề bên cạnh. Tình trạng này còn tệ hơn nữa khi những củ khoai tây bắt đầu thối rữa, rỉ nước. Cuối cùng, chúng tôi quyết định xin thầy cho quăng hết số khoai tây ấy đi và cảm thấy thật nhẹ nhàng, thoải mái trong lòng.

Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: "Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm cho chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng cho bản thân mình".

Câu 3: (10 điểm) Bướm và Ong gặp nhau trong một vườn hoa cùng nhau trò chuyện về cách sống của mình. Em hãy kể lại cuộc đối thoại đó theo trí tưởng tượng của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM*** Về hình thức:**

- Trình bày sạch đẹp, rõ ràng, khoa học
- Không sai chính tả, câu gọn, diễn đạt gãy gọn
- Có tách đoạn cho từng phần phù hợp

*** Về nội dung**

Câu	Hướng dẫn chấm	điểm
1	* Phép so sánh trong đoạn trích: - Chỉ ra các phép so sánh được sử dụng trong bài ca dao: (Mỗi ý 0,25) Mây trắng như bông, bông trắng như mây, đội bông như thê đội mây	0,75
	* Phân tích tác dụng:	3,5
	- Mây trắng như bông: Câu mở đầu miêu tả cảnh những đám mây trắng, xốp trời nhẹ nhàng trên bầu trời.	0,5
	- Bông trắng như mây: Cảnh mặt đất: Những "núi" bông nối tiếp nhau như những đám mây bông bênh trắng xốp.	0,5
	- Hai câu ca dao sử dụng 2 phép so sánh tạo sự đối chiếu từ trên trời xuống mặt đất, từ mặt đất đến bầu trời. Cả không gian rộng lớn tràn ngập 1 màu trắng tinh khiết, tuy nhiên 2 phép so sánh tập trung nhấn mạnh 1 vụ mùa bông bội thu.	0,5
	- Trên nền màu trắng của bông và mây, xuất hiện màu đỏ trên sắc má các cô gái, màu đỏ trở nên nổi bật và tràn đầy sức sống, đó chính là vẻ đẹp của người lao động.	0,5

	- Đội bông như đội mây: Hình ảnh con người lao động đang chuyển bông về làng một cách nhanh nhẹn, thanh thoát. Công việc lao động không những không phải là gánh nặng của con người, không đè bẹp con người mà trái lại, như nâng tầm vóc và vẻ đẹp con người, hình ảnh những cô gái đội bông như những nàng tiên nữ xinh đẹp đang bay lượn trong không gian tràn ngập màu trắng đỏ. - Bài ca dao là bài ca về tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương đất nước và trân trọng đối với người lao động.	1,75
		0,5
2	Viết bài văn ngắn bố cục 3 phần, lời văn mạch lạc, biểu cảm	
	a, Mở bài: Khẳng định ý nghĩa lòng vị tha và giới thiệu câu chuyện	0,5
	b, Thân bài: * Tóm tắt mẩu chuyện: - Câu chuyện kể về việc thầy giáo yêu cầu các em học sinh luôn mang theo bên mình túi khoai tây có ghi tên những người các em ghét, giận trong một tuần	0,5
	- Chỉ trong một thời gian ngắn các em thấy khó chịu về việc đó và xin thầy cho phép bỏ các túi khoai ấy đi.	0,5
	* Ý nghĩa câu chuyện: - Trong câu chuyện trên, khi quảng được số khoai tây nặng nề, rỉ nước đầy tên những người mình không ưa hay giận ghét, ai cũng thấy nhẹ nhõm trong lòng. - Tha thứ cũng vậy, người được tha thứ vui mừng đã đành, người tha thứ cũng chút bỏ được hận thù, thấy tâm hồn mình thanh thản nhẹ nhàng. Như thế phải chăng đó là một món quà quý giá, tốt đẹp mà chúng ta đã dành tặng cho bản thân chúng ta.	2,0
	* Bài học rút ra cho bản thân: - Không nên ghi nhớ thù hận người khác. Cần biết tha thứ để có một tâm hồn nhẹ nhõm thanh cao. (1,0) - Đừng để mất đi sự ấm cúng, tương hỗ trong quan hệ giữa con người với con người. Tha thứ là điều dễ dàng nhất chúng ta có thể làm trên thế giới này. Hãy quý trọng những điều mình có, đừng nhân thêm nỗi đau hay giữ khư khư lòng vị tha mà không chịu ban phát. (1,0)	2,0
	c, Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của lòng vị tha, cần biết tha thứ cho người khác.	0,5
3	1. Yêu cầu về kĩ năng và hình thức - Xác định đúng kiểu kể chuyện tưởng tượng - Viết bài phải có bố cục rõ ràng, mạch lạc - Trình bày sạch đẹp, câu chữ rõ ràng, hành văn giàu cảm xúc, câu từ chính xác, gọn.	
	2. Yêu cầu về nội dung a) Mở bài Giới thiệu về mục đích kể câu chuyện	1,0
	b) Thân bài Kể sáng tạo do tưởng tượng của học sinh, cần làm nổi bật được các ý:	8,0
	- Bướm đang xập xòe bay lượn nhón nhơ trong vườn hoa, bỗng gặp chú Ong cặm cũi hút mật nhụy hoa.	1,0
	- Bướm tự hào về đôi cánh đẹp trời cho nên cảm thấy hạnh phúc, tha hồ vui chơi, du ngoạn trong bộ áo lông lẩy.	1,0
	- Ong không đồng ý về cách sống của Bướm. Theo Ong, cuộc sống phải đem lại cho đời một cái gì có ích, những dòng mật ngọt chữa trị bệnh, nuôi con người...	1,0
	- Bướm cho rằng cuộc sống của Ong có ích nhưng gò bó, vất vả. Dòng họ nhà Ong không được tự do, mỗi lần đi về phải giữ đúng nguyên tắc, không được quên cửa nhả nhà, chân không có phần hoa thì không được vào tổ....	1,0

- Ong không có nhiều thời gian để tiếp chuyện Bướm bay đi tìm mật. Trước khi bay đi Ong đã nhả nhủ với Bướm: Sống ở trên đời phải sống sao cho xứng đáng .. Nói xong Ong bay đi, bỏ lại Bướm rong chơi.	1,0
- Cần có lời đối thoại giữa các nhân vật. Xen miêu tả và kể hợp lí.	3,0
c) Kết bài: Suy nghĩ và bài học rút ra từ câu chuyện	1,0đ

ĐỀ BÀI**Câu 1(2,5 điểm):** Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới**CON SẾ**

Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sế non mập vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.

Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sế già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sế già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.

Sế già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sế con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.

Con chó của tôi dừng lại và lùi... Đường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bơi rồi đẩy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.

Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sế bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.

Theo I. Tước-ghê-nhép

a/ Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

b/ Câu chuyện được kể theo ngôi thứ mấy?

c/ Xác định cụm danh từ trong các câu văn sau và gạch chân dưới phần trung tâm của cụm danh từ đó
 “Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sế già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó.”

d/ Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?

Câu 1	Học sinh trả lời đúng các yêu cầu đề:
a/ Phương thức biểu đạt chính của văn bản là tự sự.	
b/ Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất.	
c/ Học sinh xác định đúng cụm danh từ và gạch chân chính xác dưới phần trung tâm (mỗi cụm đúng được 0.5 điểm)	
- <u>cây cao</u>	
- <u>một con sế già có bộ ức đen nhánh</u>	
(Cụm danh từ thứ 2 có cấu tạo khá đặc biệt vì có cụm danh từ lồng trong cụm danh từ. Nếu học sinh chỉ xác định được “ <u>bộ ức đen nhánh</u> ” thì có thể cho 0,25 điểm.)	
d/ Nhân vật tôi cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì:	
- Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sế nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần.	
- Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sế già.	

ĐỀ BÀI**Câu 1 (3 điểm).**

Trong khổ thơ sau, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nổi bật? Biện pháp nghệ thuật đó giúp em thấy được điều gì đẹp đẽ ở các bạn học sinh?

“*Có dạy em tập viết
 Gió đưa thoảng hương nhài
 Nắng ghé vào cửa lớp*”

Xem chúng em học bài."

(Cô giáo lớp em- Nguyễn Xuân Sanh)

Câu 2 (7 điểm). Mùa xuân trên quê hương em.

Câu 3 (10 điểm). Tưởng tượng cuộc thi của các loài hoa và trong vai một loài hoa, em hãy kể lại cuộc thi đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI

Câu	Nội dung cần đạt
1	
	-HS xác định đúng biện pháp nghệ thuật nhân hóa : <i>nắng ghé, xe,</i> - Tác dụng : + nắng trở nên sinh động, có hồn + nắng chăm chú ngắm các bạn học sinh đang học bài □ tinh thần học tập chăm chỉ của các bạn học sinh
2	
	Đây là dạng đề mở, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau. Sau đây là một số gợi ý : - Giới thiệu khái quát về mùa xuân. - Tả mùa xuân ở quê em với những nét đặc trưng: + Tiết trời, cỏ cây, hoa lá, chim muông... + Các lễ hội + Những hoạt động nổi bật, cảm xúc của mọi người khi xuân đến. - Tình cảm, cảm xúc của em đối với mùa xuân.
3	
	* <i>Yêu cầu:</i> - Kiểu bài: Kể chuyện tưởng tượng. - Hình thức: Sử dụng ngôi kể thứ nhất, nghệ thuật nhân hóa, đan xen tả vẻ đẹp riêng các loài hoa. Lời kể giàu hình ảnh và cảm xúc. - Nội dung: 1. Mở bài: Giới thiệu cuộc thi (tinh huống mở cuộc thi). 2. Thân bài: - Kể về diễn biến cuộc thi: kể lần lượt các sự việc, mỗi sự việc kể về phần thi của một nhân vật. + Phần thi sắc đẹp. + Phần thi mùi hương quyến rũ. + Phần thi ứng xử - Kết quả cuộc thi 3. Kết bài: Qua cuộc thi cần thể hiện rõ quan niệm về vẻ đẹp toàn diện.

ĐỀ BÀI

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Quê hương mỗi người đều có
Vừa khi mở mắt chào đời
Quê hương là dòng sữa mẹ
Thơm thơm giọt xuống bên nôi*

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.*

(*Bài học đầu cho con*, Đỗ Trung Quân, *Hoa cỏ cần gập*, Nxb Văn học, 1991)

Câu 1. Xác định các danh từ có trong hai câu thơ:

Quê hương mỗi người đều có

Vừa khi mở mắt chào đời

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu : *Quê hương là dòng sữa mẹ*

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Phần II. Làm văn (16,0 điểm)

Cho hai nhân vật là một giọt nước mưa còn đọng trên lá non và một vũng nước đục ngầu trong vườn. Hãy hình dung cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật và kể lại bằng một bài văn.

ĐÁP ÁN

Phần	Nội dung	Điểm
I	Đọc hiểu	4,0
1	Xác định các danh từ có trong hai câu thơ trên: <i>quê hương, người, khi, mắt, đời.</i>	1,0
2	Biện pháp tu từ: so sánh: <i>Quê hương là dòng sữa mẹ</i> Tác dụng : Làm nổi bật vẻ đẹp, giá trị quý báu của quê hương đối với mỗi con người. Ở đó mỗi người được đón nhận những tình cảm ngọt ngào, gần gũi, máu thịt và thiêng liêng; được hun đúc những tình cảm tốt đẹp...	1,5
3	Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên: Quê hương gần gũi, máu thịt, thiêng liêng với mỗi người. Quê hương là mảnh đất ai cũng cần ghi nhớ, biết ơn.	1,5
II	LÀM VĂN	16,0
Câu	Cho hai nhân vật là một giọt nước mưa còn đọng trên lá non và một vũng nước đục ngầu trong vườn. Hãy hình dung cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật và kể lại bằng một bài văn ngắn không quá một trang giấy thi.	6,0
	Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự với đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Biết lựa chọn ngôi kể phù hợp.	0,5
	Xác định đúng yêu cầu của đề: Bài văn ngắn nói về câu chuyện giữa một giọt nước mưa còn đọng trên lá non và một vũng nước đục ngầu trong vườn. Mỗi nhân vật cần thể hiện được một nét đặc điểm hình dáng, tính cách, một quan điểm sống (tức là đã được nhân hoá). Chẳng hạn giọt nước mưa trên lá non thì xinh đẹp nhưng kiêu ngạo và không tự biết mình; vũng nước đục ngầu trong vườn thì đằm đằm, hiểu rõ công việc mình đang làm, không quan tâm đến hình thức... Gọi là cuộc trò chuyện nên rất cần các cuộc đối thoại. Lời hội thoại cần phải ngắn gọn mà sâu sắc, thể hiện được tính cách của từng nhân vật. Viết dưới dạng bài tự luận ngắn dài không quá một trang giấy thi.	0,5
	Triển khai bài văn miêu tả theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; biết kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm giúp cho bài văn sinh động. Bài văn phải ghi lại cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật: Giọt nước mưa đọng trên lá non và vũng nước đục ngầu trong vườn. Qua cuộc trò chuyện lí thú này, người kể phải gửi gắm trong đó một nội dung giáo dục cụ thể. Đây là một câu chuyện tưởng tượng hoàn toàn HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo yêu cầu sau: + Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh và nhân vật + Thân bài: -Diễn biến cuộc trò chuyện lí thú của hai nhân vật (Chẳng hạn Giọt Nước Mưa xinh đẹp nhưng kiêu ngạo, không tự biết mình. Vũng Nước đằm đằm, hiểu rõ công việc mình đang làm, không quan tâm đến hình thức...) + Kết bài: Kết thúc câu chuyện. Ý nghĩa giáo dục trong thực tiễn cuộc sống.	0,5 3,0 0,5
	Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cảm nhận sâu sắc, tinh tế...	0,5
	Chính tả, dùng từ, đặt câu : đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5

ĐỀ BÀI

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc hai đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Con bắt gặp mùa xuân

Trong vòng tay của mẹ

Ước chi vòng tay ấy

Ôm hoài tuổi thơ con.

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

Ánh mắt bố thân thương

Rọi sáng tâm hồn bé

Và trong bầu sữa mẹ

Xuân ngọt ngào dâng hương.

(Mùa xuân của bé, Lâm Thị Quỳnh Anh)

Câu 1 (1.0 điểm): Hai đoạn thơ viết theo thể thơ nào ? Nêu phương thức biểu đạt chính của hai đoạn thơ?

Câu 2 (1.0 điểm): Hai đoạn thơ có điểm chung gì về nội dung thể hiện ?

Câu 3 (2.0 điểm): Từ “xuân” trong hai đoạn thơ được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? Nêu ý nghĩa của từ “xuân” trong hai đoạn thơ ?

Câu 4 (2.0 điểm): Theo em, từ hai đoạn thơ, các tác giả muốn gửi gắm đến người đọc điều gì ?

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm):

Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

Ước chi vòng tay ấy

Ôm hoài tuổi thơ con.

(Vòng tay mùa xuân, Hoàng Như Mai)

Câu 2 (10.0 điểm):

Một buổi sáng, em đến trường sớm để tưới nước cho bồn hoa trước lớp. Một cây hoa đang ủ rũ vì bị ai đó vặt lá, bẻ cành, làm rụng hết cánh hoa. Em nghe như nó thủ thỉ kể về chuyện đó. Hãy kể lại câu chuyện buồn của cây hoa.

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỂM
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		6.0
1	- Thể thơ: 5 chữ.	0.5
	- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong hai đoạn thơ là: Biểu cảm	0.5
2	- Điểm chung trong nội dung của hai đoạn thơ: bộc lộ được niềm hạnh phúc lớn lao của mỗi người con khi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.	1.0
3	- Từ xuân trong hai đoạn thơ trên được hiểu theo nghĩa chuyển.	0.5
	- Ý nghĩa:	
	+ Xuân (đoạn 1): tình yêu thương của cha mẹ đối với tuổi thơ của bé. Bé ước mãi được ở trong vòng tay yêu thương, ấm áp ấy. + Xuân (đoạn 2): dòng sữa mẹ ấm áp là mùa xuân nuôi bé lớn với ý nghĩa đầy đủ nhất: cả vật chất và tinh thần.	1.5
4	HS có thể trả lời bằng nhiều cách nhưng phải hướng tới những điều gửi gắm của các tác giả. Dưới đây là một số gợi ý:	
	- Tình cảm cha mẹ dành cho con cái là tình cảm thiêng liêng, cao đẹp.	0.75
	- Mỗi người con cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi được sống trong vòng tay yêu thương, ấm áp nghĩa tình của cha mẹ.	0.75
	- Mỗi chúng ta cần có ý thức trân quý, xây dựng gia đình hạnh phúc...	0.5
PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN		14.0
1.	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ)	4.0
	Yêu cầu chung:	
	a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn.	0.25
	b. Xác định đúng nội dung: Mong ước được sống trong tình mẹ.	0.25
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: HS có thể có nhiều cách cảm nhận khác nhau nhưng cần đảm bảo nội dung sau:	3.0

(“Sang năm con lên bảy” - Vũ Đình Minh)

Câu 1 (1.0 điểm): Xác định thể thơ của đoạn thơ trên.

Câu 2 (1.0 điểm): Từ “đi” trong câu thơ “Đi qua thời thơ ấu” được hiểu theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ?

Câu 3 (2.0 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ có trong đoạn thơ mà em thích nhất.

Câu 4 (2.0 điểm): Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già tuổi ấu thơ ?

II. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm): Từ việc hiểu nội dung đoạn thơ phần đọc hiểu ở trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Em sẽ trả lời cha như thế nào khi có người cha dặn dò mình như thế ?

Câu 2 (10.0 điểm): Đọc đoạn thơ sau:

“Mầm non vừa nghe thấy

Vội bật chiếc vỏ rơi

Nó đứng dậy giữa trời

Khoác áo màu xanh biếc.”

(“Mầm non” - Võ Quảng)

Dựa vào ý đoạn thơ trên, kết hợp với trí tưởng tượng của mình, em hãy nhập vai là mầm non kể lại cuộc đời mình khi bị một số bạn học sinh cổ tình giễu đáp lên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	YÊU CẦU	ĐIỂM
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		6.0
1	Thể thơ: Ngũ ngôn (5 chữ).	1.0
2	Từ “đi” trong câu thơ “Đi qua thời thơ ấu” được hiểu theo nghĩa chuyển.	1.0
3	- HS chỉ ra được một biện pháp có trong đoạn trích. + Có thể là ẩn dụ: “Đi qua thời ấu thơ/ Bao điều bay đi mất.” Bao điều là ẩn dụ cho sự vô tư, ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên và cả những giận hờn, những đòi hỏi vô lý của tuổi thơ. + Có thể là hoán dụ: “Nhưng là con giành lấy/ Từ hai bàn tay con.” Bàn tay là hình ảnh hoán dụ đã thay thế cho công sức, lao động, trí tuệ, khối óc của con người.	0.5
	- Tác dụng: + Giúp con hiểu lời dặn dò khuyên nhủ của người cha một cách cụ thể, sâu sắc hơn. + Làm cho lời dặn dò của người cha thêm gần gũi mà ý nghĩa sâu xa, xuất phát từ lòng yêu thương con sâu nặng. + Cách diễn đạt của người cha có hình ảnh, tinh tế, lắng sâu.	1.5
4	Điều mà người cha muốn nói với con qua đoạn thơ: - Khi lớn lên và từ già thời thơ ấu, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Để có được hạnh phúc, con phải vất vả khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. - Nhưng hạnh phúc của con giành được trong cuộc đời thực sẽ thật sự là của con (do chính công sức lao động và khối óc của con làm ra), sẽ đem đến cho con niềm tự hào, kiêu hãnh.	1.0
		1.0
PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN		14.0
1		4.0
	a. Đảm bảo thể thức đoạn văn, số dòng quy định	0.5
	b. Xác định đúng nội dung đoạn văn: Trả lời được sự dặn dò khuyên nhủ của người cha.	0.5
	c. Nội dung: Đây là câu hỏi mở, tùy sự lựa chọn câu trả lời của học sinh, miễn là hợp lý. Sau đây là định hướng:	0.5

	- Con cảm nhận và thấu hiểu lời dặn dò khuyên nhủ của người cha, tuy giản dị mà sâu sắc, xuất phát từ lòng yêu thương con sâu nặng.	
	- Vì vậy, con sẽ ghi nhớ suốt đời và thực hiện lời cha ngay từ lúc từ già tuổi ấu thơ và trong từng việc nhỏ nhất hàng ngày.	0.5
	- Con sẽ không còn quá vô tư hồn nhiên, giận hờn vô cớ hay sống dựa dẫm, ỷ lại cha mẹ nữa mà sẽ tự lập.	0.5
	- Con sẽ suy nghĩ và hành động chín chắn hơn, mạnh mẽ hơn để vượt qua những khó khăn, gian nan thử thách bằng bàn tay và khối óc của chính mình để dành lấy niềm hạnh phúc tự mình tạo ra.	0.5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề của câu trả lời.	0.5
	e. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5
2		10.0
	a. Đảm bảo bài văn có cấu trúc 3 phần, văn phong trong sáng, từ ngữ được dùng gọi hình, gọi âm thanh và có sức biểu cảm.	1.0
	b. Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau song phải biết dựa vào phần gợi dẫn của đề. Sau đây là định hướng các ý cơ bản:	
	b1. Mở bài: Mầm non giới thiệu về bản thân và hoàn cảnh.	1,0
	b2. Thân bài: (Dựa vào ý thơ trên: Mầm non như một con người, nó biết lắng nghe những rung động của cuộc sống vui tươi. Nó mang trong mình sức sống căng tràn. Và nó lớn lên yêu đời, lạc quan, đường hoàng (nó đứng dậy giữa trời). - Mầm non kể lí do bị một số bạn học sinh giẫm đạp ? Tình huống như thế nào ? - Lời kể của mầm non về lợi ích của mình đối với môi trường sống, con người. - Tâm trạng đau đớn, xót xa khi mầm non bị thương và oán trách những hành vi nhẫn tâm phá hoại môi trường, hủy hoại cây xanh của một số học sinh. - Lời nhắc nhở và mong muốn của mầm non với một số bạn học sinh nói trên nói riêng và con người nói chung.	
	- Mầm non kể lí do bị một số bạn học sinh giẫm đạp ? Tình huống như thế nào ?	1,5
	- Lời kể của mầm non về lợi ích của mình đối với môi trường sống, con người.	1,5
	- Tâm trạng đau đớn, xót xa khi mầm non bị thương và oán trách những hành vi nhẫn tâm phá hoại môi trường, hủy hoại cây xanh của một số học sinh.	1,5
	- Lời nhắc nhở và mong muốn của mầm non với một số bạn học sinh nói trên nói riêng và con người nói chung.	1,5
	b3. Kết bài: Rút ra bài học cho bản thân và mọi người về ý thức trồng, chăm sóc cây xanh, bảo vệ và giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.	1.0
	c. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0.5
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5

ĐỀ BÀI:**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm). Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:**

Dòng sông mới điệu làm sao
 Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha
 Trưa về trời rộng bao la
 Áo xanh sông mặc khác nào mới may
 Chiều chiều thơ thẩn áng mây
 Cài lên màu áo hây hây ráng vàng
 Đêm thêu trước ngực vầng trăng
 Trên nền nhung tím trăm ngàn sao lên ...

(Trích "Dòng sông mặc áo" - Nguyễn Trọng Tạo)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt của bài thơ trên.

Câu 2. Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của dòng sông qua các thời điểm nào? Tác dụng?

Câu 3. Bài thơ sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ, biện pháp nghệ thuật nào? Hãy chỉ rõ các từ ngữ thể hiện BPTT, biện pháp nghệ thuật đó.

Câu 4. Nêu cảm nhận chung của em về nội dung bài thơ.

- Thể thơ: lục bát. - Phương thức biểu đạt: Miêu tả và biểu cảm.
- Miêu tả qua 4 thời điểm: Sáng, trưa, chiều, tối (<i>chỉ rõ các từ ngữ thể hiện các thời điểm đó</i>). - Tác dụng: Làm hiện lên một dòng sông quê rất đẹp, vẻ đẹp đó thay đổi theo những thời điểm trong cả đêm ngày.
- Biện pháp tu từ: Nhân hóa, sử dụng từ láy. - Chỉ rõ từ ngữ thể hiện.
- Một dòng sông rất đẹp, rất thơ mộng. - Chẳng những thế, dòng sông sống động, có hồn, giống như một người thiếu nữ xinh đẹp, điệu đà, duyên dáng, biết làm đẹp cho mình bằng những tấm áo tuyệt diệu, những tấm áo ấy được thay đổi liên tục khiến dòng sông biến hóa bất ngờ, mỗi lần biến hóa lại mang một sắc màu lung linh, lại là một vẻ đẹp quyến rũ, vừa thực lại vừa như mơ..., một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng khiến người đọc phải say đắm ... (Xuất phát từ thực tế: ánh nắng, màu mây trời và cả bầu trời lấp lánh trắng sao buổi tối in hình xuống mặt sông, làm ánh lên những sắc màu lung linh, rực rỡ. Màu nắng, màu mây trời ở các thời điểm trong ngày luôn thay đổi khiến màu sắc của sông cũng thay đổi, như là dòng sông liên tục thay áo mới). * Dòng sông vốn là ảnh quen thuộc trong cuộc sống, nhưng tác giả đã khiến dòng sông trở nên sống động, vừa đẹp vừa quyến rũ, đáng yêu như một con người. * Bài thơ thể hiện cái nhìn, sự quan sát vô cùng tinh tế, tài tình của nhà thơ về cảnh vật và ta cũng thấy được tâm hồn yêu thiên nhiên của nhà thơ.

ĐỀ BÀI

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu của đề:

*Cây cầu như chữ I
Nhưng chỉ là I ngắn
Cầu quê em lạ lắm
Giống hệt chữ Y dài*

*Xoáy nước tung bọt cười
Xuồng ghe trôi như hội
Người, xe không lạc lối
Vội vội ngã ba cầu*

*Ô! Người đi trên chữ
Chữ nâng người lên cao!
(Đăng Hân)*

Câu 1 (8.0 điểm)

a) Tìm từ láy có trong bài thơ trên (1.0 điểm)

b) Xác định cụm danh từ trong hai câu thơ: (1.0 điểm)

Cầu quê em lạ lắm

Giống hệt chữ Y dài

c) Em có nhận xét gì về tình cảm của nhân vật “em” thể hiện trong bài thơ. (1.0 điểm)

d) Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 đến 12 dòng) trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ mà em cho là hay nhất trong bài thơ trên. (5.0 điểm)

Câu 2 (12.0 điểm) Hãy tả một câu cầu bắc qua con sông quê em.

B. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Nội dung yêu cầu	Điểm
Câu (8.0)	a) Tìm từ láy có trong bài thơ trên b) Xác định cụm danh từ trong hai câu thơ: <i>Cầu quê em lạ lắm</i> <i>Giống hệt chữ Y dài</i>	

	c) Em có nhận xét gì về tình cảm của nhân vật “em” thể hiện trong bài thơ. d) Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 đến 12 dòng) trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ mà em cho là hay nhất trong bài thơ trên.	
	a) Thí sinh nêu được từ láy: Vội vội.	1.0
	b) Xác định đúng cụm danh từ: - Cầu quê em - Chữ Y dài	1.0 0.5 0.5
	c) Nhận xét về tình cảm của nhân vật “em” thể hiện trong bài thơ. - Trẻ em vốn rất hồn nhiên trong trẻo nhưng cũng có những cảm nhận rất tinh tế, tâm hồn như bể rộng mênh mông: + Từ những buổi dạo chơi ngắm cảnh, em bé bỗng bỗng phát hiện ra cây cầu chữ Y là nét độc đáo của riêng quê em. + Từ chữ Y, I vốn là những kí tự trong sách vở giờ đây hiển hiện trong tầm mắt với bao ý nghĩa sâu xa: Chữ đầu còn là những quy ước chính tả đơn giản, bắt người ta viết sao cho đúng mà còn có ý nghĩa như một cây cầu tri thức nâng tầm vóc của con người -> Em bé trong bài thơ hồn nhiên ngộ nghĩnh, yêu quê hương, có tình cảm gắn bó với cây cầu của quê em, thông minh, sáng tạo, nhận thức được việc học rất quan trọng đối với mỗi con người.	1.0 0.5 0.5
	d) Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 đến 12 dòng) trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ mà em cho là hay nhất trong bài thơ trên. I. Yêu cầu về kĩ năng: - Học sinh chọn được hai câu thơ đặc sắc trong bài thơ. - Học sinh biết cách viết đoạn văn cảm thụ tác phẩm văn học, cảm nhận tinh tế, có sáng tạo trong lối hành văn. - Đoạn văn đảm bảo 3 phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. Cách trình bày hợp lí. - Diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	5.0
	II. Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây: - Bài thơ “Cầu chữ Y” là một bài thơ hay và độc đáo của Đặng Hân viết cho thiếu nhi. Bài thơ luôn cho ta những cái khoảnh khắc bất ngờ và thú vị. Ông luôn làm cho ta ngạc nhiên từ những chuyện rất đời thường tiêu biểu đặc biệt là hai câu thơ cuối. - Câu kết bất ngờ khép lại toàn bộ bài thơ, biến những con chữ làng nhàng thành mới mẻ, đưa đến cho ta một phát hiện thú vị, rất sâu sắc mà vẫn không khiên cưỡng, vẫn giữ được cái nhìn hồn nhiên, ngộ nghĩnh của con trẻ. + Người đi trên cầu chữ Y là cao hơn cầu, đúng rồi vì cầu nằm ở dưới chân. + Nhưng còn cái nghĩa thứ hai nữa: chữ nghĩa, học thức, giúp con người sống đẹp hơn, cao hơn... - Hai câu cuối tác giả bộc lộ cảm xúc của mình làm nổi bật sự cảm nhận tinh tế, sáng tạo của em bé và đồng thời thể hiện sự lớn lên về mặt nhận thức của trẻ con: nhận thức được vai trò của việc học chữ đối với mỗi con người. - Liên hệ bản thân: Ý thức việc học, tự học, tự rèn luyện nâng cao kiến thức góp phần xây dựng quê hương	1.0 1.5 1.5 1.0
Câu	Hãy tả một cầu bắc qua con sông quê em.	
(12.	I. Yêu cầu về kĩ năng: - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài văn miêu tả. - Bài viết phải có bố cục chặt chẽ, rõ ràng; kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố tự sự và miêu tả; có những quan sát, liên tưởng, tưởng tượng, so sánh ví von hợp lí; diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. II. Yêu cầu về kiến thức:	2.0

Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng phải miêu tả được cây cầu đảm bảo những nội dung sau:	
1. Mở bài: Giới thiệu được cây cầu quê em, ấn tượng chung của em về cây cầu - Đi khắp mọi miền đất nước ở đâu ta cũng bắt gặp hình ảnh cây cầu bắc qua sông. - Hình ảnh cây cầu Tân An nơi em sinh ra và lớn lên vẫn là đẹp nhất.	1.0
2. Thân bài: Tả cụ thể cây cầu: - Cây cầu Tân An được xây dựng và hoàn thành vào năm 2008, bắc ngang con sông Tranh thơ mộng, nối liền xã Quế Bình với thị trấn Tân An, cầu có 6 nhịp được đúc từ những khối bê tông, nối liền khối với nhau. Đó là nơi mỗi ngày tôi đi đến trường.	1.0
2.1. Buổi sáng - Tập thể dục chạy ra đầu cầu, đứng trên cầu ngắm nhìn dòng sông Tranh mới đẹp làm sao. - Trên cầu người đi bộ tập thể dục nhộn nhịp, tiếng cười nói của những cô bác; một số người đi làm, đi chợ sớm thảnh thơi lướt qua, tiếng ô tô, xe máy xình xịch. - Nhìn ngược lên dòng sông, ông mặt trời từ từ chạy ra khỏi núi. Lúc đầu từ một mảnh khuyết, lớn dần, lớn dần rồi tròn như một cái quả cầu. Quả cầu màu lòng đỏ quả trứng hồng hào, đường bệ đặt lên trên đỉnh núi. - Dưới cầu một màn sương phủ khắp dòng sông một màu trắng xóa. - Năng lên, sương tan dần, trên cầu lúc này nhộn nhịp hơn, dòng người ngược xuôi xe ô tô, xe máy tấp nập. + Hai bên bờ sông những nương ngô xanh rì, những cụm tre già ngả đầu vào nhau thăm thì + Những cô bác nông dân ra thăm ngô, làm cỏ thắp thoáng xa xa. + Những chiếc thuyền nhỏ nhấp nhô trên mặt nước neo đậu sau một đêm dài đi bủa lưới.	2.5
2.2. Buổi trưa - Cây cầu nghỉ ngơi chỉ còn nắng và gió từ sông thổi qua. Cây cầu sừng sững nằm soi mình dưới đáy sông mẫn nguyện.	2.0
2.3. Buổi chiều Dòng người bắt đầu hoạt động trở lại, cây cầu lại tấp nập người qua lại, có người qua cầu đến bãi sông Quế Bình để tắm sông. - Dưới cầu nước trong veo, lặn tẩn gọn sóng. Từng tốp người đi tắm sông, thả diều. - Trên bãi cát phía xa những con người nhỏ íu như chú tí hon, trên bầu trời cao những con diều bay cao vút. - Dưới chân cầu, bọn trẻ bọt lội, tiếng cười nói, đùa giỡn vang cả lên trên cầu. Cây cầu vẫn ở đó, lắng nghe, mỉm cười đồng hành cùng người dân quê em.	2.5
3. Kết bài: Cảm nghĩ về cây cầu: Em yêu cây cầu quê em, nơi nối những bờ vui của 2 vùng Tân An và Quế Bình, nơi gắn liền với tuổi thơ em. - Dù có đi đâu xa em vẫn nhớ cây cầu quê em.	1.0

ĐỀ BÀI**PHẦN I: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN(6,0 điểm) Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:****Mẹ**

Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi
 Nhà em vẫn tiếng à ơi
 Kéo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru
 Lời ru có gió mùa thu
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về
 Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

*Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Trần Quốc Minh)

Câu 1: (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?

Câu 2: (1,0 điểm) Em hãy nêu chủ đề của bài thơ

Câu 3: (2,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong cặp câu thơ sau: *Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*

Câu 4: (2,0 điểm) Trong bài thơ em thích câu thơ nào nhất? Vì sao? (viết từ 5 -7 dòng)

PHẦN II. TẬP LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1: (4,0 điểm) Từ nội dung bài thơ ở phần đọc hiểu em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về tình mẫu tử.

Câu 2: (10,0 điểm)

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, tự tầng không man mác,
Mây bay, trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng..
Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.
Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào, hương lý dậy miên man...*

(Anh Thơ, *Đêm trăng xuân*)

Em hãy viết bài văn miêu tả dựa theo ý đoạn thơ trên

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I: Đọc hiểu		6,0
Câu 1:	- Thể thơ: lục bát	0,5
	- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5
Câu 2:	Chủ đề bài thơ: tình yêu thương con vô bờ bến của người mẹ	1
Câu 3:	-Biện pháp tu từ: so sánh (những ngôi sao thức – mẹ thức vì chúng con), nhân hóa (ngôi sao – “thức”)	0,5
	- Tác dụng: + Biện pháp so sánh không ngang bằng diễn tả rõ nét tình yêu thương con, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đối với con, đồng thời khẳng định lòng biết ơn sâu sắc của người con đối với mẹ.	1,0
	+ Biện pháp nhân hóa làm cho hình ảnh thơ trở nên đẹp lung linh.	0,5
Câu 4:	Hs thể hiện ý thích của bản thân và giải thích một cách hợp lí.	2
Phần II: Làm văn		14,0
Câu 1: (4,0)	a. Đảm bảo thể thức dung lượng yêu cầu của một đoạn văn.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: bàn về giá trị hạnh phúc của con người trong cuộc sống hiện đại ngày nay. c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: + Giải thích: - Tình mẫu tử là tình ruột thịt nồng nàn giữa người mẹ và đứa con của mình. - Tình mẫu tử còn là sự hi sinh vô điều kiện của người mẹ dành cho con. - Là sự yêu thương tôn kính của đứa con với người mẹ của mình. + Vai trò của tình mẫu tử: - Giúp đời sống tinh thần của ta đầy đủ, phong phú và ý nghĩa - Giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống. - Là điểm tựa tinh thần, tiếp thêm cho ta sức mạnh trước mỗi khó khăn. - Là niềm tin, là động lực và là mục đích cho sự nỗ lực và khát khao sống của cá nhân.	0,25

	+ Đề giữ gìn tình mẫu tử: - Biết tôn trọng và khắc ghi công ơn mẹ. - Biết sống sao cho xứng đáng với tình mẹ. - Cần biết đón nhận, cởi mở với mẹ của mình để tạo điều kiện cho sự thấu hiểu của hai người. + Đánh giá mở rộng: - Khẳng định vai trò của tình mẫu tử. - Mẹ không chỉ là người mẹ chăm sóc mà có thể còn là cô giáo, là bạn thân của con. a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài: giới thiệu về vấn đề nghị luận. Thân bài: triển khai các luận điểm, làm rõ được nhận định. Kết bài: khái quát được nội dung nghị luận. b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân.	
	c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lý lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau: c1. Mở bài: - Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng miêu tả: cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân - Ấn tượng khái quát về cảnh. c2. Thân bài: (dựa vào ý đoạn thơ) + Tả khái quát: một vài nét nổi bật của khung cảnh làng quê trong đêm mùa xuân trước khi trăng lên. - Đêm xuống nhanh, sương mù buông tỏa, lặng gió, se lạnh. - Ngoài đồng vắng vẻ, trong làng nhà nhà lên đèn, mọi vật nhòa đi trong bóng tối mênh mang. - Trên bầu trời những đám mây đuổi nhau giữa tầng không. + Tả chi tiết: miêu tả cụ thể cảnh làng quê trong đêm mùa xuân theo trình tự thời gian: khi trăng bắt đầu lên, khi trăng lên cao, trăng về khuya...qua những hình ảnh nổi bật của cảnh như: - Bầu trời, ánh trăng, mây...với những đặc điểm nổi bật về màu sắc, hình dáng, chuyển động. - Vườn cây trong đêm mùa xuân hương hoa ngào ngạt tỏa hương. - Rặng tre lướt theo chiều gió tạo lên cung đàn, khúc nhạc đồng quê. - Làng xóm yên tĩnh chìm trong giấc ngủ say. - Có thể miêu tả một số hình ảnh khác của làng quê như: ngoài cánh đồng làng, dòng sông, hồ nước,...với những vẻ đẹp riêng trong đêm trăng mùa xuân. c3. Kết bài: - Tình cảm, suy nghĩ của em về khung cảnh làng quê trong đêm trăng mùa xuân đẹp, yên tĩnh; Yêu quý, gắn bó để lại bao cảm xúc khó quên.	

Câu 1 (5 điểm): Cảm nhận của em về bài thơ sau của tác giả Lê Hồng Thiện:

Trăng của mỗi người

Mẹ bảo: trăng như lưỡi liềm

Ông rằng trăng tựa con thuyền cong mui

Bà nhìn như hạt cau phơi

Cháu cười: quả chuối vàng tươi ngoài vườn

Bố nhớ khi vượt Trường Sơn

Trăng như cánh võng chập chờn trong mây.

(Thơ với tuổi học trò – Tập I, NXB Lao Động- Hà Nội, 1993)

Gợi ý

1/ Yêu cầu về kỹ năng:

- HS biết cách viết bài văn cảm thụ có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc.
- Lời văn chuẩn xác, không mắc lỗi chính tả và diễn đạt.

2/ Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có những cảm nhận khác nhau về bài thơ song cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

* Về nghệ thuật: Nghệ thuật so sánh đặc sắc: trắng được ví với những hình ảnh rất đời gần gũi: “ như lưỡi liềm”, “ tựa con thuyền cong mũi”, “ như hạt cau phơi”, “ quả chuối vàng tươi”, “ như cánh võng chập chờn trong mây”.

- Lời thơ giản dị, trong sáng, giọng điệu dí dỏm.

* Về nội dung: Bài thơ là những cảm nhận rất thú vị về trăng. Nét độc đáo của bài thơ là ở chỗ nhà thơ đã mượn lời của từng thành viên trong gia đình để nhìn trăng theo cách liên tưởng riêng bằng tâm lý, lứa tuổi, công việc khác nhau: Mẹ là người tay liềm, tay hái quen việc đồng ruộng nên thấy “trăng như lưỡi liềm”; ông có lẽ quen việc sông nước nên thấy “trăng tựa con thuyền cong mũi”; bà lại nhìn trăng ra “hạt cau phơi” bởi bà hay ăn trầu; cháu thiết thực hơn, vì cái tính háu ăn của con trẻ, cháu thấy trăng ngon như “quả chuối vàng tươi trong vườn”. Còn với bố- chú bộ đội Trường Sơn, vàng trăng được vẽ trong tâm trí bố lúc ẩn, lúc hiện với bao kỉ niệm trong chiến tranh gian lao, hào hùng nhưng vẫn không kém phần thơ mộng.

Tóm lại: Với tài quan sát tinh tế, cách ví von giản dị, hợp lý của nhà thơ, trăng trong bài thơ hiện lên thật gần gũi với con người, luôn gắn bó cùng con người trong cuộc sống, công việc. Bài thơ đã bồi đắp cho em tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.

Câu 2 (7điểm) Dựa vào ý thơ sau:

“Trời trong biếc không qua mây gọn trắng

Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa

Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng

Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua”

(*Anh Thơ- Ngữ văn 6 tập 2*)

Hãy miêu tả bức tranh thiên nhiên buổi trưa hè ở làng quê Việt Nam từ những rung cảm riêng của tâm hồn em.

Mở bài (1đ)	- Giới thiệu về bức tranh buổi trưa hè : ở đâu ? có điểm gì đặc sắc ? - Ấn tượng ban đầu của em về bức tranh : đó là một bức tranh đẹp , thanh bình ...
Thân bài (5đ)	Miêu tả theo trình tự sau * Tả khái quát : Bức tranh thiên nhiên buổi trưa hè, bầu trời xanh , dải mây trắng, ánh nắng vàng, hoa lựu đỏ, vài chú bướm bay lượn..... * Tả chi tiết : (Có thể miêu tả theo trình tự không gian : Từ cao xuống thấp, từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể) - Bầu trời cao vợi vợi, trong xanh, một màu xanh biếc ánh lên vẻ tươi sáng trong trẻo. - Những dải mây trắng đang nhẹ lướt trên nền trời xanh cao bao la - Ánh nắng trưa hè chói chang gay gắt, nắng như đổ lửa rải khắp không gian . - Trong cái nắng đổ lửa ấy, từng cơn gió nồm nam xuất hiện mang theo cái mát mơn man của gió biển làm dịu đi cái nắng trưa hè. - Từng rặng tre đầu làng đu đưa theo gió vài cánh diều bay cao , tiếng sáo diều vi vu, khoan nhặt, phá vỡ cái yên tĩnh của buổi trưa hè nhìn cánh diều chao nghiêng trong nắng thấy vui mắt. - Trong vườn, hoa trái bước vào độ chín, mùi thơm thoang thoang bay khắp không gian (tả một vài loài cây tiêu biểu) - Đẹp nhất vẫn là chùm hoa lựu màu hoa đỏ như những đốm lửa hồng cháy rực cả một góc vườn. - Tô điểm cho khu vườn thêm sống động là lũ bướm vàng đang mãi mê bay đi tìm hoa hút mật. Tất cả làm cho khu vườn bừng lên sức sống. -> Cảnh làng quê vào buổi trưa hè thật đẹp độc đáo với những hình ảnh bình dị, quen thuộc, gắn bó với mỗi người dân, tạo nên cái hồn riêng của quê hương.

Kết bài (1đ)	Tình cảm, suy nghĩ của em về cảnh làng quê vào buổi trưa hè :Yêu quý, gắn bó, để lại bao cảm xúc khó quên....
------------------------	---

Câu 2: Mùa thu về, đất trời như khoác lên mình chiếc áo mới. Hãy tả lại vẻ đẹp của đất trời khi vào thu

Gợi ý:

* Hình thức bài văn, bố cục 3 phần, chữ viết sạch đẹp:

* Dàn ý tham khảo:

I. MB: Giới thiệu cảnh đất trời vào thu. Cảm xúc khi mùa thu tới

II. TB:

1. Tả bao quát cảnh:

- Không gian: như rộng hơn
- Tiết trời: mát mẻ, se se lạnh, dễ chịu

2. Tả cụ thể:

a. Trong vườn:

- Sương sớm bao trùm cảnh vật
- Nắng nhẹ rơi, sương tan
- Bầu trời xanh trong ,cao vời vợi
- Gió mát dịu
- Mấy đóa hồng nhung còn e ấp chưa muốn nở
- Cây hồng lúc lỉu quả chín đỏ như những chiếc đèn lồng

b. Ngoài đường:

- Hương hoa sữa nở sớm nồng nàn khu phố
- Gánh hàng hoa kịt kịt, hoa cúc vàng tươi như nụ cười cô thôn nữ
- Các em bé đến trường trong niềm vui hân hoan của ngày khai trường rộn rã
- Nắng hanh hao, vàng như rót mật

III. KB: Cảm xúc về mùa thu, sự kì diệu của thiên nhiên tạo vật.

Câu 3. (7 điểm): Dựa vào bài thơ sau, em hãy viết bài văn miêu tả với nhan đề **Mưa sông**.

Gió bông thổi ào, mây thấp lối

Buồm căng muốn rách, nước trôi nhanh

Trên đường cát bụi vùng theo gió

Nón mới cô kia lật nửa vành

Ếch gọi nhau hoài tự mấy ao

Trên bờ, cây hoẵng hốt lao xao

Đò ngang vội vã chèo vô bến

Lớp lớp tràn sông đợt sóng trào

Buồm rơi trơ lại cột tre gãy

Loang loáng chân trời chớp xé mây

Chim lẻ vội vàng bay nhón nhác

Mưa gieo nặng hạt xuống sông đầy

(Mưa sông – Nguyễn Bính)

HƯỚNG DẪN CHẤM

- Bài viết có nhan đề Mưa sông.

- Đảm bảo các chi tiết sau (hoặc có thể bố cục lại các chi tiết theo một trình tự nhất định):

+ Gió nổi lên.

+ Mây đen sà thấp xuống sát mặt sông.

+ Cánh buồm căng phồng như muốn rách toang.

+ Nước sông trôi nhanh...

- + Trên đường: Cát bụi vùng lên, chạy theo gió làm cô gái bị lật nửa vành nón...
- + Từ mấy bờ ao, ếch gọi nhau mê mải...
- + Trên bờ ao, cây hoảng hốt lao xao.
- + Dưới sông: Đò ngang vội vã chèo vào bến. Sóng tràn dào dạt trên mặt sông. Chiếc buồm của con thuyền rách tan, trơ lại cột buồm tre gãy chọc vào bầu trời tối sầm nước mưa.
- + Chân trời, chớp xé loang loáng; một con chim lẻ đàn bay nhón nhác...
- + Mưa gieo nặng hột chi chít, đầy mặt sông...